



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

BÍ QUYẾT LÀM GIÀU TỪ CHĂN NUÔI



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN
NÔNG NGHIỆP

BÍ QUYẾT
LÀM GIÀU
TỪ CHĂN NUÔI

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng
TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên
TS. NGUYỄN AN TIÊM
TS. KHUẤT DUY KIM HẢI
NGUYỄN VŨ THANH HẢO

Nguyễn Thiện

BÍ QUYẾT LÀM GIÀU TỪ CHĂN NUÔI

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2012**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Thực hiện xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chính sách, chương trình nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả bền vững công cuộc xóa đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp; coi trọng phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hàng hóa, phát triển kinh tế hộ gia đình, hình thành những mô hình kiểu trang trại tổng hợp, như mô hình VAC, VACR.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về đẩy nhanh phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, người nông dân đã cần cù, thông minh, năng động trong cách nghĩ, cách làm, từng bước chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của mình để tổ chức sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao hơn, giúp gia đình mình thoát nghèo, thậm chí vươn lên làm giàu chính

đáng ngay tại quê hương mình. Cùng với sự phát triển nhanh ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi gia súc và gia cầm các loại đã được đẩy mạnh, như lai tạo giống bò, giống lợn, ngan... trong đó chú ý đến việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phòng trừ dịch bệnh.

Để giúp người dân có thể lựa chọn một trong những mô hình chăn nuôi phù hợp, đạt hiệu quả cao, phát triển kinh tế gia đình, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất hàng hóa, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Nông nghiệp xuất bản cuốn sách ***Bí quyết làm giàu từ chăn nuôi***.

Cuốn sách được chia làm năm chương, trong đó nội dung chính là giới thiệu những phương pháp kỹ thuật, bí quyết chăn nuôi đạt hiệu quả; đồng thời giới thiệu những kinh nghiệm, những cá nhân điển hình trong chăn nuôi trên phạm vi cả nước. Thông qua những tấm gương này, chúng ta có thể rút ra những bài học bổ ích trong công tác xóa đói, giảm nghèo, qua đó nhân rộng các tấm gương điển hình để “phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp với công nghệ tiên tiến”, như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI TÁC GIẢ

Làm giàu có lẽ chẳng ai không muốn. Song, con đường dẫn đến làm giàu cũng có biết bao nhiêu ngã. Có người làm giàu bằng chính bàn tay khéo léo và tài nghệ của mình. Có người làm giàu từ trí tuệ uyên thâm của họ. Lại có người làm giàu từ cái nghiệp thương trường và có người từ “nước lã mà vã nên hồ”... Nhưng ở cuốn sách nhỏ này tôi viết về “Làm giàu từ cái nghề chăn nuôi”. Đây quả là việc khó, rủi ro không ít, nhưng Nguyễn Du đã từng viết... “Xưa nay nhân định thắng thiên đã nhiều...”. Vậy con người vẫn là nhân tố quyết định.

Tuy nhiên, với cái nghề chăn nuôi có nhiều người cho rằng ai cũng có thể làm được. Chỉ việc thái khoai, băm bèo, cho lợn ăn; vãi thóc, vãi ngô cho gà nhặt; đưa cỏ vào chuồng cho con trâu, con bò, con dê nhai... Đơn giản thế thôi, mọi người đều làm được. Đúng! Nhưng đã gọi là một nghề thì phải có kỹ năng của nó. Muốn làm giàu từ nghề chăn nuôi lại không phải là chuyện dễ. Có thời nghề chăn nuôi nổi như sang cồn, nhưng có khi lại đi vào quên lãng và lấm đận đã có nhiều trang trại, gia đình chăn nuôi đã đứng trên bờ vực thẳm. Có người đã chuốc bao thất bại, trăm đắng

ngàn cay mới rút ra bài học để đời và họ đã giàu thực sự từ cái nghiệp chăn nuôi của mình. Từ một chỉ vàng trở thành tỷ phú nhờ nghề nuôi vịt, từ bàn tay không mà xây dựng cơ đồ, chuyện tưởng như thần thoại, nhưng đều là chuyện có thực một trăm phần trăm. Lẽ dĩ nhiên họ cũng phải đổ biết bao mồ hôi, nước mắt và trí tuệ mới có được thành công như vậy. Trong bước đường đời của họ, họ cũng phải trả giá, nhưng thấm nhuần “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” và đã vận dụng không ít thủ thuật của cái nghề doanh nghiệp, hay nói khác đi là họ không chỉ hiểu quy trình công nghệ, mà còn phải biết cả cái nghề buôn. Họ thiên biến vạn hoá để vừa lòng “thượng đế”. Họ quý chữ “tín” hơn vàng. Họ đã hiểu rằng ở trên đời có cái gì được mà không có mất.

Với lòng say mê nghề nghiệp, tôi viết: **“Bí quyết làm giàu từ chăn nuôi”**. Bằng sự hiểu biết và vốn sống của mình, qua 35 năm trường trong cái nghề phân gio bán thịt. Nhưng từ nghề làm ra thịt, ra sữa, ra trứng để cho các trẻ thơ, các cụ già, các chàng trai, cô gái có cuộc sống vui tươi bởi giá trị dinh dưỡng của sản phẩm vật nuôi thì niềm vinh hạnh này lại càng thôi thúc tôi viết sách.

Trong cuốn sách “Bí quyết làm giàu từ chăn nuôi”, tác giả không có tham vọng trình bày hết những gì mà tác giả muốn trình bày, bởi lẽ có những điều muốn nói, muốn viết nhưng thật là khó nói, âu đây đang là điều trần trở của chính mình.

“Bí quyết làm giàu từ chăn nuôi” chỉ đề cập đến một số vấn đề mà tác giả cho là cốt lõi, sẽ giúp ích cho độc giả, đồng thời cũng ý thức được rằng thiên về khía

cạnh: “Muốn làm giàu từ chăn nuôi” phải bắt đầu từ “cái chợ” - nghĩa là phải hiểu thương trường. “Bí quyết làm giàu từ chăn nuôi” không nói sâu về kỹ thuật vì lĩnh vực này có nhiều tác giả đã viết, đã nói. Tuy vậy, trong chương “Chọn vật nuôi, nuôi để làm giàu”, tôi đã lựa chọn để giới thiệu những vật nuôi đang phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng hôm nay và cho cả ngày mai. Nuôi nhím, nuôi lợn rừng thu tiền triệu là điều không khó.

“Tác giả cuốn sách” chỉ có một mong muốn góp phần nhỏ bé cho các bạn - những ai có khát vọng làm giàu với cái nghề từ đất mà lên - “dĩ nông vi bản” - những ai đã từng phải sóng gió với cái nghiệp chăn nuôi - để rồi “xoá đói, giảm nghèo” và khá, khá lên, tiến tới làm giàu. Cuối cùng, xin nhắc bạn đừng quên, điều cần và đủ: Chỉ số thông minh cao, tính táo bạo lớn, phán đoán trước những rủi ro để né tránh; chớp thời cơ để điều tiết đầu vào và cả đầu ra thì chắc chắn bạn sẽ giàu.

“Bí quyết làm giàu từ chăn nuôi” được xuất bản lần đầu tiên năm 1999, qua mỗi lần tái bản chúng tôi vẫn tiếp tục bổ sung những nghề chăn nuôi mới, những nhà triệu phú mới và bí quyết làm giàu trong tình hình mới. Tuy nhiên, những số liệu minh họa và địa danh cũ mang tính lịch sử vẫn được giữ lại trong sách. Mong bạn đọc gần xa hiểu và tiếp tục góp ý chân tình cho tác giả.

Tác giả

Chương I

MỞ ĐẦU

Ai ai đều hiểu rõ trong nông nghiệp có hai ngành chủ yếu, đó là trồng trọt và chăn nuôi. Ngành chăn nuôi đang vươn tới để đóng góp vào tổng thu nhập quốc dân đến năm 2020 khoảng 40 - 45% trong nông nghiệp. Muốn như vậy phải có bước nhảy vọt. Chăn nuôi phải là ngành sản xuất hàng hoá và chỉ có sản xuất hàng hoá thì các bạn làm nghề chăn nuôi mới giàu có được.

Cả nước ta năm 2009 có 70,4% dân số sống ở nông thôn. Theo kết quả điều tra, năm 2010, cả nước ta có 3.055.566 hộ nghèo¹. Đã nghèo đói thì không thể làm bất kể một việc gì, còn chuyện làm giàu, đó chỉ là ảo vọng. Chưa hết, nạn du canh, du cư đang là mối lo của việc phá huỷ môi trường, bởi đi đến đâu họ đều triệt hại cây cối và hoang thú, phá vỡ hệ sinh thái đất - nước - cây cối và màu xanh. Ở nước ta có khoảng 2,4 triệu người đang hành động như vậy. Vì du canh, du cư nên 2,4 triệu người đang tàn phá màu xanh

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Thông báo nội bộ*, tháng 7-2011.

của đất nước, họ đang chia cắt mỗi tình: cây yêu đất, cây yêu nước, cây yêu muông thú. Chính vì vậy cây không còn giữ được đất, được nước và cây cũng chẳng còn che chở cho muông thú được nữa. Chính vì vậy mà chúng ta cần khuyên nhủ họ hãy giữ lấy màu xanh của đất, giữ lấy muôn loài cây cỏ để chăn nuôi gia súc, gia cầm. Có rừng xanh, họ mới kết hợp được Nông - Lâm - Mục, hệ sinh thái bền vững để làm giàu. Nếu họ làm được như vậy, họ sẽ chấm dứt đói, giảm được nghèo và giàu lên. Đó là điều chắc chắn, nhất là họ hãy nuôi con trâu, con bò, con dê, con cừu - là những vật nuôi biến rơm, cỏ thành sữa, thịt.

Nước ta trải rộng 15 vĩ tuyến, do đó vùng sinh thái rất phong phú và đa dạng. Năm 2009 dân số có khoảng 86 triệu người. Trong số này có trên 70,4% số dân sống ở nông thôn và 54 dân tộc anh em. Tất cả đều đang sống ở 8.800 xã, 72.000 thôn ấp và buôn làng. Tất cả họ đều đã, đang và lâu dài sống dựa vào nghề nông. “Phi nông bất ổn”, chính là nhờ vào số dân đang sống ở nông thôn hiện nay. Vậy họ sẽ làm gì để sống? Họ phải trồng trọt và chăn nuôi. Chăn nuôi phải là nguồn sống chính của họ. Nếu họ chỉ “bán lưng cho trời, bán bụng cho đất” thì họ sẽ “nghèo khó ba đời” là điều không tránh khỏi. Vì lẽ hình ảnh “bán lưng cho trời, bán bụng cho đất” có nghĩa là họ chỉ cấy lúa hay trồng ngô, khoai, sắn mà thôi. Đã vậy, con đường làm giàu chỉ dẫn họ và ngõ cụt.

Mười cân thóc chưa bằng một cân thịt lợn hơi và chỉ bằng 1/4kg thịt bò mộng. Chỉ có chăn nuôi mới dẫn họ tới con đường giàu có mà thôi.

Mục tiêu từ nay đến năm 2020 và xa hơn, chăn nuôi ngày càng phát triển so với trồng trọt.

Chúng ta phải phát triển chăn nuôi toàn diện, nhưng chú ý những con gia súc, gia cầm cho sản phẩm lớn và nhanh phù hợp từng vùng sinh thái để đáp ứng yêu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Phát triển nhanh gà, vịt, ngan và những gia súc đặc sản (lợn rừng, nhím) để thế kỷ XXI chăn nuôi phải là ngành chính. Lợn, bò thịt, bò sữa, trâu ở những vùng trung du, miền núi phải được coi trọng. Nuôi dê (thường được gọi là con bò của người nghèo) phải thực sự được coi trọng vì nuôi nó vốn ít, nhưng thịt và sữa của nó được coi là đặc sản. Ngoài ra, sữa dê còn là nguyên liệu mỹ phẩm tuyệt hảo cho làn da của phụ nữ.

Đáp ứng nhu cầu nội địa ngày càng tăng, phát triển chăn nuôi lợn và gia cầm chất lượng cao, phẩm chất tốt, phấn đấu tổng đàn lợn cả nước đạt khoảng 33 triệu con vào năm 2015 và gần 5 triệu tấn năm 2020; đàn gà có khoảng hơn 252 triệu con vào năm 2015 và 306 triệu con năm 2020 với sản lượng thịt và trứng đạt khoảng 0,8 triệu tấn và 9,1 tỷ quả trứng vào năm 2015, hơn 1,1 triệu tấn và gần 14 tỷ quả trứng năm 2020; đàn trâu đạt gần 3 triệu con, đàn bò gần 13 triệu con năm 2020, trong đó bò sữa khoảng nửa triệu

con. Phấn đấu đến năm 2020 sản lượng thịt có thể đáp ứng đủ nhu cầu trong nước.¹

Muốn làm giàu từ chăn nuôi phải có quy mô vật nuôi nhất định mới có hiệu quả, mới có sản lượng hàng hoá lớn và từ đó thu lợi nhuận lớn. Thế vẫn chưa đủ, muốn làm giàu từ chăn nuôi phải hiểu đối tượng vật nuôi; phải hiểu những gì mà sản phẩm từ vật nuôi làm ra có nơi tiêu thụ, có khách hàng ưa chuộng và phải có “bí quyết” để đạt được mục tiêu với phương châm “vỏ quýt dày có móng tay nhọn”. Muốn làm giàu từ chăn nuôi còn phải chú trọng đến môi trường sinh thái, hay nói khác đi phải bảo vệ môi trường cho con người và cho gia súc. Tại sao vậy! Bởi bản thân chất thải của con người, của gia súc đều làm ô nhiễm môi trường bởi H_2S , SO_2 ... Theo Ủy ban bảo vệ môi trường thế giới thì trong 5 năm qua, lượng CO_2 trong không khí đã tăng lên 22 tỷ m^3 , nhiệt độ trái đất tăng lên $0,5^{\circ}C$, rác thải tăng lên gấp 3 lần, 17 triệu ha rừng bị tàn phá, 6 triệu muông thú bị diệt chủng. Do đó muốn chăn nuôi để làm giàu không thể bỏ qua khâu bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sống ngoại cảnh của con người và vật nuôi. Muốn làm giàu từ bất cứ một nghề gì đều phải có khát vọng làm giàu, mơ ước làm giàu. Phải xoá cảnh đói nghèo để đi lên giàu có. Giàu có từ chăn nuôi, bạn phải bươn trải, phải lăn lộn giữa

1. Xem: Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn: *Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2011-2020*.

dòng đời đầy rẫy những rủi ro: dịch bệnh, thiếu ăn, sự chao đảo của thương trường, trời không thuận, địa không lợi, người không hoà. Bước vào cái nghiệp làm giàu từ chăn nuôi, bạn phải luôn luôn canh cánh trong lòng và nhớ rằng những rủi ro để mà né tránh, nhớ “xanh nhà hơn già đồng” để thu lợi nhuận, để tránh hoặc triệt tiêu những rủi ro. Khát vọng làm giàu là yếu tố tiên quyết để đạt được mục đích làm giàu, nhất là muốn làm giàu từ chăn nuôi phải có khát vọng lớn lao hơn nhiều nghề khác.

Chương II

CHỌN VẬT NUÔI - NUÔI ĐỂ LÀM GIÀU

Con ngan, con vịt, con gà, con trâu, con bò, con dê, con cừu, con ong, con lợn, thậm chí cả con hươu, con nai là những con vật quen thuộc, gần bó và thân thương với đời sống của bà con nông dân ngày này qua ngày khác, năm nọ qua năm kia. Nhưng nuôi con vật nuôi nào để phát lên, làm giàu còn cần phải cân nhắc tùy lúc, tùy nơi, tùy thuộc vào thị trường mà tổ chức chăn nuôi. Có vật nuôi chỉ 30 - 40 ngày đã có sản phẩm hàng hoá. Có vật nuôi 60 ngày, nhưng có vật nuôi ròng rã 3 năm mới cho sản phẩm. Do vậy phải chọn vật nuôi, nuôi vật nuôi theo phương châm “lấy ngắn nuôi dài” - chăn nuôi kết hợp với các ngành nghề khác sẽ có hiệu quả.

CHỌN LỢN NÁI VÀ LỢN NUÔI THỊT ĐỂ CÓ NHIỀU NẠC

Con lợn đang là vật nuôi cho ta nhiều thịt nhất trong các vật nuôi. Thịt lợn chiếm hơn 70% trong tổng số các sản phẩm thịt. Tùy điều kiện kinh tế, xã hội và trình độ, thị trường mà các

giống lợn đang được nuôi ở nhiều vùng khác nhau thì khác nhau. Tuy nhiên, lai kinh tế giữa lợn đực ngoại (lợn Landrace, lợn Yorkshire) với lợn nái nội (Móng Cái, ỉ hoặc lợn địa phương) hoặc lợn nái F1 (Landrace, Đại bạch lai với lợn nái nội) đang là phổ biến. Nơi có điều kiện dinh dưỡng đầy đủ thì nuôi lợn ngoại thuần Landrace hoặc lợn Yorkshire hoặc lai lợn ngoại với lợn ngoại hoặc lợn nuôi thịt có tỷ lệ ba phần máu lợn ngoại một phần máu lợn nội.

Nếu nuôi lợn ngoại thuần tỷ lệ nạc đạt 50 - 60% thì tùy theo giống lợn Landrace hay Yorkshire Duroc hay Hampshire. Khổ mỡ rất mỏng, điều kiện nuôi dưỡng tốt, dùng thức ăn cân bằng dinh dưỡng, một tháng một lợn nuôi lấy thịt có thể cho 12 - 25kg/con tùy theo giai đoạn. Một nái cho 15 - 18 lợn con. Như vậy 1 lợn nái sản xuất được 1500 - 1800kg/năm. Nếu một kilogram lợn hơi bán giá từ 13000 đến 15000đ. Sau 4 tháng tuổi lợn đạt 100kg. Trừ mọi chi phí một con lợn có lãi 500.000đ. Nếu quy mô nuôi lợn thịt của bạn có 100 con, bạn chắc chắn thu ba triệu là việc không phải bàn. Như thế bạn đã thực hiện câu phương ngôn các cụ xưa thường nói:

“Một hũ vàng chôn

Không bằng nuôi trong chuồng một lợn nái”.

Nếu là lợn nái hướng nạc thì giá trị biết nhường nào! Tôi khuyên bạn: Nếu bạn có dư dật thì nuôi lợn nhiều nạc Landrace; nếu bạn chưa dồi

dào lắng bạn hãy nuôi lợn Yorkshire Largewhite (Đại Bạch). Còn bạn đang có khó khăn thì nuôi lợn Móng Cái, Lang Hồng.

Vậy cách chọn một lợn nái để làm giống như thế nào là tốt?

Trước hết lợn phàm ăn; số vú từ 10 - 14 vú; bầu vú nổi; thân hình cân đối. Nếu là lợn nái thuần ngoại (Landrace, Yorkshire...) phải trường mình, vai và mông nở, 4 chân vững, lông thưa và mượt. Tốt nhất, qua một lứa đẻ đầu, các bạn chọn để nuôi làm nái thì con nái này phải đạt một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sau đây:

- Tuổi động dục lứa đầu	7,5 - 8,5 tháng
- Khối lượng phối lứa đầu	95 - 100kg/con
- Tuổi phối giống lứa đầu	8 - 9 tháng
- Số con sinh ra trong lứa đầu	10 con trở lên
- Số con còn sống đến cai sữa	8 - 9 con
- Khối lượng sơ sinh/con	1,3 - 1,6 kg
- Khối lượng 45 ngày tuổi/ ổ	112 - 115 kg
- Động dục trở lại sau cai sữa	5 - 7 ngày

Đối với lợn ngoại thuần nuôi thịt cần chọn lợn có các tiêu chuẩn sau:

- Nhanh nhẹn, khoẻ mạnh, lông mượt, hay ăn, lưng dài và phẳng, ngực nở, vai mông rộng và to	
- Khối lượng 60 ngày tuổi đạt	15 - 18 kg
- Tăng trọng bình quân một ngày đêm	750 - 780 g/con
- Khối lượng 6 tháng tuổi đạt	90 - 100 kg
- Chi phí cho 1kg tăng trọng hết từ	2,6 - 3,2kg thức ăn
- Tỷ lệ nạc cao so với thịt xẻ:	53 - 55%
- Tỷ lệ mỡ so với thịt xẻ	26%
- Độ dày mỡ lưng	2,6cm

Những vùng mà điều kiện kinh tế và xã hội chưa đủ để nuôi lợn ngoại thuần, thì có thể nuôi lợn nái F1 (lợn đực Landrace hoặc Yorkshire lai với nái Móng Cái hoặc nuôi nái Móng Cái thuần. Chúng tôi tóm tắt một số chi tiết cần quan tâm khi chọn những nái hai giống F1 và Móng Cái để cho sinh sản như sau:

Các chỉ tiêu	Lợn nái F1	Lợn nái Móng Cái
Số con đẻ ra/ổ (con)	10 - 12	9 - 10
Số con sống đến 24 giờ sau khi đẻ (con)	10 - 11	9
Số con còn sống đến 30 ngày tuổi (con)	10 trở lên	8 - 9
Số con còn sống đến 60 ngày tuổi	10	8 - 9
Khối lượng sơ sinh/con (kg)	0,8	0,8 - 0,9
Khối lượng 30 ngày tuổi (kg)	5	6
Khối lượng 60 ngày tuổi (kg)	10	11
Số lứa đẻ nái/năm	1,8 - 2	1,4 - 1,6
Các con nái chọn để sinh sản phải là những con phàm ăn, nuôi con khéo, dài thân và vòng ngực. Phải đạt từ 119 - 129 cm (dài thân) và tương ứng 110 - 115 (vòng ngực).		

Đối với lợn thịt, tốt nhất là dùng F1 hay F2 thì tốc độ tăng trọng và tiêu tốn thức ăn sẽ ít nhất và như vậy mới có lãi. Cụ thể là:

- Khi 8 tháng tuổi, khối lượng phải đạt 90 - 95kg trở lên.

- Chi phí thức ăn cho 1kg tăng trọng hết 3 - 3,5 kg.

- Tỷ lệ thịt nạc so với thịt xẻ: 43 - 45%.

Tỷ lệ mỡ so với thịt xẻ: 34 - 31% (tương ứng F1 và F2 3/4 máu lợn ngoại).

Độ dày mỡ lưng (cm) 3,7 (lợn F1) còn 3,4 (đối với F2).

CHỌN GIỐNG BÒ SỮA TỐT ĐỂ CHO NHIỀU SỮA

Trong trồng trọt, cha ông ta thạo nghề nông đã đưa ra kinh nghiệm muốn có năng suất lúa cao phải nhớ câu thành ngữ: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Song, trong chăn nuôi thì ngược lại: Con giống là yếu tố quyết định cho năng suất cao.

Có một câu chuyện ở châu Âu: Cách đây hàng thế kỷ, Đan Mạch là nước có giống lợn Landrace tỷ lệ thịt nạc chiếm 60% so với thịt lợn. Vì giống quý nên Đan Mạch chỉ xuất lợn đã giết mổ sang các nước bạn. Mỗi khi xuất lợn đã giết mổ qua cửa khẩu, các nhà chức trách hải quan còn dùng xiên nhọn dài hàng mét chọc qua các con lợn đã chết để ngăn chặn những con lợn sống được tiêm thuốc ngủ nằm dưới những con lợn đã mổ.

Câu chuyện kể tóm tắt như vậy để bà con nông dân thấy con giống, nhất là giống tốt quý biết chừng nào.

Đây là chuyện kể về con lợn. Còn giống bò sữa tốt, để có được như bò Hà Lan màu lang đen trắng, bò sữa A.F.S của Ôxtrâyliya một chu kỳ 300 ngày cho 8000 - 1000 lít sữa, các nhà tạo giống đã mất vài ba chục năm. Những con đực của các

giống bò này, tinh dịch của chúng được bảo tồn 1/2 thế kỷ. Ở Việt Nam, Viện chăn nuôi cũng đã lai tạo thành công một số dòng bò cho năng suất sữa 4000 lít/chu kỳ vắt sữa 300 ngày. Đó là dòng Seiling đang được nhân lên tại Trung tâm nghiên cứu bò và đồng cỏ Ba Vì (Hà Nội). Dòng này không chỉ cho sữa cao, mà còn chống chịu được bệnh tật của vùng nóng ẩm.

Các cụ ta xưa có câu: “Trông mặt mà bắt hình dong”, các bạn muốn nuôi bò sữa có thể quan sát con bò đang ăn cỏ để chọn mua cho mình chú bò giống đạt yêu cầu. Bò sữa tốt khi có hình tam giác (hình nê-m), tức thân sau phát triển hơn thân trước, đầu thanh nhẹ, cổ dài vừa phải, sườn nở, ngực sâu, hông rộng (dễ đẻ), các đầu xương nhìn rõ, 4 chân khỏe, chân sau thấp, không chụm khoeo. Bầu vú to, 4 núm vú đều đặn, tĩnh mạch vú to, dài, có nhiều gấp khúc. Khi sờ vào bầu vú thấy mềm mại, có cảm giác về các tuyến vú phát triển, chứ không phải do nhiều thịt.

Để đoán trọng lượng con bò giống cần mua, người thạo nghề có thể ước lượng bằng mắt khá chính xác. Cũng có thể dùng công thức sau: Số đo vòng ngực nhân với chiều dài thân chéo nhân với 87,5. Vòng ngực đo chu vi ở sau vai, còn chiều dài thân chéo đo từ mỏm xương gấu chéo lên điểm tận cùng xương chậu. Một chú bò lai Hà Lan, Ấn Độ 3 năm tuổi nặng 370kg là rất tốt, 330kg là trung bình. Còn loại bò F1, F2 nên chọn con đạt

khối lượng 300kg (3 tuổi). Triển vọng cho sữa của chúng sẽ rất lớn.

Các bạn có thể tham khảo thêm cuốn *Sổ tay chăn nuôi bò sữa gia đình* có bán tại Trung tâm phát triển tài nguyên sinh học, 5A Nguyễn Khắc Cần - Hà Nội, hoặc Trung tâm nghiên cứu Bò và đồng cỏ Ba Vì - Hà Nội để chọn bò sữa tốt về nuôi.

Bò sữa tốt phải là bò cho một ngày từ 15 lít trở lên, nếu là bò lai F1 hoặc F2 Hà - Ấn hoặc Hà - Việt, còn bò Hà Lan thuần sản lượng sữa cần đạt 25 lít/ngày.

Muốn có sản lượng sữa cao, một bò cần được cung cấp 25 - 30kg cỏ tươi, hoặc có thể thay thế 50% cỏ tươi bằng cỏ khô không mốc và rơm ủ với urê với tỷ lệ 3%. Ngoài ra cần cung cấp một lượng thức ăn hỗn hợp có 14 - 15% hàm lượng protein với số lượng 0,4kg/1 lít sữa. Số lượng thức ăn tính chia 2 lần trong ngày.

Cũng cần chú ý đến kỹ thuật vắt sữa và luôn luôn kiểm tra bầu vú có bị viêm không. Vú bị viêm thì chất lượng sữa sẽ kém và bị viêm nặng sữa sẽ không dùng được.

Những bò có sản lượng sữa 25kg/ngày, cần vắt sữa 3 lần cách nhau 8 giờ. Các dụng cụ và người vắt sữa phải bảo đảm vệ sinh.

Ngoài việc nuôi dưỡng bò mẹ tốt, cần chú ý đến bê. Bê sau khi sinh 30 phút (chậm nhất là 1 giờ) cần cho bê bú sữa đầu. Bú sữa đầu tăng sức đề kháng cho bê. Không để rốn bê bị nhiễm trùng.

CHỌN GIỐNG DÊ “CON BÒ CỦA NGƯỜI NGHÈO”

Người ta thường gọi “con bò của người nghèo” là con dê, vì nó cho sữa, cho thịt, cho da, nhưng vốn bỏ ra ban đầu lại rất ít. Dê được phát triển ở nhiều nước trên thế giới, nhưng chủ yếu ở các nước châu Á. Dê ăn hàng trăm loại cây cỏ để cho ta thịt, sữa. Dê nhanh nhẹn, giỏi chịu đựng kham khổ. Chăn nuôi dê quay vòng nhanh, tận dụng được lao động phụ. Dê tận dụng được nhiều sản phẩm phụ nông nghiệp (dây lang, dây lạc, rơm rạ, ngô khoai, sắn) phù hợp với sinh thái vùng gò đồi, trung du, miền núi. Do đó người ta thường gọi con dê (dê sữa, dê thịt) là “con bò (sữa, thịt) của người nghèo”.

Theo số liệu thống kê của FAO, hiện nay toàn thế giới có 560 triệu con dê, hằng năm sản xuất 2510 triệu tấn thịt và gần 9000 triệu tấn sữa từ các giống dê ở nhiều nước khác nhau trên thế giới.

Ở nước ta nghề chăn nuôi dê đã có từ lâu đời, nhưng ít ai nghĩ đến làm giàu từ nghề nuôi dê. Nhưng với việc đa dạng vật nuôi, nuôi vật nuôi ít dùng lương thực, thì con dê chính là cơ hội để làm giàu nhanh, khi người nuôi hiểu biết về nó,

biết chăm sóc và khai thác nó, kết hợp nuôi nó với cây ăn quả hay cây lấy gỗ. Dê ăn cỏ dưới tán cây, thải phân góp phần làm tăng độ mùn cho đất. Do vậy, không thể thiếu con dê khi muốn làm giàu từ nghề chăn nuôi.

Nước ta đã có một tập đoàn giống dê rất quý. Trước hết phải kể đến các giống dê sau đây:

- **Dê cỏ** có sức đề kháng và chống chịu cao. Chúng thích nghi với khắp mọi miền của nước ta. Màu sắc lông không giống nhau. Số đông có màu lông vàng nâu hoặc đen loang trắng. Khối lượng khi trưởng thành: 30 - 35 kg, sơ sinh 1,7 - 1,9 kg, 6 tháng tuổi 11 - 12 kg; khả năng cho sữa 350 - 370 g/ngày với chu kỳ cho sữa là 90 - 105 ngày. Tuổi phối giống lần đầu: 6 - 7 tháng, tùy thuộc điều kiện nuôi dưỡng. Một năm đẻ 1,4 lứa/năm, 1,3 con/lứa. Tỷ lệ nuôi sống đến cai sữa đạt 65 - 70% (dê đàn). Nếu nuôi dê nhốt kết hợp với chăn thả, tỷ lệ nuôi sống của dê con đạt 90 - 100% (chăn nuôi ở gia đình).

- **Dê Bách Thảo** là giống dê kiêm dụng sữa - thịt. Dê này được hình thành từ dê Ấn Độ và dê Pháp. Dê có màu lông đen hoặc loang sọc trắng, tai to và cụp xuống, có con có sừng, nhưng đa số không có sừng. Tính tình hiền lành, phù hợp với chăn nuôi gia đình. Dê trưởng thành có khối lượng từ 40 - 45kg đối với dê cái, còn dê đực có khối lượng đạt 75 - 80kg. Khối lượng sơ sinh là 2,6 - 2,8kg/con; 6 tháng tuổi đạt 19 - 22 kg.

Khối lượng này đủ tiêu chuẩn xuất sang Cooét. Một ngày cho 1,1 - 1,2kg sữa, có con cao sản cho 1,8 - 2 lít/ngày với chu kỳ 145 - 148 ngày. Tuổi phối giống lần đầu lúc 7 - 8 tháng, đẻ 1,9 con/lứa và 1,8 lứa/năm. Dê này thích nghi với mọi miền đất nước.

- **Dê *Jumnapari*** có nguồn gốc từ Ấn Độ, màu lông trắng. Dê trưởng thành có khối lượng 42 - 46kg/con đối với dê cái, nhưng dê đực đạt 70 - 80kg/con. Dê con sơ sinh: 2,8 - 3,5kg/con; 6 tháng tuổi đạt 22 - 24 kg. Chu kỳ cho sữa là 180 - 185 ngày, với lượng sữa 1,2 - 1,4kg/con. Con cao sản đạt 2kg/con. Tuổi phối giống lần đầu lúc 8 - 9 tháng. Một năm đẻ 1,3 lứa, mỗi lứa 1,3 con. Đặc điểm giống dê này chịu thời tiết nóng.

- **Dê *Betal*** là giống dê sữa Ấn Độ, màu lông đen tuyền, đôi khi có con có loang trắng, tai to và cụp. Năng suất sinh sản, cho sữa tương đương với dê Jumnapari. Dê phàm ăn và hiền lành.

- **Dê *Barbari*** có màu lông vàng đốm trắng, như hươu sao. Nguồn gốc từ Ấn Độ. Đặc điểm giống dê này tầm vóc nhỏ với khối lượng 30 - 35kg khi tuổi trưởng thành, nhưng có bầu vú rất phát triển, một ngày cho 1 - 1,2kg sữa với chu kỳ 145 - 148 ngày. Một năm đẻ 1,7 lứa/năm, mỗi lứa đẻ 1,8 con. Thân hình chắc, ăn tạp, chịu đựng kham khổ rất tốt, hiền lành. Rất phù hợp nuôi lấy sữa trong gia đình.

- **Dê *Alpin*** của Pháp. Đây là giống chuyên

lấy sữa. Khối lượng con cái trưởng thành đạt 40 - 42kg/con. Dê đực đạt 50 - 55kg/con. Một chu kỳ sữa kéo dài 240 - 250 ngày, một dê sữa cho 900 - 1000 lít. Như vậy, bình quân một ngày dê cái trong thời kỳ vắt sữa cho 4 lít sữa.

- **Dê sữa Saanen** được nuôi nhiều ở Pháp và Thụy Sĩ. Dê trưởng thành, con cái nặng 45 - 50 kg. Con đực nặng 70 - 75kg/con. Chu kỳ cho sữa 300 ngày. Dê cái thời kỳ cho sữa đạt 1000 - 1200kg/con. Bình quân mỗi ngày một dê cái cho 4 lít sữa.

Muốn có năng suất sữa và thịt, chúng ta có thể lai giữa các giống dê có tầm vóc to như Bách Thảo, Jumnapari, Beetal, Alpin, Saanen với dê cái nội để có con lai cho sữa và thịt cao.

- **Dê Boer** (Bo) là giống dê chuyên thịt. Dê trưởng thành đạt khối lượng 160 - 190kg/con. Ở Việt Nam đã có giống dê này, đang phát triển ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam.

GÀ RI - THỊT CHẮC, NGỌT VÀ THƠM

Ăn ngon, mặc đẹp đang trở lại và là yêu cầu của mọi người. Chỉ có điều là bạn có điều kiện hay không? Trừ các món sơn hào mỹ vị, cá biển thì chim, thu, nhụ, đế là những loại cá ngon nhất trong số những loài hải sản. Nhưng nếu nói đến gà thì có lẽ con gà Ri khó có ai mà quên được cho dù chỉ thưởng thức có một lần. Thịt chắc lại

ngọt và ngon. Gà Ri chịu khó kiếm mồi, nhanh nhẹn, nhặt từ hạt cơm rơi, thóc vãi. Cho đến nay dường như gà Ri nói riêng và gà ta nói chung vẫn là loại gà không chỉ người Việt Nam ưa chuộng, mà khách nước ngoài cũng thích. Giá gà hơi bán gần gấp đôi gà công nghiệp, nếu là “gà mái ghẹ” thì giá còn hơn thế nữa. Chính vì thế mà ở nông thôn hiện nay dù có nuôi gà công nghiệp thì gà Ri vẫn không thể thiếu được trong hệ VAC¹ của người nông dân.

Để sản xuất hàng hóa, nhiều hộ nông dân nuôi gà Ri tập trung mang lại hiệu quả kinh tế rất cao. Cứ nuôi 100 gà Ri, mỗi năm trừ chi phí còn lãi 1 triệu đồng. Ví dụ xã Văn Lôi, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) có gia đình nuôi 400 - 500 gà Ri thương phẩm để bán thịt, hoặc ở xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên (Bắc Giang) có 60% số hộ nuôi gà Ri với số lượng mỗi hộ nuôi từ 100 - 200 con trở lên. Hằng năm, vào dịp tết âm lịch bán tới 300 tấn gà hơi.

Thịt gà Ri chắc và ngọt. Nếu bạn lai gà trống dòng Jiangcun với gà mái Ri sẽ đạt lợi ích kinh tế cao hơn, vì gà Jiangcun mau lớn, ngực nở, đùi to, thịt thơm; còn gà Ri thịt chắc và ngọt, lại biết đẻ quanh năm nên trứng mùa nào cũng có. Như vậy bạn sẽ đạt cả hai mục tiêu cùng một lúc: Bán gà thịt quanh năm, bán trứng tươi hằng ngày.

1. VAC: Vườn - Ao - Chuồng.

Vậy, nuôi gà Ri tập trung thế nào để có lợi?

Tùy từng nông hộ có trang trại hay vườn cây ăn trái của mỗi gia đình để có thể xây tường, có thể vây lưới mắt cáo, hay tạo dựng cây làm hàng rào. Cứ 100m² đủ nuôi 300 gà.

Trong khu đất nuôi gà có 3 phần:

- Phần mái che bên dưới có cây tre cho gà đậu và ngủ ban đêm, đồng thời có ổ đẻ ở bên trong phần mái để tránh mưa nắng.

- Phần sân thoáng để chỗ cho gà ăn và uống.

- Phần còn lại là cây ăn quả, giàn mướp, giàn bầu, giàn bí để chống nắng cho gà.

Mỗi phần nuôi gà cần chia ra từng ngăn bằng phen nứa hay mắt cáo, có cửa ra vào. Trong mỗi ngăn có máng ăn và máng uống làm bằng nguyên liệu địa phương hoặc dụng cụ bán sẵn.

Trong khu chuồng chia ra ngăn nuôi gà mái, gà con, gà dò, gà sắp xuất chuồng (3 - 4 tháng tuổi). Có thể có ngăn nuôi gà sống thiện để bán vào dịp ngày tết, ngày lễ. Làm từng ngăn như vậy nhằm tạo điều kiện gà ăn được nhiều, không tranh giành nhau và nhờ vậy gà nào cũng phát triển tốt.

Thức ăn cho gà: Có thể dùng thức ăn bán sẵn cho từng loại gà. Cũng có thể dùng một phần thức ăn hỗn hợp sẵn, một phần thóc, gạo, cám, ngô, củ quả địa phương để nuôi gà tùy theo lứa tuổi của gà. Mỗi ngày gà ăn từ 10 - 20, 50 - 100 gam thức ăn tùy theo lứa tuổi của gà.

Đối với gà giống ngày cho ăn ba bữa: sáng, trưa, chiều. Còn gà nuôi thịt thì cho ăn tự do.

Nước uống phải sạch và cho uống tự do.

Để tạo thêm nguồn đạm động vật cho gà, ở mỗi góc vườn có ngăn nuôi gà, có thể tạo hố sâu 0,5 - 0,8cm. Đổ đầy rơm, rạ, rác, sau đó tưới nước tạo cho giun và sâu bọ phát triển. Gà sẽ bới và tìm kiếm mồi ở đó.

- Phòng trừ dịch bệnh cho gà: Nuôi gà nhốt hay nuôi ở một khu vườn là đã tạo điều kiện phòng bệnh cho gà, nhưng vẫn phải cho gà uống thuốc phòng toi gà (Niucatxon), bệnh tụ huyết trùng, bệnh bạch lỵ cho tất cả các loại gà. Càng nuôi tập trung càng cần phòng bệnh. Phòng dịch là biện pháp hữu hiệu nhất, chớ để bệnh rồi mới chạy chữa.

GÀ THẢ VƯỜN HƯỚNG THỊT GIỐNG SASSO

Giống gà SASSO đạt hiệu quả kinh tế cao đối với mọi gia đình khi nuôi chăn thả vườn và kể cả khi nuôi tập trung trong chăn nuôi quy mô vừa và lớn tùy theo điều kiện mà bạn mong muốn. Đương nhiên phải chú ý tới thị trường tiêu thụ.

Hiện nay, trên thế giới, song song với việc nuôi các giống gà công nghiệp như AA, BE, Cobb, Ross 208, 308... thì giống gà SASSO là một trong những giống gà nuôi chăn thả vườn có hiệu quả của nước ta.

Gà thả vườn SASSO nguồn gốc từ Pháp, có màu lông vàng hoặc nâu đỏ. Thân, da có màu vàng, khi giết thịt mỡ cùng với màu vàng phù hợp với thị hiếu của người Việt Nam. Hiện nay giá bán cao hơn 4000 - 5000đ/kg so với gà chăn nuôi khác.

Gà SASSO có khả năng chống chịu bệnh tốt hơn gà AA, BE, Cobb... Chúng chịu được nóng và độ ẩm cao. Do đó mọi gia đình ở mỗi địa hình từ Bắc vào Nam đều có thể nuôi gà SASSO đạt hiệu quả kinh tế cao.

Gà lớn nhanh, lúc 2 tháng tuổi kể từ lúc bóc trứng, nuôi dưỡng đúng kỹ thuật, gà đạt 2,2 - 2,5kg/con, là lúc giết thịt có chất lượng tốt: thịt rắn, chắc, thơm, có vị ngon đậm đà tương tự như gà Ri của Việt Nam.

Chi phí thức ăn cho 1kg tăng trọng chỉ tốn khoảng 2,10kg thức ăn lúc 8 tuần tuổi. Điều đáng quan tâm là gà SASSO tận dụng được ngô, tấm, gạo, sắn và thức ăn thừa của lợn 2 - 3 tuần sau khi úm, nuôi tập trung, gà có thể thả vườn hoặc vừa nuôi, vừa nhốt, vừa thả vườn gà vẫn phát triển bình thường. Do đó chi phí chuồng trại ít tốn kém, thuốc phòng là chính, thuốc trị bệnh ít khi phải dùng. Bởi vậy giá thành hạ. Như vậy, làm giàu từ chăn nuôi là điều chắc chắn. Các bạn có khát vọng từ cái nghiệp chăn nuôi hãy đừng bỏ cơ hội hãy tìm mua gà SASSO ở những cơ sở chăn nuôi của Nhà nước tại Hà Nội và nhiều

trang trại chăn nuôi thuộc các tỉnh phía Nam, duyên hải miền Trung.

GÀ TAM HOÀNG DÒNG 882 VÀ JIANGCUN - GIỐNG GÀ THẢ VƯỜN ƯU VIỆT NHẤT HIỆN NAY

Hơn hai thập niên trở lại đây gà công nghiệp như Plymouth, Hybro, AA, BE, Ross 208, Cobb, Goldline, Brown nick, v.v. đã được nuôi ở nhiều miền của nước ta với các quy mô lớn, vừa và nhỏ và bắt đầu được nhiều hộ nông dân nuôi thử. Có giống chuyên lấy trứng như Goldline, có giống chuyên lấy thịt như AA, BE, Ross 208, v.v.. Song, các giống gà này mới chiếm một tỷ lệ không đáng kể so với các giống gà nổi tiếng ở Việt Nam (như gà Ri, gà Tàu, gà Mía, gà Hồ...). Các giống gà công nghiệp có ưu điểm nhanh lớn, nhưng khi tới tuổi giết thịt lại có khối lượng quá cao (3 - 4kg/con), do đó người mua có phần e ngại, đấy là chưa kể chất lượng thịt không cao. Nếu giống chuyên trứng, tuy đẻ trứng nhiều, nhưng lòng trắng nhiều hơn lòng đỏ, lòng đỏ lại nhờ nhờ vàng. Còn gà ta (gà Ri, gà Mía, gà Tàu v.v.) tuy thịt thơm ngon, nhưng chậm lớn, 6 tháng tuổi mới đạt khối lượng 1,1 - 1,4kg/con. Khối lượng trứng nhỏ 30 - 40gam/quả. Sản lượng trứng mỗi năm chỉ đạt 90 - 110 quả/mái. Tuy vậy, giống gà nội vẫn được nuôi tới 90% trong tổng số

gà ở nước ta, vì chúng có sức chống chịu bệnh tật tốt và phẩm chất thịt, trứng được người dân ưa chuộng. Song, điểm yếu kém nhất của giống gà nội là hiệu quả kinh tế rất thấp. Do đó, đối với cơ chế thị trường hiện nay, nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, một giống gà thả vườn có năng suất và chất lượng cần được dần dần thay thế giống gà ta.

Vậy, giống gà nào nuôi thả vườn có năng suất và chất lượng cao nhất hiện nay? Đó là gà Tam Hoàng dòng 882 và dòng Jiancun, gà Lương Phượng đã và đang được nghiên cứu và phát triển từ năm 1993 đến nay, ở Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, Viện Chăn nuôi quốc gia.

Dòng gà 882 và Jiancun hiện nay được nuôi rộng khắp ở nông thôn Trung Quốc, trong đó có nhiều trại nuôi với quy mô công nghiệp.

Sau 4 năm nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam, qua 10 thế hệ chọn lọc, các dòng gà trên có những đặc điểm ưu việt như sau:

1. Đặc điểm ngoại hình

Có màu lông vàng, mỏ vàng, chân vàng. Có ngực nở, bầu bĩnh, nhanh nhẹn, thích kiếm mồi, thịt thơm ngon. Tính chống chịu bệnh tật cao. Do đó thích hợp với thị hiếu của người nuôi và người tiêu dùng.

2. Đặc điểm về sinh sản

Dòng Jiancun cũng như 882, 3 tuần tuổi gà

trống đã có màu cờ, 11 tuần tuổi đã gáy và biết đập mái. Gà mái gần 5 tháng tuổi đã đẻ bói, lúc gần 7 tháng tuổi tỷ lệ đẻ đạt trên 60%. Khối lượng một quả trứng 51 - 52 gam/quả (so với gà Ri Việt Nam tăng hơn 15 - 20 gam/quả). Sản lượng trứng mái/năm dòng Jiangcun nuôi tại Quảng Châu thì chỉ kém 2 quả, tương ứng 156 và 158 quả/mái. Chi phí thức ăn cho 10 quả trứng chỉ hết 2,4 - 2,9kg (trong khi đó gà Ri tốn 3,7 - 4,8kg cho 10 quả trứng). Tỷ lệ trứng có phôi đạt 95%, tỷ lệ nở so với trứng có phôi đạt 83%, hơn gà Ri 10%.

3. Khả năng cho thịt

Nuôi gà, nuôi vịt, nuôi ngan, nuôi ngỗng chỉ có hai phần thịt cần được phát triển chủ yếu là phần ức và đùi. Gà Tam Hoàng 882 và Jiangcun đã đạt được mục tiêu ấy. Kết thúc để giết thịt lúc 11 - 12 tuần tuổi (không quá 4 tháng) là kinh tế nhất, vì khi này gà đạt từ 1,4kg đến 1,5kg. Nếu nuôi tốt dòng Jiangcun đạt 1,8kg/con. So với gà Ri cùng tháng tuổi chỉ đạt 1,1 - 1,2kg, hay nói cách khác là gà Tam Hoàng dòng Jiangcun tăng hơn gà Ri từ 32 đến 34%. Phần thịt đùi + thịt ức đạt 45,34%, cao hơn gà Ri 4,3%.

Mùi vị thơm ngon chẳng kém gà ta.

4. Chăn nuôi gà Tam Hoàng dòng Jiangcun ở các hộ nông dân

Gà Tam Hoàng dòng Jiangcun với những đặc điểm nổi bật của nó: Tỷ lệ nuôi sống cao, chống

chịu bệnh tật, chịu khó kiếm mồi, nhanh nhẹn, phẩm chất thịt và trứng thơm ngon, hợp với thị hiếu của người nuôi và người tiêu dùng. Do đó giống gà này đã phát triển ở khắp ba miền Bắc - Trung - Nam thông qua tổ chức khuyến nông với số lượng xấp xỉ triệu con. Cách nuôi chăn thả kết hợp với cho thêm một lượng thức ăn bổ sung hỗn hợp sắn hoặc thức ăn đậm đặc nên hiệu quả nuôi sống từ 92 - 100% lúc 4 tháng tuổi, khối lượng lúc 3 tháng tuổi đạt xấp xỉ 1,500kg và lúc 4 tháng tuổi đạt 1,8kg, chi phí thức ăn chỉ tốn 2,3kg cho 1kg tăng trọng, cao nhất chỉ tốn 2,5kg. So với gà Ri giá thành hạ được khoảng 30%. Dù ở trong Nam hay ngoài Bắc, nếu các nông hộ hay những gia đình có trang trại, vườn cây ăn trái, kết hợp nuôi gà Tam Hoàng 882 và Jiangcun, Lương Phượng sẽ có mối quan hệ kết hợp hài hoà hệ sinh thái cây trồng và vật nuôi vô cùng hữu ích.

VỊT SIÊU THỊT, SIÊU TRỨNG - SIÊU THU NHẬP

- “Người giàu thì nuôi chó. Ai khó thì nuôi heo. Ai muốn tránh đói nghèo hãy nuôi vịt”.

Ở nước ta, hệ sinh thái lúa - lợn đã là hệ sinh thái có từ thời Vua Hùng dựng nước. Hệ sinh thái chăn nuôi vịt trên đồng lúa, mà chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long đã trở thành tập quán của nông dân từ xưa tới

nay. Hai cánh đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ đầu đầu ngoài ruộng lúa nước mênh mông còn có hệ thống sông rạch chằng chịt, do đó rất thuận tiện cho chăn thả vịt.

Duyên hải miền Trung cũng có nhiều ưu thế để phát triển nghề nuôi vịt. Ở đồng bằng Nam Bộ nghề nuôi vịt chiếm 65% so với cả nước. Cũng chính từ nơi đây nhiều người đã giàu lên từ nghề nuôi vịt. Thịt vịt, trứng vịt tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang Hồng Kông, Xingapo với nhiều chủng loại khác nhau: Vịt Cỏ, vịt Bầu, vịt Tàu, vịt Kỳ Lừa, vịt lai với các giống vịt Anh Đào Trung Quốc, Anh Đào Tiệp và đã cho hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Thế nhưng chưa có giống vịt nào có năng suất và chất lượng cao như giống vịt Anh Đào của hãng Charry Valley thuộc Vương quốc Anh. Giống vịt ấy là **giống vịt siêu thịt C.V. Super M.** Giống vịt này được tạo ra từ năm 1986, hiện nay đã và đang phát triển trên 100 nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Vịt có màu lông trắng như tuyết, mỏ và chân màu vàng da cam. Vì là giống siêu thịt, nên thân hình chữ nhật, ngực sâu và rộng, đầu to, lưng thẳng, cổ to và dài, chân vững chắc.

Vịt bố mẹ thành thực về tính lúc 26 tuần tuổi, con mái nặng 3,2kg, con đực nặng 4,5kg. 40 tuần đẻ từ 170 - 220 trứng/mái. Một mái một năm sản xuất 172 vịt con. Vịt thịt, nuôi 56 ngày đạt 2,8 -

3,1kg/con, tỷ lệ thịt xẻ: 74 - 76%. Chi phí cho 1kg tăng trọng chỉ tốn khoảng 2,7kg. Có dòng vịt siêu thịt nuôi 42 ngày đạt 3,8 - 4,2kg/con. Khi này lông tơ vẫn chưa hết trên mình của nó.

Vịt siêu thịt CV Super M. thích ứng với mọi điều kiện và ở mọi vùng sinh thái. Có thể nuôi thâm canh theo công nghiệp, cũng có thể nuôi chăn thả và bổ sung thêm nguồn thức ăn ngô, thóc hay thức ăn hỗn hợp sẵn. Nuôi 75 ngày tuổi với phương thức này vịt đạt khối lượng 2,8 - 3,2kg/con, chi phí thức ăn cho 1kg thịt hơi chỉ tốn 1,8 - 2,0kg so với vịt Cỏ, vịt siêu thịt tăng trọng gấp 3 lần và chính vì vậy, thu nhập cũng gấp 3 lần.

Vịt siêu thịt đang có mặt ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam, đặc biệt là ở đồng bằng sông Cửu Long. Nhờ giống đực siêu thịt CV Super M. ở nước ta đã và đang cải tạo giống vịt Cỏ theo hướng lấy thịt và tăng khối lượng trứng. Con lai lấy thịt 75 - 90 ngày tuổi theo phương thức chăn thả, đạt khối lượng 2,2 - 2,9kg. Như vậy chưa có giống vịt hướng thịt nào lại cho khối lượng thịt lớn và ít tốn thức ăn như giống vịt này.

Bạn muốn làm giàu xin đừng bỏ lỡ cơ hội vàng này, hãy tìm đến những cơ sở nhân giống tốt: Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên, huyện Phú Yên, Hà Nội, trại vịt VIGOVA quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền Trung tại thành phố Quy Nhơn.

- **Vịt siêu trứng Khakicampbell.** Gọi nó là siêu trứng bởi trong vòng một năm, một vịt mái sản xuất 280 - 320 trứng, có dòng đạt 350 trứng/năm. Như vậy có thể tạm đánh giá một ngày vịt cho một quả trứng. Có khác nào ví tựa “vịt vàng”. Trứng to 70 - 75 gam/quả. Chúng nhanh nhẹn, chịu khó kiếm mồi và kiếm mồi giỏi, có khả năng săn bắt côn trùng, ốc, cào cào, châu chấu hại mùa màng. Tuổi trưởng thành con đẻ nặng 2 - 2,1kg, con mái nặng 1,8 - 2,0kg. Chúng có sức chống chịu bệnh tật cao, lại chịu kham khổ. Chính như vậy tỷ lệ nuôi sống từ 97 - 100% đến 70 ngày tuổi.

Nếu nuôi chăn thả, tuổi đẻ bắt đầu lúc gần 5 tháng tuổi. Sản lượng trứng 250 - 280 quả/mái/năm. Điều đáng quan tâm là: tỷ lệ phôi của giống vịt này rất cao: trên 90%. Chi phí cho 10 quả trứng chỉ hết 1,9 - 2,2kg thức ăn, nếu nuôi theo phương thức nhốt tập trung. Nếu nuôi chăn thả vào mỗi mùa gặt hái thì chỉ tốn 50% số thức ăn, nghĩa là 1 - 1,1kg cho 10 quả trứng. Nếu bán cho “thượng đế” 1000đ/quả thì nói nuôi giống vịt này hái ra tiền có lẽ chẳng có gì là ngoa. Nhiều gia đình nuôi 100 vịt mái Khakicampbell cho đẻ trứng mỗi tháng thu 250.000 - 300.000 đồng/con là điều chắc chắn.

Nhờ năng suất trứng cao, nhờ tính chịu khó kiếm mồi, nhờ tính chịu đựng ở mọi miền đất nước, giờ đây vịt Khakicampbell có thể khẳng

định là giống vật nuôi có hiệu quả kinh tế nhất so với các giống gia cầm. Nó đang là một trong những vật nuôi giúp đồng bào vùng cao nuôi nó để thay thế thuốc phiện.

Bạn muốn làm giàu hãy chờ bỏ qua giống vật nuôi cho trứng đang được xếp hàng thứ nhất này.

ĐÀ ĐIỂU - VẬT NUÔI CỦA THẾ KỶ XXI HÁI RA TIỀN

Hiện nay, trên thế giới nhiều nước đang có phong trào thuần hoá đà điểu để nuôi lấy thịt, lấy da và lấy lông. Nước Mỹ hiện có 1,8 vạn con, Ôxtrâylia có 1,4 vạn và Trung Quốc có khoảng 3000 con đà điểu. Việt Nam đang khởi đầu nuôi.

I. NGUỒN GỐC VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC GIỐNG ĐÀ ĐIỂU

A. Nguồn gốc

1. *Đà điểu có nguồn gốc xuất phát từ châu Phi, có tên gọi Ostrich*

Giống đà điểu này đang được nuôi nhiều ở vườn thú và có hai loại. Dạng cổ đỏ (*Struthio camelus massaicus*) và *S.c.camelus* ở Bắc Phi. Loại đà điểu *Struthio camelus massaicus* có lông đen trên đỉnh đầu, còn đà điểu *camelus* có trán đầu trụi.

Tất cả những loại đà điểu kể trên đều bắt

nguồn từ châu Phi và thuộc loại chim khổng lồ. Có loại còn hoang dã, nhưng có loại đã được thuần hoá và đang được chăn nuôi như các loại gia cầm khác.

2. Đà điểu châu Mỹ

Đà điểu châu Mỹ có hai loại: Pheas American và Darwin. Cả hai loại đều có màu xám, cổ đen và có sọc. Con mái lớn hơn con trống từ 1/3 đến 1/2 lần. Con mái có những vùng đen rộng hơn.

Một con mái một năm đẻ hơn 40 quả trứng. Trứng có màu vàng chanh hay xanh lơ nhạt, tỷ lệ phôi có thể đạt 90%. Cứ 2 - 4 ngày đẻ 1 quả trứng. Khối lượng trứng nặng 1,2 - 1,9kg/quả.

Loại đà điểu Darwin American nhỏ hơn đà điểu châu Phi.

Cả hai loại đà điểu châu Mỹ đều bơi rất giỏi và thích lội ở vùng nước sâu.

3. Đà điểu sa mạc có nguồn gốc châu Úc

Loại đà điểu này có tên gọi Dromiceins novachollandiae. Nó dễ điều khiển, nhưng khó nuôi trong thời tiết lạnh. Con mái mang con nhỏ của nó ở túi trước ngực. Phân biệt giới tính (đực, cái) qua lỗ huyết dễ dàng hơn loại đà điểu khác, vì khi trưởng thành, lỗ huyết con đực ngắn và mỏng hơn con cái. Giống đà điểu châu Úc bơi lội giỏi.

4. Đà điểu đầu mào nguồn gốc châu Úc

Loại đà điểu này chiếm số đông trong các loại đà điểu khác, vì là loại hoang dã nên có đặc

điểm hiệu chiến, nguy hiểm cho con người. Loại đà điểu đầu mào này, con cái to hơn con đực.

B. Một số đặc điểm sinh học

1. *Mùa sinh sản và kích thước chiều đo của trứng các loại đà điểu* (theo tài liệu của G.M.Fieg - 3635 Humphrey, Stollowis, Missouri 63116, USA).

Mùa sinh sản của đà điểu kéo dài 6 - 8 tháng trong năm. Mùa sinh sản khác nhau ở các vùng địa lý (bảng 1).

Bảng 1. Mùa sinh sản và kích thước của trứng đà điểu

Loại đà điểu	Mùa SS bình thường (tháng)	Tuổi thành thục (năm)	Chiều rộng trứng (mm)	Chiều dài trứng (mm)	Khối lượng trứng (gam)
Đà điểu Bắc Phi	3 - 8	2	161 - 165	145 - 165	1207 - 1525
Đà điểu châu Mỹ	3 - 8	1	80 - 93	117 - 136	424 - 638,5
Đà điểu Darwin châu Mỹ	12 - 5	1	85 - 100	120 - 145	
Đà điểu châu Úc	11 - 3	2	92	135	488 - 722,5
Đà điểu nguồn gốc châu Úc	2 - 5	2	85 - 98	120 - 150	373 - 664

2. *Đặc điểm đẻ trứng và ấp của đà điểu*

Đà điểu mái bắt đầu đẻ trứng xám sau khi phối giống ít lâu. Mỗi đợt đẻ được từ 20 - 24 quả. Sau đó ngừng 7 - 10 ngày rồi tiếp tục đợt khác. Một mái có thể đẻ 80 - 100 trứng trong một mùa sinh sản.

Hằng ngày đà điểu mái đẻ trứng, nếu cứ để ở mặt đất, người chăn nuôi không nhặt đi nơi khác

thì đà điều mái sẽ ấp. Chúng rất ham ấp và ấp suốt ngày. Riêng đà điều trống chỉ ấp từ lúc chập choạng tối đến sáng sớm. Như vậy, hằng ngày phải nhặt trứng ít nhất 2 lần. Bình thường trứng ấp sau 42 ngày thì nở. Một năm một đà điều mái có thể sản xuất 40 con.

Đà điều mái đẻ lại sau khi đà điều con nở được 4 - 5 tuần tuổi. Một vòng đời của một đà điều sản xuất được 1.700 con đà điều con.

C. Các sản phẩm và thị trường của đà điều

Các sản phẩm của đà điều là thịt, da, lông đều được sử dụng có ích cho con người.

1. Thịt

Bảng 2: So sánh thịt đà điều với thịt bò, gà

Thành phần dinh dưỡng trong 100 gam thịt tươi	Thịt đà điều	Thịt bò	Thịt gà
Protein (gam)	21,9	20,0	21,4
Mỡ (gam)	1,0	15,6	2,6
Cholesterol (mg)	63,0	86,0	74,0
Năng lượng (Cal)	114,0	276,0	163
Canxi (mg)	5,2	9,0	13,0

Thịt đà điều thuộc loại thịt đỏ, rất giống thịt bò. Thịt có độ mềm như thịt bê, bò tùy theo lứa tuổi. Phẩm chất thịt đà điều có hàm lượng protein cao, nhưng hàm lượng mỡ thấp, đặc biệt trong thịt *chứa rất ít cholesterol*.

Qua bảng trên thấy hàm lượng chất cholesterol

trong thịt đà điểu ít hơn thịt bò và thịt gà, do đó người tiêu dùng thích thịt đà điểu, nhất là ở châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản, Malaixia. Người ta hy vọng rằng, những thập kỷ tới thịt đà điểu có thể dần dần thay thế một lượng lớn các loại thịt lợn: gà, bò... Hiện nay trên thế giới, thịt đà điểu đang được tiêu thụ dưới các dạng: Miếng đông lạnh, xúc xích, patê, mảnh lườn, thịt khô và thịt tươi.

Bảng 3: Các chỉ tiêu so sánh giữa đà điểu và bò

	Đà điểu	Bò
- Thời gian mang thai/thời gian ấp (ngày)	42	280
- Số con đẻ ra/năm (con)	40	1
- Thời gian nuôi từ sơ sinh đến giết thịt (ngày)	407	645
- Thịt sản xuất ra (kg)	1800	250
- Da (m ²)	50,4	2,7
- Lông (kg)	36,0	0

Người ta tính rằng vòng đời một đà điểu mẹ cho 90 - 113 tấn thịt, trong khi đó một con bò chỉ cho 2 - 2,5 tấn thịt.

2. Lông và da

Lông đà điểu được dùng để lau các máy móc thiết bị quay. Lông đà điểu nuôi ở vùng khô cần có chất lượng tốt hơn nuôi ở vùng có điều kiện khí hậu ôn hoà.

Da đà điểu được coi là loại da quý ngang với da cá sấu, da rắn. Nó có đặc điểm bền và xộp. Người ta có thể dùng nó để sản xuất ra các sản phẩm như giấy, túi xách, ví, thậm chí may

áo khoác. 1m² da ở châu Âu có thể bán được 400USD. Một đôi giày bằng da đà điểu bán tới 2000 USD.

Điều thú vị hơn là gân đà điểu đang được nghiên cứu trong y học với mục đích thay gân cho chân người bị đứt vì nó dài và khoẻ. Người ta đã nghiên cứu dùng mắt đà điểu trong kỹ thuật ghép giác mạc, vì giác mạc nó rộng và tầm nhìn của mắt đà điểu có độ xa trên 12km. Não đà điểu có thể dùng chữa bệnh loạn, mất trí nhớ.

Theo tờ *Bưu điện Băng Cốc*: Thái Lan đã có hai cơ sở nuôi đà điểu. Đó là Trung tâm nghiên cứu động vật hoang dã và công viên Bách Thú Sriracha. Riêng Trung tâm nghiên cứu động vật hoang dã đã đầu tư 40 triệu бат Thái Lan (tương đương 1,6 triệu USD) để nuôi đà điểu. Người ta đã so sánh thấy nuôi đà điểu lợi hơn nuôi cá sấu. Khi trưởng thành một con đà điểu có thể bán 30.000 бат, trong khi đó 1 con cá sấu nuôi để có thể lấy da chỉ đem lại cho người nuôi 7000 бат (25 бат = 1USD). Một đà điểu 3 tháng tuổi bán 3000USD, 6 tháng tuổi 6000USD. Nếu nuôi 1 đà điểu mẹ với 50 đà điểu con thì một năm thu 1 tỷ là nắm chắc trong tay. Nuôi đà điểu đang trở thành một nghề thông dụng ở nhiều nước châu Á. Trung Quốc nuôi đà điểu cách đây 10 năm. Thái Lan, Malaixia, Indônêxia bắt đầu nuôi đà điểu.

D. Kỹ thuật nuôi đà điểu

Đà điểu thuộc loài chim khổng lồ. Do đó nuôi

dưỡng đà điểu không khó khăn như nuôi các giống thú quý hiếm khác (hươu, nai, gấu...).

Nhưng điều quan tâm là: Lúc đà điểu mới nở đến 5 tuần tuổi phải giữ nhiệt độ từ 28 - 30°C. Ngoài 5 tuần tuổi phải có bãi cỏ rộng để đà điểu ăn cỏ và vận động. Đà điểu là loại chim chạy, tốc độ chạy 70km/giờ. Dinh dưỡng nuôi đà điểu phải đủ yêu cầu cho chúng phát triển, đặc biệt chú ý cân bằng canxi và photpho vì nếu không hai chân chúng dễ bị gãy. Nếu gãy thì mất đặc tính chạy của chúng. Bảng 4 sau đây giới thiệu thành phần dinh dưỡng nuôi đà điểu.

Bảng 4: Yêu cầu dinh dưỡng cho các loại đà điểu non

Thành phần dinh dưỡng	%	Đơn vị
Protein thô	19,0	
Lipid thô	2,7	
Xơ thô	18,1	
T.D.N	60,1	
Tro	11,25	
Canxi	1,78	
Photpho	0,67	
Arginine	0,98	
Glycine	1,05	
Methionine	0,45	
Tryptophan	0,32	
Cystine	0,21	
Histine	0,55	

Thành phần dinh dưỡng	%	Đơn vị
Leucine	1,35	
Isoleucine	0,86	
Phenylalanine	0,93	
Tyrosine	0,60	
Threonine	0,75	
Valine	1,0	
Mangan		120,0ppm
Cobalt		0,2ppm
Iode		356,0ppm
Caroten		30,0 ppm
B1		5,0 ppm
Riboflavin		11,0 ppm
Niacin		86,0 ppm
Axit pantothenic		27,0 ppm
Choline		1700,0 ppm
Vitamin E		50,0 UI/pand
Vitamin B12		20,0 mg/pand
Vitamin A		125000 đơn vị
Vitamin D2		1000 đơn vị pound
1 pound = 453,6 gam		

Trên thực tế có thể sử dụng cám gà úm và dùng thức ăn thô xanh là cỏ và rau lá, su hào bắp cải, rau bắp. Nhưng cho ăn vừa đủ để tránh đi phân lỏng, dễ mắc bệnh lòi dom.

II. TRIỂN VỌNG NUÔI ĐÀ ĐIỀU Ở VIỆT NAM

Có người nói đà điều là “con gia cầm của thế kỷ XXI”. Điều đó có đúng không, chúng ta hãy

đợi thời gian sẽ trả lời nhận thức ấy. Tuy vậy cho đến nay có thể khẳng định được rằng nuôi đà điểu ở nước ta đang còn là một vấn đề phải suy nghĩ, vì đây là lĩnh vực rất mới với điều kiện Việt Nam, bởi lẽ đà điểu nguồn gốc xứ sở của nó từ châu Phi.

Trong nhiều năm qua ở các vườn thú ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đã và đang nuôi đà điểu. Nhưng đây chỉ là nuôi “chim cảnh”. Năm 1995, trứng đà điểu đã được ấp nở đầu tiên ở nước ta tại Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương - Viện Chăn nuôi - tháng 11-1996, 100 quả trứng đà điểu thuộc dòng châu Phi đã được đưa về ấp tiếp tại đây. Sau 43 ngày ấp, 37 đà điểu con đã nở, tỷ lệ nở đạt 37%, ngang với một số nước có nền chăn nuôi đà điểu phát triển. Khối lượng sơ sinh một đà điểu con nặng 0,8kg/con. Cho tới nay, đàn đà điểu nuôi tại Trung tâm vẫn tốt, tỷ lệ nuôi sống 90%, tăng trọng khoảng gần 5kg/con/tháng. Cho dù là một nghề mới mẻ, nhưng có thể hy vọng rằng nếu Trung Quốc, Thái Lan, Malaixia, Ấnô-nê-xia... nuôi được đà điểu thì Việt Nam cũng nuôi được đà điểu. Lẽ dĩ nhiên còn phải mày mò và chắc chắn đà điểu sẽ là một vật nuôi trong cơ cấu của ngành chăn nuôi, nhất là ở các tỉnh miền núi, trung du, miền Trung và miền Nam.

GÀ ÁC (BLACK CHICKEN) MỘT LOẠI DƯỢC KÊ CHI ÍT THU NHIỀU

Gà ác là giống gà nội địa đã được nhân dân ta nuôi giữ từ lâu đời và được nuôi nhiều ở các tỉnh phía Nam.

Gà có tầm vóc nhỏ, lông trắng, chân, mắt, mỏ, da thịt và xương đều đen. Chân gà có 5 ngón nên người ta gọi là ngũ trảo. Gà ác hiền lành, khác với các giống gà Ri, Đông Cảo, Hồ, Mía, Tre.

Gà trên 4 tháng tuổi mới có khối lượng 600 - 800 gam. Nhưng chúng phát dục sớm, tốc độ mọc lông nhanh. Đặc biệt gà ác còn có khả năng chống chịu bệnh tật tốt hơn các giống gà nội và gà công nghiệp. Chúng không mắc bệnh Marek, Leuco và các bệnh đường hô hấp khác. Khẩu phần dinh dưỡng đối với gà ác bình thường, chi phí thức ăn rất thấp. Hằng ngày, 1 gà trưởng thành ăn chỉ khoảng 50 gam thức ăn hỗn hợp hoặc ngô, thóc, gạo, v.v..

Đặc điểm nổi bật của loại gà này là thịt và trứng thơm ngon. Đã từ lâu trong các sách đông y có viết về gà ác như một vị thuốc bổ. Do vậy người ta gọi gà ác là “dược kê”. Gà ác hiện nay đang được các nhà hàng, khách sạn coi như một đặc

sản có giá trị. Vì thịt trứng gà ác đã được miêu tả ở các sách đông y của Trung Quốc và Việt Nam rằng: Trứng và thịt của nó chứa nhiều lysine, rất thích hợp và bổ dưỡng cho những người cao tuổi, người suy nhược cơ thể và sản phụ sau khi sinh.

NGAN PHÁP - VẬT NUÔI MỘT VỐN BỐN LỜI

Từ năm 1991, hai dòng ngan Pháp R_{31} và R_{51} đã được nhập vào nước ta và đang phát triển rất nhanh ở nhiều vùng sinh thái. Có thể coi đây là vịt siêu thịt được, vì ở miền Nam gọi ngan là vịt Xiêm (Mosco duck). Từ năm 1995 tới nay, hai dòng ngan này phát triển khá nhanh, nhất là ở vùng đồng bằng sông Hồng. Nhiều gia đình giàu nhanh từ nghề nuôi ngan Pháp, ngan nội.

1. Đặc điểm và năng suất cho thịt, trứng của ngan Pháp

- Màu sắc lông:

Dòng R_{31} lông loang vằn trắng đen.

Dòng R_{51} lông trắng.

- Tuổi thành thực 6,5 - 7 tháng, tùy điều kiện nuôi dưỡng.

- Số lượng trứng đẻ/mái/vụ: 170 - 180 quả.

- Tuổi giết thịt: 77 - 84 ngày kể từ khi mới nở.

- Khối lượng cơ thể lúc giết thịt:

Con trống 4,8kg/con.

Con mái 2,6kg.

- Tỷ lệ trứng có phôi: 92 - 95%.

- Tỷ lệ trứng nở/có phôi: 85 - 88%.

- Tiêu tốn thức ăn cho 1kg tăng trọng: 2,7 - 2,9kg.

2. Kỹ thuật nuôi ngan Pháp

a. Kỹ thuật nuôi

Giai đoạn gột ngan từ 1 - 21 ngày tuổi cần có một quây để nhốt được 50 - 60 con. Thời tiết rét và ngan mới nở cần có một bóng điện 75W hoặc lò sưởi cho ngan con đủ ấm. Có phen che hướng gió Bắc hay Đông bắc, Tây bắc.

Khi ngan lớn mật độ chuồng nuôi là 15 con/1m².

Diện tích sân chơi và mương nước sinh hoạt chiếm 2/3 diện tích chuồng. Nền chuồng, sân chơi, mương nước cần lát gạch hoặc tráng xi măng có độ dốc 2% để khi rửa chuồng, rửa máng nước thoát dễ dàng.

Hướng chuồng nên để phía Nam hay Đông Nam để thoáng mát.

b. Vật tư cho chuồng nuôi ngan

Đối với ngan con 1 - 21 ngày tuổi dùng cát để quây. Chiều dài 4,5m; chiều rộng 0,5m;

Chất độn chuồng bằng trấu khô sạch, không ẩm mốc. Mỗi quây có 1 bóng điện 75W.

Khi ngan qua 21 ngày có thể không cần bóng điện nhưng luôn phải tránh gió lùa.

Máng cho ngan ăn có thể dùng tôn hay gỗ

hoặc ống bương rộng 0,25m; cao 3,5cm. Có thể dùng máng ăn đã được sản xuất sẵn để nuôi ngan.

Máng uống có thể dùng loại máng nhựa tròn (loại 1 lít), cứ 1 quây dùng 2 máng là đủ nước cho ngan uống khi ngan ở 1 tuần tuổi. Từ tuần tuổi thứ hai trở đi dùng loại máng tròn 3 lít và cứ 1 quây dùng 2 máng.

c. Thức ăn cho ngan

Ngan từ 1 - 30 ngày tuổi: Dùng loại thức ăn viên hỗn hợp sẵn với tỷ lệ 90%, còn 10% là dùng gạo xay. Từ ngày tuổi thứ 5 trở đi dùng thêm premix khoáng (1kg premix khoáng trộn với 200kg cám) để phòng bệnh bại liệt. Rau xanh cho ăn tự do.

Khi ngan ở tuổi 31 - 84 ngày tuổi cho ăn thức ăn hỗn hợp sẵn với tỷ lệ 70%, còn thóc 30%. Có thể cho ăn thêm giun, ốc, cua, tép, tôm.

Đó là cách nuôi ngan làm giống. Còn nếu nuôi ngan để bán thịt thì ngoài thức ăn nói ở trên, cần cho thêm 10 - 20% ngô tùy theo độ tuổi, vì nuôi ngan thịt cần có tốc độ lớn càng nhanh càng tốt.

3. Những điểm cần chú ý khi nuôi dưỡng

- Nhiệt độ: 1 - 2 tuần đảm bảo 35°C
- 3 - 4 tuần đảm bảo 33°C
- 5 - 6 tuần đảm bảo 31°C
- 7 - 8 tuần đảm bảo 29°C
- 11 tuần tuổi trở đi đảm bảo 25°C.

Mùa đông: 20 - 25 ngày tuổi, trời ấm cho ngan ra tập bơi ở mương, ao và phơi nắng.

- Phòng bệnh: Trước khi cho ngan vào chuồng nuôi và sau khi kết thúc một đợt nuôi cần tiêu độc bằng formol 1%. Tiêm phòng dịch tả, tụ huyết trùng lúc ngan được 10 - 12 tuần tuổi.

Không cho ngan ăn thức ăn ôi, mốc. Chất độn chuồng khô, sạch.

- Giai đoạn gần 3 tháng tuổi cho đến lúc đẻ cần san đàn cho ngan ở rộng: 5 - 6 con/m². Diện tích sân chơi càng rộng càng tốt. Nhớ làm ổ cho ngan và để tỷ lệ trống và mái phù hợp là 1:3 - 1:4. Thức ăn cho ngan để cần bổ sung cua, ốc, giun, tép. Thức ăn tinh thì tùy theo mức độ lúc ngan đẻ nhiều hay ít mà thay đổi khẩu phần. Cụ thể là: 40% thức ăn hỗn hợp và 60% thóc, hoặc mỗi loại 50%.

NUÔI CHIM CÂU CŨNG ĐỂ LÀM GIÀU

I. ĐẶC TÍNH CỦA BỒ CÂU

Tổ tiên của bồ câu nhà (bồ câu nuôi) là bồ câu sống tự nhiên hoang dã qua quá trình tiến hoá tự nhiên và sự lựa chọn có ý thức của con người, vậy nên giờ đây mỗi loài bồ câu đều có đặc tính chung và đặc tính riêng của nó. Sau đây xin giới thiệu một số đặc tính của bồ câu:

1. Đặc điểm “đơn phối”. Nhìn chung giống bồ câu thường sống một cặp cố định, một trống một

mái, khi đã chọn nhau là sẽ cố định, không tạp giao với nhân vật thứ ba. Vậy nên con người quý trọng và tôn thờ nó, cho đấy là biểu tượng của tình yêu chung thủy.

2. Đặc điểm quần cư: nuôi riêng hoặc nuôi bầy thì hiện tượng ẩu đả rất ít. Ăn cùng ăn, nghỉ cùng nghỉ, không phân biệt chung riêng. Nếu có xảy ra tranh giành thì chỉ là cá biệt.

3. Đặc điểm sạch sẽ: nhìn chung chim bồ câu thích tắm sạch sẽ, tắm nước nóng và cả nước lạnh.

4. Đặc điểm thích mặn: nguyên thủy loài chim bồ câu thường sống ở vùng duyên hải uống nước biển, vậy nên trải qua bao thời gian được con người thuần dưỡng cho đến nay nó vẫn còn đặc tính quen với vị mặn mà.

5. Muộn thành chim: loài chim khi mới nở thì có hai trường hợp: sớm thành chim và muộn thành chim. Sớm thành chim là loại vừa ra khỏi vỏ trứng đã phát triển ngay, toàn thân đã có lông tơ bao phủ, mắt mở ngay, chân có thể đi được và khô lông, có thể tìm thức ăn ngay ví như gà, vịt, ngỗng... Muộn thành chim là loại sau khi ra khỏi vỏ trứng vẫn chưa phát triển đầy đủ, mắt không mở được ngay, thân thể chưa có lông tơ, không thể tự đi kiếm mồi được mà chim mẹ phải mớm, thời kỳ này nó phải sống trong tổ, chưa tự sống độc lập được.

Chim bồ câu thuộc loại muộn thành chim.

6. Thức ăn chủ yếu là đồ chay: chim bồ câu

chủ yếu ăn các loại hạt thực vật như ngô, đỗ, tiểu mạch, cao lương, thích nhất là hạt đỗ xanh, nó không có thói quen ăn đồ chín.

7. Trí nhớ tốt: cảm quan của chim bồ câu rất phát triển, khả năng nhận biết phương hướng rất tốt. Chim bồ câu dù nuôi riêng trong chuồng nhưng khi thả ra thì trong đám hàng nghìn chuồng, hàng nghìn chim nó vẫn nhận đúng chuồng mình, nhận đúng chim cặp của mình. Đối với người nuôi thì quen rồi nó sẽ hình thành phản xạ có điều kiện với người ấy và nhớ người ấy rất lâu.

8. Chim bố và chim mẹ có sự đồng tâm hiệp lực rất cao: từ việc xây tổ ấp trứng, mớm con, chim bố mẹ đều thể hiện tính hợp đồng rất cao. Ví như chim nuôi lẻ khi cặp đôi xong đến khi mẹ đẻ trứng thì chim bố khẩn trương tìm cỏ rác về để chim mẹ xây tổ, khi đẻ trứng xong thì chim bố chim mẹ thay nhau ấp trứng, đây cũng là đặc điểm khác biệt với các loài khác. Khi chim vừa nở chưa thể đi lại tự kiếm mồi được thì chim bố đi kiếm mồi về để chim mẹ ăn rồi tiết ra một dung dịch trắng như sữa để mớm chim con. Cho tới hiện tại thì việc nuôi chim bồ câu chủ yếu vẫn tôn trọng tập quán tự nhiên của nó.

9. Tính cảnh giác cao: khi thấy tổ bị mèo, chuột quấy nhiễu thì chim bồ câu không muốn về tổ cũ, chuồng cũ nữa, thà ngủ đêm bên ngoài. Đêm không yên tĩnh chim bồ câu cũng dễ sợ hãi bỏ đi.

10. Tính thích ứng cao: dù ở nơi hàn đới rét

mướt hay vùng nhiệt đới nóng nực chim bồ câu cũng đều sống được. Hoặc những nơi khí hậu không thuận chim bồ câu cũng vẫn thích nghi được vì khả năng tự đề kháng của nó tương đối tốt.

II. ĐẶC TRƯNG VÀ TÁC DỤNG

Loài bồ câu K (Kind) và bồ câu hoàng (vua) được lai tạo thành công ở Mỹ năm 1980 từ một giống chim bồ câu địa phương và hai loại chim hiện tại được nuôi nhiều nhất, rộng rãi nhất.

Bồ câu “vua” này thấp béo, ức nở, vai rộng, đuôi ngắn vênh lên, đầu bằng, chân bóng, lông vũ dày, hình dáng đẹp mắt. Từ 5 - 6 tháng tuổi thì coi là trưởng thành, con trống nặng từ 800 - 1.100g, con mái từ 700 - 800g. Mỗi năm có thể cho từ 6 - 9 cặp bồ câu sữa. Bồ câu sữa 4 tuần tuổi có thể nặng 600 - 800g, hiện nay loài bồ câu này chủ yếu chỉ còn màu trắng. Mỗi năm mỗi cặp trống mái tiêu thụ 41,2kg thức ăn, mỗi con bồ câu sữa tiêu thụ 0,879kg thức ăn (thời gian 25 ngày), tuổi thọ trung bình của loại bồ câu này là 5 - 7 năm.

Một con chim bồ câu K có khối lượng gấp 4 lần chim bồ câu nội. Giá mỗi đôi chim ta lúc 4 tuần tuổi có khối lượng khoảng 0,5kg chỉ thu được bằng một nửa so với chim câu K.

Điều đáng quan tâm hơn là: Nuôi chim bồ câu không phải tiêm phòng bất kỳ một dịch bệnh gì. Như vậy rủi ro lớn nhất đã được loại trừ.

KỸ THUẬT NUÔI LỢN RỪNG GIÀU LÊN NHANH CHÓNG

I. CUNG CẤP NƯỚC TRONG CHĂN NUÔI LỢN RỪNG

Lợn rừng không chịu được nóng nên tiêu thụ nước rất nhiều bằng nhiều hình thức như uống, tắm mình, tắm,... Hơn nữa, nước có vai trò rất quan trọng trong việc điều hoà thân nhiệt, trao đổi chất, xúc tiến mọi phản ứng hoá học trong cơ thể, vận chuyển chất dinh dưỡng, chất cận bã và sản xuất sữa. Do vậy, cung cấp nước trong chăn nuôi lợn rừng rất quan trọng.

Lượng nước trung bình cho lợn rừng uống mỗi ngày bằng khoảng 7 - 12% khối lượng hoặc từ 2,5 - 5 lít nước cho 1kg thức ăn khô, tùy theo thời tiết.

Lượng nước tiêu thụ cao nhất trong ngày đối với lợn con là 3 lít, lợn choai là 5 lít, lợn đực, lợn nái sinh sản là 9 - 15 lít.

Ngoài ra, chủ trang trại còn phải tính nước thay thế trong các hồ, vũng, ao cho lợn tắm mình và tắm.

Nước uống cho lợn rừng phải sạch, mát. Có thể dùng các thiết bị núm uống hoặc bể, máng uống riêng biệt trong chuồng hoặc nơi cố định trong trang trại.

II. KỸ THUẬT CHĂM SÓC LỢN RỪNG SƠ SINH

Lợn rừng cái có tập tính trong việc đẻ và nuôi con rất khéo, nhưng khi đã chẵn nuôi lợn rừng thì người chăn nuôi cũng cần phải can thiệp khi cần thiết, tách lợn sắp đẻ vào chuồng nái đẻ, theo dõi và chăm sóc lợn nái cùng đàn con của nó để giảm thiểu những tổn thất trong công việc phát triển đàn của trang trại.

Lợn rừng cái dù được nuôi thuần dưỡng cũng chỉ đẻ 6 - 8 con mỗi lứa. Người chăn nuôi không cần đỡ đẻ, cắt dây rốn cho lợn con vì những công việc này lợn mẹ làm rất khéo. Hơn nữa, can thiệp sâu dễ làm lợn rừng mẹ hoảng hốt nín đẻ hoặc trở nên hung dữ, cắn chết bầy con.

Sau khi sinh 30 - 60 phút, lợn con có thể đứng dậy ngay và mỗi con tìm cho mình một bầu vú mẹ nhất định. Sau nửa tháng chúng đã có thể theo mẹ đi ra ngoài tập kiếm ăn. Từ 1,5 - 2 tháng tuổi, lợn con cứng cáp và ăn được thức ăn thường ngày như cám, củ,... do con người cung cấp. Lúc này có thể cai sữa và tách đàn để nhập lợn mẹ vào đàn nái, nhập con vào đàn sau cai sữa.

Để chăm sóc tốt cho lợn nái và đàn con sơ sinh, người chăn nuôi cần chú ý các vấn đề sau:

1. Nhiệt độ

Chuồng lợn không được để gió lùa và ẩm ướt. Phải bảo đảm giữ cho lợn con thường xuyên ấm áp, nhất là trong tuần đầu sau khi sinh vì cũng như lợn nhà, lợn con dễ nhiễm các bệnh viêm

phổi, ỉa chảy do chưa quen với nhiệt độ bên ngoài (luôn thấp hơn nhiệt độ trong dạ con của lợn mẹ). Sau một tuần giữ nhiệt độ ổ ủ của lợn con khoảng 30 - 35°C thì có thể hạ nhiệt độ xuống gần với bình thường, tức khoảng 22 - 25°C. Sau khoảng nửa tháng thì để lợn con tự do theo mẹ, sống ở nhiệt độ môi trường.

2. Bấm răng nanh

Tuy rằng nanh chỉ phát triển ở lợn đực nhưng lợn con nào cũng có răng nanh, có thể làm lợn mẹ đau và xây sát, nhiễm trùng bầu vú khi cho con bú. Việc bấm răng nanh là việc không bắt buộc vì lợn rừng thường được khai thác thịt từ giai đoạn 6 tháng tuổi, khi đó răng nanh cũng chưa phát triển (trong tự nhiên, răng nanh sau 1 năm mới mọc dài, nhanh và sắc). Tuy nhiên, để bảo vệ lợn mẹ, bảo đảm tính thích nghi chuồng trại và thức ăn trong điều kiện nuôi trang trại thì vẫn nên bấm răng nanh cho lợn rừng con.

Lợn con có 8 răng nanh ở hai bên mép và ở cả hai hàm. Dùng kìm cắt dây điện hay bấm móng tay (đều đã sát trùng) bấm nhiều nhất đến một nửa chiều dài răng nanh. Không được nhổ răng nanh hay cắt quá sâu làm chảy máu thì có hại cho sức khỏe của lợn vì lợn con đau không bú mẹ được, đói và yếu ớt.

3. Bảo đảm lợn con bú sữa đầu

Chú ý theo dõi để bảo đảm cả đàn lợn con

bú được đủ sữa đầu vì sữa đầu rất tốt, đậm đặc, nhiều protein và đặc biệt có loại protein Gamma (một loại kháng thể) bảo đảm cho lợn con đủ sức đề kháng trong những ngày đầu đời. Sữa đầu chỉ được sản xuất trong 24 giờ đầu tiên và lợn con cũng hấp thụ tốt nhất sữa đầu trong vòng 24 giờ sau khi được sinh ra. Có thể có những con yếu, không đứng vững để đi tìm vú mẹ thì người nuôi phải can thiệp, bế nhẹ nhàng lợn con đặt vào bầu vú còn trống để lợn con này được bú sữa đầu.

Lợn rừng cũng giống lợn nhà là không tích trữ sữa trong bầu vú mà chỉ tiết sữa khi có kích thích của lợn con tác động lên đầu vú. Thời gian tiết sữa của lợn mẹ rất ngắn (25 - 30 giây) nên lợn con thường phải bú từ 15 - 20 lần/ngày. Cũng vì đặc điểm sinh lý này mà người chăn nuôi phải hết sức chú ý giữ yên tĩnh nơi nuôi mẹ con lợn rừng vì nếu có tiếng động, ồn ào lớn sẽ gây phản xạ ngưng tiết sữa của lợn mẹ, lợn mẹ nóng giận, xuất hiện phản ứng bảo vệ con sẽ rất không tốt cho sức khỏe của lợn mẹ và lợn con.

4. Thức ăn

Lợn rừng sơ sinh cần được tự do bú sữa mẹ cho đến 45 - 50 ngày tuổi. Sau thời gian này nên tiến hành cai sữa. Trước ngày định cai sữa, cho lợn con ăn thêm thức ăn ngoài, có thể dùng thức ăn công nghiệp loại thường dùng nuôi lợn nhà sơ sinh cho lợn rừng ăn.

Cần tiến hành cho lợn rùng con quen với ăn thức ăn ngoài bằng cách cho ăn ngay từ khi lợn rùng con mới được 15 ngày tuổi để tiện cho việc cai sữa và bổ sung dinh dưỡng cho lợn con vì sữa lợn mẹ chỉ dồi dào và đạt chất lượng tốt trong 3 - 4 tuần đầu. Để lợn con tập làm quen với thức ăn dặm thì cho thêm lượng thức ăn viên của lợn đẻ vào máng cho lợn rùng mẹ ăn, lợn mẹ sẽ ăn và khi đó khuyến khích lợn con ra liếm máng ăn sau khi con mẹ ăn xong. Hoặc nấu chín các loại bột ngũ cốc, bột các loại đậu, bổ sung sữa khô, bột cá, bột xương... rồi quệt vào mõm cho lợn con liếm láp hoặc cho thức ăn vào máng riêng để trong khoang chuồng lợn con để lợn mẹ khỏi ăn. Ngày cho lợn con ăn 3 - 4 lần, mỗi lần khoảng 0,1kg/con. Sau khi lợn con ăn xong phải rửa sạch máng, phơi khô để tránh ẩm ướt lên men thức ăn gây rối loạn tiêu hoá sinh bệnh ỉa chảy hoặc phân trắng lợn con.

Để cung cấp thêm sắt nhằm chống thiếu máu cho lợn con nên tiêm 1ml Dextran Fe vào cơ bắp ở cổ hoặc ở mông lợn con khi được 2 - 3 ngày tuổi. Nếu dùng thuốc nội thì tiêm 2 lần vào 2 thời điểm 3 và 13 ngày tuổi. Trong trường hợp không có thuốc thì có thể cải thiện bằng cách dùng than hoạt tính (than củi) tán thành bột trộn với đất sét đỏ, bột gạch đỏ nung lên nặn thành viên đặt rải rác trong chuồng cho lợn con liếm láp. Đồng thời phải chú ý cho lợn mẹ ăn nhiều thức ăn chứa sắt như bí ngô, rau xanh tươi...

Thức ăn bổ sung cho lợn con tập ăn có thể dùng loại thức ăn viên cho lợn con ăn thêm như lợn nhà hoặc có thể rang đậu tương, đậu xanh, ngô, gạo, nghiền thành bột rồi trộn các bột lại cho vào máng riêng cho lợn con liếm láp, tập ăn. Nếu có điều kiện thì trộn thêm sữa bột, bột cá, bột máu, đường cho lợn con làm tăng tính ham ăn và mau lớn.

Cho lợn con ăn thức ăn thêm như trên với mức 80 - 100g/con/ngày. Có thể cho ăn 3 - 4 bữa/ngày.

Khi cho lợn con ăn nên dồn khéo lợn vào chỗ chuồng đặt thức ăn có lối vào hẹp, thấp (chỉ lợn con chui vừa). Song nơi cho ăn thêm đó phải trong cùng ô chuồng với mẹ để lợn con vừa ăn vừa nhìn thấy mẹ mới yên tâm ăn nhiều.

5. Tiêm phòng

Lợn rừng con có sức đề kháng cao, nhanh nhẹn, khá khoẻ mạnh, ít mắc bệnh. Tuy nhiên, trong chăn nuôi thì phải tránh mọi nguy cơ rủi ro có thể nên vẫn cần thực hiện tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm cơ bản.

Tiêm phòng vắc xin thương hàn vào 21 ngày tuổi, vắc xin lở mồm long móng vào 30 - 45 ngày tuổi, vắc xin dịch tả vào 40 - 45 ngày tuổi, vắc xin tụ huyết trùng và vắc xin đóng dấu (tụ dấu) vào 50 - 60 ngày tuổi theo quy định của thú y.

* *Chú ý:* Lợn rừng mẹ khi sinh con rất giữ con, giấu con nên khó tiếp cận. Vì vậy, ngay từ khi chăm sóc lợn mẹ mang thai đã phải để ý cách

làm quen, thân thiện để có thể chăm sóc mẹ con lợn rừng được như ý muốn. Người chăm sóc lợn con phải là người đã rất quen thuộc, thân thiết với lợn mẹ. Nếu để người lạ sờ vào lợn con, có thể lợn con đó sẽ bị lợn mẹ cắn chết do nghĩ thấy mùi lạ.

III. KỸ THUẬT CHĂM SÓC LỢN RỪNG HẬU BỊ

Lợn rừng hậu bị được tính từ sau cai sữa, tức khoảng được 50 - 60 ngày tuổi. Những lợn cái sinh trưởng, phát triển tốt, khỏe mạnh, sử dụng thức ăn tốt được chọn làm lợn cái hậu bị. Khối lượng trung bình của lợn hậu bị khi đó chỉ khoảng 4 - 6kg/con.

Mỗi ngày cho ăn 3 bữa, 2 bữa chính sáng, chiều và 1 bữa phụ vào buổi trưa.

Bữa chính cho ăn ngoài thức ăn xanh thì còn có 0,5kg thức ăn tinh như cám gạo, bột ngô, bột đậu tương, thức ăn củ quả...

Bữa trưa chỉ cần cho ăn các thức ăn xanh nhưng khá nhiều như các loại rau, cỏ tươi, thân chuối thái mỏng, bèo lục bình...

Mật độ nuôi lợn hậu bị trung bình là 4 - 5 con/16 - 20m² hoặc nuôi thành bầy 20 - 30 con, cho đi lại tự do trong trang trại có cây bóng mát và những lều có mái che mưa, nắng.

Chú ý chọn lọc và loại thải lợn hậu bị không đủ tiêu chuẩn giống để tránh nuôi quá chật hẹp và không tương đương tầm vóc sẽ gây xô xát

trong đàn, ảnh hưởng xấu đến tốc độ sinh trưởng, phát triển của lợn.

IV. KỸ THUẬT CHĂM SÓC LỢN RỪNG ĐỰC GIỐNG

Hiện nay, lợn đực giống khá hiếm, nhiều nơi còn thả lợn rừng cái hoặc lợn cái địa phương vào rừng tự phối với lợn rừng đực rồi trở về trại sinh con. Phương pháp này có tỷ lệ thụ thai thấp, bệnh, không chủ động, khó theo dõi, chăm sóc và chỉ phù hợp với vùng giáp rừng. Vì vậy, việc lựa chọn đực giống ở các trang trại nên rất cẩn thận và khi chọn lọc đực đực giống cần chăm sóc chúng hết sức cẩn thận để bảo đảm chất lượng đàn thế hệ sau và lợi nhuận từ việc bán giống tốt.

Lợn rừng giống phải được nuôi trong chuồng rộng rãi, thoáng mát, không bị gió lùa, mưa tạt, không bị trơn trượt hay quá nhám, gồ ghề dễ làm hỏng móng, ngã què chân lợn rừng và nhất thiết phải có sân chơi rộng (sân cỏ hoặc sân cát) để lợn vận động. Không nuôi chung nhiều lợn đực trong cùng một ô để tránh chúng tấn công nhau.

Chuồng lợn đực phải gần khu lợn cái tơ chờ phối hoặc lợn nái sữa (đã đẻ và đang nuôi con) chờ phối để mùi đực kích thích lợn cái động dục và mùi lợn cái động dục kích thích tính hăng của lợn rừng đực.

Thức ăn cho lợn rừng đực bao gồm nhiều thức ăn xanh và 0,5kg thức ăn tinh/con/ngày.

Tắm mát hoặc cho lợn nước thường xuyên để làm mát cơ thể, bảo đảm sự sinh sản tinh trùng được thuận lợi.

Lợn rừng đực giống có thể cho phối ở 10 - 11 tháng tuổi, mỗi tuần phối 1 lợn cái. Lợn từ 1 - 2 năm tuổi có thể phối 2 lợn cái mỗi tuần. Từ 2 - 3 năm tuổi, lợn rừng đực có thể phối cách nhật hoặc mỗi tuần phối với 3 lợn cái.

Sau khi phối cần bồi dưỡng lợn rừng đực như cho ăn hai quả trứng chín hoặc 100g bột cá tốt hoặc 50g bột sữa không kem.

Chỉ nên phối giống cho lợn cái vào lúc sáng sớm (6 - 7 giờ) hoặc lúc chiều muộn (5 - 7 giờ). Không cho phối vào lúc trưa nắng nóng vì sẽ làm giảm tính hăng, không đủ sức phủ nái và cũng không phù hợp với tập tính sinh hoạt của lợn rừng nên chất lượng sẽ kém.

Trước khi cho đi phối nên tắm rửa sạch sẽ cho lợn đực và không cho ăn quá no hoặc không cho ăn.

Đực giống sử dụng 4 - 5 năm thì loại thải vì đực già thường chậm chạp, chất lượng tinh trùng kém cho tỷ lệ đạt phối không cao.

V. KỸ THUẬT CHĂM SÓC LỢN RỪNG MANG THAI, TRONG VÀ SAU ĐẺ

Lợn rừng mẹ sau khi tách con, cho ăn thức ăn vỗ béo không quá 1kg/con/ngày. Cho ăn 2 bữa/ngày, vào lúc 7 giờ sáng và 3 giờ chiều, mỗi lần cho ăn 0,4 - 0,5kg.

Có thể tập cho lợn rừng mẹ uống nước vòi như lợn nái nhà bình thường. Lúc đầu ta cho lợn mẹ nhìn thấy, sau vài lần, lợn mẹ sẽ quen tự ra vòi khoá nước tự động cắn để nước chảy và uống khi khát.

Chăm sóc lợn rừng nái trong giai đoạn đẻ:

Mặc dù, lợn rừng đẻ và chăm sóc con rất khéo nhưng khi phát hiện thấy dấu hiệu sắp sinh hoặc nhờ ghi chép cẩn thận, biết lịch đẻ của lợn cái thì khi có dấu hiệu đẻ vẫn cần chuẩn bị ổ đẻ và các dụng cụ cần thiết khác để giúp lợn rừng mẹ đẻ an toàn, đỡ lợn sơ sinh có độ sống sót cao hơn.

Các dấu hiệu của lợn mẹ sắp sinh:

- Nấn bầu vú lợn mang thai cuối kỳ thấy có sữa, người chăm sóc hiểu rằng lợn sẽ đẻ trong vòng 24 giờ nữa.

- Lợn có biểu hiện phá ủi nền chuồng, gặm đất, cắn cỏ, tha rơm rác về tạo ổ đẻ.

- Thân nhiệt tăng, nhịp thở tăng, hay đi tiểu, đi đại tiện (đi mót).

- Âm hộ có nước nhờn màu hồng và có lợn cợn những hạt như hạt đu đủ (cứt su lợn con bài tiết ra) thì trong nửa giờ sau lợn sẽ đẻ.

- Lợn mẹ nằm nghiêng một bên, hơi thở đứt quãng, ép bụng, ép đùi quẩy đuôi rặn đẻ thì chỉ trong vài phút là sẽ đẻ.

Các công tác chuẩn bị:

Chuồng phải được quét dọn sạch và sát trùng cẩn thận từ trước 5 - 7 ngày. Chuồng nền đất

nhưng lót rơm khô, cỏ khô, bao bố sạch để lợn con có thể đứng ngay được như trong tự nhiên. Mặt khác, chuồng được lót cẩn thận sẽ giúp cho lợn con khi nằm bú không bị lạnh bụng, tràn xước cuống rốn và cổ chân trước.

Chăm sóc lợn đẻ:

Phần lớn là lợn rừng mẹ tự đẻ, song người chăn nuôi vẫn cần theo dõi và chăm sóc khi cần thiết.

Để hỗ trợ và có những biện pháp can thiệp kịp thời, nhằm bảo đảm an toàn cho lợn mẹ và tỷ lệ sống sót của lợn con cao nhất. Chỉ nên 1 - 2 người thường xuyên chăm sóc con lợn đốm mới vào chuồng đỡ đẻ cho lợn. Không cho người lạ, thú lạ như chó, mèo,... vào theo để tránh làm lợn rừng cái hoảng sợ hoặc rất hung dữ dễ có phản ứng tự vệ điên cuồng, ngừng đẻ hoặc đẻ chậm, dễ đẩy tỷ lệ tử vong của lợn con tăng cao.

Thường thì cứ 15 - 20 phút lợn mẹ đẻ 1 lợn con. Đôi khi cũng có trường hợp, lợn đẻ liên tiếp rồi ngưng nghỉ một thời gian mới tổng nhau ra ngoài.

Nếu đẻ bình thường thì trong vòng 3 - 4 giờ là lợn đẻ hết số con và hoàn tất việc tổng nhau thai ra sau cùng. Nếu nái còn cong đuôi thì còn sót con hoặc nhau nên người chăn nuôi hết sức chú ý để có biện pháp can thiệp. Chỉ khi lợn mẹ nằm yên cho con bú, đuôi thông xuống thì khi đó việc sinh đẻ mới hoàn tất.

Trong khi đẻ, nhiều con lợn mẹ hay đứng dậy, đi uống nước, đi lại, tiểu tiện rồi mới về nằm. Trong tự nhiên, đây là cách lợn thúc đẻ và tạm nghỉ hồi sức cho lần rặn đẻ tiếp theo. Người chăn nuôi thấy lợn mẹ đẻ được một vài con rồi nhúm dậy đi thì nên hỗ trợ cho lợn mẹ đứng dậy đi lại một vòng, xoa bóp bên vú đối diện để lợn đổi bên nằm (ví dụ muốn lợn nằm bên trái thì xoa bóp nhẹ nhàng bầu vú bên phải và ngược lại).

Lợn mẹ đẻ xong, người chăn nuôi nên cho lợn mẹ uống nước ấm có pha ít muối vì sau đẻ lợn mẹ sẽ rất khát nước do mất nhiều máu.

Cho lợn con bú sớm cũng kích thích lợn mẹ đẻ tiếp những con còn trong bụng vì sự thúc vú của lợn con làm xuất hiện xung thần kinh hướng tâm về não, não thủy tiết ra hormon Prolactin (có tác dụng tạo sữa) và hormon Oxytocin (có tác dụng xuống sữa, thải sữa),...Chính Oxytocin khi đến thành tử cung sẽ kích thích co bóp đẩy các bào thai còn lại ra ngoài.

VI. KỸ THUẬT CHĂM SÓC LỢN THỊT

Tùy theo phương thức chăn nuôi mà người chăn nuôi xây dựng chế độ ăn cho lợn rừng phù hợp.

Nếu lợn rừng nuôi trong điều kiện chăn thả tự nhiên trong rừng, trên đồng cỏ,... thì việc bổ sung thức ăn chỉ rất ít. Thường chỉ là 0,5kg cám gạo/con, đá liếm hoặc nước muối loãng, 1kg rau, củ, quả/con.

Nếu là nuôi bán thâm canh hoặc thâm canh thì cho ăn như sau: Tính trung bình mỗi con lợn rừng tiêu tốn hết 2 - 3kg thức ăn các loại/ngày. Lợn rừng hậu bị tính từ khi được 4 tháng tuổi, lúc này, cần tẩy giun lần đầu cho lợn rừng. Sau 4 tháng tiếp thì tẩy giun lần thứ hai. Trừ những con được chọn làm giống thì các con còn lại được nuôi vỗ béo như sau:

Chuồng trại:

Mỗi ô chuồng của lợn thịt là $2,5 \times 3 = 7,5\text{m}^2$. Mỗi ô chỉ nuôi với mật độ 4 con/ô chuồng.

Thức ăn:

Chọn loại thức ăn có lượng protein chỉ khoảng 9%. Trừ 2 tháng đầu nhằm thúc đẩy tốc độ tăng trưởng và phát triển thì cho thêm đạm 13%. Ngoài ra là các thức ăn thô cơ bản (rau xanh, cỏ, phụ phẩm nông nghiệp), cám nhuyễn, gạo tấm và cám thô.

Cho ăn 2 lần vào lúc 7 giờ sáng và 3 giờ chiều. Chia khẩu phần 1kg thức ăn/con/ngày thành 2 bữa bằng nhau.

Thời gian vỗ béo:

Thường sau 2 tháng vỗ béo là có thể bán lợn làm thịt thương phẩm được. Nếu tuyển lợn rừng cái làm lợn giống thì nhốt riêng và cho ăn theo chế độ lợn rừng đẻ.

Như vậy, trung bình nuôi lợn thịt từ khi sơ sinh đến khi bán được là mất 8 tháng. Riêng đối với lợn rừng mặt dài thì thời gian này thường kéo dài đến 1 năm.

NUÔI NHÍM - NGHỀ MỚI THU NHIỀU LỢI NHUẬN

Để nuôi nhím lấy thịt, cần áp dụng những điều cần quan tâm những vấn đề như sau:

Trước hết chúng ta cần biết khả năng cho thịt của nhím để từ đó áp dụng những kỹ thuật tăng năng suất cho thịt đối với nhím nuôi lấy thịt.

I. KHẢ NĂNG CHO THỊT CỦA NHÍM

Đã khảo sát 2 nhím, kết quả như sau:

Khối lượng các bộ phận	Nhím 1		Nhím 2	
	Giá trị (kg)	Tỉ lệ (%)	Giá trị (kg)	Tỉ lệ (%)
Con vật lúc sống	9,0		16,0	
Tiết	0,8			
Thịt xẻ (so với sống (1))	6,2	68,9	10,0	62,5
Thịt lọc			5,5	
2 Đùi trước (so với thịt xẻ) (3)	1,25	20,2	2,0	20
2 Đùi sau (so với thịt xẻ) (3)	1,24	20,0	2,2	22

Tỉ lệ thịt xẻ so với khối lượng sống chiếm từ 62 - 69%. Tỉ lệ thịt đùi so với thịt xẻ là 20%.

Thịt nhím hầu như rất ít mỡ. Điều này cũng khá đúng với nhận xét chung của người nuôi nhím. Tuy nhiên, qua các quán ăn tại thị xã Sơn La,

người ta cho biết một số trường hợp mỡ ra nhím có mỡ do được vỗ béo quá mức và nhím già.

II. CÁC LOẠI THỨC ĂN CHO NHÍM

1. Tại trại thú Ba Vì

Nhím tiêu thụ thức ăn khá đa dạng. Thí nghiệm cho thấy:

Ăn nhiều (>80%): Bí đỏ, chuối tây quả, củ dong riềng, đậu tương, đu đủ quả, khoai lang củ, khoai tây, lạc củ, mía cây, ngô hạt, sắn củ tươi, sắn dây củ, su hào củ, cây chuối, cây ngô, quả sung, quả vả, khoai sọ, táo quả, quả roi, quả ổi, xương động vật, sắn lát khô, cám gạo.

Ăn khá (60 - 80%): Cỏ voi, ghi nê, du zi, rau muống, dây khoai lang

Các loại thức ăn dạng bột là thứ mà nhím không thích sử dụng trong bữa ăn của mình. Nếu khi ta cho cùng một lúc hai loại thức ăn dạng củ quả và dạng bột vào thì bao giờ nhím cũng ăn loại thức ăn củ quả trước.

2. Tại trung tâm Khoa học và sản xuất lâm nghiệp vùng Tây Bắc

Tại đây cho ăn các loại thức ăn là ngô, sắn, su su, bí đỏ, khoai lang... thậm chí cả lạc và đỗ tương cho nhím nuôi mới sinh.

3. Tại trại nhím Thuận Hoà

Đây là một trại nhím mà chủ nhân đã dùng

khá nhiều loại thức ăn cho nhím: Bí đỏ, khoai lang, sắn, vỏ mít, chuối xanh, su hào, bắp cải, xương bò - lợn khô, thức ăn công nghiệp, bột khoáng, vỏ dừa, ổi xanh.

III. KHẤU PHẦN ĂN VÀ GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

1. Khẩu phần ăn phân theo khối lượng cơ thể tại trại thú Ba Vì

STT	Khối lượng (kg/con/ngày)	Ngô hạt (kg/con/ngày)	Sắn củ tươi (kg/con/ngày)
1	>2 đến <4	0,220	0,156
2	>4 đến <6	2,246	0,184
3	>6 đến <8	0,308	0,199
4	>8	0,327	0,202
Trung bình		0,284	0,191

Khẩu phần ăn này có giá trị dinh dưỡng như sau:

Nhóm khối lượng (kg)	Thành phần hoá học (%)							
	Vật chất khô	Protein thô	Lipid thô	Xơ thô	Dẫn xuất không đậm	Khoáng T.số	Canxi	Photpho
2 - 4	186,5	17,9	4,79	3,50	157,4	2,91	0,20	0,13
4 - 6	212,8	20,9	5,55	3,92	179,1	3,34	0,22	0,15
6 - 8	239,5	22,9	6,12	4,52	202,3	3,73	0,25	0,17
>8	246,5	23,2	6,25	4,68	208,4	3,83	0,26	0,18
T,bình	227,7	21,9	5,85	5,85	192,1	3,55	0,24	0,16

2. Tại Trung tâm Khoa học và sản xuất lâm nghiệp vùng Tây Bắc

Khẩu phần	1	2	3	4	5	6
Loại thức ăn	Nhím con tách mẹ	Nhím cai sữa - trưởng thành (2006)	Nhím trưởng thành (2004)	Nhím chữa (2006)	Nhím chữa (2006)	Nhím cho con bú (2006)
Ngô hạt khô*		0,2	0,3	0,1	0,1	0,5
Sắn tươi	0,7	0,5	0,5	0,3	0,5	0,7
Bí đỏ				0,2		0,3
Củ quả						
Khoai lang	0,5					
Rau xanh	0,4	0,3		0,3	0,2	0,5
Cơm nguội				0,1		

*: Cho ăn ở dạng ngâm nước

Bảng trên cho ta thấy 6 khẩu phần ăn khác nhau được áp dụng tùy theo mùa vụ, đối tượng. Trong một số trường hợp trong khẩu phần cho nhím mang thai và cho bú còn có lạc hạt, đậu tương trong 2 - 3 ngày.

Có điều thú vị là hiện tại, trừ nhím có thai và cho con bú, thì nhím cai sữa đến trưởng thành đều cho ăn một khẩu phần đồng nhất (khẩu phần 3). Cán bộ kỹ thuật ở đây cho rằng nhím bé ăn khỏe hơn nhím lớn và nhím lớn (sinh sản) không nên cho ăn quá nhiều bởi nếu béo thì sinh sản kém.

3. Tại trại nhím Thuận Hoà

Khẩu phần điển hình cho đàn nhím tại trại nhím Thuận Hoà (Củ Chi) (năm 2005):

	Tuổi (tháng)	Khối lượng cơ thể (kg)	Củ khoai lang tươi (kg)	Rau muống tươi (kg)
Nhóm 1	8 - 10	11,5	0,450	0,125
Nhóm 2	11 - 13	11,8	0,650	0,125
Nhóm 3	14 trở lên	15,6	0,800	0,200

Thành phần hoá học và dinh dưỡng của khẩu phần này được ước tính như sau:

Tuổi (tháng)	8 - 10	11 - 13	>14 - 20
Khối lượng cơ thể (kg)	11,5	11,8	15,6
Vật chất khô (%)	132,625	185,625	233,400
Protein thô (%)	6,750	8,750	11,600
Lipid thô (%)	2,875	3,875	5,000
Xơ thô (%)	4,125	5,125	7,000
DXKD (%)	11,430	16,210	20,200
Khoáng T,số (%)	4,580	5,780	7,800
Canxi (%)	0,270	0,330	0,460
Phot pho (%)	0,280	0,360	0,480

Nhìn chung các khẩu phần khá đa dạng, có nơi cho ăn các loại thức ăn có chất lượng cao như ngô hạt, lạc củ... (như Trung tâm Khoa học và sản xuất lâm nghiệp vùng Tây Bắc, Trại thú Ba Vì). Ngoài ra, khẩu phần cho ăn khá tự do không tính đến nhu cầu sinh trưởng, duy trì, nuôi con... của từng loại nhím.

Về giá trị dinh dưỡng và thành phần hoá học của thức ăn ta thấy mức độ dinh dưỡng tương đương nhau giữa các loại nhím nuôi ở cả ba trại.

Như vậy thức ăn nuôi nhím rất đa dạng và phong phú, đâu đâu cũng có, rẻ tiền, dễ kiếm.

Vấn đề còn lại là sử dụng sao cho hiệu quả về mặt kinh tế và hiệu suất sử dụng thức ăn tốt nhất để chi phí cho 1kg thức ăn ít nhất nhằm hạ giá thành 1kg hơi tăng lên.



Xương trâu, bò... sau khi đã nấu chín và phơi khô cũng là nguồn bổ sung khoáng, đạm và “vật mài răng” rất tốt cho nhím



Các loại thức ăn của nhím

IV. KỸ THUẬT NUÔI NHÍM LẤY THỊT

1. Hình thức nuôi nhốt

Phân loại theo “dạng kín và mở”

“*Dạng kín*”: Một số cơ sở chăn nuôi có quan điểm rằng, nhím là động vật hoang dã nên chuồng trại thường kín bưng (như chuồng nhím của gia đình ông Lường An, Sơn La), thậm chí còn tạo ra “hang” kín như Trại thú Ba Vì trước đây.

“*Dạng mở*”: Trại nhím Tuân Hoà (Củ Chi), Trại nhím ông Mai Văn Y (Đắk Lắk) và Trại thú Ba Vì, Trại nhím ông Nguyễn Gia Tôn (Hoà Bình). Tại đây chuồng nuôi là các ô nềnximăng, có lưới sắt bao quanh, rộng 1,5m² và cao 1,5m. Có nơi tường xây thấp khoảng 0,8m và có tấm lưới sắt phủ trên để nhím không chạy ra.

Phân loại theo nuôi cá thể - cặp/nuôi đàn:

Nuôi cá thể: Con cái được nhốt theo từng ô và chỉ khi nào đến kỳ phối giống mới cho được vào (Trại nhím ông Tuấn Hòa). Thời gian nhốt được dao động từ 20 ngày (Trại nhím ông Tuấn) tới 2 tháng (Trung tâm Khoa học và sản xuất lâm nghiệp vùng Tây Bắc).

Nuôi cặp được/cái: Tại trại nhím Ba Vì nuôi theo hình thức ghép đôi mãi mãi như thể vợ chồng. Khi con sinh ra sau 2 tháng thì tách ra nuôi theo đàn hoặc ghép.

Nuôi nhóm: Như trại nhím ông Mai Văn Y ở Đắc Nông.

2. Kỹ thuật cho ăn và uống

Cho ăn vào ban ngày và đa dạng các loại thức ăn củ quả, rau xanh, hạt ngũ cốc, uống nước tự do. *Cho nhím ăn được càng nhiều càng tốt để nhím chóng lớn và xuất chuồng.*

Chương III

NHỮNG BÍ QUYẾT ĐỂ LÀM GIÀU TỪ CHĂN NUÔI

Làm giàu có nhiều cách, bằng nhiều nghề. Nhưng cho dù cách nào, nghề gì thì đều phải tuân theo quy luật của thương trường, của cầu và cung, coi khách hàng là “thượng đế”. Ngày xưa cha ông ta có câu “Nhất nghệ tinh nhất thân vinh”, nhưng với cơ chế thị trường hiện nay phải “Bách nghệ tinh nhất thân vinh”. Có nghĩa là làm bất cứ việc gì “hái ra tiền” một cách chân chính và bằng mồ hôi, nước mắt và trí tuệ, chúng ta đều phải làm. Các cụ ngày xưa cũng nhận thức “Phi thương bất phú”. Nhưng với thương trường ngày nay, không phải “trăm người bán, vạn người mua” như ngày xưa, mà ngược lại “vạn người bán, chỉ có trăm người mua”. Với nghề chăn nuôi thì lại có hàng triệu nông dân làm nghề chăn nuôi, nhưng biết chăn nuôi để có lời và làm giàu thì không phải “dễ như uống nước”.

Trước khi đi vào những bí quyết hay có thể còn gọi là thủ thuật làm giàu từ nghề chăn nuôi, với sự hiểu biết của mình, tôi trình bày những tri thức, những quy luật muốn làm giàu, chúng ta

phải làm gì để làm giàu? Đây là điều khó, vì mỗi người có những hoàn cảnh sống, trình độ hiểu biết, mối quan hệ không giống nhau. Tuy nhiên, những gì tôi trình bày ở chương này là quy luật đều có thể giúp ích cho ai muốn làm giàu. Song, điều chủ yếu là giúp cho người chăn nuôi muốn thoát khỏi cảnh đói nghèo và muốn giàu lên.

Bí quyết thứ nhất: PHẢI HIỂU THỊ TRƯỜNG LÀ CHIẾN TRƯỜNG

Thị trường không phải là việc quan tâm của ai đó đi vào con đường doanh nghiệp mà nhiều người cũng phải chú ý. Theo tôi hiểu nói thị trường là chiến trường vì cơ chế thị trường là có cạnh tranh, cho dù ta thường nói cạnh tranh lành mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng đã ra thị trường, tức phải cạnh tranh để tồn tại, để phát triển. Như vậy có người phát lên rất nhanh, nhưng có người phá sản. Có nhiều ông chủ trang trại chăn nuôi năm nay là hoàng kim chiếm lĩnh được thị trường và hàng của ông đắt như “tôm tươi”. Ngược lại, cũng ông chủ ấy, năm khác lại khuyh gia bại sản vì có người khác cạnh tranh hoặc vì một rủi ro nào đó mà ông không làm chủ được, chẳng hạn như mất thị trường, hay gia súc bị dịch bệnh.

Do đó vấn đề chiếm lĩnh thị trường để làm chủ thị trường, rồi chi phối thị trường là điều kiện bắt buộc trong ý chí và hành động của bất

cứ một ai muốn trở nên giàu có. Có thị trường sẽ có tất cả. Mất thị trường thì tất cả bằng con số không, không hơn, không kém. Muốn có thị trường thì phải cạnh tranh, giành giật “thượng đế” về với mình. Muốn đạt được điều mong muốn ấy cần có sản phẩm tốt, giá bán hạ mà được người mua chấp nhận.

Trước khi tung ra thị trường một sản phẩm, điều mấu chốt phải tìm hiểu thị trường, phân tích thời cơ, xác định đâu là thị trường trọng điểm, đâu là nơi sản phẩm sẽ được tung ra có triển vọng phát triển. Thị trường với nghề chăn nuôi phải là nơi đông dân (Hà Nội, Sài Gòn, Đà Nẵng, Vũng Tàu...). Tìm hiểu thị trường chưa đủ, lại phải tìm hiểu thị hiếu của người tiêu dùng qua từng mùa, vụ và thời điểm khác nhau để ra sản phẩm đáp ứng, hấp dẫn khách hàng.

Nói về tâm lý xã hội, có những bạn trai yêu một người bạn gái, nhưng tìm hiểu chưa kỹ đối phương, nhất là tâm lý của đối phương đã vội nhảy bổ, vô vập bạn gái của mình, do đó đã thất bại. Chiến thuật phải mưa lâu sẽ ướt áo và tất yếu phần thắng sẽ về mình. Với cái nghiệp làm giàu cũng phải có nghệ thuật, hay còn gọi là siêu nghệ thuật mới giàu lên được.

Thị trường có muôn màu, muôn vẻ, bởi lẽ “Thượng đế” người thích cái này, kẻ thích cái khác. Ở những thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội là những thị trường lớn, tiêu

thụ các sản phẩm chăn nuôi đa dạng: Gà công nghiệp, gà ta, thịt bò, thịt lợn, các đặc sản từ rừng, từ biển. Nhưng ở các đô thị nhỏ thì khác. Do vậy muốn tung sản phẩm ra thị trường để làm giàu thì phải tìm hiểu thị trường.

Bí quyết thứ hai: PHẢI TÌM HIỂU THỊ TRƯỜNG

Muốn làm giàu phải biết nghề và thông thạo về nghề, nhưng điều đó vẫn chưa đủ, mà phải biết ở những nơi nào người dân dễ kiếm tiền thì ở nơi đó chúng ta mới dễ moi tiền từ trong túi của họ. Muốn vậy phải tìm hiểu thị trường.

Ở nước ta có nhiều thành phố và đô thị, nhưng những đô thị lớn nhất vẫn là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng. Sát nách nước ta có Trung Quốc, xa hơn là Xingapo, Hồng Kông, Nhật Bản là những nước thường phải nhập sản phẩm chăn nuôi từ nước khác... Chính những nơi đây là nơi có thị trường đáng kể cho người làm nghề chăn nuôi quan tâm, nhưng nghề chăn nuôi cũng coi các thành phố lớn là thị trường tiêu thụ sản phẩm (thịt, trứng, sữa) nhiều nhất. Thủ đô Hà Nội một ngày tiêu thụ 200 tấn thịt các loại, hàng triệu quả trứng, hàng ngàn lít sữa và các sản phẩm khác.

Phải tìm hiểu thị trường cho kỹ rồi hãy tính toán đến sản xuất. Nếu không cứ ồ ạt mang hàng ra bất cứ nơi nào để bán thì chẳng khác gì mang sách báo bán cho người mù, đem kính râm tặng cho người cận thị. Nói cho rõ hơn, muốn tìm

hiểu thị trường để tung vào đó một sản phẩm nào đó, thì những điều quan trọng sau đây phải quan tâm tới:

1. Số dân cư sống trong thành phố đó, hay vùng nào đó, thị xã, thị trấn, thị tứ.

2. Mức sống hay còn gọi là mức thu nhập của dân cư trong vùng hay đô thị ấy ra sao?

3. Sản phẩm của mình định tung ra vùng ấy có ai đã xuất hiện chưa?

4. Sức tiêu thụ sản phẩm của mình trên thị trường đó mặt hàng nào là chính? Ví dụ: thịt lợn nạc hay thịt bò...

5. Người tiêu dùng sản phẩm muốn gì và có bình luận gì về sản phẩm của mình đã tung ra thị trường không? Ví dụ: Bán gà dò hay gà đã loại thải? Bán trứng vịt lộn hay trứng tươi?

6. Mạng lưới tiêu thụ sản phẩm đã phù hợp giữa nơi sản xuất và nơi tiêu thụ chưa? Cần đại lý hay cửa hàng của chính mình?

7. Thời điểm nào thì sản phẩm nào được tiêu thụ ở thị trường nhiều nhất. Chẳng hạn ngày rằm (15) tháng giêng hàng năm gà trống Ri có khối lượng từ 1,2 - 1,5kg/con năm nào cũng bán chạy vì nó phục vụ cho “đi lễ cả năm không bằng ngày rằm tháng giêng”.

Sau khi phân tích và giải đáp được những vấn đề trên thì sản phẩm sản xuất ra chắc chắn sẽ được tung ra thị trường và được thị trường chấp nhận. Thị trường chấp nhận, tức bạn đã có tiền.

Tuy vậy điều mà tôi phải nhắc ở đây thêm là:

Mẫu mã và kiểu dáng phải được người tiêu dùng ưa thích. Ví dụ ngành may mặc có kiểu dáng thời trang, ngành chăn nuôi có thịt lợn nạc nhiều, mỡ ít, lòng đỏ trứng gà tươi, gà Ri thịt chắc và ngọt.

Chất lượng hàng hóa phải bảo đảm cả về màu sắc lẫn hàm lượng dinh dưỡng cao. Thí dụ: Cá tươi, thịt thơm và có màu sắc theo chủng loại.

Mẫu mã, kiểu dáng, chất lượng sản phẩm chưa đủ khả năng thuyết phục “thượng đế”, mà vấn đề giá cả cũng là yếu tố hấp dẫn và lôi cuốn khách hàng.

Nên hiểu rằng: Tìm hiểu thị trường không có nghĩa là xác định nhu cầu, thị hiếu, sức mua hiện tại của người tiêu dùng mà còn phải dự đoán khuynh hướng tương lai thị trường sẽ đòi hỏi sản phẩm gì để tổ chức sản xuất. J.Sherman¹ đã nói: Cách tiên đoán tương lai hay nhất là xét ở quá khứ. Chẳng hạn, có một thời gà công nghiệp tràn ngập thị trường mà không ế ẩm, nhưng ngày nay gà công nghiệp dần dần đã phần nào giảm xuống, các giống gà Ri, gà Tam hoàng đã và còn phát triển lâu dài ở khắp nơi trong nước bởi chất lượng và thị hiếu, thói quen của người Việt Nam. Bước vào thế kỷ XXI biết đâu những sản phẩm đặc

1. Andrew J. Sherman, tác giả các cuốn sách: *Mua lại và sáp nhập từ A đến Z; Nhượng quyền thương mại và cấp lixăng*, v.v..

sản như hươu nai, đà điểu... lại là sản phẩm sẽ được ưa chuộng đối với nhiều khách hàng có mức thu nhập khá bởi thịt hươu, nai, đà điểu ngon và không có cholesterol làm xơ cứng động mạch.

Muốn có thị trường phải có nhân viên tiếp thị. Nhân viên tiếp thị phải là người có năng khiếu giao tiếp và điều tôi muốn nói ở đây nữa là những người ấy cũng có dáng vóc và dung nhan lôi cuốn “thượng đế”. Họ phải là người hiểu biết về xã hội, về chính trị và luật pháp để chiếm lĩnh thị trường và làm giàu hợp pháp. Họ phải hiểu ý nghĩa của nụ cười không phải chỉ là nguồn hạnh phúc của gia đình, mà còn là thiện ý trong cái nghiệp thương trường.

Có một thị trường ổn định thì chắc chắn họ sẽ bán được nhiều sản phẩm và chẳng bao lâu họ sẽ giàu lên nhanh chóng. Và như vậy người muốn làm giàu phải chiếm lĩnh thị trường. Đây là điều tiên quyết cho những ai muốn làm giàu.

Bí quyết thứ ba: CHIẾM LĨNH THỊ TRƯỜNG

Đây là công việc quan trọng, quyết định sự phát triển của những ai muốn làm giàu. Việc chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi công sức và thời gian, trí tuệ rất lớn lao. Lenin đã từng dạy: Cướp chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền còn khó hơn nhiều. Ngành chăn nuôi của ta những năm 80 có sản phẩm thịt (lợn, bò...) đã được xuất sang Liên Xô (trước đây) và các nước Đông Âu, trứng muối, thịt vịt, lợn sữa xuất sang

Hồng Kông hàng chục ngàn tấn. Thế nhưng khi khối Đông Âu và Liên bang Xôviết tan rã thì thị trường của ta cũng không còn chỗ đứng.

Đã bước vào cơ chế thị trường, tức là chúng ta nghĩ rằng chúng ta đang “chiến đấu ở chiến trường”. Đã ở chiến trường thì một là thắng, hai là bại. Chỉ có thế thôi. Không có một sự thỏa thuận nào, một cam kết nào về phân chia quyền lợi cho dù là ngắn hạn hay lâu dài giữa những người bước vào cơ chế thị trường. Họ phải bí mật, bất ngờ để chiếm lĩnh thị trường. Họ phải sử dụng cả chiến thuật thứ nhất cự ly, thứ nhì tốc độ để chiếm lĩnh thị trường. Hãng thức ăn chăn nuôi CP, Procon Co (con Cò) và Vifoco đang cọ sát nhau để tồn tại ở Việt Nam. Các hãng vào Nam, ra Bắc để chiếm lĩnh thị trường.

Các thủ thuật chiếm lĩnh thị trường được bất cứ một ai bước vào thương trường đều phải sử dụng. Những thủ thuật này rất đa dạng, nó muôn màu, muôn vẻ, thiên biến vạn hóa. Tùy hoàn cảnh, tùy nơi, tùy lúc, để họ thích ứng với thị trường, phục vụ thượng đế theo mong muốn của thượng đế.

Bí quyết thứ tư: TẠO SẢN PHẨM PHÙ HỢP VỚI THỊ HIẾU VÀ TÚI TIỀN CỦA “THƯỢNG ĐẾ”

Ai ai cũng biết, xã hội ta ngày nay càng ngày càng văn minh, cuộc sống càng được cải thiện, do vậy đòi hỏi của con người càng cao. Có những

sản phẩm ngày qua và hôm nay đang được mọi người ưa thích thì dần dần đã trở thành lỗi thời hoặc không còn phù hợp nữa. Thí dụ lợn ỉ khổ mỡ dày 5 - 7cm, ngày xưa rất ưa chuộng, nhất là thời kỳ bao cấp, ai ai cũng mua mỡ để ăn dần, song bây giờ thì khác hẳn. Dân đô thị và thậm chí cả những vùng nông thôn người dân thích thịt nạc hơn thịt mỡ. Cha ông ta ngày xưa có câu ca “Chim ra giàng, gà mái ghẹ, bẹ (ngô) thâm râu, bầu rụng rốn” là loại sản phẩm mà người tiêu dùng ưa thích nhất. Bởi lẽ “chim ra giàng”, đây chính là lúc thịt không non, không nhão mà cũng không cứng, lông vật dễ, không có lông mao. “Gà mái ghẹ” thời kỳ này là tuổi trứng non bắt đầu xuất hiện, thịt chắc, ngực và đùi nở như “con gái dậy thì”. Giết thịt gà vào tuổi này không chỉ có chất lượng cao mà túi tiền cũng vừa với người tiêu dùng, bởi khối lượng gà Ri, lúc này chỉ đạt khoảng 1,2 - 1,4kg.

Tạo sản phẩm phù hợp với thị hiếu vừa túi tiền của “thượng đế” là vậy. Hay nói khác hơn theo kiểu thương trường: Chỉ có chất lượng sản phẩm, kiểu dáng và tính năng của sản phẩm mới có giá trị quyết định sự tồn tại và phát triển những sản phẩm mà người sản xuất muốn kinh doanh sản phẩm của mình. Điều cơ bản và bắt buộc, khi đã bước vào thương trường, bạn phải luôn luôn quan tâm tới phản ứng của thị trường, nghĩa là với khách hàng của bạn. Đừng nghĩ rằng,

cứ ra biển thì khắc biết bơi. Vì lẽ nếu bạn không cẩn thận có những đợt sóng biển bất ngờ đưa bạn ra tận nơi xa, thậm chí, sóng đưa bạn vào nơi “Vùng cấm”. Biển đề “Chỗ này cấm”, ý nói nơi đây là nguy hiểm, hãy coi chừng!

Trong chăn nuôi cải tiến mẫu mã, có nghĩa là phải luôn luôn cải tiến các công thức về giống, về thức ăn, về công nghệ nuôi dưỡng. Đối với giống cần phải bí mật về công thức lai tạo giống có năng suất cao. Có vậy mới độc quyền được về giống. Chẳng hạn hãng vịt Anh Đào (của Vương quốc Anh), nhờ bí mật công thức mà hãng này độc quyền hai giống vịt siêu thịt và siêu trứng. Các giống vịt này đã được phát triển ở 180 nước trên thế giới.

Bí quyết thứ năm: LUÔN LUÔN CẢI TIẾN NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG CỦA SẢN PHẨM

Nhu cầu và thị hiếu của con người không ngừng biến đổi theo chiều hướng ngày càng cao. Người ta thích ăn ngon mặc đẹp. Do đó ngày hôm nay, sản phẩm của bạn đang được thị trường chấp nhận, nhưng ngày mai sẽ trở thành lỗi thời hoặc rất ít khách hàng ưa chuộng, thậm chí họ còn thờ ơ, lãnh đạm. Chẳng hạn: Những năm 70 và 80 gà Plymouth dòng trắng, dòng vàng bán rất chạy. Đến nay các dòng gà này đã vắng bóng trên thị trường, nhường chỗ cho giống gà AA, 208, 308,

BE, SASSO vì những giống gà này cho thịt nhiều, lớn nhanh gấp đôi gà Plymouth hay HV85.

Do vậy bạn đừng bằng lòng với những gì mà đã đạt được mà lãng quên đi một điều: sự bằng lòng với thực tại chính là sự tụt hậu của tương lai. Một ví dụ về xuất khẩu gạo: Trước đây Hồng Kông nhập gạo của Quảng Đông, mỗi năm 200 ngàn tấn, nay Thái Lan có gạo trắng thơm, ngon, dẻo nên Quảng Đông đành phải nhường chỗ cho Thái Lan. Nước Anh có dịch bò điên phải nhường chỗ cho Ôxtrâylia xuất thịt bò sang Nhật Bản.

Giờ đây phong trào và chủ trương phát triển gà thả vườn có năng suất và chất lượng cao hơn gà Ri, thì không có gà nào hơn giống gà Tam hoàng dòng Jiangcun hoặc gà SASSO, Ai Cập... Nói như vậy, chúng ta phải luôn luôn đáp ứng thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng và phương hướng phát triển của ngành. Không tạo ra được sản phẩm mới, không nâng cao được chất lượng của sản phẩm để lôi cuốn người tiêu dùng để khẳng định sản phẩm của người sản xuất ra thì chắc chắn bạn sẽ sập tiệm. Giờ đây biết bao trang trại gà công nghiệp đều tan vỡ, thị trường đã không chấp nhận các giống gà này mà ưa thích gà ta, thịt ngon, gà Tam Hoàng... Thậm chí nhiều trang trại của người nông dân đã chọn giống gà Ri để nuôi và họ đã giàu lên nhờ nuôi gà Ri (sẽ chứng minh ở chương “Những gương mặt làm giàu từ chăn nuôi”). Giống ngan Pháp, ngan ta hiện đang

được thị trường ưa chuộng, vì dinh dưỡng của thịt ngan cao, giết thịt ở 12 tuần tuổi, hàm lượng đạm 21 - 22%, trong khi đó thịt vịt chỉ đạt 18 - 19%. Mỡ trong thịt ngan chỉ giới hạn 1 - 1,2%, nhưng mỡ ở thịt vịt chiếm 2,38%.

Bí quyết thứ sáu: LUÔN LUÔN ĐỊNH GIÁ CẢ THÍCH ỨNG VỚI KHÁCH HÀNG

Giá cả và giá trị là mối quan hệ “tương hỗ” không thể tách biệt nhau. Chẳng hạn cầu lớn hơn cung thì giá cả và giá trị dễ xô dịch và tạo cơ hội để giá nhích lên. Song nếu cung và cầu bằng nhau thì giá cả và giá trị sẽ chẳng còn có sự chênh lệch và cơ hội điều chỉnh giá trị chỉ có thể theo đồ thị giảm.

Sự thành công của các sản phẩm chăn nuôi tùy thuộc vào thời điểm và nhu cầu thị trường mà giá cả có sự thích ứng. Có thể cùng một sản phẩm có 3 mức giá: cao, trung bình và thấp. Có nhiều nhà chăn nuôi tưởng dịp lễ, ngày tết là đẩy giá lên, ép người mua phải chịu đắt. Nhưng họ đã lầm vì họ không hiểu rằng giá trị của hàng hóa và nhu cầu tối thiểu của người tiêu dùng loại hàng hóa đó. Cho dù bạn ở lĩnh vực ngành nghề chăn nuôi lợn, chăn nuôi trâu bò hoặc gia súc nhỏ: gà, vịt, ngan, ngỗng, chim hay sản phẩm của nghề thủy hải sản thì khi sản phẩm tung ra thị trường, bạn cần tuân thủ một công thức mang tính quy luật: Giá bán = giá vốn đầu tư + tiền lời.

Chúng ta phải nhớ rằng: một khi giá bán không xác được chính xác, vì giá vốn chưa được tính toán kỹ lưỡng, các chi phí khác chưa được tính vào giá bán thì giá của sản phẩm chắc chắn khó để người tiêu dùng chấp nhận và điều sẽ ập tới người chăn nuôi là: Một là, phải bán đồ, bán tháo; hai là, một cơ may nào đó giá sẽ phát lên được. Nhưng điều này với nghề chăn nuôi là “Trò chơi với lửa”. Với tấm lòng của người đã ở trong cái nghề “phân gio” này hơn 35 năm, tôi khuyên bạn rằng: Nghề chăn nuôi của chúng ta rất lắm rủi ro, nên khi có sản phẩm hãy định giá nhanh để tung ra thị trường và tiêu thụ gấp, cho dù giá thấp, nhưng trong đó đã có lời thì đừng nuối tiếc làm chi. Hãy bán ngay. Tuy vậy cũng có những lúc nhà chăn nuôi bán ra thị trường một loại sản phẩm nào đó với giá “cắt cổ” mà buộc “thượng đế” phải chấp nhận. Chẳng hạn có một năm nào đó gà trống dò có mẫu mã đẹp, có khối lượng 1,1 - 1,4kg/con mà ở thị trường ít thấy, nếu người kinh doanh biết tung ra vào chiều 30 tết âm lịch, khách hàng cần mua để cúng vào đêm giao thừa hay sáng mùng một tết đầu xuân, vì lẽ “tín ngưỡng” mà “thượng đế” không thể không chấp nhận. Tuy vậy tôi cũng nhắc các bạn muốn làm giàu từ chăn nuôi mà muốn kinh doanh món hàng này phải xem năm ấy có phải là năm “Dậu” không? Vì nếu là năm Dậu thì khách hàng lại chọn “chân giò”. Tuy vậy, một chu kỳ năm có 12

con giáp thì chỉ có một năm là Dậu, còn 11 năm vẫn có thể chớp thời cơ để làm giàu được nhờ “gà trống dò” nhưng nhớ là gà ta, chứ không phải gà trống công nghiệp.

H.N.Casson¹ đã nói: “Bất cứ lúc nào, chúng ta cũng phải chú ý rằng bốn phận cốt yếu của chúng ta là phải giữ lấy quyền lợi của chúng ta: Phải chú ý tự vệ đối với công chúng vì công chúng không bao giờ chịu trả cao hơn giá ta định đâu”.

Như vậy Casson đã dạy chúng ta: giá cả và giá trị phải lôi cuốn khách hàng. Nếu chúng ta định giá quá cao thì khách hàng sẽ xa lánh và ta sẽ mắc vào ngõ cụt và đem trứng chọi với đá rồi đấy.

Giá bán cũng phải mềm dẻo tùy lúc, tùy nơi, tùy phẩm chất của sản phẩm để thu hút khách hàng với mục đích không chỉ kiếm lợi, mà còn phải nghĩ tới tăng cường địa vị xã hội của hàng mình bán ra. Tạo nên sức mạnh của hàng hóa để gây ấn tượng không thể mờ phai, đó là nghệ thuật của người bán hàng.

Giá bán ra đừng bao giờ để tâm lý người tiêu dùng khi mua hàng của chúng ta có suy nghĩ “của rẻ là của ôi”. Do đó định giá bán phải có lời, nhưng lời hay không là phụ thuộc vào thương

1. Herbert N.Casson, tác giả của nhiều cuốn sách, như cuốn: *Làm nên; 400 lời khuyên để thành công trong kinh doanh*, v.v..

để có thích hàng của ta không. Đây là bí quyết của ai muốn làm giàu, nhất là đối với những bạn muốn làm giàu từ chăn nuôi lại vô cùng khó, vì nghề chăn nuôi không phải chỉ riêng một ai biết, mà phải hiểu rằng ở nước ta 90% người nông dân sống về nghề trồng trọt và chăn nuôi. Do vậy người muốn làm giàu từ chăn nuôi là người có thủ thuật riêng và bí quyết mà người chăn nuôi khác không biết. Chẳng hạn thị trường Hà Nội ngày nay, sản phẩm chăn nuôi từ Nam đưa tới, từ Bắc mang về, từ Tây đem lại, chưa kể hàng ngoại nhập tràn lan.

Điều kết của tôi về phần giá bán (giá cả) là sao cho giá bán xâm nhập thị trường rồi chiếm lĩnh và tiến đến độc quyền thị trường. Như thế sự giàu có chắc chắn đến với bạn.

Bí quyết thứ bảy: PHẢI CHỚP LẤY THỜI CƠ

Thời cơ khó mấy ai tạo được nếu không phân tích một cách kỹ càng những yếu tố khách quan có ảnh hưởng tới việc mình sẽ làm và có lợi.

Nhiều người có thể đạt được ước vọng của mình, nhưng chỉ khi nào người ấy phán đoán được thời cơ tương đối chính xác. “Thời cơ” đến với chúng ta như một “tia chớp”. Nếu không nhanh “chớp” lấy thời cơ để hành động thì thời cơ sẽ biến đi với tốc độ ánh sáng. Thời cơ và vận may đến với tôi, với anh, với mọi người vô cùng ít ỏi. Có khi cả một đời người mới chớp được thời cơ có một lần và có người suốt cuộc đời chỉ có mơ ước

mà chẳng có thời cơ nào đến với họ. Cho dù anh ở ngành này, tôi ở ngành kia; làm việc này hay việc khác dẫn đến thành công đều nhớ rằng: Xin đừng bỏ lỡ thời cơ. Đừng để bạn phải nuối tiếc, ân hận vì thời cơ đến mà bạn đã bỏ qua.

Một thí dụ minh họa cho thời cơ: Giờ đây giống ngan Pháp đang được thị trường ưa chuộng. Nhiều cửa hàng ăn có bảng “Đặc sản tiết canh ngan, bún ngan”. Như vậy “thượng đế” đang cần thịt ngan, thị trường đang đòi hỏi thịt ngan. Vậy bạn muốn làm giàu từ nghề chăn nuôi, xin bạn hãy “chớp lấy” thời cơ nuôi ngan Pháp đi. Một kilogram ngan Pháp giá trị bán ra thị trường gấp đôi gà công nghiệp (gà công nghiệp 15.000đ/kg nhưng thịt ngan: 25.000 - 35.000đ/kg thịt hơi). Gà giống SASSO giá bán cao hơn gà công nghiệp khác từ 4000 - 5000 đ/kg. Muốn làm giàu, mơ ước làm giàu từ nghề chăn nuôi, mỗi người trước hết đừng mơ ước viễn vông làm nhiều việc một lúc mà hãy làm một việc thật thành đạt, rồi từ đó rút kinh nghiệm. Rất hiếm có ai đó thành đạt trên nhiều lĩnh vực. Về sự kiện con cừu Dolly được công bố ngày 27/2/1997 trên tạp chí “Tự nhiên” của Tiến sỹ IanUynmút “Thế hệ con có khả năng sống bắt nguồn từ tế bào thai và *tế bào trưởng thành của động vật có vú*, nghĩa là từ nhân của một tế bào thân thể (soma) có thể trở lại trạng thái phát triển từ đầu, qua các xử lý nhân tạo có thể trở thành một cơ thể hoàn chỉnh

là con cừu Dolly. Sự kiện này báo hiệu rằng thế kỷ XXI là thế kỷ của sinh học. Và thời gian để có con cừu Dolly, tác giả của nó và 4 cộng sự đã mất 22 năm.

Nói lên sự việc trên để chứng minh rằng các bạn muốn làm giàu từ chăn nuôi hãy kiên nhẫn, lựa chọn, chớp thời cơ để thành đạt. Bạn hãy mạnh dạn lên, xắn tay áo lên miệt mài với cái nghề chăn nuôi. Hãy trau dồi kiến thức và mở rộng mối quan hệ thật lành mạnh và trong sáng, tốt đẹp ngoài xã hội. Nếu làm được như vậy *“thời cơ làm giàu từ chăn nuôi”* sẽ đến với bạn. Bạn hãy có khát vọng với nghề chăn nuôi để làm giàu thì thời cơ sẽ đến với bạn, cho dù thời cơ đến với bạn chỉ lướt nhanh như một tia chớp. Ai thông minh, nhanh nhạy thì đón được thời cơ, còn ai khù khờ thì thời cơ sẽ đi mất. Thời cơ dù nhỏ cũng phải chớp lấy. Tích tiểu thành đại. Ông Sáu Vện ở huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh từ 2 chỉ vàng (khoảng 1 triệu đồng Việt Nam) nay ông đã trở thành tỷ phú, vì ông đã chớp được thời cơ nuôi vịt Super Meat (siêu thịt) và siêu trứng giống Khakicampbell, biết kết hợp chăn nuôi vịt với thả cá.... (sẽ nói kỹ ở chương: Những gương mặt làm giàu từ chăn nuôi).

Thời cơ không tự đến với bất cứ ai, bạn hãy tìm đến với thời cơ như “bướm tìm hoa”. Đừng bao giờ nghĩ “há miệng chờ sung”. Bạn muốn thưởng thức một hương vị của cam Bố Hạ hay

bưởi Canh Diễm, nhãn lồng Hưng Yên, vải thiều Thanh Hà, xin mời bạn hãy trèo lên cây hái lấy nó để rồi thưởng thức vị thơm ngon của những trái cây nổi tiếng ấy.

Thời cơ không phải là một vật thể có thể sờ nắm được, do đó khó nhận biết được thời cơ. Tuy nhiên qua việc làm, bạn có thể nhận biết được thời cơ sẽ đến hoặc đang đến với bạn bằng dựa vào những biến đổi hàng ngày trong công việc, trong cuộc sống.

Chẳng hạn: Hiện nay bạn đang nuôi gà công nghiệp HV85, nhưng năng suất thấp, chắc chắn gà con mới nở sẽ ít người mua cho dù bạn bán với giá rẻ như cho, họ cũng ngần ngại. Nhưng nếu bạn chuyển sang nuôi gà AA, BE, SASSO hoặc gà thả vườn dòng Jiangcum thì khách hàng sẽ đến tới bạn rất nhiều. Như vậy bạn đã nhận biết và chớp được thời cơ rồi đấy.

Nếu bạn “sống vị nghệ, tử vị nghệ” thì những cơ hội sẽ luôn luôn hiện ra trước mắt bạn hằng giờ, hằng ngày. Bạn hãy vất óc tìm cơ hội và say sưa về nghiệp như bạn đã từng say sưa với tình yêu. Sự giàu có nhất định sẽ đến với bạn.

Muốn chớp thời cơ, xin bạn đừng bao giờ tự ti, phải học tập, phải đọc sách. “Không có sách thì không có tri thức”. Một nhà hiền triết đã từng dạy chúng ta: “Trong mọi việc nên tận dụng những cơ hội trước mắt hơn là chăm chăm làm cho cơ hội nảy sinh”.

Bí quyết thứ tám: THAY ĐÀN ĐỔI GIỐNG, SẮP XẾP LẠI VẬT NUÔI THEO VÙNG SINH THÁI

“Tốt giống tốt má, tốt mạ, tốt lúa”. Đó là đúc kết của những lão nông tri điền với nghề nông. Nhưng với nghề chăn nuôi, có giống tốt, sẽ có sản phẩm chăn nuôi tốt.

Trong những năm 70 trở về trước chọn lợn nuôi, người nuôi đều nghĩ và chọn lợn “tai lá mít, đít lông bàn” để mua về nuôi lợn thịt. Đó là nuôi lợn ỉ ngày xưa. Hình ảnh này trong tác phẩm *Việc làng* của Ngô Tất Tố đã miêu tả.

Nhưng ngày nay, nếu nuôi lợn thịt phải chú ý giống có nhiều nạc để thực hiện được mục tiêu nuôi lợn “nạc như cá”. Muốn vậy, khi nuôi lợn thịt chỉ có cách chọn lợn giống Landrace, lợn Yorkshire mông nở, vai to, 4 chân vững chắc, mắt sáng, tinh nhanh, đuôi luôn ve vẩy, lông thưa bóng mượt và đương nhiên phải phàm ăn. Với công nghệ ngày nay, nuôi lợn thịt mau lớn chỉ có cách chọn lợn khoảng 18kg, sau đó nuôi 4 tháng đạt, 90 - 100 kg. Như vậy một năm quay 3 vòng ăn chắc. Làm thế đồng tiền quay vòng nhanh và sau một lứa lợn, một con tùy theo thời giá, khi bán lợn, trừ mọi chi phí, ta có dư 400 - 500 ngàn đồng (xấp xỉ một chỉ vàng) là có lời rồi đó.

Giống tốt tất đắt giá, cám tốt tất giá không hạ. Điều cốt yếu là “Đất sắt ra miếng” và phải tính toán cho kỹ một kilôgam tăng lên, chi phí

thức ăn thấp nhất khoảng 2,5kg là hiệu quả lắm rồi. Nếu thấp hơn thì càng tốt, vì trong chăn nuôi 70 - 80% thức ăn dồn vào chi phí.

Các vật nuôi trâu, bò, gà, vịt, ngan, ngỗng đều cho thịt nhưng không phải ở mỗi nhà, mỗi vùng sinh thái đều nuôi các vật nuôi giống nhau.

Ở vùng núi dừng bao giờ bỏ quên vật nuôi thuộc loài nhai lại: trâu, bò, dê. Ở vùng đồng bằng sông Hồng hay đồng bằng sông Cửu Long, có thể tùy theo từng nơi mà kết hợp để nuôi các vật nuôi khác nhau. Vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long không thể bỏ qua con vịt. Nuôi vịt siêu thịt, siêu trứng. Vịt siêu thịt 42 ngày tuổi có thể đạt trên 3kg. Vịt siêu trứng một năm cho 240 - 280 quả trứng, năng suất gấp gần 3 lần vịt nội (vịt cổ).

Vùng duyên hải nhiều don dất chớ bỏ quên nghề nuôi vịt, vì vịt có bộ máy tiêu hóa diệu kỳ nghiền nát những vỏ sò, don dất để tạo chất khoáng cho vỏ trứng, cho dinh dưỡng có thể.

Khúc ruột miền Trung “chưa mưa đã úng, chưa nắng đã hạn”, sao có thể thiếu được con bò ở vùng này đối với bà con nông dân. Nhưng nuôi bò lấy thịt hay lấy sữa cùng là câu hỏi phải trả lời. Tốt nhất là nuôi bò vàng lai với Zêbu vừa cho thịt kiêm phần cày kéo.

Vùng cao nguyên Lâm Đồng, Mộc Châu nuôi bò sữa với giống Hà Lan hay lai bò Hà Lan với bò lai Zêbu. Chắc chắn cuộc cách mạng trắng

sẽ thành công ở nơi đây. Từ 1700 - 2900kg sữa cho một chu kỳ 300 ngày của bò lai F1 là điều không cần phải suy nghĩ. Bò thuần Hà Lan 4.000 - 4.500kg sữa hoặc hơn cũng là điều khẳng định. Nhưng bạn ơi, đừng quên cho bò ăn đầy đủ cỏ xanh và cỏ ủ chua mỗi ngày. Có thể cho ăn tự do, càng tốt cho việc cho sữa.

Vùng bán sơn địa nuôi “con bò của người nghèo” - đó là con dê, ít vốn, tận dụng thức ăn rau cỏ, lá cây, cho ta sữa, thịt. Tái dê chấm với tương gừng, lẩu dê đang là món ăn đặc sản. Nguồn thu hái ra tiền khi “pho mát từ sữa dê” đang chuẩn bị ra đời ở vùng đồi mía Ba Vì, báo hiệu một nghề mới giúp nông dân nơi đây sẽ giàu lên từ con dê, nhất là nuôi dê sữa Bách Thảo, Barbari Ấn Độ. Một ngày dê cho 1,8 - 2 lít sữa, bạn sẽ thu được ít nhất 12.000 - 14.000đ/con dê sữa.

Mỗi giống vật nuôi đều thích ứng với từng vùng sinh thái. Một bài học nhớ đời: Trâu Mura đưa vào Phùng Thượng (Ninh Bình) nuôi, nơi có nhiều vùng chăn thả quanh năm trũng nước nên sán lá gan đã làm suy yếu đàn trâu, do đó chẳng bao lâu Trung tâm trâu Phùng Thượng đã mất đi tất cả. Tương tự Nông trường Phú Mãn (Hà Tây cũ), Nông trường Thái Bình (Lạng Sơn) nuôi bò Brakman trắng cũng chuốc lấy thất bại. Trại vịt Hormon (thành phố Hồ Chí Minh), trại vịt - dự án FAO - Phước Long cũng ra đi âm thầm lặng lẽ 12.000 con vịt ở huyện Trà Cù (Vĩnh Long) không

còn một con, vì nơi đây chưa có kinh nghiệm nuôi vịt trái vụ (nuôi vịt giữa mùa khô) nóng bỏng.

Con trần nuôi ở miền Nam dễ dàng biết mấy, nhưng ở miền Bắc thì không mấy thuận chiều. Bởi miền Bắc mùa mưa thì tầm tã suốt ngày. Mùa nắng đến cháy da cháy thịt. Mùa rét gió bắc mưa phùn, buốt đến tận xương, xé từng mảnh da. Còn mùa xuân tuy là mùa đâm chồi nảy lộc, muôn hoa khoe sắc, nhưng ẩm ướt đến ngạt thở.

Bởi vậy bạn muốn nuôi con gì, ở vùng nào tùy bạn, hãy nhớ lấy câu ông cha ta đã dạy: “Đáo giang tùy khúc”.

“Nhập gia tùy tục” thì trăm trận đánh, trăm trận thắng, là điều bạn phải bản khoăn, suy nghĩ vấn vương. Bạn hãy tin vào điều tôi nói.

Bí quyết thứ chín: SỬ DỤNG NHÂN TÀI, HAY CÒN GỌI LÀ CHIÊU HIỀN ĐÃI SĨ

Những người có tài thường hay có “tật”. Họ thường hay kiêu căng, ít chịu nghe, hay tranh cãi với những “sếp” của họ. Cá tính của họ là phớt sự đời, thờ ơ với mọi đàm tiếu xung quanh. Với họ thì thời gian là vàng ngọc, tất cả cho công việc có thể thâm đêm, suốt sáng. Họ không bao giờ bằng lòng với hiện tại và luôn luôn muốn tìm kiếm những cái mới để phục vụ cho mục tiêu mà công việc họ đang theo đuổi. Họ thường có những sáng kiến, cải tiến những công việc, cho dù cái ấy là nhỏ nhặt, vì họ muốn sao cho sản phẩm của họ làm ra chi phí ít nhất. Nếu không biết sử

dụng họ, họ sẵn sàng rũ áo ra đi mà không hề nuôi tiếc, thậm chí họ còn phá cả những gì mà họ đã làm ra. Thực sự mà nói, đúng là người có tài - có thể nói là thiên tài thì không bao giờ họ kiêu căng, tự phụ cả, họ chỉ miệt mài với công việc mà thôi. Cái nghiệp chăn nuôi của chúng ta có muôn vàn rủi ro, sớm nắng chiều mưa. Do vậy ngoài kiến thức của chúng ta chưa đủ mà chúng ta cần tập hợp trí tuệ của những nhà khoa học và kinh nghiệm của những người “miệng nói tay làm” trong nghề chăn nuôi đã lâu năm. Trong cả đời người có ai mà chẳng mắc một sai lầm, phạm phải những bài tính mà đáp số không như họ tính. Chỉ có điều lường trước mà tránh, đừng để lặp đi lặp lại nhiều lần. Chính vì vậy mà nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*“...Một lần ngã là một lần bớt dại
Để thêm khôn một chút nữa trong người...”*

Với cái nghiệp chăn nuôi, chọn người tài không phải như “lá mùa thu” đâu, do đó các bạn muốn làm giàu từ chăn nuôi, tôi chỉ có một lời khuyên: Kinh nghiệm riêng ta chưa đủ, phải thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng người tài thì chắc chắn chúng ta sẽ thành công. Người thật sự có tài sẽ chẳng thiếu gì nơi đón chào họ và họ cũng chẳng bao giờ chịu cúi mình trước bất kỳ ai, vì họ thực sự tin vào tài năng của mình.

Họ có tài thực sự, khi đi qua chuồng lợn nái nuôi con, họ chỉ ngửi mùi đã khẳng định trong

chuồng có lợn con đi ngoài phân trắng; sờ vào tai lợn là biết lợn đang sốt cao và ốm vì bệnh gì; nhìn qua phân họ xác định ngay bệnh của gia súc ấy mà không cần mổ khám hay chẩn đoán trong phòng thí nghiệm.

Bạn muốn làm giàu từ nghề chăn nuôi nên nhớ rằng, “chiêu hiền đãi sĩ, trọng dụng nhân tài” là bí quyết có tính quyết định cho nghiệp của bạn. Cha ông ta đã dạy “Phi trí bất hưng” là như vậy đó.

Bí quyết thứ mười: LUÔN LUÔN NHẠY BÉN VỚI THÔNG TIN

Thời buổi cơ chế thị trường, thông tin là một trong những yếu tố thành bại của bất cứ một lĩnh vực hoạt động nào. Ngày nay người ta coi hệ thống thông tin như một mạch máu lưu thông của cơ thể con người. Mất thông tin tựa như ở con người trái tim ngừng đập. Bằng hệ thống internet, ngày nay người ta có thể biết tất cả những gì đang diễn ra trên hành tinh này. Không có thông tin, không nhạy bén với thông tin chẳng khác nào “ếch ngồi đáy giếng”, người mù không biết đường đi.

Chính vì tầm quan trọng của thông tin mà ngày nay đất nước ta, bằng hệ thống viễn thông, cáp quang đã giảm đi biết bao chi phí đi lại, thời gian mà hiệu quả công việc còn cao hơn khi phải trực tiếp giao dịch.

Chính nhờ có thông tin mà bệnh bò điên của nước Anh không lây truyền sang nơi khác. Cũng

vì bò điên mà Nhật Bản, Hồng Kông không nhập thịt bò của Anh, tạo cơ hội cho Ôxtrâylia tiếp cận vào thị trường Nhật để bán thịt bò. Gần đây ở Đài Loan lợn mắc bệnh lở mồm long móng, do vậy Nhật Bản đã từ chối không nhập thịt của Đài Loan mà nhập Ôxtrâylia.

Cũng nhờ nhạy bén với thông tin, trại vịt giống VIGOVA thành phố Hồ Chí Minh và mạng lưới các tỉnh phía Nam đang nuôi hàng triệu vịt CV Super M1, nhưng được biết hãng vịt Cherry Vally Vương quốc Anh mới thành công CV Super M2, năng suất cho thịt tăng 10% ở cùng độ tuổi. Chính nhờ vậy trại VIGORA và Hội nuôi vịt đã nhập CV Super M2 nên đã thúc đẩy nghề nuôi vịt ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh mẽ.

Nhờ biết thông tin ở Ôxtrâylia, Trung Quốc, Malaixia, Thái Lan đang phát triển nuôi đà điểu - một vật nuôi có hiệu quả hơn nuôi bò, nên Việt Nam cũng đã bắt đầu nuôi đà điểu với hai giống đà điểu châu Phi và đà điểu Ôxtrâylia. Đây là vật nuôi chuẩn bị cho thế kỷ XXI để con người thưởng thức những sản phẩm từ những động vật hoang dã, nhưng lại có chất lượng bảo đảm cho nhu cầu của con người ngày càng đòi hỏi cao hơn. Không những thế thịt đà điểu còn kéo dài sự tươi trẻ và tăng tuổi thọ của con người bởi chất cholestron trong thịt có với tỷ lệ không đáng kể.

Chính nhờ nhạy bén với thông tin mà biết bao trang trại chăn nuôi đã biết kết hợp một

cách hài hòa giữa cây trồng và vật nuôi, giữa hệ thống vật nuôi với nghề thủy hải sản mà đồng tiền sinh lời từ một mét vuông nước, mặt đất so với đơn thuần chỉ cấy lúa. Nhờ nhận biết được thông tin mà người chăn nuôi đã biết thay đổi giống, đưa năng suất chăn nuôi theo kịp với nhu cầu của người tiêu thụ qua mẫu mã và chất lượng sản phẩm. Nhiều nơi bà con nông dân chuyển không nuôi gà công nghiệp mà nuôi ngan Pháp dòng loang (R31) và dòng trắng (R51). Dòng loang có năng suất về thịt hơn 10% so với dòng trắng, do đó họ đã đổ xô và nuôi ngan dòng R31.

Qua đó chứng minh rằng nhanh nhạy với thông tin có lợi biết chừng nào và cho bất cứ một ngành nào, nhất là với ngành chăn nuôi thường hay chịu nhiều rủi ro. Do đó bạn chăn nuôi con gia súc, gia cầm nào cho dù ở quy mô to hay nhỏ cũng cần luôn luôn lượm lặt thông tin xem quanh ta có những trại chăn nuôi nào? Họ làm ra sao? Trại họ có dịch bệnh hay không? Dịch bệnh gì để bạn phòng chống từ xa. Càng quan trọng hơn khi mua giống của họ.

Điều tốt nhất khi bạn muốn thực sự làm giàu từ chăn nuôi, bạn đừng tiếc gì một vài triệu đồng để mắc điện thoại. Nếu có điện thoại hai cục và có độ dài tự máy cái và máy cầm tay càng xa, càng tốt. Tốt nhất, khi bạn đã ăn ra làm nên, chiếm lĩnh được thị trường, khách hàng đã gửi gắm tất cả niềm tin vào bạn và bạn đã là ông

chủ, thì tiếc gì bạn không sắm cái Mobiphone (điện thoại di động), bạn sẽ chinh phục được tất cả, bởi lẽ bạn chủ động nắm thông tin trên khắp hành tinh này, cho dù bạn ở nơi nào.

Bí quyết thứ mười một: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SẢN XUẤT THỰC PHẨM SẠCH

Vấn đề bảo vệ môi trường, sản xuất thực phẩm sạch đang là vấn đề bức xúc không phải ở nước ta mà ở toàn cầu. Muốn bảo vệ môi trường, sản xuất thực phẩm sạch (thịt, trứng, sữa và rau quả...), điều quan trọng là phải chống ô nhiễm.

Theo từ điển thì hai chữ “ô nhiễm” có gốc ở từ “pollutio”, một từ latinh ở thế kỷ XII của nhà thờ và có nghĩa là làm uestạp.

Trong nông nghiệp, trong đó có chăn nuôi đã gây ra ô nhiễm. Đối với cây trồng bắt nguồn từ phân bón. Đối với chăn nuôi bắt nguồn từ phân súc vật và nước rửa chuồng. Nước ta hiện có khoảng 29 triệu con lợn, 6 triệu con bò và 2,95 triệu con trâu. Với lượng gia súc này chúng thải ra hằng năm từ 60 - 65 triệu tấn phân. Dân số nước ta đến nay có 86 triệu người thải ra khoảng 35 triệu tấn phân bắc. Phân người, phân gia súc đã thải ra làm ô nhiễm môi trường ghê gớm, nhưng chúng ta đều không biết hoặc biết nhưng “điếc không sợ súng”. Từ nitrat sẽ biến thành nitrit. Nitrit nếu còn dư đọng trong sản phẩm chăn nuôi thì con người ăn các thực phẩm (thịt,

trứng, sữa) dễ gây các bệnh đường máu như ung thư hoặc các bệnh do nhiễm độc từ thức ăn.

Ngoài ra con người còn phải chịu đựng các chất ô nhiễm từ không khí như chất dioxyt lưu huỳnh (SO₂), ôxyt nitơ (NO). Chất này gây hậu quả hô hấp cho con người. Chất ôxyt cacbon (CO) khi xâm nhập vào máu, nó sẽ cản trở việc vận tải ôxy trong máu, do đó gây chóng mặt, rối loạn cảm giác, có thể khiến mỡ tích lại trong máu và do đó làm tắc động mạch.

Bởi vậy muốn có sản phẩm sạch, người chăn nuôi phải chú ý đầu tiên là thực phẩm dành cho vật nuôi không ôi, mốc, thối rữa, nhất là nấm mốc Aflatoxin. Môi trường và cuộc sống của các sinh vật, trong đó có con người và vật nuôi là hệ sinh thái như hình với bóng. Môi trường xấu sẽ dẫn đến sinh vật không tồn tại. Qua các niên đại địa chất lâu dài, sự phát triển của các loài mới đã vượt qua mức hủy diệt, do thế giới mà chúng ta đang thừa hưởng là vô cùng phong phú về mặt sinh học. Tuy nhiên, gần đây tiến trình đó đã bị đảo ngược lại do việc tàn phá nơi sống và sự ô nhiễm môi trường.

Theo các số liệu thống kê tuy chưa chính xác, trong số 9600 loài chim, thì có khoảng 3000 loài có số lượng ổn định hoặc đang tăng, còn 6600 loài đang suy giảm trong đó khoảng 1000 loài đang có nguy cơ tuyệt giống. Nguyên nhân là nơi ở của chúng bị phá hoại, ô nhiễm và săn bắn,

rừng nhiệt đới bị đốt. Ở Bắc Mỹ, quần thể của 10 loài vịt thông thường đã giảm từ 37 triệu con (1955) xuống 25 triệu con (1992). Hậu quả này là do việc phá 1/2 số đất ngập nước mà vịt sử dụng để sinh sản, nghỉ ngơi và kiếm mồi. Còn có những loài chim di cư trên quãng đường dài từ châu Âu sang châu Phi là do việc nơi ở và kiếm sống của chúng bị phá hủy. Vào năm 1920, loài chim bồ câu bay xa ở Bắc Mỹ và chim gõ kiến lớn của Mêhicô cũng biến mất vào năm 1958. Chim là chỉ số thông báo rõ nhất tình trạng xấu hay tốt của trái đất. Chưa hết, tầng ôzôn bình lưu bị “chọc thủng”. Các nhà khoa học cho rằng: Nếu lỗ thủng của tầng ôzôn mở rộng ra các vùng khác, tia cực tím sẽ đến bề mặt trái đất ngày càng tăng thì tất cả mọi hình thức sống trên đất liền và biển cả sẽ bị hủy diệt. Do đó vấn đề bảo vệ môi trường là vô cùng bức xúc. Trong chăn nuôi, các chất ô nhiễm là nitrat.

Sau đó phải chú ý đến nguồn nước để cho gia súc uống và tắm rửa cho chúng. Nguồn nước sạch phải được lấy từ nước ngầm, giếng khoan có độ sâu nhất định từ 30m hoặc hơn thì mới chống ô nhiễm từ nước trên bề mặt thấm xuống.

Làm được như trên tức là chúng ta đã sản xuất được sản phẩm sạch. Rau sạch, thịt sạch đang được mọi người quan tâm. Như vậy, bạn sẽ thu được giá cao hơn và chắc chắn bạn sẽ có lời hơn. Một ví dụ sống động: Hiện nay huyện

Thanh Trì nuôi cá bằng nước thải của thành phố. Người mua về phải chịu mùi tanh của cá lẫn với mùi bùn khi ăn cá đã nấu chín. Vịt nuôi ở hồ ao nước tù hay nước thải của thành phố chưa được xử lý đã làm cho thịt vịt có mùi hôi của bùn. Cũng cá và thịt vịt nếu nuôi ở Hồ Tây hay một nơi nào khác nước không bị ô nhiễm, không khí trong lành thì chất lượng khác hẳn.

Các bạn chăn nuôi muốn làm giàu hãy sản xuất sản phẩm sạch để đưa vào siêu thị, “thượng đế” sẽ chẳng ngần ngại với giá cao hay thấp, vì “thượng đế” đã nghĩ rằng hàng ở nơi đây bán ra chắc chắn không chỉ có chất lượng cao mà còn bảo đảm cả cân lạng.

Như chúng ta đã biết, phân và nước tiểu thải ra gây ô nhiễm môi trường vì trong phân và nước tiểu chứa nitrat. Muốn khắc phục tình trạng này, cách tốt nhất là dùng túi hay hố biôga sẽ chống ô nhiễm môi trường, gia súc sẽ hay ăn chóng lớn và tạo được môi sinh không chỉ cho con người mà cả gia súc nữa, bởi chúng ta đã hạn chế một lượng đáng kể khí mê-tan (CH_4).

Bí quyết thứ mười hai: QUÝ CHỮ “TÍN” HƠN VÀNG

Ngày xưa cha ông ta đã có câu “Một sự bất tín, vạn sự bất tin”. Đúng là như vậy. Nhưng giữ chữ “tín”, không phải thông qua quảng cáo tuyên truyền trên các thông tin đại chúng, như báo, đài phát thanh hoặc trên màn hình nhỏ, thậm chí

cả những tờ bướm tung đi mọi nơi để cho khách hàng biết đến và tin rằng sản phẩm bán ra của họ đã khiến cho họ tin ngay.

“Trăm nghe không bằng một thấy”. “Đừng nghe họ nói hãy nghe họ làm”. “Tất cả đều tốt cả, nếu cuối cùng là tốt”. Bạn có thể có rất nhiều người bạn. Nhưng tìm được một người bạn tốt, thật tốt không phải là dễ. Một người bạn hoàn toàn tin tưởng lại càng khó hơn. Có thể một ngàn người mới tìm được một người đấy, bạn ạ.

Tất cả những điều tôi đã viết đều muốn toát lên một ý là hãy gửi chữ “Tín” vào sản phẩm của mình làm ra.

Chẳng hạn một mặt hàng về giống vật nuôi, như con ngan Pháp dòng R31 nặng cân, màu loang trắng đen, tăng 10% so với dòng R51 màu trắng khi ở cùng lứa tuổi. Cả hai dòng này ở tuổi bóc trứng đều có màu lông gần giống nhau. Nếu bạn lập lòe đánh lộn con đen, bạn nói dòng R51 là dòng R31 để lấy với giá hiện nay là 12.000 - 15.000đ/con. Khi nuôi khoảng 1 tuần màu lông phân biệt rất rõ. R31 màu xám và vàng; còn R51 màu vàng. Như vậy khách hàng sẽ nghi ngờ và chắc chắn họ sẽ không bao giờ tin vào sản phẩm của bạn nữa là đúng với mẫu mã và chất lượng. Thế là chữ “tín” không giữ được. “Gậy ông lại đập lưng ông” rồi đấy, bạn ơi!

Một thí dụ khác, mỡ sữa của các giống bò sữa của ta hiện nay thường chiếm từ 4 - 4,5%. Nhưng các bạn mang sữa phục vụ cho người tiêu

dùng hoặc bán cho nhà máy chế biến sữa như Vinamilk chẳng hạn, bạn pha thêm nước lã để tăng khối lượng sữa lên. Khi người kiểm tra chất lượng phát hiện ra với một dụng cụ chuyên dùng thì lúc đó chắc chắn bạn không còn cách nào để chối cãi. Hậu quả sẽ là: không có ai tiêu thụ sữa cho bạn nữa. Ôi tai hại làm sao!

Giờ đây sữa bò Ba Vì đang được thị trường tiêu thụ ư chuộng ở nhiều nơi, đặc biệt là Hà Nội... bởi chất lượng ở đây đích thực là nguyên chất. Nếu các bạn có dịp đi qua một cửa hàng nào đó có bán sữa bò Ba Vì, mời bạn đi vào thưởng thức một cốc sữa chua hay một ly sữa thanh trùng bạn sẽ thấy thế nào là sữa bò Ba Vì, bởi vị ngọt thơm của mùi hoa cỏ thiên nhiên. Chỉ một lần thôi, bạn sẽ không bao giờ quên. Và giờ đây các sản phẩm của Nestlé đã chiếm lĩnh hầu hết các nước trên thế giới, chính vì ông chủ của nó đã quý chữ “tín” hơn vàng. Nhiều sản phẩm được chế biến từ ngũ cốc mang nhãn hiệu Nestlé đang lan tràn khắp mọi nước trên thế giới, cũng chính vì chữ “tín” của Nestlé.

Bí quyết thứ mười ba: VẬN DỤNG NHỮNG KINH NGHIỆM TỐT CỦA CHĂN NUÔI TRUYỀN THỐNG KẾT HỢP CHĂN NUÔI HIỆN ĐẠI

Kinh nghiệm chăn nuôi của các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam thì việc áp dụng những kinh nghiệm chăn nuôi truyền thống

Việt Nam và chăn nuôi hiện đại của thế giới, nhất là các nước phát triển như Mỹ, Anh, Pháp, Niu Dilân, Ôxtrâyliã... là hết sức hữu ích. Chúng ta cần kết hợp hài hòa chăn nuôi quảng canh, chăn nuôi gia đình của các hộ nông dân và chăn nuôi theo kiểu thâm canh công nghiệp thì sẽ mang lại hiệu quả kinh tế nhanh.

1. Chăn nuôi quảng canh

Đây là phương thức ở những nước đất rộng (Mỹ, Niu Dilân, Ôxtrâyliã...), còn ở Việt Nam, nơi nào có rừng, có đồi cỏ, có diện tích rộng như trung du, miền núi phía Bắc, miền Trung, chúng ta cần thực hiện chăn nuôi quảng canh để phát triển chăn nuôi bò thịt, trâu thịt, dê thịt... Ngay từ bây giờ, nếu Nhà nước có chính sách tốt thì chăn nuôi quảng canh sẽ phát triển nhanh ở các vùng núi phía Bắc, vùng Ninh Thuận, Bình Thuận, vì ở nơi đây có nhiều gia đình đã nuôi hàng trăm bò thịt, hàng trăm dê thịt. Dê Bách Thảo xuất xứ từ nơi này và nhiều gia đình đã giàu lên từ nghề nuôi dê quảng canh. Cứ 1kg dê giống Bách Thảo giá 45.000đ, thì chỉ cần hai dê có khối lượng 100 kg, họ đã thu 4.500.000đ. Lao động và các chi phí khác rất ít. Họ giàu nhanh là điều tất yếu.

2. Chăn nuôi gia đình

Ở tất cả các nước phát triển và đang phát triển, chăn nuôi gia đình vẫn giữ vai trò quan

trọng trong việc sản xuất thịt, trứng, sữa cho nhu cầu của dân và cho xuất khẩu. Ở Việt Nam, mục tiêu của Nhà nước đến năm 2020 một người dân sẽ tiêu thụ 56kg thịt, 140 quả trứng và 10 lít sữa/người/năm. Số thực phẩm này vẫn do các hộ nông dân sản xuất ra, vì 90% tổng số đầu gia súc, gia cầm đang được nuôi ở gia đình nông dân. Kiểu chăn nuôi này rất đa dạng, vì mỗi gia đình có những hoàn cảnh và điều kiện kinh tế, xã hội, trí thức khác nhau, điều kiện địa lý, khí hậu, đất đai, đặc biệt là nguồn thức ăn để nuôi gia súc cũng khác nhau. Ví dụ: đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu nuôi lợn và nuôi vịt; đồng bằng sông Hồng nuôi lợn là chính; Duyên hải miền Trung và Khu bốn cũ nuôi bò là chủ yếu; miền núi phía Bắc nuôi trâu chiếm đa phần so với gia súc, gia cầm khác.

Các bạn chăn nuôi ở gia đình ngoài nguồn thức ăn sẵn có như ngô, khoai, sản phụ chế phẩm nông nghiệp cần sử dụng những loại thức ăn bổ sung khoáng, vitamin, đạm để cho gia súc, gia cầm ăn. Đây chính là hình thức kết hợp chăn nuôi truyền thống và hiện đại, vì thức ăn bổ sung đã được tính toán cân bằng về dinh dưỡng.

3. Chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp, hay còn gọi là chăn nuôi thâm canh

Đây là phương pháp chăn nuôi tiên tiến, nhất là đối với chăn nuôi gà đã và đang phát triển ở nước ta. Theo số liệu thống kê, năm 1995, Việt Nam

có 142 triệu con gia cầm, thì gà chiếm 107 triệu, trong đó gà nuôi theo phương pháp công nghiệp là 30 triệu con. Có một thời gà công nghiệp đã thu lợi nhuận khá cao. Sản lượng thịt gà công nghiệp đạt 65.000 tấn và 500 triệu quả trứng. Nhiều gia đình nhờ chăn nuôi gà công nghiệp đã giàu lên rất nhanh. Tuy nhiên ở đây tôi cũng có lời khuyến cáo các bạn muốn làm giàu từ nghề nuôi gà công nghiệp các bạn phải biết thị trường tiêu thụ ở đâu? Phải chăng ở gần khu công nghiệp tập trung, chung quanh thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa (Đồng Nai), Sông Bé, Vũng Tàu, Hà Nội, Quảng Ninh.

Muốn chăn nuôi gà công nghiệp có lãi, cần chú ý một số chỉ tiêu năng suất của các giống gà như sau:

- Gà hướng trứng:

Năng suất đạt 280 - 300 quả/mái/năm.

Tiêu tốn 1,8 - 2kg thức ăn cho 10 quả trứng.

Khối lượng trứng: 50 - 55 g/quả.

- Gà hướng thịt:

Xuất chuồng lúc 42 ngày đạt 2kg.

Tiêu tốn 2 - 2,2kg thức ăn cho 1kg tăng trọng.

Muốn chăn nuôi lợn công nghiệp có hiệu quả cần đạt một số chỉ tiêu năng suất như sau:

- Số lứa đẻ/nái/năm : 2,1 - 2,2 lứa

- Khối lượng lợn con sơ sinh : 1,3kg/con

- Khối lượng cai sữa 28 - 30 ngày: 7 - 8kg/con

- Khối lượng 60 ngày : 18 - 20kg/con

- Chi phí thức ăn cho 1kg tăng trọng: 3 kg
- Thời gian nuôi đạt 100 kg : 5,5 tháng
- Độ dày mỡ lưng : 1,5 - 2cm
- Tỷ lệ nạc/thịt xẻ : 56%.

Đạt được những chỉ tiêu như vậy, bạn sẽ có lãi và giàu lên từ nuôi lợn

Còn nuôi bò sữa thì sao? Trong công nghệ sinh sản chăn nuôi bò có công nghệ cấy truyền phôi, một công nghệ sinh học tiên tiến đã và đang được áp dụng như thụ tinh nhân tạo ở nhiều nước: Mỹ, Canada, Pháp, Nhật Bản. Bối mục đích của nó là nhân nhanh những cá thể, những con giống có năng suất cao ra sản xuất. Từ đây nâng cao tốc độ chọn lọc, tăng nhanh tiến bộ di truyền, đẩy mạnh công tác giống. Công nghệ cấy phôi sử dụng ưu thế của cả con đực và con cái. Ở Việt Nam, công nghệ cấy truyền phôi đã và đang được ứng dụng. Năm 1990, con bê đầu tiên bằng công nghệ phôi đã ra đời tại Trung tâm sữa - giống bò Phù Đổng, Hà Nội. Đến nay, con bê này đã đẻ lứa thứ hai và một ngày cho 15 lít sữa ở chu kỳ I (4000 lít/chu kỳ). Từ năm 1994 đến nay nhiều bê tiếp tục ra đời bằng công nghệ cấy phôi mở đầu cho công nghệ sinh học trước khi bước vào thế kỷ XXI.

Bí quyết thứ mười bốn: NÔNG - LÂM - NGƯ - MỤC KẾT HỢP VỚI CANH VIÊN THEO MÔ HÌNH TRANG TRẠI

Muôn loài sinh vật dựa vào nhau mà sống:

“Cây yêu đất, cây yêu nước, cây yêu muông thú” và “cây giữ đất, giữ nước, cây che chở cho muông thú”. Cây chẳng những tạo cho chúng ta những màu xanh tươi mát mà còn giúp sinh vật, trong đó có con người nhờ cây mà lá phổi của chúng ta mở rộng, chất độc sẽ thở đi, ôxy được hấp thụ vào cũng nhờ cây.

Hệ sinh thái nông - lâm - ngư - mục là hệ sinh thái bền vững mà bất cứ nơi nào trên trái đất này đều không thể hủy diệt được. Lúa với cá cho ta lợi ích. Vịt với cá chẳng những cho ta lợi ích mà còn bảo vệ nguồn nước ở ao, hồ. Rừng cây lấy lá cho “con bò của người nghèo”. Cỏ dưới tán rừng nuôi bò, nuôi thỏ. Một mảnh vườn được xây dựng thành mô hình trang trại tương hỗ lẫn nhau đã và đang trở thành những mẫu hình thời sự chẳng những có lợi cho vật nuôi, cây trồng mà còn bảo vệ môi trường bền vững. Nuôi lợn, nuôi bò, nuôi dê để lấy phân nuôi cá, tạo hệ khí mêtan làm chất đốt chống ô nhiễm môi trường, chất thải của phân sau khi sinh khí lại bón cho cây trồng tạo nguồn rau sạch. Con ong làm mật từ canh viên, từ hoa rừng. Phải chăng đây cũng là bí quyết để làm giàu khi biết kết hợp trên một không gian thích hợp, trồng cây, nuôi vật nuôi, có lợi, thả cá với phương thức đánh tỉa thả bù với mô hình trang trại sẽ có sản phẩm hàng hóa lớn với giá thành hạ. Từ đó “thượng đế” sẽ đến với chúng ta. Và làm như vậy, “thứ nhất canh trì, thứ nhì canh viên,

nông - lâm - ngư - mục kết hợp” là quy luật, là bí quyết muôn đời của cái nghề “từ đất mà lên” mà cha ông ta đã từng khuyên nhủ từ thời Vua Hùng dựng nước, từ thuở Lạc Long Quân.

Bí quyết thứ mười lăm: NHỮNG RỦI RO TRONG CHĂN NUÔI VÀ CÁCH NÉ TRÁNH

Trong nông nghiệp nói chung và chăn nuôi nói riêng, rủi ro đến với chúng ta hằng giờ, hằng ngày và mỗi năm một khác. Những cơn lốc, những đợt sóng thần, những cơn bão, những trận mưa lớn.... không chỉ làm mùa màng thiệt hại mà chăn nuôi cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều.

Trong chăn nuôi rủi ro cũng không ít: Thức ăn ôi mốc, gia súc mắc bệnh. Nhiệt độ, mưa nắng thất thường, gia súc không thích ứng. Hàng triệu triệu vi khuẩn luôn luôn chờ thời cơ gây bệnh cho gia súc. Tuy vậy, tri thức của con người là vô hạn và có thể bất thiên nhiên khuất phục, song chúng ta phải biết quy luật của vi sinh vật gây hại cho gia súc, gia cầm.

Trong thực tế bệnh của gia súc này có thể lây sang gia súc khác, nhưng có bệnh gia súc này mắc nhưng gia súc khác lại không mắc. Chẳng hạn: Bệnh nhiệt thán trâu bò có thể lây sang người. Bệnh lở mồm long móng gây hại cho trâu bò, lợn và dê nhưng chẳng có bao giờ người ta thấy bệnh này lây sang gà, vịt cả. Những bệnh marek, micô của gà công nghiệp không lây sang

lợn, sang gia súc nhai lại. Đây chính là những rủi ro trong chăn nuôi. Theo thống kê của nhiều nước thì rủi ro trong chăn nuôi chủ yếu là do gia súc mắc bệnh. Có nhiều trang trại nuôi gà công nghiệp, nuôi lợn tập trung đã phải tiêu hủy cả chục vạn con khi chúng ta phát hiện ra bệnh. Thí dụ: có những năm trại gà Phúc Thịnh đã phải trống chuồng vì bệnh Newcastle. Có những trại lợn cho ăn ngô bị nhiễm Aflatoxin mà tiêu biến cả ngàn con. Điều đáng tiếc xảy ra ấy bây giờ không bao giờ có thể tái diễn nữa vì chúng ta có loại thuốc thần vắc xin công hiệu cho mỗi loại gia súc, gia cầm. Tùy mỗi loại gia súc, gia cầm khác nhau thực hiện tiêm phòng theo định kỳ và không bao giờ quên khâu quản lý, khâu sử dụng thức ăn giàu dinh dưỡng và bảo đảm chất lượng là điều kiện để chúng ta có thể né tránh được tất cả các bệnh của gia súc gia cầm. Đây chính là bí quyết giảm chi phí, tăng thu nhập của nghề chăn nuôi để làm giàu.

Bí quyết thứ mười sáu: CÓ QUY MÔ CHĂN NUÔI THÍCH HỢP TẠO THẾ LÀM GIÀU

Chi phí cho một thời gian lao động, cho một không gian để nuôi gia súc, gia cầm chúng ta đều phải nghĩ tới hiệu quả của nó, nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay việc sản xuất ra một lượng hàng hoá nhất định để thu về một lúc một khoản chi phí để bù đắp cho đầu vào và đầu ra là

việc làm không thể thiếu được đối với người chăn nuôi và chăn nuôi để có lời.

Ở châu Âu, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, để luôn luôn có sản phẩm chủ động (Thụy Điển, Anh, Italia, Đức, Hà Lan, Pháp...) đã đưa chăn nuôi lên quy mô công nghiệp nhằm bảo đảm việc làm cho công nhân chuyên nghiệp và sử dụng vốn tốt hơn trong chăn nuôi (gà công nghiệp, lợn công nghiệp, bò sữa, bò thịt công nghiệp...). Do đó, chăn nuôi có lãi thực sự. Ngày nay, nhiều nước phát triển và cả những nước đang phát triển cũng áp dụng phương thức chăn nuôi công nghiệp.

Ví dụ, ở nhiều nước người ta đã có những quy mô mà ở đó một người nuôi từ 400 đến 2000 lợn thịt; chỉ cần hai người nuôi được từ 100 - 120 lợn nái (lẽ dĩ nhiên phụ thuộc vào phương thức nuôi dưỡng và mức độ cơ giới hoá trong chăn nuôi). Còn với chăn nuôi gia cầm thì một công nhân có thể nuôi hàng vạn gà trong 1 chuồng (như ở Mỹ chẳng hạn). Cơ cấu đàn lợn nái cũng tùy chất lượng của giống lợn mà có tỷ lệ cho tổng đàn khác nhau. Thí dụ: nếu chất lượng đàn nái ban đầu lựa chọn chưa tốt, thì tỷ lệ trong đàn có thể chiếm 15 - 17%, nhưng khi đàn nái đã có chất lượng tốt thì chỉ cần 9 - 10% hoặc 12% là cao nhất. Như vậy, có nghĩa là cứ 100 đầu lợn, cần có 10 - 12 lợn nái để là cơ cấu đàn thích hợp (đây là chưa kể đàn lợn hậu bị và đực giống). Tổ chức được như vậy, chăn nuôi nhất định có lãi.

Đối với lợn đực trong cơ cấu đàn lợn sinh sản cũng cần tính toán theo phương thức phối giống thế nào để nuôi và sử dụng con đực hợp lý và hiệu quả kinh tế. Nếu theo phương pháp truyền thống trực tiếp thì bố trí tỷ lệ 1/20 - 1/25; còn truyền giống nhân tạo thì tỷ lệ sẽ là 1/250 - 1/500. Cần nhớ rằng: Tỷ lệ này phụ thuộc vào chất lượng phẩm chất tinh dịch.

Với chăn nuôi lợn thịt cũng phải vận dụng một nguyên lý chung là đầu tư lao động, thời gian, không gian, chi phí thức ăn ít nhất nhưng hiệu quả cao nhất.

Trong thực tế chăn nuôi ở nước ta hiện nay quy mô của một trại lợn, một trại gia cầm, một trại bò (sữa, thịt)... là bao nhiêu để có lợi. Điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng yếu tố quan trọng vẫn là đòi hỏi của thị trường trong và ngoài nước; mặt khác, quy mô ấy còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế và trình độ kỹ thuật của người nuôi và chủ trang trại. Theo hiệu quả kinh tế của những gương mặt làm giàu từ chăn nuôi thì: nếu nuôi lợn thịt cần có quy mô từ 50 - 100 con, còn nuôi lợn nái cần có số lượng 5 - 10 con; nếu nuôi bò sữa cần nuôi 10 - 25 con; còn nuôi gia cầm (gà, vịt lấy trứng, lấy thịt) cũng cần nuôi từ 500 - 1000 con. Ngoài việc tạo ra một lượng sản phẩm hàng hoá lớn, vấn đề thu lời từ sản phẩm theo quy mô này mới bỏ công sức và tiền vốn bỏ ra. Theo số liệu tháng 4/1995 về quy mô

số lợn nuôi thịt ở một số trang trại khác nhau ở Đài Loan đã dẫn đến một nhận xét rằng: Quy mô của những trang trại nuôi từ 1 - 99 con và 100 - 199 con chiếm 53,52%, nhưng chỉ chiếm 8% tổng đàn lợn. Trong khi đó số trại có quy mô từ 500 trở lên chiếm 19% tổng số trại, nhưng lại chiếm 80% tổng số đàn lợn của Đài Loan. Nhờ vậy, hàng năm Đài Loan đã cung cấp bình quân cho một đầu người là 39,65kg thịt lợn, đồng thời xuất sang Nhật Bản 20.000 tấn/năm. Từ số liệu này chứng tỏ Đài Loan đã rút ra quy mô một trại lợn phải có số lượng 500 con trở lên mới có lãi.

Bí quyết thứ mười sáu: KẾT HỢP GIỮA SẢN XUẤT - CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ HÀI HOÀ SẼ LÀ CHÌA KHOÁ VÀNG LÀM GIÀU NHANH NHẤT

Về mặt lý thuyết, các sản phẩm thịt, trứng, sữa được chế biến ngoài tác dụng làm tăng khẩu vị cho người tiêu dùng còn tăng tỷ lệ protein trong thịt, trong sữa, trong trứng.

Chẳng hạn hàm lượng Thiamin nhiều hơn 1mg/100g thịt lợn nạc thì khi đó thịt chế biến mới có giá trị, vì nó bảo đảm 65% giá trị sinh học protein trong thịt. Protein có chất lượng cao là các mối liên kết của các sợi cơ mịn và chặt.

Ngoài xem xét về hàm lượng protein trong thịt, người ta còn đánh giá về độ ẩm và độ pH của thịt.

Sau đây là tỉ lệ độ ẩm/ protein của một số phần thịt với thịt lợn:

- Thịt má : 3,7%
- Thịt đầu : 3,8%
- Các loại thịt khác : 3,6%

Độ pH cũng đóng vai trò quan trọng cho thịt để chế biến tốt, ví dụ như của thịt nạc là 6,8, nghĩa là thịt có độ kiềm. Nếu độ pH của thịt nhỏ hơn 6 thuộc loại thịt khô, không nên sử dụng vào công nghiệp chế biến.

Về màu sắc của thịt khi đưa vào chế biến thịt phải có màu tươi sáng, óng ánh của độ ẩm.

Trước khi đưa thịt vào chế biến cần làm lạnh trong 4 giờ ở nhiệt độ 5°C.

Sau đây là một số thông số kỹ thuật chính của thịt đưa vào chế biến các sản phẩm từ thịt theo kiểu phương Tây. Thí dụ: xúc xích Đức, xúc xích Italia, xúc xích tươi, xúc xích nâu, giambông lợn, thịt muối (Bacon)....

Loại thịt	Tỷ lệ %				
	Nước	Protein	Mỡ	Khoáng	Calo
Thịt bò mông	73,8	19,9	4,7	1,6	127
Thịt bò vai	61,8	26,8	9,6	1,9	201
Thịt lợn mót hàm	41,1	11,2	4,7	0,6	472
Thịt lợn vai	51,7	13,6	34,4	0,7	368
Thịt lợn thăn	59,2	16,7	23,2	0,8	281

Nhờ hiểu biết các thông số kỹ thuật về thịt chế biến, kỹ thuật chế biến, đủ thiết bị và vốn đầu tư, nhiều cơ sở chế biến ở nước ngoài đã giàu

lên nhanh chóng như Nestlé. Việt Nam có VISAN (Thành phố Hồ Chí Minh), Hiến Thành (Hà Nội) từ sản phẩm của thịt bò, thịt lợn, các cơ sở đã chế biến các sản phẩm thịt theo kiểu công nghiệp nên đã không chỉ phù hợp với yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá ngành chế biến thực phẩm mà còn thu hút được khách hàng từ Bắc vào Nam và ngược lại, nhất là hai thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Thịt chế biến sẵn đã có sản lượng hàng trăm tấn ở mỗi cơ sở. Lãi từ chế biến không nhỏ. Tuy nhiên kiểu chế biến này chưa phải là phổ cập. Một sự thật hiển nhiên Vinamilk đã giăng một mạng lưới tiêu thụ các sản phẩm từ sữa và họ đã nộp cho ngân sách hàng chục tỷ đồng. Chế biến lợi là như vậy đó. Chưa hết, điều còn đáng nói ở đây là các lò mổ của các cơ sở tư nhân ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cùng nhiều tỉnh và đô thị khác đã từ cái nghề này mà phát lên nhanh chóng. Tại Hà Nội hàng ngày tiêu thụ hàng trăm tấn thịt các loại, trong số này chủ yếu là thịt lợn.

Vấn đề mấu chốt để kết hợp sản xuất, chế biến và tiêu thụ vẫn là thị trường. Nếu có thị trường (như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vũng Tàu) nếu người chăn nuôi biết kết hợp với chế biến và có mạng lưới tiêu thụ thì chắc chắn “Nghèo thì lâu, giàu thì mấy chốc” là điều hiển thực, vì sau một ngày là đã tính đếm được đầu vào, đầu ra một cách rõ ràng.

Chương IV

NHỮNG GƯƠNG MẶT LÀM GIÀU TỪ CHĂN NUÔI

Nhờ chọn những vật nuôi, nuôi để làm giàu, biết kết hợp “thứ nhất canh trì, thứ nhì canh viên”, biết tạo dựng cơ nghiệp từ bàn tay khối óc, biết bổ sung cây nuôi con giúp cây phát triển, biết sử dụng kỹ năng và “bí quyết” làm giàu từ chăn nuôi, nên nhiều bà con nông dân, nhiều người có khát vọng chăn nuôi không chỉ biết lấy chăn nuôi để tăng thu nhập, mà đã biết lấy mục tiêu kinh tế là đích cuối cùng. Nhiều gương mặt làm giàu từ chăn nuôi đã ứng dụng hệ sinh thái vườn, ao, chuồng, vườn rừng, vườn đồi để phát triển chăn nuôi. Trên mặt nước họ nuôi vịt, dưới ao họ nuôi cá. Dưới tán rừng họ nuôi bò, dê, gà, ngan, thỏ và những đống ong để lấy mật. Ở những nơi có nhu cầu vườn hoa cây cảnh, nhiều hộ nông dân đã biết nuôi lợn lấy phân chăm bón cây hoa trăm hồng nghìn tía, không chỉ có sắc mà lại ngào ngạt mùi hương, ngoài phần thu nhập bán lợn để làm giàu. Các vật nuôi “đặc sản” như ba ba, gấu ngựa lấy mật cũng đã trở thành một nghề có giá và chính vậy họ đã làm giàu từ những nghề này.

Hàng triệu nông dân, mỗi người có một cách làm giàu khác nhau. Trong cuốn sách nhỏ này tôi chỉ dẫn ra một số gương mặt làm giàu từ chăn nuôi ở nhiều vùng sinh thái khắp ba miền đất nước giúp bạn đọc tham khảo, nghĩ suy với hoàn cảnh của mình để biết đi trước đón đầu làm giàu từ chăn nuôi.

NGÔ THÀNH VINH TỪ ĐẤT GÒ ĐÔI NHỜ CHĂN NUÔI BÒ SỮA TRỞ NÊN GIÀU CÓ

Ngô Thành Vinh, kỹ sư chăn nuôi thuộc Trung tâm nghiên cứu bò và đồng cỏ Ba Vì giàu lên nhờ nuôi bò sữa.

Sau đây là lời kể về cách thức làm ăn của anh:

1. Cơ cấu đàn bò và tổ chức sản xuất

Hiện nay gia đình tôi có 34 con, trong đó bò khoán 28 con, bò riêng của gia đình 6 con. Cơ cấu đàn bò có 50% bò cái sinh sản, trong đó 30% bò vắt sữa thường xuyên, 50% bê, bò tơ lỡ.

Bảng 1: Cơ cấu đàn bò và tổ chức sản xuất

Hạng mục	Bò khoán	Bò riêng	Tổng số
Cái sinh sản	15		16
Trong đó: Cái vắt sữa	10	1	11
Cái tơ	5	1	7
Cái tơ	4	2	5
Cái bê	2	1	4
Bò đực	2	2	2
Tổng cộng	28	6	34

Với một đàn bò trên 80 con, gia đình chúng tôi chỉ có 2 vợ chồng và một con nhỏ dưới 5 tuổi. Vậy, làm thế nào đây để chăn nuôi tốt đàn bò và có thu nhập cho gia đình? Vợ chồng tôi đã bàn bạc kỹ, sau nhiều đêm trăn trở, suy nghĩ tôi quyết tâm nhận nuôi khoán một đàn bò. Bản thân tôi là một kỹ sư chăn nuôi thú y, công tác kỹ thuật, thú y tại Trung tâm nghiên cứu bò và đồng cỏ Ba Vì đã giúp tôi có được một số kinh nghiệm về kỹ thuật, cũng như công tác quản lý trong chăn nuôi và thú y. Mặt khác, do nắm được cơ chế mới của Nhà nước, lại được lãnh đạo Trung tâm khuyến khích và động viên giúp đỡ, tôi đã làm được một số việc để nuôi từ 10 - 20 con, nay là trên 30 con, bò, bê sữa. Gia đình tôi đã có đất, làm một căn nhà 2 tầng, mua sắm các phương tiện khác: xe máy và một số tiện nghi khác như tivi, tủ lạnh, bàn ghế.... đều nhờ vào chăn nuôi bò sữa.

Để làm tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng đàn bò và trồng cây thức ăn xanh, gia đình tôi đã thuê thêm 3 lao động làm thường xuyên. Ngoài ra những lúc thời vụ, thuê nhiều lao động để trồng, chăm sóc và thu cắt cây làm thức ăn xanh cho bò.

Thành quả này có sự hỗ trợ lớn của Trung tâm, như cho gia đình mượn chuồng nuôi bò và cấp thức ăn khô vào mùa đông. Trung tâm cấp 1500m² đất/1 con bê, bò. Chúng tôi đã trồng cỏ voi, ngô cây, lạc, sắn và mua thêm rơm khô, cũng như nhận một số lượng cỏ khô vào mùa đông để

đàn bò lúc nào cũng đủ thức ăn. Đặc biệt việc cho bò ăn thêm bã bia đã tăng thêm sức sản xuất sữa của con giống. Nhờ có hiểu biết về khoa học kỹ thuật, gia đình tôi đã bố trí một khẩu phần ăn hợp lý và đủ dinh dưỡng cho đàn bò, bê (xem Bảng 2) nên đã cho kết quả tốt cả về tăng trọng, về năng suất và chất lượng sữa, về chất lượng con giống khi bán ra thị trường.

Bảng 2: Khẩu phần ăn cho bê, bò hằng ngày

	Mùa hè				Mùa đông					
	Cỏ xanh	Bã bia	Tinh H.H	Đơn vị	Cỏ xanh	Tinh H.H	Bã bia	Cỏ khô	Củ quả	Đơn vị
Bò vắt sữa	45	6 - 8	3	9,8	30	3	6 - 8	1	4 - 6	9,8
Bò chữa đẻ	40	3 - 5	1,5	7,5	20	1,5	3 - 4	2	3	7,4
Bò tơ cạn	35	3 - 4	1	6,2	20	1	3	3	3	6,2
Bò lờ	24	2	0,8	4,2	15	0,8	2	2	2	4,2
Bê 0 - 6 tháng	8	1	0,5	1,7	5	0,5	1	0,5		1,75
(1 bê 4 tháng tuổi bú sữa: 450 - 500kg sữa) =>0,5 đơn vị/con ngày => Bê 0 - 6 tháng = 2,2 đơn vị/con ngày.										

- Với khẩu phần trên, tỷ lệ thức ăn tinh trong khẩu phần chỉ chiếm 30 - 35%. Như vậy, chủ yếu chúng tôi sử dụng thức ăn thô xanh mà vẫn đủ dinh dưỡng cho bê, bò. Do đó, góp phần giảm giá thành, giảm chi phí, tăng thêm thu nhập.

Tiêu chuẩn bình quân 1 con 1 ngày đêm:

- Bê 0 - 6 tháng 2,2 - 2,25 ĐV
- 7 - 18 tháng 4,0 - 4,5 ĐV
- Tơ, cạn tháng 6,0 - 6,3 ĐV
- Bò sữa 9,5 - 10 ĐV

Khẩu phần ăn của bê, bò sữa còn bổ sung thêm khoáng và premix nên bò, bê tăng trọng cao (300 - 500 g/con ngày), năng suất sữa bình quân từ 9 - 9,5kg/ngày. Đặc biệt đã có nhiều con cho trên 3.000kg sữa/chu kỳ. Riêng bò số 029264 những ngày cao nhất đạt 21 - 22kg sữa/ngày, sản lượng sữa lứa đạt 4.566 kg.

Bảng 3: Một số tính năng sản xuất của đàn bò nuôi khoán

Chỉ tiêu \ Năm	ĐVT	1993	1994	1995
Khoảng cách lứa đẻ	Ngày	436	428	410
n	Con	12	20	34
Số ngày vắt sữa	Ngày	317	314	308
P sơ sinh	Kg	24,8	25	25,4
P 6 tháng	Kg	107	112	118
P 12 tháng	Kg	175	183	182
P đẻ lứa 1	Kg	331	337	342
P trưởng thành	Kg	386	393	397
Bình quân năng suất sữa	Kg/con ngày	8,5	8,7	9,2

Để đạt được kết quả trên, gia đình tôi đã bố trí luân canh trong việc trồng và sản xuất cây thức ăn một cách hợp lý. Trồng thâm canh cỏ voi (sau mỗi lần thu cắt dùng phân bón và nước phân chuồng để tưới, bón cho cỏ), trồng xen canh lạc, sắn và trồng ngô theo thời vụ. Ngoài ra, gia đình còn mua thêm cỏ khô, rơm khô dự trữ cho mùa đông. Nhờ vậy, lúc nào bò cũng được ăn đủ về lượng và bảo đảm cả về chất. Đối với những con bò cao sản (cho sữa cao) gia đình tôi đã hỗn hợp thức ăn với 45% ngô nghiền, 20% bột sắn, 15%

thóc nghiền và 8% bột cá mặn loại một, 7% bột đậu tương, 2% khoáng, 2% muối và 1% premix.

Đối với bò vắt sữa, chúng tôi điều chỉnh thức ăn theo khả năng cho sữa của con giống. Nhờ vậy năng suất sữa của đàn bò khoán đã đạt được kết quả cao.

Kỹ thuật cho ăn: cho ăn nhiều lần trong ngày, để bảo đảm bò ăn hết khẩu phần. thỉnh thoảng thay đổi món ăn cho bò.

Kỹ thuật vắt sữa và vệ sinh cũng góp phần làm cho bò cho sữa cao. Vào mùa hè thường được tắm chải 2 lần/ngày. Trước khi vắt sữa, bò thường được tác động bầu vú, lau rửa sạch sẽ, vắt sữa đúng giờ, vắt sữa đều tay, tạo ra sự xuống sữa đều và cũng làm tăng thêm sản lượng sữa.

Nhờ vậy bò, bê ở hộ chúng tôi luôn béo, khỏe, lông da bóng mượt, ít ốm đau, khỏe mạnh vừa dễ bán giống, vừa bán được đắt hơn.

Trong 3 năm Trung tâm đã bán 8 con bò vắt sữa mà gia đình tôi đã nuôi khoán, con thấp nhất 6 triệu đồng, cao nhất 12,5 triệu đồng.

2. Hiệu quả kinh tế

Nhìn lại mấy năm qua, từ khi nhận nuôi bò khoán đến nay, gia đình tôi đã thu được một số kết quả đáng kể về mặt kinh tế. Tính ra lương bình quân ở hộ chúng tôi là 400.000 - 500.000đ/tháng. Các kết quả về thu nhập sản phẩm cũng như chi phí hàng năm đều rất tốt (xem Bảng 4, 5, 6).

Bảng 4: Kết quả về thu nộp sản phẩm hằng năm

Hạng mục \ Năm	1993	1994	1995
Tăng trọng (kg)	876	1.680	3.723
Bán bê bò thịt (con)	5	6	9
Bán giống (con)	3	4	4
Sữa tổng thu (kg)	11.800	28.000	41.500
Sữa bán cho Trung tâm (tấn)	10,0	25,0	35,0

(Ngoài ra, gia đình tôi còn thu được hằng năm mỗi con 2 tấn phân chuồng để bón cho cây cỏ làm thức ăn cho bò.)

Bảng 5: Thu nhập hằng năm (đồng)

Hạng mục \ Năm	1993	1994	1995
Tiền tăng trọng	4.380.000	8.400.000	18.615.000
Trích thưởng bán giống	600.000	800.000	800.000
Tiền bán bò riêng	-	4.000.000	6.600.000
Tiền sữa	20.000.000	55.000.000	87.500.000
Đơn giá sữa (đ/1kg)	.000	2.200	2.500
Tổng	24.980.000	68.200.000	113.518.000

Như vậy, tính ra 1 ha đất gia đình tôi đã đang nuôi gần 7 con bò sữa, tổng thu bình quân/1 ha đất là trên 20 triệu đồng.

- Năm 1993 là 13,88 triệu đồng/1 ha
- Năm 1994 là 11,74 triệu đồng/1 ha.

Bảng 6: Chi phí hằng năm (đồng)

Khoản chi	1993	1994	1995
Tiền mua Urê	1.000.000	1.200.000	1.500.000
Tiền thuốc thú y	200.000	300.000	400.000
Tiền lương	3.500.000	6.300.000	9.000.000
Tiền điện	900.000	1.000.000	1.200.000
Tiền mua thức ăn	11.000.000	20.000.000	28.500.000
Tiền mua bã bia	1.000.000	8.000.000	10.000.000
Tiền mua cỏ	800.000	1.300.000	1.500.000

Tổng chi	18.400.000	38.100.000	52.100.0000
Bình quân lãi trong một năm: 32.965.000đ			

- Năm 1995 là 28,38 triệu đồng/1ha.

- Dự kiến 1996 là 31 triệu đồng/ha.

Nếu chỉ trồng lạc, sản mức thu nhập trong 1 ha/năm chỉ đạt tối đa 6 triệu đồng (15.000kg sản x 400 đ/1kg = 6 triệu đồng). Như vậy, chăn nuôi bò sữa lãi hơn nhiều, thu nhập cao hơn nhiều so với trồng trọt.

Nhờ nuôi bò, gia đình tôi hằng năm đã làm lãi được 33 triệu đồng, riêng 6 tháng đầu năm 1996 đã bán cho Trung tâm 18 tấn sữa tươi với giá 2.800 đ/1kg = 50.400.000đ. Tiền mua thức ăn tăng trọng là 2 triệu đồng, chưa kể đến bán giống.

Anh kết luận:

Nuôi bò sữa với việc đầu tư đầy đủ thức ăn, bố trí trồng cây thức ăn hợp lý, hàng ngày bò được chăm sóc tốt, thức ăn nước uống đầy đủ, sản phẩm được tiêu như hộ gia đình chúng tôi đã cho hiệu quả cao. Thu nhập hàng năm tốt. Bình quân mỗi tháng lãi 2.737.000 đồng.

Đã giải quyết được việc làm cho 3 lao động.

Tính trên 1 ha đất gò đồi thì việc chăn nuôi bò sữa đã đem lại hiệu quả cao so với việc trồng cây khác trên cùng một diện tích.

Nhờ nuôi bò sữa không những có thu nhập cao, đời sống khá lên mà còn có sữa để dùng hằng ngày, nhằm tăng sức khỏe cho bản thân và người trong gia đình.

LÀM THẦY GIÁO VẮN CHĂN NUÔI GIỎI

Thầy giáo Phạm Quang Vui vừa là người thầy luôn tận tụy với công việc, vừa là người biết cách chăn nuôi giỏi ở Hợp tác xã Hà Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Năm 1986, gia đình thầy được giao đất để xây dựng cơ ngơi mới ở Hà Lâm. Hằng ngày, sau giờ đến trường, thầy cùng vợ con thu xếp mọi việc nhà, phân công giao việc cho từng người cụ thể để thực hiện, vì thế công việc nhà đã không làm ảnh hưởng đến công tác ở trường. Khi nơi ăn chỗ ở đã ổn định, thầy tìm cách làm kinh tế cho gia đình. Với diện tích 6 - 7 sào ruộng khoán, thầy đã suy nghĩ, tìm tòi học hỏi để sử dụng sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Qua một thời gian tìm hiểu, thầy nhận thấy, đầu tư vào chăn nuôi là hợp lý với hoàn cảnh của mình. Trong số ruộng nhận khoán ngoài diện tích dùng để cấy lúa, còn lại 2 - 3 sào thầy cho trồng rau, khoai. Nhờ đó không những đảm bảo đủ lương thực cho cả gia đình, các loại thức ăn dành cho chăn nuôi cũng khá phong phú. Bên cạnh việc cho lợn ăn no, đủ, việc phòng trừ dịch bệnh cho lợn, vệ sinh khu chuồng trại sạch sẽ, thoáng mát được chú ý. Từ đó, lợn nuôi béo khỏe, mau lớn. Với 2 lợn nái,

mỗi năm gia đình thầy có 4 lứa lợn con giống xuất bán. Ngoài số lợn bán đi, mỗi lứa thầy đều bớt từ 2 đến 4 con để nuôi lợn thịt.

Được cho ăn tốt, nơi ở thoáng mát nên lợn lớn nhanh. Tính từ lứa trước sang lứa sau, khối lượng lợn thịt đạt từ 60 đến 80kg mỗi con. Với khả năng đó, một năm gia đình thầy đã có từ 500 đến 700kg thịt lợn hơi cung cấp cho thị trường. Mấy năm gần đây, thầy đứng ra nhận thầu trên 3 sào đất vùng đồng trũng. Nơi cao, thầy bồi thêm đất, xây dựng nhà, chuồng trại cho chăn nuôi. Các thùng, hồ trứng được cải tạo chuyển sang nuôi thả cá. Đến nay gia đình đã đào đắp, quy hoạch thành mặt ao rộng hơn 2 sào. Năm đầu, ao được đầu tư nuôi cá thịt là chính, chủ yếu là cá chép, mè, trắm, trôi. Qua thu hoạch lứa đầu, sản lượng cá được vài tạ. Có thêm vốn, thầy cho nắn một phần ao để nuôi ương cá giống. Từ 2 nguồn nuôi lợn và thả cá, mức thu nhập trong gia đình ngày càng tăng.

Qua hơn 10 năm chuyển ra khu đất mới, ngày nay gia đình thầy đã có một cơ ngơi khang trang. Hai con của thầy được dạy bảo chu đáo, đều chăm ngoan học khá. Cuộc sống gia đình luôn hoà thuận, đầm ấm.

NGƯỜI CHĂN NUÔI GIỎI Ở ĐIỆN BIÊN

Trở về với mái ấm gia đình năm 1985, sau 19 năm phục vụ trong quân đội, với sức lực còn lại của một bệnh binh, anh Nguyễn Thanh Lương (Thanh Xương, Điện Biên, Lai Châu) dồn cho cuộc sống gia đình; vật lộn với thời gian chật chiu cùng vợ con quyết chí làm giàu.

Được sự giúp đỡ của anh em bạn bè, anh Lương bàn với vợ mạnh dạn đầu tư xây dựng chuồng trại; sử dụng nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương như ngô, đậu tương... kết hợp với một số thức ăn mua bổ sung để chăn nuôi gà công nghiệp. Với sự năng động và vốn kinh nghiệm chăn nuôi qua nhiều năm, gia đình anh đã tìm ra được quá trình chăn nuôi đạt năng suất cao. Mỗi lứa gà chỉ trong 2 tháng có thể xuất chuồng, bình quân mỗi con nặng từ 2kg đến 2,5kg (nuôi gà từ 7 ngày tuổi). Nhờ vậy trong năm qua, chưa kể nuôi các đợt lẻ, gia đình anh đã nuôi được 2 đợt, mỗi đợt 100 con gà Tam Hoàng và siêu thịt AA bán ra thị trường Điện Biên hơn 5 tấn gà thịt. Cùng việc nuôi gà thịt anh còn nuôi hơn 80 con gà mái Tam Hoàng, mỗi năm bán ra gần 17.000 quả trứng; xuất bán hơn một vạn con gà giống các loại phục vụ bà con trong vùng nuôi gà theo quy mô nhỏ.

Từ việc chăn nuôi, kinh doanh gà công nghiệp, năm qua trừ chi phí gia đình anh Lương thu gần 40 triệu đồng.

Ngoài việc chăn nuôi gà anh Lương còn sắp xếp thời gian, huy động vợ con học hỏi kỹ thuật ươm, ghép các giống cây ăn quả và đã ươm được một vạn cây giống, chủ yếu là cam, quýt, vải thiều, bưởi, mận, táo...xuất bán cho bà con Điện Biên và một số cơ sở ở huyện Tuần Giáo, Tủa Chùa... Các giống cây do gia đình anh ươm đều có uy tín trên thị trường. Từ việc bán cây giống, gia đình anh mỗi năm thu được trên 15 triệu đồng. Như vậy, hai năm gần đây, trừ chi phí mỗi năm gia đình anh Lương tích lũy được hơn 50 triệu đồng.

Sang năm nay, để tiếp tục chăn nuôi, gia đình anh Lương đã mua từ dưới xuôi lên 4.500 con gà giống Tam Hoàng, Lương Phượng Hoa và giống gà siêu thịt AA; 500 con ngan Pháp và ngan lai vịt, mua 3.000 cây giống về ươm, chủ yếu là các giống cây ăn quả.

TRẠI GÀ CỦA CHỊ TÂM

Trước đây, vợ chồng chị Tâm ở xóm 6 xã Ninh Hiệp (Gia Lâm) cùng làm nghề chế biến dứa liệu, nghề truyền thống của địa phương. Vốn có “khát vọng” làm giàu, vợ chồng chị đã dành nhiều thời gian để làm kinh tế. Qua tìm hiểu thị trường, anh chị nhất trí đầu tư chăn nuôi gà công nghiệp.

Sau khi mua được một khu đất rộng 500m² trong làng, vợ chồng chị đã gom toàn bộ vốn xây dựng chuồng trại. Đến tháng 6/1994, khu trại nuôi gà được hoàn thành với 2 dãy nhà 2 tầng, có khu nhà nghỉ cho người làm việc, có giếng khoan, công trình phụ, với số vốn đầu tư 300 triệu đồng. Chị mạnh dạn vay ngân hàng thêm 150 triệu nữa để đầu tư chăn nuôi. Với số tiền đó, chị đã mua sắm các dụng cụ cho gà ăn, chăm sóc và phòng dịch cho gà. Để chủ động về thức ăn, chị Tâm mua một máy nghiền thức ăn. Toàn bộ lương thực và các phụ phẩm mua về đều được chọn lọc kỹ, có bảng ghi thành phần pha trộn để bảo đảm đúng tiêu chuẩn của cám nuôi gà công nghiệp.

Cũng vào tháng 6/1994, chị bắt đầu nuôi gà. Thời gian đầu, chị nuôi 2000 con gà mái để trứng để ấp gà giống. Vừa làm vừa học, chị có kinh nghiệm chăn nuôi gà để trứng nhiều, tỷ lệ ấp nở cao. Bên cạnh đó, chế độ phòng dịch được thực hiện chặt chẽ, nên bảo đảm an toàn. Bình quân mỗi ngày chị thu từ 500 đến 800 quả trứng. Mỗi năm chị khai thác trứng gà trong 10 tháng. Sau 1 năm chăn nuôi, chị đã bán được trên 200 ngàn con giống. Vừa qua chị đã phát triển thêm chăn nuôi gà thịt.

Khách hàng của chị Tâm đều là người quen ở trong xã. Chị đã liên doanh với nhiều gia đình xây dựng các trại nhỏ xung quanh mình. Với các trại này, chị giúp họ về giống, hướng dẫn kỹ thuật

chăm sóc và bao tiêu sản phẩm. Chị còn cho nhiều gia đình vay vốn, giống gà trị giá 20 triệu đồng không lấy lãi.

Để làm tốt các công việc trong trại chăn nuôi, chị đã tuyển 50 lao động và phân công 2 người trong gia đình ra làm công tác quản lý và hướng dẫn kỹ thuật. Những người làm cho chị được trả lương 300 ngàn đồng một tháng. Sau 1 năm, tính trừ các chi phí, chị Tâm đã thu lãi hơn 40 triệu đồng.

TRIỆU PHÚ TRẺ NUÔI TÔM

Đã lâu nhân dân trong vùng nói nhiều về một gia đình ở khóm 11 thị trấn Ba Ngòi (Cam Ranh, Khánh Hòa) giàu lên trông thấy nhờ nuôi tôm. Đó là gia đình anh Nguyễn Ngọc Nam. Gặp anh mới biết anh tuổi 30, nhưng tiếng lành về anh sớm đã đồn xa, vì anh có diện tích địa tôm lớn nhất vùng, dám nghĩ, dám làm kinh tế, mỗi vụ xuống giống 60 - 70 triệu đồng.

Có lẽ, đã nhiều nhà báo đến đây tìm hiểu về mô hình kinh tế hộ này, cho nên khi tôi vừa đặt chân lên bậc thềm nhà, vợ anh đã đón đả chạy ra chào đón bằng một câu rất ư là công thức: “Tụi em đi lên từ bàn tay trắng đó anh”. Anh Nam đang ở đằng sau nhà, chuẩn bị dụng cụ ra địa, nghe tiếng khách, không chờ vợ gọi, vội chạy ra tiếp.

Đứng trong nhà anh, căn nhà khang trang có kiến trúc hiện đại, tiện nghi đầy đủ, thẳng

nhìn ra đĩa tôm nối liền nhau rộng đến 2 ha. Anh đưa chúng tôi ra đĩa tôm. Gió biển thổi rít vù vù bên tai, muốn nghe rõ phải nói to làm cho “cuộc phỏng vấn” giữa chúng tôi càng thêm sôi nổi. Vừa đi, vừa cười, dáng điệu của một người đang độ ăn nên làm ra, anh nói:

“Trước đây em làm thợ mộc. Hồi đó hàng mộc lúc có, lúc không, gia đình túng thiếu đủ thứ. Em thấy bạn bè nuôi tôm, nhiều người trúng lớn. Em mạnh dạn chuyển hướng sang nuôi tôm. Nhưng lấy đâu ra tiền để đào ao, đắp đìa, mua tôm giống. Nghề này vốn bỏ ra ban đầu lớn lắm. 1ha đìa đưa vào sản xuất phải chi 40 - 50 triệu đồng. Nghe những người đi trước chỉ dẫn, em đến ngân hàng huyện Cam Ranh xin vay vốn. Lúc đầu còn dè dặt, lực mình yếu làm nhỏ vay ít, càng về sau làm càng lớn dần, mạnh dạn vay thêm. Ngân hàng cho vay 40 - 50% vốn cố định, còn mua giống, thức ăn cũng được ngân hàng cho vay ba - bốn tháng, thu hoạch xong trả lại ngay, nuôi vụ sau lại vay tiếp. Mỗi vụ em vay 60 - 70 triệu đồng. Tính từ năm 1993 đến nay, cộng lại ngót một tỷ đồng.

Đoạn, anh Nam bước nhanh xuống đìa, đôi tay khỏe mạnh vung lưới, mấy chốc đã kéo lên hàng chục con tôm to bằng ngón tay cái, mơn mớn nháy lùnh bùng trong lưới. Anh nói: “Mới nuôi hơn 50 ngày đó anh”. Từ tôm Pốt 12, anh bỏ xuống đìa nuôi thêm 120 ngày thì thu hoạch tôm thịt, bán cho các mối đến mua tận nơi. Năng suất

1 tấn/ha. Cứ bỏ xuống đĩa 25 triệu đồng thì kiếm lời 5 - 7 triệu đồng.

Ngoảnh mặt nhìn lại toàn bộ không gian ôm gọn một cơ ngơi đáng mơ ước: nhà cửa, đĩa tôm mênh mông, vợ trẻ, hai cậu con trai, đứa lên 10, đứa lên 6, đứa nào trông mặt mày cũng sáng sủa, khoẻ mạnh. Tất cả không còn là giấc mơ nữa, mà đã nằm gọn trong vòng tay anh, một ông chủ gia đình trẻ, vững vàng, chí thú làm ăn. Thoáng nhìn về phía anh cán bộ ngân hàng đang mê mải ngắm nhìn những con tôm thỉnh thoảng nghịch ngợm phóng mình lên mặt nước, anh nói: “Có được cơ ngơi như hôm nay, chúng em biết ơn ngân hàng vô cùng. Mình có sức lực, có đầu óc biết làm ăn, nhưng không có vốn cũng đành bó tay. Nghe ở đâu có nuôi tôm tốt, là em lên đường đi ngay. Ngay cả chi phí đi học tập nghiên cứu quy trình cũng từ tiền vay của ngân hàng. Cũng như nhiều bà con quanh đây, không có tài sản thế chấp cũng được ngân hàng xem xét cho vay bằng hình thức tín chấp, cho nên người nghèo cũng nuôi tôm được. Nhiều người như em đã đổi đời”.

LÀM GIÀU TỪ NGHỀ NUÔI CÁ

Xưa nay ở đất Thanh Trì, Hà Nội làm giàu từ nghề nuôi cá là sự thường. “Thứ nhất thả cá”. Song làm giàu như gia đình ông Viết (Thịnh Liệt) thì không phải ai cũng làm được.

Tiến là ở vùng nuôi cá nước thải nổi tiếng của huyện, song gia đình ông Tiến chỉ có độ 300m² ao. Để nuôi được nhiều cá, ông phải thuê thêm 6000m² ao của các hộ khác. Tất cả diện tích ao này đều ở xa nước thải; ngay cả nguồn nước thường cũng không có đủ cung cấp cho các ao ngoài 2 tháng mưa (tháng 7 và 8). Đó là khó khăn lớn nhất cho ông trong quá trình sản xuất. Tuy vậy, ông vẫn khắc phục khó khăn bằng cách mua thêm máy bơm để bơm nước cho các ao nuôi cá và tìm tòi nuôi nhiều chủng loại cá, kể cả nhân cá giống... để tăng hiệu quả kinh tế.

Đối với các dòng rô phi mới, gia đình ông là một trong các gia đình nuôi sớm nhất của huyện Thanh Trì. Sau một năm nuôi, ông nhận thấy đây là giống cá sinh trưởng nhanh, giá bán cao và tiêu thụ dễ dàng, rất phù hợp với điều kiện nuôi ở các mặt nước diện tích nhỏ... Từ suy nghĩ đó, bước sang năm 1996 ông chọn phương thức nuôi công nghiệp, lấy cá rô phi là đối tượng nuôi chính, nuôi ghép với cá trê lai, sử dụng thức ăn công nghiệp ở dạng viên, kết hợp tận dụng các nguyên liệu sẵn có ở địa phương. Ông cũng xác định phải quay vòng ao nhanh, một năm có thể nuôi 3 lứa để tăng hiệu quả kinh tế. Thực tế, do áp dụng phương thức nuôi công nghiệp kể trên, từ đầu năm đến nay, ông đã nuôi được 2 vòng, năng suất đạt 13,2 tấn/ha, lãi sản xuất 82,69 triệu đồng/ha và tỉ trọng lãi trên tổng thu nhập đạt từ 41 đến 47%.

Sau khi thu hoạch xong vòng 2, gia đình ông tiếp tục thả thêm cá giống (vẫn 3 giống nuôi kết hợp là cá rô phi (chiếm xấp xỉ 70%, trê lai và chép lai 30%) dự kiến đến tháng 3 - 1997 sẽ cho thu hoạch. Như vậy việc quay 3 vòng/ao/năm và đạt năng suất cá thịt 15 tấn/ha/năm là hiện thực. Ông cho rằng phương thức nuôi bằng thức ăn công nghiệp cho lãi suất cao nếu nuôi rô phi và ghép thêm trê lai và chép lai. Hiệu quả của phương thức nuôi này không những cao hơn cách nuôi thông thường đối với đối tượng nuôi như trôi Ấn Độ, mè trắng, mà còn cao hơn cả khâu sản xuất cá giống những năm trước đây. Tuy nhiên, muốn vậy phải nắm vững các kỹ thuật như kinh nghiệm về nuôi cá như: chọn giống, thức ăn nuôi dưỡng, bố trí vòng nuôi và đầu tư tiền vốn...

PHƯƠNG TRẠCH KHÔNG CÒN HỘ ĐÓI NHỜ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

Bạn đọc có thể không ngạc nhiên khi người viết bài này thông báo, ở Phương Trạch (Vĩnh Ngọc, Đông Anh) mấy năm gần đây khá sầm uất. Nhưng để được công nhận “không còn hộ đói” đâu có đơn giản.

Khi chúng tôi đề cập đến vấn đề này, anh Nguyễn Đình Tuyên, trưởng ban kinh tế của

thôn cho biết: cả thôn có 135 ha canh tác, trong đó 100 ha thâm canh lúa, còn lại trồng hoa màu. Mấy năm gần đây, được sự giúp đỡ của các ngành chức năng, phòng nông nghiệp huyện, đặc biệt Trung tâm khuyến nông Thành phố, Phương Trạch đã mạnh dạn đổi mới cơ cấu giống cây trồng cho phù hợp với các chân ruộng. Hiện nay toàn thôn chủ yếu được cấy bằng giống CR203, C70 nguyên chủng, được tập huấn kỹ thuật chu đáo bằng cách gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ bệnh dịch tổng hợp nên năng suất khá cao, thường đạt 150 - 180kg/sào, tăng 15 - 20% so với khi dùng các loại giống cũ như mộc tuyền, bao thai hồng.

Cùng với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng Phương Trạch còn mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Toàn thôn có 9 ha ở vùng trũng “chiêm khô, mùa thối”, năng suất lúa rất thấp, chỉ đạt 60 - 80kg/sào. Lãnh đạo thôn đã quyết định đầu tư cải tạo thành ao cho xã viên đầu thầu thả cá, với 9 hộ được thuê, hằng năm phải nộp sản phẩm cho Hợp tác xã giá trị là 100kg thóc/sào, nhưng trên thực tế các gia đình đầu thầu thường đạt 180 - 200kg quy thóc/sào. Ngoài ra Phương Trạch còn chuyển 10ha trước kia trồng ngô sang trồng dâu nuôi tằm và sau mỗi vụ thu hoạch tính bình quân đạt 200 - 250kg/sào quy thóc.

Bằng cách làm đó, tổng sản lượng lương thực quy thóc hằng năm của Phương Trạch thường đạt 2.300 tấn. Bình quân lương thực 49kg/người/năm.

Ngoài việc thâm canh cây lương thực, Phương Trạch cũng phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm. Đàn lợn, gà công nghiệp tăng nhanh. Đặc biệt là việc phát triển nuôi bò sữa - đây là một nghề khá mới, nhưng đến nay Phương Trạch đã có tới 11 gia đình nuôi 17 con bò sữa, bình quân mỗi ngày cung cấp cho nội thành 70 - 100kg sữa tươi (vào thời gian đàn bò cho khai thác sữa). Hơn thế nữa ở các gia đình đều cải tạo vườn tạp thành mô hình VAC khép kín nuôi trồng các loại thủy đặc sản có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao.

Sản xuất phát triển, ngành nghề mở rộng, người dân đã có thu nhập khá. Đời sống ổn định và từng bước thực sự được cải thiện. Đến nay toàn thôn không có hộ đói, chỉ còn hộ nghèo do đông con, thiếu kinh nghiệm và thiếu vốn để sản xuất. Phương Trạch đã có biện pháp giúp đỡ, phân tích cho họ thấy rõ được tác hại của việc sinh đẻ không có kế hoạch, đồng thời vận động bà con cho vay vốn, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, tạo ngành nghề... Có bát ăn, bát để, Phương Trạch vận động nhân dân thực hiện có hiệu quả nghĩa vụ thuế với Nhà nước, đóng thủy lợi phí sông phẳng cùng các dịch vụ khác, không để dây dưa tồn đọng từ vụ này sang vụ khác và tham gia đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi cộng đồng theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Từ năm 1994 đến nay, Phương Trạch

xây dựng kênh rạch nội đồng với 83.000 m, vừa tiết kiệm nước, vừa tiết kiệm được 12.000m² đất để sản xuất và mở rộng mặt đường giao thông nội đồng. Mới đây Phương Trạch đã đưa vào sử dụng trường mầm non 2 tầng rộng 300m², thu hút 200 cháu đến trường, 600m² trường tiểu học cấp 1, xoá bỏ tình trạng học 2 ca. Xây dựng một nhà văn hoá có diện tích 150m² mái bằng. Nghĩa trang của thôn được tu sửa khang trang. Ngoài ra nơi đây còn nâng cấp trạm biến thế điện từ 100 kVA lên 250 kVA nên phục vụ khá thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt. Không những thế, toàn bộ đường chính của thôn có tổng chiều dài là 7km đều được rải, đá xen lẫn đất có độ keo dính và có hệ thống thoát nước, đáp ứng nhu cầu đi lại thuận lợi của nhân dân. Mới đây thôn tôn tạo lại chùa Long Hưng để những ngày lễ tết bà con đến đây ôn lại những truyền thống tốt đẹp của thôn. Một vấn đề không thể không đề cập đến ở đây là Phương Trạch rất chu đáo đối với các gia đình thuộc đối tượng chính sách xã hội. Hầu hết số hộ này đều được chia ruộng khoán gần, ruộng tốt, được miễn giảm các loại thuế và dịch vụ khác. Phương Trạch đã tặng trên 80 sổ tiết kiệm, mỗi sổ trị giá từ 200.000 đến 300.000đ cho các gia đình có công với cách mạng.

KHÔNG CHỈ LÀM GIÀU CHO RIÊNG MÌNH

Đó là trường hợp của Trần Văn Mây ở Vân Hội (Đông Anh - Hà Nội). Tôi gặp anh trong Hội nghị tổng kết 5 năm “Người tốt, việc tốt” của thành phố. Với dáng dấp chất phác của một “lão nông chi điền”, tay bắt mặt mừng, xem chừng đã đoán được ý định của tôi muốn tìm hiểu về cách làm kinh tế của anh trong những năm vừa qua. Mây hồ hởi cho biết: “...Gia đình tôi có 6 nhân khẩu, 4 lao động và 2 cháu nhỏ, nguồn sống chủ yếu là nghề nông với 5 sào ruộng canh tác...”

Từ năm 1990 trở về trước đời sống gia đình rất khó khăn, nhất là vào những thời điểm giáp hạt. Không thể bó tay ngồi nhìn cuộc sống vất vả, mà nhất định phải đổi mới phương thức làm ăn ngay trên mảnh ruộng nhận khoán, anh mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi theo phương châm “lấy ngắn nuôi dài”. Anh lặn lội đi tìm hiểu thực tế ở nhiều nơi, bổ sung giống tốt, đồng thời dành ra gần 2 sào nhân giống các loại rau như su hào, bắp cải, cà chua, súp lơ... để nâng cao sản lượng cây trồng. Được sự giúp đỡ của các cán bộ kỹ thuật ở Trung tâm khuyến nông Hà Nội, anh đã thực hiện đúng quy trình kỹ

thuật, vì thế các loại rau giống kể trên đều phát triển tốt, không chỉ để trồng ở vườn của gia đình, mà còn có giống cung cấp cho bà con xóm giềng và các xã lân cận. Sau gần 5 tháng làm giống, gia đình anh đã thu được trên 6 triệu đồng, trừ các khoản chi phí, còn lãi trên 3 triệu đồng. Phần đất canh tác còn lại anh chuyển sang trồng hành tây, bình quân mỗi sào đạt 1.500kg và sau mỗi vụ, số tiền lãi thu được từ cây hành tây đã lên tới hàng chục triệu đồng. Có vốn, anh tiếp tục đầu tư nuôi lợn hướng nạc và gà công nghiệp để trứng. Mỗi năm trong chuồng nhà anh nuôi tới 10 con lợn thịt, một lợn nái và 200 con gà đẻ trứng. Bằng cách làm tổng hợp đó, hằng năm gia đình Trần Văn Mây thu nhập trên 30 triệu đồng, trừ tiền đầu tư, còn lãi được khoảng 25 triệu đồng.

Không chỉ làm giàu cho riêng mình, Mây còn giúp đỡ một số bà con thôn xóm khó khăn về vốn. Mới đây anh cho hàng chục hộ vay với số tiền trên 20 triệu đồng vốn không lấy lãi và các loại giống sau khi thu hoạch mới trả tiền. Anh cũng đã trao đổi với các gia đình này kinh nghiệm sản xuất cách làm ăn để phát triển kinh tế gia đình.

MÔ HÌNH NUÔI CÁ RÔ PHI GIỐNG MỚI

Thời gian qua Trung tâm khuyến nông Hà Nội đã phối hợp với Bộ Thủy sản và các huyện xây dựng một chương trình khuyến ngư phục vụ

phát triển nghề nuôi cá ở Hà Nội, trong đó tập trung vào khuyến cáo đưa các dòng rô phi mới vào cơ cấu đàn cá, thay thế giống rô phi cũ đã thoái hoá và dần đưa lên thành giống cá nuôi chính, nhất là ở vùng nuôi cá bằng nước thải.

Từ định hướng trên, đầu năm 1995, Trung tâm khuyến nông Hà Nội đã phối hợp với phòng Nông nghiệp huyện Thanh Trì chọn điểm nuôi ở 2 hợp tác xã Sở Thượng và Thịnh Liệt với tổng diện tích trên 20.000m² (tại 7 ao nuôi của gia đình). Số lượng cá nuôi gồm 11.000 con, cá rô phi giống dòng IRI và Thái Lan.

Kết quả sau 4 - 5 tháng nuôi thử, cá rô phi giống mới đã tỏ ra rất có ưu thế về năng suất lẫn sản lượng. Khối lượng cá thịt đạt bình quân 150g - 250g/con, cỡ lớn nhất 400g/con. Mức tăng trọng bình quân đạt 30 - 40g/con/tháng. Ở mật độ vừa phải và chế độ nuôi tốt, mỗi tháng cá tăng trọng được 62,5gam con, tỷ lệ sống đạt 70%.

Từ kết quả bước đầu một số mô hình nuôi cá rô phi giống mới ở Thanh Trì, năm 1996, Trung tâm khuyến nông đã chủ trương mở rộng nuôi cá rô phi ở các vùng nuôi có diện tích lớn và các huyện khác. Xây dựng thêm một số mô hình nuôi đạt năng suất và hiệu quả bằng nhiều phương thức khác nhau phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nơi. Trên cơ sở kết quả thu được, Trung tâm xây dựng các giải pháp kỹ thuật để đạt được năng suất cá nuôi từ 12 đến 15 tấn/ha trở lên, giúp cho các

cơ sở xây dựng đàn cá bố mẹ thuần chủng và chủ động sản xuất cá giống, đáp ứng nhu cầu về số lượng giống cho các vùng nuôi cá thịt. Đây là con đường nhanh nhất để đưa các dòng rô phi mới vào toàn bộ diện tích nuôi cá, thay thế hoàn toàn dòng rô phi cũ.

Với chủ trương trên, sau khi nuôi đợt cá rô phi đầu tiên đạt hiệu quả, Trung tâm đã khuyến cáo các gia đình giữ lại để xây dựng đàn cá bố mẹ thuần chủng. Số lượng cá giữ lại để nhân giống được đưa vào 5 ao cá nuôi với diện tích 5000 m². Do thực hiện tốt các biện pháp chống rét nên số cá bố mẹ được giữ an toàn qua vụ đông 1995 - 1996, tỷ lệ cá chết không đáng kể. Từ đầu tháng 4/1996, đàn cá bố mẹ được kịp thời đưa vào các ao nuôi vỗ và từ tháng 5 đến tháng 6 đã sản xuất được cá giống thả ra các vùng nuôi cá thịt. Số lượng cá giống tự sản xuất được trên 1 triệu con với kích cỡ 2 - 3 cm/con trở lên.

Ngoài số lượng cá giống tự sản xuất được các đơn vị còn chủ động mua cá rô phi đơn tính, đưa diện tích và số lượng cá rô phi giống mới được nuôi tại Hà Nội tăng lên nhanh chóng. Tính đến quý 4/1996, đã có trên chục triệu cá rô phi được nuôi ở 127 ha mặt nước, trong đó riêng huyện Thanh Trì 110 ha với số lượng cá giống 120 vạn con. Nhiều hợp tác xã như Sở Thượng, Thịnh Liệt...đã chủ động đưa tỷ lệ cá rô phi giống mới chiếm chủ yếu trong thành phần cá nuôi. Có hợp tác xã ký được hợp đồng tiêu thụ cá rô phi chất

lượng cao cho một số nhà hàng, khách sạn ở Hà Nội. Điều này càng là nhân tố kích thích phát triển sản xuất cả với người sản xuất lẫn những người làm công tác khuyến ngư ở Hà Nội. Vì thế, đồng thời với việc chỉ đạo, hướng dẫn nuôi thả cá rô phi, Trung tâm khuyến nông Hà Nội rất chú trọng mở các lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân trước mùa vụ sản xuất và xây dựng các mô hình nuôi cá với các phương thức nuôi đa dạng, như nuôi cá rô phi phối hợp với nuôi cá chép lai và trê lai, nuôi cá rô phi kết hợp với nuôi vịt.

Qua 3 năm đưa cá rô phi giống mới vào nuôi ở Hà Nội có thể thấy rõ rô phi có nhiều đặc tính hơn hẳn các chủng loại cá khác. Cụ thể: cá rô phi mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cá trôi Ấn Độ, là loại cá có sản lượng cao nhất hiện nay. Bên cạnh đó, cá rô phi là đối tượng nuôi rất phù hợp với phương thức nuôi công nghiệp, tỷ lệ lãi suất cao. Do có sức chịu đựng tốt với môi trường nước thải và tính ăn tạp nên cá rô phi được chọn là loài cá nuôi kết hợp với nuôi vịt hoặc nuôi lợn trong mô hình VAC. Việc kết hợp này làm cho giá thành sản xuất loài cá này giảm đi rất nhiều. Ngoài ra nuôi cá rô phi còn có tác dụng làm sạch môi trường nước, làm cho nước trong sạch trở lại. Sức đề kháng của cá rô phi cũng thật tốt, tỷ lệ cá chết thấp.... Do đó có thể nói với điều kiện mặt nước ở Hà Nội nói chung và vùng nước thải nói riêng, nuôi cá rô phi đang là phép tính hữu hiệu

nhất đối với nghề nuôi cá. Tuy nhiên, vì mới được đưa vào nuôi nên mô hình nuôi cá rô phi không tránh khỏi những hạn chế như: cỡ cá giống còn nhỏ, giá lại cao nên ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả, cung không đủ cầu.

Trong năm 1997 và những năm tới, với mục tiêu của chương trình khuyến ngư, Hà Nội tập trung đưa các giống cá năng suất, chất lượng thay thế các giống cũ kém chất lượng (trong đó chọn rô phi là giải pháp chính) để giải quyết thực phẩm cho người tiêu dùng và hiệu quả cho người sản xuất. Muốn vậy phải có kế hoạch giữ đàn cá thuần chủng trong những diện tích riêng biệt để sản xuất cá giống phục vụ nhu cầu nuôi cá thịt, nâng dần tỷ lệ cá rô phi nuôi thả đạt 40 - 45% trong cơ cấu đàn cá nuôi.

CHỊ LÊ THỊ HỒNG NUÔI GÀ CÔNG NGHIỆP ĐẠT HIỆU QUẢ CAO

Ngoài thâm canh 4 sào ruộng khoán, chị Lê Thị Hồng, ở Gia Thụy (Gia Lâm, nay là quận Long Biên) còn phát triển chăn nuôi gà công nghiệp.

Từ năm 1994, chị mạnh dạn nuôi hàng trăm con gà đẻ. Do chịu khó học hỏi kinh nghiệm nuôi, thức ăn cho gà chị mua về chế biến lấy, nên chất lượng bảo đảm, tỷ lệ gà đẻ trứng cao. Bình thường mỗi ngày chị thu từ trứng gà được 50.000 -

60.000đ, cả năm tới ngót 20 triệu đồng. Trừ chi phí, tiền lãi khoảng 10 triệu đồng. Với phương châm lấy ngắn nuôi dài, số tiền thu được kể trên, gia đình chị đầu tư mua giống và thức ăn nuôi gà thịt. Từ đầu năm đến nay xuất chuồng được trên 400 kg, doanh thu đạt trên 7 triệu đồng. Hiện nay trong chuồng nhà chị còn khoảng 50 gà thịt, khối lượng đạt 2,5 - 3kg/ con chuẩn bị xuất chuồng và 160 con gà thịt 10 ngày tuổi. Từ nay đến cuối năm, nếu thuận buồm xuôi gió, gia đình chị sẽ xuất chuồng khoảng 500 - 600kg gà thịt.

Năm tới, gia đình chị dự định nuôi gà thịt nhiều hơn. Vụ đông năm nay chị đã trồng đỗ tương để lấy thức ăn phục vụ cho chăn nuôi gà.

Mong rằng Gia Thụy sẽ có nhiều người phát triển kinh tế gia đình như chị Hồng để cải thiện đời sống và tăng thu nhập, trên cơ sở đó góp phần làm thay đổi bộ mặt quê hương mình.

ĐÀN VỊT CAO SẢN Ở KHUYẾN LƯƠNG GIÚP NHIỀU GIA ĐÌNH GIÀU CÓ

Bà con thôn Khuyến Lương, xã Trần Phú (Thanh Trì, Hà Nội) có nghề chăn nuôi vịt từ lâu đời, cha truyền con nối, tích lũy nhiều kinh nghiệm. Ở đây sẵn hồ ao, quanh năm gần nước, rất tiện lợi cho nuôi vịt. Trước đây Khuyến Lương thường nuôi vịt đàn, vịt bầu khối lượng thấp, giá rẻ, thu lời ít. Gần đây, do chuyển đổi cơ cấu

giống, một số gia đình đã đầu tư nuôi mỗi lứa vài ba chục con vịt. Cả thôn có ngót 20 hộ chăn nuôi dưới dạng bán công nghiệp với chuồng trại quy mô lớn.

Các gia đình này nuôi hai giống vịt cao sản ngoại, hộ nuôi ít mỗi lứa cũng 300 - 400 con, người nuôi nhiều tới hàng ngàn con. Mỗi năm Khuyến Lương cung ứng cho thị trường hàng vạn con vịt cao sản, vịt đàn, vịt bầu.

Bà con rất thuần thực quy trình chăn nuôi và phòng chống dịch. Vịt 1 ngày tuổi dùng thuốc kháng sinh trộn thức ăn cho ăn 3 ngày liên, từ 10 đến 15 ngày tuổi mỗi con phải được tiêm phòng vắc xin chống dịch tả. Chuồng trại dựng ở ven đê xa dân cư, thoáng mát, liên hồ ao, sẵn nước cho vịt ăn no tắm mát.

Vịt thương phẩm tháng đầu tiên cho ăn cám tổng hợp, bột cá, cơm trộn thối với các loại thuốc B1, Bcomplex, Lizin, Premix. Tháng thứ 2 cho ăn ngô hạt với thóc luộc chín, bã bia, bèo hoa dâu hoặc các loại rau băm trộn lẫn tới khi xuất chuồng. Nếu chăm sóc tốt, mỗi lứa nuôi từ 60 đến 65 ngày, vịt tăng trọng nhanh, con bé nhất cũng đạt 3kg, trung bình 3,6 đến 3,8 kg, có con nặng tới 4kg (gấp 3 vịt bầu).

Một con vịt cao sản khối lượng 3 - 4 kg, các bà nội trợ làm một mâm cơm có thể chế biến nhiều món ăn thết khách. Vịt cao sản dễ làm lông, giống Salavac nạc nhiều, giống Super M

mỡ nhiều. Cả hai loại này thịt dày, thơm ngon, không hôi như vịt đàn, vịt bầu.

Khéo tính toán, người nuôi sẽ có sản phẩm để kịp bán vào dịp tết cổ truyền mừng ba tháng ba, mừng năm tháng năm, rằm tháng bảy âm lịch, vừa có nhiều người mua, vừa được giá.

Khuyến Lương có nhiều gia đình chăn nuôi vịt cao sản, hằng năm thu lãi từ 20 - 30 triệu đồng.

Những nơi có nhiều hồ ao, xa dân cư, cũng nên chăn nuôi giống vịt cao sản theo phương pháp bán công nghiệp như Khuyến Lương, vừa tăng thêm nguồn thực phẩm cho xã hội, vừa để xoá đói, giảm nghèo.

SÓC SƠN NGÀY CÀNG CÓ NHIỀU HỘ LÀM GIÀU TỪ GÀ CÔNG NGHIỆP VÀ LỢN NẠC

So với các nơi trong thành phố, Sóc Sơn đưa tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi có phần chậm hơn, song một số năm trở lại đây ngày càng có nhiều hộ giàu lên từ nuôi gà công nghiệp và lợn nạc. Chăn nuôi theo mô hình trang trại theo phương thức bán công nghiệp cũng được huyện chú trọng khuyến khích và nhân rộng.

Đến nay, Sóc Sơn có tổng đàn lợn thịt là 3,6 vạn con thì trong đó có 65% là lợn lai F1, 20 - 25% là lợn lai 3 máu (nhiều nạc). Riêng lợn nái Sóc Sơn đã kết hợp với Trung tâm khuyến nông

(Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) nuôi 40 nái ngoại ở xã Thanh Xuân đạt kết quả tốt và 800 nái lai do dân tuyển chọn, 58 lợn đực ngoại.... làm tiền đề cho phong trào nạc hoá đàn lợn cho toàn huyện. Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay ở Sóc Sơn có khoảng trên 50 hộ nuôi lợn từ 10 con trở lên, tập trung ở một số xã như Phù Lỗ, Nam Sơn, Đông Xuân, Thanh Xuân... Đó là những gia đình có nghề phụ và máy xay xát. Riêng chăn nuôi với quy mô 50 - 60 con mới chỉ xuất hiện một vài gia đình có tiềm lực kinh tế. Đây cũng là những mô hình mới để huyện nghiên cứu, khuyến khích và nhân rộng. Ông Hộ, chủ nhiệm Hợp tác xã Nam Sơn, một nông dân tích cực trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và mới tham gia chăn nuôi lợn nạc cho biết: Cuối năm 1994, qua học tập ở các lớp tập huấn khuyến nông ông mạnh dạn mua 5 con lợn lai giống thịt 3 máu về nuôi thử. Thấy có hiệu quả, lứa thứ 2, ông mạnh dạn nuôi tiếp 8 con, lứa thứ 3: 10 con và hiện nay đang nuôi tiếp lứa thứ 4. Ông cho biết muốn chăn nuôi có hiệu quả, khâu đầu tiên phải chọn được giống tốt và là giống cao sản (lợn lai 3 máu), phần thứ hai không kém quan trọng là chăm sóc và thức ăn: ông kết hợp sử dụng cám gạo ở máy xay xát, cho ăn kèm với thức ăn công nghiệp của hãng con cò, thêm vào đó là sử dụng máy bơm để tắm rửa cho lợn và vệ sinh chuồng trại. Nhờ vậy, đàn lợn nhà ông đã đạt mức tăng trọng

17kg/con/tháng và chỉ sau 4 tháng nuôi đã xuất chuồng với khối lượng 75 - 80kg/con. Về hiệu quả kinh tế, 2 lứa đầu do giá thực phẩm cao, ông bán được lợn với giá 18.000 - 19.000đ/kg hơi nên nuôi 10 con lợn trong vòng 4 tháng, ông lãi 3,5 triệu đồng. Sang đến tháng 9, giá thực phẩm hạ xuống chỉ còn 16.000 đ/kg lợn hơi nên lãi suất nuôi 1 con lợn chỉ còn 180.000đ. Đây cũng là một trở ngại cho việc tiếp tục đầu tư nuôi lợn với quy mô trang trại không chỉ nói riêng với nhà ông Hộ mà cho tất cả các gia đình chăn nuôi khác.

Nếu như phong trào nuôi lợn nạc trong các gia đình ở Sóc Sơn mới chỉ bước đầu được xây dựng và phát triển thì nuôi gà công nghiệp ở Sóc Sơn đang phát triển khá mạnh. Đến nay toàn huyện có khoảng 800 hộ nuôi gà công nghiệp với tổng đàn 4 vạn con, tập trung ở một số xã Phù Lỗ, Kim Lũ, Xuân Thu và Đông Xuân. Riêng xã Phù Lỗ có tới gần 100 hộ nuôi gà công nghiệp với quy mô từ 500 gà thịt, gà trứng trở lên. Thời gian qua, do giá thức ăn tăng, giá gà thịt giảm, nên chăn nuôi gà thịt có bị chững lại, trong khi nuôi gà trứng vẫn tiếp tục phát triển. Đến nay chăn nuôi các mặt đang phục hồi và có khả năng tăng trưởng vào cuối năm 1995 đầu 1996. Ngoài chăn nuôi gà công nghiệp, Sóc Sơn còn thử nghiệm nuôi vịt siêu trứng. Đến nay huyện đã đưa về 3000 con vịt cho xã Tân Hưng nuôi, bước đầu đạt kết quả...

Là một vùng đồi gò xa thủ đô, đất tương đối rộng so với một số huyện lân cận, Sóc Sơn còn nhiều tiềm năng để tiếp tục phát triển chăn nuôi gà công nghiệp và lợn nạc theo quy mô trang trại và bán công nghiệp. Bên cạnh đó, huyện cũng chú trọng Sind hoá đàn bò và đưa dê về cho các hộ vùng đồi gò chăn thả. Đây là hướng phát triển chăn nuôi lâu dài ở Sóc Sơn để góp phần đưa kinh tế hộ phát triển, sản xuất ra nhiều thực phẩm cung cấp cho nhu cầu xã hội.

BIÔGA - NHẤT CỬ LƯƠNG TIỆN PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Những năm gần đây, cùng với đà tăng trưởng của nền kinh tế, chăn nuôi gia đình ở ngoại thành cũng phát triển mạnh, đem lại nguồn thực phẩm dồi dào cho xã hội và cải thiện đời sống cho nhiều hộ gia đình. Song, bên cạnh đó, một vấn đề mới lại nảy sinh: đó là nạn ô nhiễm môi trường do nguồn phân, nước thải của các vật nuôi đổ ra ngày càng nhiều.

Hiện nay, xu thế phát triển nông nghiệp bền vững và bảo vệ môi trường vừa là chủ trương, vừa là biện pháp. Vậy sự phát triển nông nghiệp bền vững là thế nào? Theo định nghĩa của Ủy ban Brund Hand: “Sự phát triển nông nghiệp bền vững là sự phát triển đáp ứng được các nhu cầu

hiện tại mà không tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai, đáp ứng được các nhu cầu của họ (1987)". Vì vậy, tôi giới thiệu Biôga và chăn nuôi để các bạn tham khảo.

Theo thống kê sơ bộ, hiện nay ở 5 huyện ngoại ô có hàng ngàn hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô trang trại, công nghiệp, trong đó có những hộ đã tổ chức chăn nuôi từ 1.000 đến 5.000 con gà công nghiệp 1 lứa trở lên và từ 30 đến 100 con lợn/lứa... thu nhập từ vài chục triệu đến hàng trăm triệu/hộ/năm. Tuy chăn nuôi ngày càng thu hút số đông các hộ và quy mô đàn cũng ngày càng tăng, song diện tích đất xây dựng chuồng trại lại chưa được mở mang được bao nhiêu, số gia đình tổ chức chăn nuôi ở ngay khu dân cư là chủ yếu cộng với việc tận dụng chuồng trại rất chật chội nên hằng ngày mùi phân, rác bốc lên nồng nặc, ảnh hưởng đến sinh hoạt hằng ngày của gia đình và láng giềng. Bên cạnh đó, nạn ô nhiễm môi trường còn làm cho đàn gia súc, gia cầm (đặc biệt là gà công nghiệp) dễ phát sinh dịch bệnh. Năm 1995, hàng trăm hộ chăn nuôi gà công nghiệp ở Sóc Sơn, Đông Anh có đàn gà bị nhiễm bệnh và chết, thiệt hại tới hàng trăm triệu đồng cũng một phần từ nguyên nhân này. Do đó, phải giải quyết vệ sinh môi trường sinh thái ra sao ở những vùng chăn nuôi tập trung đang là vấn đề được nhiều cấp nhiều ngành quan tâm theo dõi. Túi ủ Biôga theo phương pháp mới

đây thật sự là giải pháp hữu hiệu để xử lý môi trường một cách tiện lợi đã được thử nghiệm và đạt kết quả tốt ở Xuân Đình - Từ Liêm, Phú Thuy - Gia Lâm - Hà Nội)

Trước hết, mỗi gia đình nuôi từ 5 - 7 con lợn, 2 con bò trở lên có thể làm được túi ủ Bioga. Muốn làm cần chuẩn bị 2 túi nilông dày có chiều dài từ 8 - 10m, chiều rộng từ 0,8 - 0,9m để đựng nước phân lỏng khoảng 10m³/túi, 2 ống sành đường kính 10 - 15cm, 7 ruột xe hỏng (Honda hoặc xe đạp), 4 khoanh dây kẽm loại lớn, 1 bình nhựa trong 1 hoặc 2 lít, 4 cây cọc bằng bắp tay dài 0,6m/cọc, 2 cây cọc nhỏ dài 1,5m. Trước khi lắp đặt túi ủ. Khi lắp đặt xong trong một thời gian đầu, mỗi ngày khoảng 2kg phân cho 1m dài của túi ủ (khoảng 20kg phân cho 1 túi ủ dài 10m), tỷ lệ phân nước từ 1/5 - 1/7. Sau khi cho nước phân vào túi từ 7 - 20 ngày là có thể sinh ga (trời nóng thời gian sinh ga ngắn hơn). Sau đó, lượng phân có thể giảm đi một nửa (10kg phân cho túi dài 10m). Nếu có sẵn phân đã hoai thì cho vào nước khoảng vài trăm kilogram để thời gian sinh ga sớm hơn. Sau khi cho phân vào, phải thường xuyên điều chỉnh mực nước, phân trong túi ủ khoảng 2/3 túi, còn 1/3 túi còn lại để chứa ga bằng cách nâng lên hạ xuống ống sành đầu ga. Sử dụng ga khi túi dự trữ ga bắt đầu căng phồng. Đốt thử ga, nếu không cháy được xả bỏ lượng ga này. Trong khi nấu, nếu thấy ga yếu nên treo

một vật nặng khoảng 5kg dưới túi dự trữ để tăng áp suất ga và thải ra khi nấu xong. Nên tránh các nguồn nước mưa, nước nhiễm phèn, nhiễm mặn và nước có các hoá chất độc hại vào túi ủ... Theo thời giá hiện nay, mỗi túi ủ Biôga lắp đặt xong toàn bộ chỉ khoảng 700 ngàn đồng (rẻ được khoảng 7 lần so với giá xây một bể biôga bằng xi măng theo phương pháp cũ).

Các gia đình đã lắp đặt túi ủ biôga ở ngoại thành cho biết dùng phương pháp này rất dễ sử dụng. Khi đun nấu chỉ cần bật diêm là cháy. Nấu vừa nhanh, vừa sạch, lại vừa tiết kiệm được tiền mua chất đốt hoặc để dành được rơm rạ cho trâu bò trong mùa rét. Đặc biệt, nhờ toàn bộ nước phân tươi cho vào túi nilông ủ biôga kín, nên hoàn toàn tránh được mùi hôi thối, tránh ô nhiễm môi trường. Phân qua túi ủ biôga khi bón cho cây trồng cũng được hoai mục, bớt mùi hôi và tiêu diệt được ký sinh trùng. Với giá thành 700 ngàn đồng/túi, những gia đình không giàu cũng có thể làm được. Sử dụng túi biôga vừa có tác dụng xử lý chất thải trong chăn nuôi, vừa tạo nguồn khí đốt trong gia đình. Một gia đình có một túi biôga có thể nấu ăn toàn bộ bằng bếp ga rất sạch sẽ, tiện lợi.

Anh Nguyễn Xuân Hoà ở xã Xuân Đĩnh, Từ Liêm cho biết: Gia đình thường xuyên nuôi từ 60 - 100 con lợn. Trước kia chưa làm túi biôga, phân lợn thải ra thường cho bà con hoặc tống xuống ao cá

trước nhà, mùi phân lợn bốc lên nồng nặc làm ô nhiễm cả một vùng không khí. Nay nhờ anh lắp được 2 túi ủ biôga, đun nấu cả ngày không hết, còn thừa ga cho gia đình ông anh ruột dùng. Riêng về chất đốt nhờ đun bằng ga này, mỗi tháng tiết kiệm được trên 100 ngàn đồng. Theo anh tính toán về chăn nuôi: cứ nuôi lợn thịt 100 con một lứa lãi khoảng 5 triệu đồng, không kể phân làm khí ủ biôga.

NUÔI BA BA NHƯ THẾ NÀO ĐỂ LÀM GIÀU

Ba ba là loài động vật thuộc lớp bò sát, bộ rùa, họ ba ba (tên khoa học là Trinychidae). Trong họ này có nhiều loài thường gặp ở Việt Nam là ba ba hoa, ba ba gai, ba ba Nam Bộ, ba ba suối (lép suối). Trong bốn loài trên, con ba ba hoa được thị trường trong nước và nước ngoài ưa chuộng. Ba ba sống trong nước ngọt, là đặc sản có giá trị dinh dưỡng cao, là nguyên liệu chế biến nhiều loại thuốc quý.

Sản xuất giống

Sản xuất giống ba ba gồm các công việc nuôi vỗ ba ba sinh sản, thu, ấp trứng và nuôi ba ba giống. Nuôi vỗ tốt ba ba đẻ sớm vào đầu vụ, đẻ nhiều lứa.

Công trình chính để nuôi ba ba sinh sản là ao (hoặc bể). Nơi nuôi cần yên tĩnh, có nguồn

nước sạch. Việc cấp nước thuận lợi. Diện tích ao nuôi ba ba sinh sản từ 50 đến 200m² (bể xây rộng 50m²). Độ sâu của nước thường xuyên từ 1 - 1,2 m, bờ ao xây tường cao, đáy rải cát sạch. Cạnh ao là bờ cát thoải thoải làm bãi đẻ của ba ba. Bãi cát to cao hơn mức nước ao 0,5m, dốc thoải thoải xuống ao. Một phần mặt nước ao thả bèo tây hoặc vật nổi (tre, gỗ...) cho ba ba lên phơi nắng.

Chọn ba ba cho sinh sản khoảng 1 - 2kg/con. Chú ý chọn lựa và vận chuyển nhẹ nhàng. Nuôi ba ba đực, cái chung một ao, ghép theo tỷ lệ một con đực ba con cái, mật độ nuôi 0,5 - 2kg ba ba/m² ao. Thức ăn của chúng gồm các loại cá, tôm, cua, ốc, giun các loại phế thải... (không dùng thức ăn ôi, thối). Cho ăn vào một nơi nhất định, mỗi ngày hai lần. Lượng thức ăn hằng ngày cần 4 - 5% khối lượng ba ba trong ao. Chú ý theo dõi điều chỉnh mức ăn hằng ngày. Nếu nước nóng hoặc quá lạnh, bẩn, ba ba sẽ ăn ít hoặc bỏ ăn.

Từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4 khi nhiệt độ nước cao hơn 20°C, ba ba giao phối, sau đó lên bãi cát làm ổ để trứng lứa đầu. Ba ba đẻ vào đêm, bình quân mỗi con ba ba (1kg) đẻ 10 - 20 trứng/lứa và 3 - 4 lứa/vụ, mỗi lứa khoảng 30 ngày. Hằng ngày thu trứng vào buổi sáng (chú ý nền đất cứng, nhão, ba ba không đẻ). Thu trứng nhẹ nhàng, khi xếp trứng đặt đầu trứng có túi hơi (vòng trắng) lên trên. Cỡ trứng 17 - 23mm/quả (3,4 - 6,7 gam/quả).

Dụng cụ ấp trứng thường dùng khay, chậu hoặc bể nhỏ. Phía trong chậu đựng cát sạch, ẩm, dày 10 - 12cm, đáy chậu có lỗ thoát nước. Xếp trứng vào cát, cách nhau 2cm (đặt đầu có túi hơi phía trên). Phủ lên trứng một lớp cát 3 - 5cm. Sau ba, bốn ngày có thể nhận biết trứng nào được thụ tinh, biểu hiện là phần túi hơi lớn hơn, lòng đỏ trứng màu phớt hồng. Giữ nhiệt độ ổn định ở 30 - 32°C, trứng nở sau 40 - 45 ngày, nếu 25 - 30°C, trứng nở sau 55 - 60 ngày; dưới 20°C và hơn 35°C phôi chết. Giữ cho cát luôn ẩm (để một bát nước sạch giữa chậu), không đảo trứng, cần giữ yên tĩnh khi ấp trứng.

Ương ba ba theo ba giai đoạn, từ khi mới nở (8 gam/con) đến 20 - 25 gam/con sau 30 ngày, từ 20 - 25 gam/con lên 50 - 80 gam/con sau hai tháng và 50 - 80 gam/con lên 100 - 150 gam/con sau 1,5 - 3 tháng. Ba ba mới nở có thể nuôi trong bể nhỏ 10m², khi lớn san ra bể to 10 - 20m², rồi san ra ao hoặc bể 20 - 100m². Mức nước ban đầu 10 - 15 cm, sau tăng lên 25 - 40cm; 0,8 - 1 mét. Đáy bể có lớp cát sạch ba, bốn centimet. Mặt nước thả bèo tây sạch. Nhiệt độ thích hợp 25 - 32°C. Mật độ nuôi 40 - 50 con/m², sau 7 - 10 ngày san ra 20 - 30 con/m². Tép, ốc, cá băm nhỏ, ngày cho ăn ba, bốn lần, khi chúng lớn ngày cho ăn hai lần. Không để thức ăn thừa. Nếu cho ba ba ăn nhiều giun, sẽ lớn nhanh. Nhờ nuôi ba ba, nhà ông Xướng ở Hải Dương đã trở thành “vua

nuôi ba ba”. Ông không chỉ bán giống với giá 500.000 đ/kg mà còn bán ba ba thịt với giá 200 - 300 ngàn đ/kg. Ba ba của ông và nhiều gia đình khác trong vùng đã chuyển vào phát triển ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Chỉ có nghề ba ba, gia đình ông trở thành triệu phú. Không thiếu một tiện nghi gì trong gia đình, như xe máy, tivi, tủ lạnh... không kể vốn tích lũy.

NHỜ BÒ SỮA, CÂY CẢNH NHÀ ÔNG ĐIỆP GIÀU LÊN

Sau 22 năm liên tục công tác ở xã Phù Đồng (Gia Lâm), cuối năm 1989, ông Nguyễn Văn Điệp được nghỉ hưu. Ở quê ông bò sữa đang được nuôi khá nhiều, cây cảnh và hoa cũng đã có hàng trăm hộ làm. Nhiều hộ giàu lên từ nuôi, trồng hai loại mặt hàng có giá này. Ông Điệp đã chọn ngay hướng làm ấy và chỉ 4 - 5 năm sau hiệu quả đã thấy rất rõ.

Nhà ông hiện có 6 khẩu, 4 lao động, 5 sào ruộng cấy và 3 sào bãi. Để có lương thực cho người, thức ăn cho 6 bò (4 con đang khai thác sữa), và đôi lợn to, ông đã thuê và thầu thêm 11 sào đất bãi, phân bò, lợn đủ sức đáp ứng bốn gần 2 mẫu canh tác. Khi mùa vụ bận rộn, ông chỉ thuê người làm đất, còn gieo cấy, thu hoạch, ông và các con, dâu, rể cùng làm.

Với 5 triệu đồng vay từ năm đầu và 1 bò lai Sind, ông nhân dần dần bò sữa, dùng số lãi tự có xây chuồng trại, lấp ao lập vườn rộng 200m² để trồng hoa, sân “chơi” cho bò lợn. Khoảng sân trước nhà, ông bày gần kín chậu các loại với hơn 30 loại cây cảnh, hoa tươi bốn mùa. Đáng nói là có một nửa loại hoa, cây cảnh ông tự khai thác lấy, đỡ được nhiều vốn mà thu hoạch khá.

Năm 1993, tiền lãi bán từ sữa và vườn, ông mua sắm dụng cụ sản xuất, chăn nuôi và gần đủ nhu cầu sinh hoạt. Năm 1994, trừ các khoản chi, còn hơn 20 triệu đồng, ông “lên” xe máy. Năm 1995, ông gửi Ngân hàng 10 triệu đồng, mua thêm một số bàn, ghế, tủ sập loại đắt tiền và hiện sắp mua thêm một con bò sữa, giá 8 triệu đồng.

Ông Diệp cho biết “Năm 1986, với 7 con bò sữa và vườn hoa cây cảnh, có thể thu 30 triệu đồng. Nhà có thêm một tủ lạnh mới từ số thu này. Và như vậy là đủ những thứ cần thiết cho sinh hoạt”.

Từ một hộ thiếu ăn nhiều tháng trong năm, ông Diệp đã chọn đúng hướng phát triển kinh tế để vĩnh viễn xoá đói, giảm nghèo.

Tháng 11 năm 1995, ông là một trong ba đại biểu của xã được đi dự hội nghị “Người tốt việc tốt” của huyện.

LÀM GIÀU TỪ NUÔI TRAI NGỌC

Theo đường biển qua Vịnh Hạ Long, ngược lên phía Bắc là vịnh Bái Tử Long. Cũng như Hạ Long, Bái Tử Long có những núi đá nhiều vẻ, nhô lên mặt biển trong xanh kỳ lạ và thật đẹp. Chúng tôi lên một hòn đảo vào buổi sáng sớm, ở đây có cơ sở nuôi trai ngọc. Người phụ trách cho biết, hôm nay thu hoạch ngọc trai. Điều này thật hấp dẫn, bởi vì ngọc trai không phải nơi nào cũng có, lúc nào cũng được thấy. Lên đảo cùng chúng tôi là mấy chục công nhân trẻ tuổi, chừng mười tám đôi mươi. Họ từ nhiều nơi ra đảo lần này để học nghề nuôi trai cấy ngọc. Trước đây (năm 1967), ở Quảng Ninh cũng từng có xí nghiệp trai ngọc Cô Tô, vùng biển này từng có bãi trai ngọc. Nhưng ngày ấy có ngọc mà không biết bán cho ai, ngọc chưa có giá. Năm 1973, bão số 10 tràn vào, vùi lấp làm mất đi bãi trai ngọc. Sau đó xí nghiệp giải thể. Gần 28 năm sau, có một lớp trẻ đến đây bắt đầu theo nghề trai ngọc.

Trong đáy bể mênh mông, con trai luôn hút nước lọc lấy thức ăn. Có vài hạt cát, sỏi rơi vào trong lớp vỏ của một vài con trai, trong số hàng ngàn vạn con ở đáy biển. Hạt cát nhỏ nhoi ấy kẹt lại, được lớp tế bào tạo xà cừ của trai bao phủ,

năm tháng qua thành viên ngọc trai tự nhiên. Lớp tế bào trong phần áo sát vỏ con trai nào cũng có thể sinh xà cừ. Nhưng không phải con trai nào cũng có ngọc. Người ta đưa vật lạ vào cơ thể con trai, lớp ngọc được sinh ra, phủ quanh vật lạ thành ngọc nhân tạo. Nuôi trai rồi cấy thành ngọc, ấy là nghề nuôi trai cấy ngọc.

Trước mắt chúng tôi là một vùng nuôi trai ngọc. Những giàn bè lồng trai được thả nuôi trong vịnh. Trên mặt biển là hàng nghìn chiếc phao nhựa màu đen, tròn như quả bang, giữ nổi giàn lồng trai. Vài chiếc bè lớn, trên là nhà làm việc của hàng chục công nhân. Công việc ấy là lấy một con trai, tách lớp màng áo nhỏ đó vào nhân rồi cấy vào nội tạng con trai khác, màng áo sẽ được một con trai sinh ra ngọc. Công việc này đầy hứng thú và tỉ mỉ, mỗi con trai được cấy hai nhân viên mà mỗi người mỗi ngày có thể cấy cho 400 - 600 con trai. Trai hai năm tuổi mới đủ sức sinh ngọc, nhưng quá 3 tuổi đã già, không thể cấy được nữa. Sau khi cấy 12 - 18 tháng sẽ thu hoạch ngọc. Người ta vớt trai, gỡ ra từng con, tách lấy vỏ ngọc, đưa vào thiết bị rửa, đánh bóng. Chiếc khay trắng chứa đầy ngọc đã được rửa, những viên ngọc tròn bằng viên bi xe đạp được đổ ra mặt bàn để chọn. Một khay ngọc đầy chỉ chọn được vài viên đẹp là những viên tròn, không có vết, thường có màu sáng ánh bạc; cũng có khi được ngọc màu đen. Nói thì như vậy, còn

nhìn vào “đồng ngọc” trên bày này, nhiều viên có màu tím, vân hồng (giống mặt phía trong vỏ trai), tôi không thể biết viên nào là đẹp “thật”. Những viên được chọn phải qua nhiều khâu chế tác đem bán mới có giá. Giá ngọc cũng vô cùng, có viên vài chục USD, cũng có viên vài nghìn USD. Trong số hàng chục vật quý hiếm làm đồ trang sức, ngọc trai đứng hàng thứ bảy, sau kim cương, xaphia, rubi... và quý hơn vàng.

Tôi được biết, tháng 6/1992, Công ty dịch vụ nuôi trồng thủy sản mua gom ở vùng biển từ Cô Tô đến Thanh Hoá được 10 vạn con trai, đưa về cảng Vạn Hoa (cách cửa sông Tiên Yên 20km). Tháng 7, mưa kéo dài 7, 8 ngày, nước lũ sông Tiên Yên đổ ra biển, làm nước biển bị pha “nhạt”, trai chết chỉ còn 1,3 vạn con. Số vốn đổ vào nuôi trai khoảng gần 100 triệu đồng gần như đi đứt. Đến tháng 9 năm ấy, với số trai còn lại, cán bộ của Công ty đã cho trai đẻ thành công. Sau đó có nhiều người nước ngoài muốn vào hợp tác sản xuất trai ngọc. Phải sau cái đận ấy, mới có những viên ngọc.

Bây giờ nuôi cấy trai ngọc đang trở thành một nghề. Hằng năm sẽ cần hàng triệu con trai nguyên liệu. Để chọn được một triệu con trai cho cấy ngọc, cần bốn triệu con. Mỗi gia đình một năm có thể nuôi, quản lý 5 - 10 vạn con trai. Nghề này phải làm việc trên biển, cần sự hợp tác của nhiều gia đình thành nhóm, mỗi nhóm

10 - 20 hộ. Ở các đảo Hang Hoi, Nhiều Tân, Cát Giá, Vịnh Bái Tử Long, đã có nhiều gia đình lập thành nhóm nuôi trai làm nguyên liệu cho cấy ngọc. Hiện đã cho đẻ và sản xuất được trai giống, đã có cơ sở sản xuất nhân cấy ngọc. Rồi đây, từ Hạ Long, Bái Tử Long, Lan Hạ đến Cát Bà... sẽ nuôi trai ngọc. Hàng nghìn người có thêm việc làm, tăng thu nhập. Vùng biển phía Bắc này của Tổ quốc đang và sẽ trở thành vùng trai ngọc lớn.

Cha ông ta ngày xưa đã có câu: “Miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời”. Nghề nuôi trai ngọc ở Bái Tử Long cũng nằm chìm bầy nổi chín lênh đênh. Nhưng có cái gì được mà không mất. Có cái mất để mà được. Năm 1973, bão số 10 tràn vào vùng nuôi ngọc trai. Khi đó nghề này tưởng chừng không trụ nổi. Biết giá trị của ngọc trai, một lớp trẻ đã đến đây làm lại từ đầu và đã phải vật lộn với bao khó khăn bão táp của cái nghề nuôi trai ngọc và rồi họ đã thành công. Họ đã nắm được các quy trình cho trai đẻ và sản xuất nhân ngọc trai.

Với kinh nghiệm thành công và thất bại từ Bái Tử Long, nghề nuôi ngọc trai sản xuất là một nghề làm giàu nhanh vì nguyên liệu và vùng sản xuất ngọc trai ở nước ta được kéo dài 3200 km bờ biển từ Bắc vào Nam, xa đất liền nơi nào cũng có những đảo để cho nghề này phát triển.

Chỉ có điều ngọc trai quý hơn vàng thì việc đầu tư kỹ thuật để sản xuất ngọc trai phải được

huấn luyện để người nuôi ngọc trai có kỹ năng thực sự. Nghề này sẽ là một trong những nghề cho các ngư dân và những ai có khát vọng làm giàu, phù hợp với chủ trương chuyển đổi cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, đa dạng hoá cây trồng vật nuôi để góp phần vào việc xoá đói, giảm nghèo, tiến lên giàu có.

THU 15 TRIỆU ĐỒNG/NĂM TỪ NUÔI GÀ CÔNG NGHIỆP

Ông Nguyễn Văn Chùng ở xã Dương Hà, huyện Gia Lâm, Hà Nội là một nông dân làm kinh tế giỏi.

Năm 1994, ông được nghỉ hưu trong điều kiện đời sống gia đình gặp nhiều khó khăn. Vừa hoàn thành nhiệm vụ với Nhà nước, sau khi tham khảo kinh nghiệm làm kinh tế của bạn bè, ông quyết định đầu tư nuôi gà công nghiệp. Được Hội nông dân xã giúp đỡ vay 500.000đ, kết hợp với số vốn tích lũy được ông đã mua 350 con gà giống để nuôi. Lứa đầu nuôi nhiều nên không khỏi bỏ ngõ, nhưng rồi ông động viên mọi người trong gia đình “vừa làm vừa học hỏi thêm, chắc sẽ thành công”.

Pha chế thức ăn, bổ sung các thành phần dinh dưỡng trong cám được ông thực hiện đúng liều lượng. Hằng ngày khi chăm sóc gà, ông thường để ý xem chúng mắc bệnh gì để chữa.

Theo tính toán của gia đình, mỗi lứa trừ chi phí còn lãi 3 triệu đồng. Một năm nuôi 5 lứa gà, ông đã có lãi 15 triệu đồng.

Cùng với nuôi gà, vợ chồng ông Chùng còn nhận ruộng khoán sản phẩm. Từ các diện tích này, sau khi sử dụng cho sinh hoạt, số lương thực còn dư cũng bán được trên 1 triệu đồng.

Từ một gia đình nghèo khó, bằng chính lao động của mình, ông Chùng đã có mức thu nhập 16 - 18 triệu đồng một năm nên cuộc sống đã dư dật, có bát ăn bát để. Ngoài làm kinh tế cho gia đình mình, ông Chùng còn vận động một số bà con cùng thôn nuôi gà công nghiệp như anh Chính A, Chính B, Chính Học... Hiện nay, các gia đình trên đều có mức thu nhập khá.

NGHỀ CHĂN NUÔI Ở SÓC SƠN THÚC ĐẨY NHANH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Trước nhu cầu đổi mới trong nông nghiệp, Sóc Sơn đã có sự tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, trong đó có việc đưa các con giống mới vào chăn nuôi đến từng xã, từng hộ nông dân. Hướng phát triển chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp, nuôi các loại con có giá trị kinh tế được nhiều nơi thực hiện. Với phương châm: nạc hoá đàn lợn, Sind hoá đàn bò, mở rộng quy mô nuôi vịt siêu trứng, các hợp tác

xã đã có biện pháp giúp nông dân vay vốn, hỗ trợ kỹ thuật để phát triển chăn nuôi. Sóc Sơn thường có đàn lợn gần 71.000 con được nuôi trong các gia đình. Mấy năm gần đây, đời sống kinh tế trong nhân dân được cải thiện, nhu cầu tiêu dùng thực phẩm ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng. Xuất phát từ thực tế trên thị trường, nghề chăn nuôi cần được đổi mới cả về quy mô lẫn phương pháp.

Do vậy, nuôi lợn hướng nạc đã và đang được nhân ra rộng rãi. Từ năm 1994 - 1995, được sự phối hợp của Trung tâm khuyến nông Thành phố, Phòng nông nghiệp huyện đã xây dựng mô hình khuyến nông nuôi lợn nạc từ hợp tác xã Thanh Xuân. Qua bước đầu tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn nông dân áp dụng các biện pháp về chọn giống, thức ăn, chuồng trại, phòng bệnh thú y, để đạt năng suất cao. Bước đầu, qua 7 hộ nuôi, số đàn gồm 65 con, kết quả cho thấy sự tăng trọng khá, tỷ lệ nạc cao. Hiện nay, huyện đang có hướng chỉ đạo tăng nhanh về hộ nuôi, tổng đàn, đưa số lợn nạc 30% tổng đàn. Phát huy thế mạnh ở các vùng đồi gò, các hợp tác xã đẩy mạnh chăn nuôi trâu bò, dê. Hiện nay, tổng đàn trâu bò trong huyện có khoảng 1.850 con, trong đó có khoảng 1.200 con bò, trên 300 con dê. Hợp tác xã Nam Sơn đã có hình thức đầu thầu các khu đồi, cho nông dân vừa tổ chức trồng cây, vừa làm nơi để nuôi bò, dê. Trong việc quan tâm phát triển chăn nuôi bò sữa, hợp tác xã đã được hỗ trợ để

phối giống 112 con bò, nhằm từng bước nhân cao đàn bò sữa. Bên cạnh đó, nhiều năm gần đây nghề nuôi gà công nghiệp ở Sóc Sơn có hướng tăng nhanh, ước tính có khoảng 400.000 con gà công nghiệp được nuôi trong các gia đình. Ngoài nuôi gà thịt, một số hộ đã chuyển sang nuôi gà đẻ trứng. Quy mô về chuồng trại, số lượng con ngày càng được mở rộng. Nhiều hộ ở các xã Đông Xuân, Phú Lỗ, Xuân Thu đã có quy mô nuôi từ 500 - 1000 con gà công nghiệp. Thực hiện chương trình cải tạo đồng trứng, các mô hình chăn nuôi vịt cũng được tổ chức ở các khu này. Tuy nhiên, để bảo vệ mùa màng, tránh thiệt hại cho lúa và hoa màu mà vẫn bảo đảm ổn định chăn nuôi cho các hộ, mỗi hợp tác xã đều có nội quy, quy định bảo vệ đồng ruộng. Các hộ được sử dụng khu đồng trứng, đồng sâu vừa tận dụng cấy lúa, thả cá và nuôi vịt. Hai hợp tác xã Tân Hưng, Bắc Phú đã được chuyển giao nuôi 3000 con vịt siêu trứng. Trong số 60 gia đình tham gia nuôi gồm Hợp tác xã Bắc Phú có 1.370 con, Hợp tác xã Tân Hưng có 1.630 con. Từ đầu năm 1995 cho đến cuối năm, tỷ lệ vịt nuôi sống đến khi đẻ đạt 95%. Đã có từ 60 đến 80% vịt đã đẻ trứng. Một số hộ có khả năng nuôi khá, sau hơn 5 tháng nuôi vịt đã bắt đầu đẻ trứng. Khối lượng của trứng vịt loại này lớn hơn nhiều so với trứng vịt cỏ hiện có. Nhờ phát triển chăn nuôi, kinh tế nông thôn Sóc Sơn có sự tăng trưởng khá. Điều đó thúc đẩy nhanh tốc độ xây

dựng nông thôn mới của địa phương, đời sống của nông dân không ngừng được nâng cao.

TRẦN TUẤN CHẮC, 30 TUỔI ĐỜI THU TRÊN 20 TRIỆU ĐỒNG/NĂM TỪ NUÔI GÀ CÔNG NGHIỆP

Do nắm bắt được nhu cầu của thị trường và chịu khó tìm tòi, học tập kỹ thuật chăn nuôi, anh Trần Tuấn Chắc ở thôn Đoài, xã Phù Linh (Sóc Sơn) đã vay vốn đầu tư nuôi gà công nghiệp và chăn nuôi lợn. Năm đầu tiên (1994) anh đã xuất chuồng 1,2 tấn lợn mót hàm và 5 tạ gà công nghiệp. Tỷ lệ tăng trọng của đàn gia súc, gia cầm cao, trừ chi phí anh được lãi trên 10 triệu đồng. Năm 1995, anh tiếp tục đầu tư, mở rộng chăn nuôi, sau một năm xuất chuồng 8 tấn gà thịt, thu lời 25 triệu đồng. Để hạ giá thành “đầu vào” anh thường mua thức ăn gia súc với số lượng lớn ở các tỉnh xa như: Sơn La, Vĩnh Phú, Cao Bằng, Hà Bắc và huyện Đông Anh về chế biến thành thức ăn tổng hợp vừa để gia đình chăn nuôi, vừa bán cho bà con hàng xóm. Anh còn làm cả khâu dịch vụ nghiền thức ăn gia súc. Riêng khoản này, mỗi năm cũng thu gần chục triệu đồng. Đến nay anh Chắc đã xây dựng cơ sở vật chất phục vụ chăn nuôi bao gồm chuồng trại, kho chứa, máy nghiền thức ăn gia súc giá trị lên 40 triệu đồng.

CHỊ TRẦN THỊ MINH MỘT GIA ĐÌNH TÍCH CỰC NUÔI LỢN ĐỂ LÀM GIÀU

Tuy đang còn công tác ở xí nghiệp dệt, song vợ chồng anh Vũ Văn Lâm và chị Trần Thị Minh ở xã Ngũ Hiệp, Thanh Trì rất chú trọng chăn nuôi lợn. Lúc đầu, anh chị cũng chỉ thả vài con theo cách chăn nuôi cũ lên lợn hay mắc bệnh, chậm lớn, ít có hiệu quả kinh tế... Với ý nghĩ vươn lên và cung cách làm ăn mới, anh chị đã mạnh dạn chuyển hẳn chăn nuôi lợn theo phương pháp công nghiệp, từ thiết kế xây dựng lại chuồng trại cao rộng, thoáng mát, điện nước, cho đến khâu tìm chọn giống, thường là chọn loại lợn lai, to, có khối lượng từ 20 đến 25 kg, coi trọng khâu vệ sinh tiêm phòng, tẩy giun, sán... Đặc biệt là khẩu phần và cách thức cho ăn. Thức ăn thường theo đúng công thức, gồm có: bột ngô hoặc gạo, cám gạo, đậu xanh, bột cá khô (bán sẵn) và men tiêu hoá, rau sống. Hằng ngày, anh chị cho lợn ăn từ 3 đến 4 bữa, trong đó có một bữa tối. Lợn ăn khô rồi uống nước sạch nhiều lần, đồng thời theo khối lượng của lợn mà đổi thành phần thức ăn cho phù hợp.

Với cách chăn nuôi này, lợn được ăn no đủ chất, tắm mát, ngủ nhiều nên rất chóng lớn.

Tính trung bình mỗi tháng, lợn lên được 25kg/con, anh chị cũng đã lần lượt cho xuất chuồng hai lứa gần chục con, mỗi con khoảng một tạ hơi, sắp tới anh chị cũng lại cho xuất chuồng lứa thứ ba khoảng 4 con, lứa trước bán đi lứa sau lớn theo kiểu gỏi vụn.

Sơ bộ tính toán hai lứa đầu trừ chi phí, anh chị cũng thu nhận được gần 2 triệu đồng. Điều đáng khích lệ không chỉ có tiền lãi, mà anh chị đã chăn nuôi có kết quả theo phương pháp mới. Bà con xung quanh cũng đã làm theo và chăn nuôi có thu nhập cao.

Dự kiến trong những năm tới, gia đình anh sẽ phát triển đàn lợn đông hơn nữa để đáp ứng nhu cầu thịt lợn hiện nay và tăng thu nhập cho gia đình.

1001 CÁCH LÀM KINH TẾ CỦA NÔNG DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

Nghe theo lời giới thiệu của chị Chủ tịch Hội nông dân Đông Anh, tôi vội đến một số địa phương để tìm hiểu cách làm kinh tế của một số bà con. Nghe nói đã thấy hấp dẫn, đến thực tế còn thấy lý thú hơn nhiều. Xin giới thiệu vài “kiểu mẫu” về làm ăn ở đây để mọi người cùng tham khảo.

Bắt đầu từ gia đình bác Phan Văn Thiêm ở xã Liên Hà. Năm đầu bác mới nuôi gà công nghiệp,

cải tạo vườn ăn quả của gia đình, thế mà đã cho thu nhập trên 50 triệu đồng. Những năm tiếp sau, với số lãi đã có, bác mở rộng quy mô chăn nuôi với 2 ô chuồng lợn, bác nuôi hàng chục con; 8 gian nhà nuôi gà thịt, gà đẻ trứng, mới đây cho xuất chuồng 6500kg thịt gà, 2500kg thịt lợn. 15000 quả trứng. Ngoài ra bác còn nuôi thêm khoảng 200 con cá trê lai. Như vậy, tổng cộng trong năm nay đã xuất bán và số còn lại ước tính gia đình bác sẽ đạt tới trăm triệu đồng.

Anh Nguyễn Bá Hạnh ở xã Tầm Xá đã nuôi tới 70 con lợn bột/năm theo phương pháp công nghiệp. Do chịu khó mày mò, tìm tòi học hỏi, trong chuồng nhà anh lúc nào cũng có ba loại lợn gối nhau trông rất thích mắt. Khi được hỏi về chuyện lời lãi trong chăn nuôi, anh chỉ cười khiêm tốn: Hằng năm cho thu nhập một khoản tiền đáng kể.

Đến gia đình anh Ngô Vĩnh Vận ở Thụy Lâm mới thấy được sức dẻo dai của người lính trên mặt trận kinh tế này. Sau 13 năm ở quân ngũ, năm 1981, anh đã cởi áo lính về tại địa phương, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Không nản chí, anh đã bắt tay vào làm giàu ngay trên mảnh đất chôn rau cắt rốn ấy. Việc làm đầu tiên của anh là chăn nuôi lợn và bò sinh sản. Sau khi “thăng” được chút ít, anh mua thêm một sào ao, lấp một nửa làm vườn trồng cây ăn quả, một nửa anh để thả cá. Cứ như vậy, hằng năm thu được

lãi anh lại quay vòng phát triển sản xuất. Mỗi năm anh thu nhập vài chục triệu đồng. Cuộc sống của gia đình anh thực sự thay đổi, có tích lũy để mở rộng sản xuất.

Nhiều gia đình khác ở Đông Anh cũng có những cách làm ăn độc đáo, nhưng dù cách nào đi chăng nữa thì cũng đều thu được một kết quả như nhau. Đó là làm giàu chính đáng. Mong rằng ở các địa phương, ai đó còn rụt rè trong làm ăn, hãy mạnh dạn đầu tư vốn thâm canh để có kết quả như các gia đình vừa nêu trên.

ANH CHÍNH NUÔI BÒ SỮA GIỎI

Mấy năm gần đây, nghề nuôi bò sữa đã hình thành và phát triển trong các hộ ở ngoại thành. Gia đình anh Vũ Xuân Chính, thôn Yên Duyên, xã Yên Sở, huyện Thanh Trì, Hà Nội là một trong những hộ đầu tiên nuôi bò sữa và làm giàu từ nghề này.

Ở độ tuổi 43, với dáng người và mái tóc “nghệ sỹ”, ít ai biết được anh là một nông dân có kinh nghiệm trong nghề nuôi bò sữa, đặc biệt là kỹ thuật chọn giống, nuôi dưỡng và chăm sóc. Gia đình anh được xếp là hộ nuôi bò sữa giỏi của huyện Thanh Trì. Năm 1992, để nắm bắt được nhu cầu sữa tươi trên thị trường, mặt khác tạo điều kiện lao động cho gia đình có công ăn việc làm, anh Chính quyết định chuyển từ nuôi lợn

sang nuôi bò sữa. Kinh nghiệm chưa có gì, anh cùng con trai lớn là Vũ Xuân Minh đến các nông trường Phù Đồng (Gia Lâm), để Ba Vì học hỏi kỹ thuật chăn nuôi. Với 6 triệu đồng tiền bán lợn và vay mượn bạn bè, anh mua 2 bò để giống lai Sind nuôi thử. Từ bò đẻ, anh chuyển sang bò lấy sữa bằng cách tách bê con, cho ăn tăng khẩu phần chất tinh, mỗi con bò đã cho từ 4 - 5 lít sữa mỗi ngày. Tính toán, trừ chi phí, thấy có lãi hơn nuôi lợn, anh mạnh dạn chuyển hẳn sang nuôi bò sữa.

Vậy là muốn có lãi cao thì phải có giống tốt và thức ăn đầy đủ. Anh đã bán lứa bò năng suất sữa thấp, vay ngân hàng gần 100 triệu đồng mua 7 con bò giống Hà Ấn, mỗi con xấp xỉ 12 triệu đồng. Đến năm 1993, đàn bò sữa của gia đình anh phát triển lên 10 con, trong đó có 7 con vắt sữa, trung bình mỗi ngày thu 100 lít sữa tươi, thu lãi gần 2.000.000 đ. Qua một năm chăn nuôi, anh rút ra kinh nghiệm, muốn khai thác được sữa liên tục, có chất lượng cao, ngoài cỏ là chính, phải đầu tư đủ các chất bột ngô, bột gạo, bột cám và các chất có bổ sung như bột cá, bã bia, khoáng.... đồng thời làm tốt việc chăm sóc vệ sinh chuồng trại và phòng bệnh. Những ngày nóng nực, đàn bò được tắm thường xuyên và quạt mát, ngày lạnh được che chắn chuồng trại, sưởi ấm. Ngoài chăn thả bò ngoài đồng và thuê cắt cỏ phơi dự trữ, gia đình anh còn trồng gần 3 sào cỏ voi, bảo đảm bò được ăn đủ cỏ tươi hằng ngày và dự trữ

trong suốt mùa đông. Nhờ chăm sóc chu đáo, mỗi chu kỳ khai thác sữa đã kéo dài 10 đến 11 tháng, cho 3 tấn sữa tươi mỗi con. Năm 1992 và 1993 gia đình anh đã cung cấp cho thị trường gần 22 tấn sữa. Anh Chính cho biết, đây là thời kỳ phát đạt nhất, lãi suất đạt 50%, trừ chi phí thu khoảng 30 đến 40 triệu đồng. Gia đình anh đã trả xong nợ Ngân hàng và vốn tự có gần 100 triệu đồng.

Năm 1995 này, do giá thức ăn tăng gấp 3 lần, trong khi giá sữa không tăng, 8 tháng đầu năm gia đình anh chỉ bán được 7 tấn sữa. Hiện nay đàn bò của anh còn 7 con, trong đó có 5 con vắt sữa, thu trên dưới 60 lít sữa tươi/ngày, tính ra lãi chỉ đạt 50.000đ/ngày. Đó là bán cho tư nhân, còn nếu bán cho Nhà máy sữa Hà Nội với giá thấp hơn thì hoàn toàn không có lãi. Đây cũng là lý do để gia đình bò sữa “bán bò... tậu lợn”. Nhưng anh Chính cho rằng, chăn nuôi bò sữa cũng như các ngành sản xuất khác đều có bước thăng trầm, đều phải biết chờ thời cơ. Bởi lẽ, sữa tươi là nguồn giải khát giàu chất dinh dưỡng, cần thiết cho sức khỏe của mỗi người. Anh cũng cho biết thêm, nếu giá thức ăn chăn nuôi ổn định, giá bán sữa hợp lý, anh sẽ tiếp tục duy trì và phát triển đàn bò sữa.

CHỊ ĐÓN CHĂN NUÔI GIỎI

Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế đã tạo môi trường tốt, khuyến khích các gia đình đầu tư công sức làm giàu bằng đôi tay của chính mình. Nắm rõ chủ trương ấy, chị Dương Thị Đón, ở xã Trung Mậu (huyện Gia Lâm) đã mạnh dạn tập trung vốn để nuôi bò sữa, nuôi lợn và thả cá.

Năm 1992, chị Đón mua 2 con bò sữa Hà Lan cao sản, với phương châm trả dần 30% số vốn. Sau hai tháng, một con cho khai thác sữa; đến năm 1993, cả 2 con cùng cho khai thác. Trung bình chị khai thác một chu kỳ sữa là 10 tháng. Những tháng cao điểm nhất, chị thu được 45 lít sữa/ngày. Trong năm, chị Đón đã bán được 9.900 lít sữa và 2 bê con.

Nói về kinh nghiệm nuôi bò sữa, chị tâm sự “Nếu mới chăn nuôi sẽ cảm thấy là khó, nhưng nuôi một thời gian, đúc kết kinh nghiệm và tham khảo sách báo, thì thấy đây là một nghề có thể làm được. Nguồn thức ăn cho bò sữa chủ yếu dùng cỏ tươi là chính. Đồng thời, để bò có nhiều sữa, chị còn cho ăn thêm một số loại thức ăn khác như: cám gạo, bột ngô, bã bia, đậu tương... Mỗi năm, số chi phí mua thức ăn cho bò sữa chỉ 10 triệu đồng, trong khi đó, tiền bán sữa và bê

đạt trên 36 triệu. Do vậy, từ năm 1993, chăn nuôi bò sữa trở thành nghề chính trong gia đình. Năm nay có khó khăn về lương thực và nguồn tiêu thụ sữa, nhưng chị Đón vẫn nuôi 2 con bò sữa, vì nghề này vẫn có khả năng cho thu nhập cao.

Cùng với chăn nuôi bò sữa, chị Đón vẫn còn đầu tư nuôi lợn, mỗi lứa 10 con lợn thịt. Để có giống, chị nuôi 1 lợn nái. Việc xây dựng chuồng trại được sắp xếp hợp lý để cả chuồng lợn và chuồng bò đều đủ điều kiện cho chăn nuôi đạt kết quả. Với 8 sào hồ ao, chị Đón đã đầu tư thả cá thịt, đồng thời nuôi gột cá giống. 18 tháng qua, gia đình chị đã thu được trên 28 triệu đồng tiền bán lợn và bán cá. Từ chăn nuôi bò sữa, lợn và nuôi cá, gia đình chị Đón đã có mức thu nhập cao. Mấy năm gần đây, chị thường thu lời từ 30 đến 40 triệu đồng/năm. Trong nhà chị đã có xe máy, nhiều đồ dùng nội thất đắt tiền và có nguồn vốn tích lũy khá để đầu tư mở rộng chăn nuôi.

Hiện nay, chị Đón còn băn khoăn bởi nguồn tiêu thụ sữa tươi chưa ổn định. Nếu khâu này được giải quyết, chị sẽ mua thêm nhiều bò sữa, lúc đó thu nhập của gia đình sẽ tăng hơn nhiều.

CON LỢN... LÀ ĐẦU CƠ NGHIỆP

“Lúc còn sống, bố mẹ tôi vẫn dặn dò: Sau này lớn lên, các con muốn làm gì thì làm cũng cần giữ lấy gia phong, đừng làm điều gì để làng xóm

chê cười. Bây giờ Nhà nước cho phép phát triển kinh tế, kiếm đồng tiền không khó. Nhưng để có đồng tiền chân chính thì vã mồ hôi..." - Đó là lời tâm sự của Đỗ Kim Hoa khi chúng tôi thăm trại lợn của gia đình anh ở xã Xuân Đình, vào những ngày giáp tết Bính Tý.

Hoa nguyên là lính thợ sửa chữa xe ô tô thời chống Mỹ, nhập ngũ năm 1970, 1976 ra quân chuyển ngành sang Công ty dệt kim Hà Nội. Cuối năm 1987, anh đi hợp tác lao động ở Cộng hòa dân chủ Đức, năm 1990 về nước.

Ba năm xa xứ, anh để dành được ít vốn. Có tiền có cửa, nhiều người ham hưởng thụ, sống vênh vang, xem thường đạo lý và cũng không ít người chỉ biết hôm nay, không nghĩ đến ngày mai. Nhưng ở Đỗ Kim Hoa lại canh cánh lời dặn của bố mẹ. Ban đầu vợ chồng anh có 800m² đất ở, sau lại được chị gái cho sử dụng thêm 500m² ao. Anh chị sinh được 3 cháu thì hai cháu lớn đang học đại học, cháu út học phổ thông cơ sở. Ngôi nhà mái bằng nhìn hướng đông nam, phía trước là khoảng sân rộng có bồn hoa cây cảnh. Trong nhà có góc để sách báo, đồ dùng cũng còn đơn sơ, giống như một gia đình công chức thời bao cấp.

Nói đến con lợn, anh kể - cũng là nói đến cái nghiệp của nhà nông, ai làm ruộng sống ở đồng quê cũng đều có con lợn trong chuồng để lấy phân bón đòng cho cây lúa. Ngày xưa, bố mẹ anh nuôi lợn là để tận dụng nước gạo, cọng rau rơi vãi.

Nuôi lợn câu dầm như tiền bỏ ống. Đến thời đại công nghiệp, nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao thì mình lại phải nghĩ cách khác.

Thế là năm 1993, anh chị nhập một lúc 50 con giống. Trước đó gian chuồng ọp ẹp đã được mở rộng ra 200m². Tiền gốc 80 triệu đồng. Bà con lối xóm khen có khen, nhưng cũng có điều lo ngại. Cái đàn ấy mới bập vào, cũng bởi chưa nắm được quy trình chăn nuôi công nghiệp, thiếu thông tin, giống lợn nhập vào lại là giống tạp, chậm lớn rồi lại bị sa sẩy, 6 tháng mới được xuất chuồng coi như lỗ. Hết lô lợn đầu, hai vợ chồng ngồi kiểm tra lại nước cờ. Bàn tính nước đi chứ không bỏ nghề. Anh chạy đến các cửa hàng sách tìm mua tài liệu hướng dẫn chăn nuôi và những bí quyết của con lợn. Lứa thứ hai tăng 70 con. Rồi tới giữa năm 1994 anh chị nhập hẳn 100 con.

Cho đến bây giờ nhắc lại chuyện “vạn sự khởi đầu nan” đó, Đỗ Kim Hoa biết ơn phòng nông nghiệp huyện Từ Liêm đã cho anh đi khảo sát chăn nuôi lợn nái ở Sóc Sơn, dự hội thảo ứng dụng khoa học kỹ thuật về đề tài này, từ đó anh đã rút ra được nhiều bài học quý.

Khu vực chăn nuôi của gia đình Hoa đặt sát phía góc phải phần đất 200m² chuồng được ngăn đôi, một bên thả lợn vỗ béo, một bên nuôi kế tiếp. Đàn lợn xuất chuyển đàn nhỏ sang rồi lại nhập gới. Gian chế biến ở đầu trên bắt nối vào dây chuồng, chỗ này có đường ống dẫn nước rửa,

bếp lò, một cái vạc cũ 200 lít, bể chứa thức ăn. Dáy bể thông với máng dẫn quanh dây chuồng...

Được hỏi ý định dựng cơ nghiệp lớn, Đỗ Kim Hoa cân nhắc và thông báo chưa chính thức rằng anh đang có dự án nâng cấp chuồng trại, nhập thêm đầu lợn từ 150 đến 200 con, sử dụng thêm lao động nông nhân trong thôn xã để tạo ra nhiều sản phẩm.

SÓC SƠN PHÁT TRIỂN VAC ĐỂ LÀM GIÀU

Tuy rất bận rộn trong việc gieo trồng nốt cây vụ đông, nhưng bà con ở Sóc Sơn vẫn không quên chăm sóc mảnh vườn nhỏ ở nhà cùng những cây trồng, vật nuôi được Hội những người làm vườn (VACVINA) huyện dày công giúp đỡ.

Ở vùng bán sơn địa này, ngoài việc sản xuất ở ngoài đồng, hầu như gia đình nào cũng phát triển VAC. Từ thu nhập thực tế của mỗi gia đình, người dân nơi đây đã thấy rõ rằng: Làm ruộng để được ăn no, làm VAC cùng với việc mở thêm ngành nghề dịch vụ để làm giàu. Hiện thực đã chứng minh được điều đó, bởi lẽ mấy năm gần đây có nhiều gia đình ở các địa phương của Sóc Sơn làm VAC đã cho thu nhập cao, thường cũng đạt từ 3 - 5 triệu đồng/năm, cá biệt có nhiều gia đình đạt 10 triệu, thậm chí chục triệu đồng/năm.

Trao đổi với các đồng chí lãnh đạo trong Hội

VACVINA của huyện, chúng tôi được biết kết quả của việc làm kinh tế VAC của nông dân Sóc Sơn trong thời gian qua mà thấy vui lây. Lợi ích kinh tế của VAC đã đem lại cho từng người dân ở đây và cho từng gia đình. Phải chăng đây là “đòn bẩy” tạo nên sức mạnh đưa phong trào VAC ở đây phát triển sâu rộng hơn. Họ bỏ công sức, tiền của ra, dày công cải tạo vườn - ao - chuồng mà chăm chắc thu “một vốn, bốn lời”, nếu làm khá giỏi thì sẽ “nhất bản, vạn lợi”. Từ những mảnh vườn xưa kia bỏ hoang, từ những thùng đào thùng dẫu, ao tù nước đọng, nay được cải tạo thành vườn cây, ao cá, những chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm. Không những thế, nhiều gia đình còn nhận đất trống đồi núi trọc để phát triển kinh tế gia đình theo mô hình VAC, xây dựng thành VAC trang trại rộng hàng vài ba ha. Những trang trại của ông Cường (Bắc Sơn), ông Đức, ông Hùng (Hồng Kỳ), ông Hộ (Nam Sơn), ông Oanh (Minh Phú)... cũng do sức người “cải tử hoàn sinh” từ những vùng “chó ăn đá, gà ăn sỏi”. Hầu hết các hộ vừa kể trên đều xây dựng mô hình VAC và trồng thêm những cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như vải thiều, nhãn lồng, na dai; ngoài ra còn đào ao thả cá lấy nước tưới cây, làm chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Có gia đình nuôi tới 50 con bò, 100 con dê và hàng trăm con gà công nghiệp. Từ chỗ chỉ phát triển VAC để phục vụ thuần túy các bữa ăn trong gia đình, gần đây người dân đã

nghĩ sâu hơn là phát triển cây trồng, vật nuôi đa dạng, phong phú với những sản phẩm hàng hoá bán ra được thị trường chấp nhận.

Với những “làng vườn”, “đồi vườn”, “phố vườn” trồng cây ăn quả, Sóc Sơn còn phát triển trồng cây cảnh, trồng hoa ở Phú Minh, Phú Cường, Phù Linh, Tiên Dược, Phù Lỗ... vừa cho thu nhập cao, vừa làm đẹp cho cảnh quan của làng quê vốn xa xưa trơ trọi khô cằn.

Cùng với phát triển các mô hình VAC, phong trào nuôi cá thâm canh ở ao hồ cũng đã và đang được mở rộng. Một số thủy đặc sản như rấn, ếch, lươn, ba ba, cá trê lai.... đang được nuôi thử nghiệm trong các gia đình hội viên. VAC đem lại kết quả đáng kể như gia đình ông Dích (Xuân Giang) nuôi ba ba đẻ, ba ba thịt mỗi năm thu được 30 - 40 triệu đồng. Không những thế, nhiều gia đình còn mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi lợn hướng nạc, nuôi gà công nghiệp đã thu được kết quả đáng khích lệ như gia đình anh em anh Minh (Phú Minh) đều là thương binh nhưng không ỷ lại vào chính sách đãi ngộ của Nhà nước, có năm xuất chuồng tới 4 tấn gà công nghiệp và 3 con lợn lai, thu từ 50 đến 60 triệu đồng. Ngoài việc phát triển VAC, Sóc Sơn còn phát triển nuôi ong mật tại Phú Cường, Bắc Sơn, Phú Minh. Với 80 hộ ở 3 xã trên đã nuôi được trên 1200 đàn ong mật, hằng năm thu trên 1 tấn mật và cho thu nhập trên dưới 600 triệu đồng.

Có thể nói rằng, hiện nay ở Sóc Sơn hầu hết nhà nào cũng xây dựng mô hình VAC khép kín ngày càng hoàn chỉnh, đã đưa lại hiệu quả kinh tế cao cả về kinh tế lẫn việc cải tạo môi sinh, môi trường, cân bằng hệ sinh thái. Toàn huyện hiện nay có 700 hội viên là VAC giỏi, thu nhập mỗi năm đạt từ 5 triệu đồng trở lên. Cá biệt có những gia đình thu được từ 50 triệu đến 100 triệu đồng/năm.

NUÔI NGAN MÀ GIÀU

Đã từ lâu, bà con nông dân Đại Mạch (Đông Anh) đều không ngớt lời ca ngợi và học theo cách làm kinh tế của ông Lê Văn Tuấn, người mà vài năm về trước nghèo nhất nhì xã. Năm 1995 ông quyết định vay vốn Ngân hàng nông nghiệp huyện để đầu tư nuôi ngan. Với lợi thế đất nhà rộng và có khoảng ao chừng 200m², ông xây dựng chuồng trại và bờ tường xung quanh ao để ngan không ra ngoài ra. Lứa đầu tiên, ông nuôi 50 con ngan mái và 15 con ngan đực. Một năm sau, không những ông đã nhân giống đàn ngan lên tới 200 con, mà hằng tháng ông còn cung cấp cho dân trong vùng khoảng 300 con. Ông Tuấn cho biết, nuôi ngan lãi rất nhiều so với nuôi lợn hay nuôi gà, vịt mà lại không vất vả. Thức ăn dùng cho ngan cũng đơn giản, chỉ là rau thái nhỏ trộn lẫn cám tổng hợp, loại cám dùng cho gà công nghiệp.

Hiện tại một con ngan mới nở là 7.000đ đến 8.000đ, có khi là 10.000đ, ví dụ chỉ mỗi tháng ông Tuấn thu nhập từ khoản này từ 2 - 2,5 triệu, không kể mỗi tháng số ngan thịt ông thanh lý từ các con ngan mái kém sinh sản là 50kg. Bà Thanh, vợ ông Tuấn cho biết: Tổng thu nhập một tháng khoảng 3,5 - 4 triệu đồng. Trừ tiền mua cám khoảng 1 triệu đồng, mỗi tháng cũng còn tạm được...

Ở Đông Anh đã từng có những ông “vua gà công nghiệp”, “vua lợn”, “vua thịt”... và nay lại thêm “vua ngan”. Ngôi nhà của ông Tuấn là nhà cao tầng, cộng với đầy đủ tiện nghi, sinh hoạt đắt tiền như tivi, xe máy, đài, tủ lạnh.... Là một minh chứng sau hơn hai năm nuôi ngan.

Học phương pháp làm giàu của ông Tuấn, nhiều hộ dân ở Đại Mạch cũng đã khá lên nhiều từ nghề nuôi ngan. Hiện đàn ngan mái của cả xã đã lên tới gần 2000 con.

KẾT HỢP ĐÚNG CÁCH TRỒNG LÚA VÀ NUÔI VỊT CŨNG NHANH GIÀU

Trước đây, nhiều nông dân cho rằng thả vịt trên ruộng lúa, tuy được vịt những rất hại cho lúa. Nhưng từ vụ lúa xuân năm 1994, Hội nông dân Hải Phòng học tập phương pháp dùng nuôi vịt để canh tác lúa của nông dân Nhật Bản, thông qua tổ chức tự nguyện quốc tế Nhật Bản JIVC đã

tổ chức cho 37 hộ gia đình ở bốn xã Minh Tân (Kiến Thụy), Tân Tiến (Tiên Lãng), Hoà Bình (Vĩnh Bảo) và Trung tâm phát triển nông nghiệp bền vững (Sapcenter) với tổng diện tích 24.660m² thực nghiệm phương pháp canh tác lúa - vịt. Sau khi cấy lúa 15 ngày, vịt được thả vào ruộng lúa với thời gian nuôi vịt trong ruộng lúa là 75 ngày. Để đánh giá kết quả của phương pháp này, ở cả 4 địa điểm, người ta cũng đã xác định rõ những ruộng đối chứng, đó là những ruộng có những điều kiện tự nhiên giống như những ruộng làm thực nghiệm lúa - vịt. Và nhận thấy: 15 ngày sau khi cấy, tất cả các ruộng đều có cỏ mọc. Nhưng sau đó, trên ruộng có đưa vịt vào nuôi, cỏ trên các ruộng này mất dần, còn trên ruộng đối chứng cỏ tiếp tục mọc. Sau đó 30 ngày (tức là sau khi cấy 45 ngày), ở ruộng đối chứng cỏ mọc nhiều kèm theo là sâu cuốn lá, châu chấu. Còn ruộng thực nghiệm không xuất hiện sâu, không có cỏ và chỉ bị nhiễm bệnh đạo ôn rất nhẹ. Sau khi nuôi vịt trong ruộng lúa được 70 ngày, lúc lúa bắt đầu có đòng, thì đưa vịt ra khỏi ruộng, cũng là lúc vịt đã được bán. Qua theo dõi, Hội nông dân Hải Phòng có nhận xét: Trong toàn bộ diện tích nuôi vịt, cây lúa sinh trưởng khỏe, cứng thân, lá màu xanh đậm, nhánh lúa to và phát triển đều, trong ruộng không còn ốc bươu vàng và chuột phá hoại. Ở những ruộng đối chứng, bản thân cây lúa mềm hơn, lá rủ, ruộng rải rác có ốc bươu

vàng và có chuột. Do sử dụng thuốc trừ sâu cho nên không còn sâu bệnh. Nhìn chung trên toàn bộ diện tích của 37 hộ nuôi vịt, lúa có khá hơn, cây cao mập hơn. Sau khi thu hoạch, ghi chép chi phí ở hai loại ruộng cho thấy số tiền chi cho ruộng thực nghiệm là 236 nghìn đồng/sào, ruộng đối chứng là 144 nghìn đồng/sào. Tuy chi phí cao hơn nhưng kết quả thu hoạch trên ruộng thực nghiệm là 482 nghìn đồng, còn ruộng đối chứng là 260 nghìn đồng/sào. Như vậy chênh lệch lợi nhuận giữa hai loại ruộng là 129.000đ/sào.

Năng suất lúa ở các ruộng thực nghiệm đạt cao, tiết kiệm được thời gian làm cỏ... đã gây được sự chú ý và tin tưởng cho bà con nông dân. Theo báo cáo của ông Trần Trung Triệu, Chủ tịch Hội làm vườn xã Minh Tân, thì ở đây, những ruộng thả vịt đạt năng suất 158kg/sào, cá biệt ruộng của anh Trịnh Văn Thuần đạt 162kg/sào (năng suất Hợp tác xã giao là 70kg/sào). Ở ruộng không nuôi vịt năng suất lúa chỉ đạt 128kg/sào. Ruộng thực nghiệm còn có khoản thu từ tiền vịt cũng bạc triệu.

Thực nghiệm việc canh tác kết hợp lúa - vịt ngoài những kết quả đạt được còn mang hiệu quả nhiều mặt cho nông dân, giảm bớt sự can thiệp bằng phân hoá học, thuốc trừ sâu vào quá trình sinh trưởng lúa; hạn chế sự tác động của hoá chất vào môi trường, tăng hiệu quả kinh tế, giảm chi phí, từ đó tăng thu nhập cho hộ nông dân. Nông

dân có điều kiện tiếp xúc với khoa học, công nghệ mới. Đồng thời làm thay đổi quan niệm của người nông dân về mối quan hệ giữa cây lúa và con vịt; thay đổi tập quán nuôi vịt, trồng lúa nhằm tạo ra những sản phẩm nông nghiệp sạch cung cấp thực phẩm ngày càng nhiều cho nhân dân.

GÀ CÔNG NGHIỆP NGUỒN THU KHÔNG NHỎ

Ngoài những giống gà cũ như: gà Ri, gà Đông Cảo, gà Đen, gà Tây.... theo tập quán chăn nuôi từ lâu đời, hiện nay bà con nông dân đang chăn nuôi cả gà đẻ trứng, gà thịt với số lượng tăng nhiều hơn so với những năm trước đây.

Đặc biệt từ năm 1990 đến nay, mô hình chăn nuôi giống gà mới, thường gọi là gà công nghiệp hay gà siêu thịt, siêu trứng đã và đang trên đà phát triển mạnh ở khắp các địa phương trong toàn quốc và cả ở vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ tăng trưởng hằng năm về đàn gà công nghiệp ở nước ta đều tăng từ 1,5 đến 1,7 lần cả gà siêu thịt, siêu trứng. Tính chung cả giống gà cũ, gà mới đã đáp ứng một phần nhu cầu thực phẩm tiêu dùng cho xã hội.

Gà công nghiệp ở nước ta đã dần từng bước chọn lọc được những giống gà tốt, gà siêu trứng như: Goldline, Loghore, Hyline, ISA, Ross 208... Một con gà siêu trứng đẻ từ 290 đến 320 quả/

năm; trứng nặng từ 56 g - 64g. Trong khi đó, gà Ri mỗi lứa đẻ được từ 13 - 15 quả, cả năm chỉ đạt từ 70 - 80 quả và trứng chỉ nặng trên 40g/quả. Gà siêu trứng chỉ đẻ một năm, sau một năm thải loại bán gà thịt, không nên nuôi tiếp sẽ lỗ vốn. Các giống gà siêu thịt như AA, BE, Avian, Coob... từ 1 ngày tuổi cho ăn đủ chất nuôi đến 6 - 7 tuần tăng trọng từ 1,8- 2kg, có 30% trên 2kg/con, mức tiêu thụ thức ăn từ 2 - 2,2kg/kg tăng trọng.

Những năm qua, Liên hiệp các xí nghiệp gia cầm Việt Nam, xí nghiệp nuôi gà Phúc Thịnh ở Hà Nội đã cung cấp trứng giống, gà giống đủ tiêu chuẩn bán cho các hộ xã viên và các trang trại.

Việc tập huấn chuyển giao kỹ thuật mới, người nuôi trước phổ biến kinh nghiệm cho người nuôi sau, do đó chăn nuôi gà công nghiệp theo quy trình mới đã được thực hiện trên quy mô lớn và rộng khắp.

“Trăm hay không bằng tay quen”, từ chăn nuôi thực tế nhiều lứa có hiệu quả, bà con đã thuần thực thực hiện các quy trình kỹ thuật và đều nhận biết gà siêu thịt, siêu trứng là giống gà có năng suất cao, đẻ nhiều trứng, tăng trọng nhanh, chi phí thức ăn thấp, có hiệu quả thu nhập cao hơn giống gà cũ, gà siêu thịt thu lãi bình quân đạt từ 15% đến 18% so với đồng vốn bỏ ra, gà siêu trứng thu lời gần đạt xấp xỉ 100%.

Nuôi gà công nghiệp ở những nơi diện tích hạn hẹp đều phải nuôi theo phương pháp công

nghiệp “nhốt lồng” từ 2 đến 4 tầng (như kiểu nuôi chim cút), mỗi hộ xã viên có thể nuôi từ 500 - 700 con. Có nơi bà con nuôi vài ngàn con như ở một số xã, huyện Nhà Bè (Thành phố Hồ Chí Minh), các huyện Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn (Hà Nội) và nhiều nơi khác.

Các hộ gia đình xã viên, các xí nghiệp, các trang trại nuôi gà công nghiệp thường tập trung ở ven các thành phố, thị trấn lớn, các khu công nghiệp, khu chế xuất... vừa để bảo đảm vệ sinh môi trường, giảm chi phí vận chuyển, vừa thuận tiện cung ứng cho nhu cầu cuộc sống hằng ngày của bà con trong nội thành, nội thị.

Những gương mặt làm giàu từ nuôi gà công nghiệp hướng thịt, hướng trứng đã và đang xuất hiện ở nhiều vùng sinh thái khác nhau của nước ta. Tôi không kể thêm những con người cụ thể ở đây, nhưng chỉ khẳng định rằng muốn làm giàu nhanh từ chăn nuôi thì nuôi gà công nghiệp sẽ cho sản phẩm nhanh nhất, chỉ cần 56 ngày tuổi, gà hướng thịt đã đạt 2kg hoặc hơn tùy theo giống và chế độ dinh dưỡng. Công nghệ này ở những nước phát triển và đang phát triển đã áp dụng rất phổ biến không chỉ trong các trang trại Nhà nước mà cả trong các khu vực tư nhân.

CHĂN NUÔI, NUÔI THỦY SẢN QUY MÔ LỚN TRONG CÁC HỘ PHÁT TRIỂN NHANH ĐỂ LÀM GIÀU

Năm 1996, mức tiêu dùng thực phẩm bình quân của một người Hà Nội là 11,5kg thịt, trong đó 61% là thịt lợn, 26% thịt gà, 8% thịt trâu, bò và 5% là cá. Nhu cầu tiêu dùng về thịt của Thành phố Hà Nội ngày càng tăng, tạo điều kiện cho chăn nuôi, thủy sản của nông dân ngoại thành phát triển.

Thành phố có hơn 1000 hộ có trại nuôi lợn quy mô từ 10 đến 30 con một lứa; 50 hộ nuôi 60 đến 100 con lợn/lứa. Hàng nghìn hộ nuôi từ 1000 đến 5000 con gà thịt/hộ, hoặc 1000 con gà đẻ trứng, một số hộ có từ một đến năm ao hồ nuôi cá. Nhiều hộ nông dân sản xuất 50 - 60 tấn thịt lợn/năm; 40 - 50 tấn thịt gà/năm, hàng trăm nghìn quả trứng gà/năm. Ở huyện Gia Lâm có hộ ông Hạng nuôi 28 con bò, sản xuất 24 tấn sữa/năm. Huyện Từ Liêm có hộ ông Hoa sản xuất 32 tấn thịt lợn/năm. Huyện Sóc Sơn có hộ ông Thắng sản xuất mỗi năm 51 tấn thịt gà. Quy mô các trại chăn nuôi phụ thuộc vào khả năng của từng gia đình về vốn, kỹ thuật. Nhiều gia đình

sử dụng có hiệu quả diện tích đất đai và ao hồ, kết hợp chăn nuôi và nuôi cá. Gia đình ông Lựu (huyện Từ Liêm) nhận khoán hai ha ao kết hợp nuôi 40 - 20 con lợn thịt, tận dụng mọi nguồn thức ăn cho nuôi lợn và nuôi cá. Hộ ông Dũng (huyện Đông Anh) nuôi 1.100 con gà đẻ trứng, 20 con lợn thịt, hai con lợn nái kết hợp nuôi cá trê lai. Mở rộng quy mô chăn nuôi, nuôi thủy sản tạo điều kiện cho nông thôn ngoại thành có thêm nhiều việc làm, cải thiện đời sống cho nhiều gia đình. Năm 1996, Hà Nội sản xuất gần 30.000 tấn thịt lợn (tăng 18% so với năm trước), hơn 7.000 tấn thịt gia cầm (tăng 27%); 25 triệu quả trứng gà (tăng 9%); 1.704 tấn sữa tươi và 6.500 tấn cá, thủy đặc sản. Các huyện Thanh Trì, Từ Liêm, Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn trở thành vùng cung ứng nhiều thực phẩm cho thành phố.

Nông thôn ngoại thành sớm thực hiện nhiều cách tổ chức sản xuất phù hợp với cơ chế mới. Nhiều vùng ruộng trũng được cải tạo, sử dụng cấy lúa kết hợp nuôi cá hoặc nuôi thủy đặc sản. Những hợp tác xã nông nghiệp có nhiều diện tích mặt nước nuôi cá thực hiện khoán thầu theo nhóm người lao động, hoặc nhóm người lao động, hoặc nhóm gia đình nhằm hỗ trợ về vốn, kỹ thuật và sức lao động trong sản xuất. Huyện Thanh Trì đã đầu tư 700 triệu đồng cải tạo 40 ha ruộng trũng đưa vào sử dụng sản xuất theo công thức một lúa, một cá. Nhiều hộ gia đình đưa giống lợn

mới (có tỷ lệ nạc cao), các giống gà mới năng suất cao (giống gà ISA), giống vịt siêu thịt, cá trôi Ấn Độ, cá rô phi đơn tính... vào nuôi. Tuy nhiên, ở khu vực các hộ nông dân chăn nuôi, thủy sản có quy mô trang trại vừa và lớn chưa được sự hướng dẫn, tổ chức cụ thể về kỹ thuật, cách quản lý đến tiêu thụ sản phẩm. Những hộ này thường đầu tư lớn cho xây dựng chuồng trại, mua giống mới, sử dụng thức ăn công nghiệp... Giá thành cao, khối lượng sản phẩm nhiều.

Việc tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trên thị trường hiện nay chủ yếu do tư nhân điều hành từ mua, cung ứng gia súc đến khâu mổ và bán lẻ thực phẩm tại các chợ. Hầu hết các lò mổ gia súc là của tư nhân, các dịch vụ này còn được mở rộng tới các việc sơ chế, đưa hàng đến từng gia đình. An toàn vệ sinh thực phẩm trên thị trường chưa kiểm soát được. Người chăn nuôi thường bị ép cấp, ép giá, trong khi những người buôn bán gia súc, các lò mổ thu lãi lớn.

Chăn nuôi, nuôi thủy sản ngoại thành đang chuyển hướng mạnh sang sản xuất hàng hoá chất lượng cao, các dịch vụ chung quanh việc này phát triển đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng. Dự kiến đến năm 2000 trở đi nhu cầu về thực phẩm của Thành phố từ 200 - 250 nghìn tấn thịt lợn/năm; 120 - 150 triệu quả trứng/năm; từ 15 - 20 nghìn tấn cá và thủy đặc sản; 20 - 30 nghìn tấn sữa. Như vậy, việc xây dựng quy hoạch cho những

vùng chăn nuôi thủy sản ngoại thành cần được làm cấp bách, trong đó có quy hoạch vùng nuôi, sản xuất giống gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi, thú y và vấn đề chế biến tiêu thụ sản phẩm. Điều quan trọng là các cơ sở kinh tế quốc doanh cần vươn lên sớm đảm nhiệm tốt việc mua, tiêu thụ sản phẩm (thịt, trứng, sữa) xây dựng công nghệ giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm sạch, cao cấp. Việc chăn nuôi, chế biến phải kết hợp với bảo vệ môi sinh. Để chăn nuôi, nuôi thủy sản đi vào ổn định, đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao, các cơ quan quản lý chuyên ngành cần có những biện pháp thiết thực tạo điều kiện cho nông dân yên tâm đầu tư mạnh, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

GIÀU LÊN NHỜ NUÔI HEO

Tiếng đồn anh Trần Tĩnh ở xã Bình Thạnh (Bình Sơn, Quảng Ngãi) nuôi heo “mát tay chóng lớn”, thu nhập mỗi năm từ 30 - 40 triệu đồng, quả thật không ngoa. Hôm tôi đến chơi, anh Tĩnh đang bận rộn với việc cho đàn heo đông đúc của mình ăn hàng tạ rau xanh. Nhiều những con heo sạch sẽ, trắng hồng đang tranh giành thức ăn trong chuồng trông đến vui mắt.

Anh Tĩnh nói với tôi:

- Ngoài hai con heo nái, mỗi năm gia đình mình nuôi từ 30 - 40 con heo thịt. Muốn nuôi heo

chóng lớn, đạt hiệu quả kinh tế phải biết cần cù, chịu khó, biết nuôi dưỡng và chăm sóc theo khoa học. Tục ngữ có câu: “Lợn ăn no lợn nằm lợn béo, lợn ăn đói lợn réo lợn gầy” mà anh...

Mỗi năm anh cho xuất chuồng 30 - 40 con heo; năm 1996 anh đã bán ra thị trường được gần 3,5 tấn thịt heo, thu về hơn 30 triệu đồng. Anh tính toán khấu trừ xong một khoản chi phí, từ thức ăn đến củi, thuốc phòng trừ dịch bệnh, tiền con giống thì riêng chăn nuôi heo đã thực lãi ròng từ 16 đến 20 triệu đồng trong một năm.

Ngoài thu nhập về chăn nuôi, anh Tỉnh trồng được bốn ha rừng phi lao dọc theo ven biển, đang phát triển rất tốt, dự kiến chỉ trong vòng 4 - 5 tới sẽ thu được từ 100 - 150 triệu đồng trở lên.

Không chỉ sản xuất giỏi, sáng tạo và năng động trong làm giàu, anh Tỉnh còn là một người nhiệt tình, tích cực với công tác xã hội. Là cán bộ chuyên trách công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình của xã Bình Thạnh, anh đã làm tốt cho công tác tuyên truyền, vận động, góp phần làm cho xã liên tục là một trong những đơn vị dẫn đầu ở huyện Bình Sơn về thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại. Bản thân anh thực hiện đình sản và từ năm 1994 đến 1996 đã vận động được hơn 100 người trong địa phương cùng thực hiện biện pháp kế hoạch hoá gia đình. Anh Trần Tỉnh đã và đang là tấm gương sáng xây dựng gia đình văn minh, giàu có, hạnh phúc ở nông thôn Bình Thạnh, Bình Sơn hôm nay.

GIÀU LÊN TỪ ĐẤT ĐỒI GÒ

Càng đi sâu vào các xã của thị xã Sơn Tây, càng thấy sức người là vô giá. Mới ngày nào những quả đồi này còn trơ trụi, giờ đây đã là những cánh rừng vừa khép tán hàng trăm ha đồi. Nhà cửa của dân còn tuềnh toàng vì tài sản của họ tập trung vào cây, con ở đây. Một vùng đồi trọc ngày nào giờ đây đã được phủ một màu xanh bất tận. Cánh rừng bạch đàn và keo tai tượng của gia đình bác Tô Sơn ở xã Viên Sơn rộng tới 18ha. Từ năm ngoái, cây đã bắt đầu khép tán. Bây giờ mỗi năm gia đình bác thu hoạch ít ra cũng được ba, bốn chục triệu đồng từ các cây, con gần ngày. Riêng 40 đõ ong mỗi tháng đã cho 40 - 50 lít mật. Mỗi lít bán buôn cũng được 50.000đ. Từ ngày bạch đàn có hoa thì ong gần như không phải cho ăn nữa. Cá dưới ao, mỗi năm thu vài ba tấn là chuyện bình thường. Bác gái lo nuôi trăm con gà đang đẻ, năm con trâu bò thả quanh đồi. Ngoài ra, gia đình bác còn làm 5 mẫu lúa. Vụ đông bác thu tới gần tấn lạc trên chân ruộng này. Nhớ lại cách đây năm năm, khi bác Tô Sơn đến Ngân hàng Sơn Tây để vay tiền làm kinh tế đồi rừng, mọi người trong nhà đều mừng ít, lo nhiều. Đến nay, tiền nợ ngân hàng chỉ còn 29 triệu mà gia đình bác thì

có cả một số tài sản trị giá vài trăm triệu đồng. Vài năm nữa thì bảy vạn cây bạch đàn và keo tai tượng của bác sẽ thu hoạch. Lúc ấy bác sẽ xây “biệt thự” trên trang trại của mình chứ đâu từng tiệm như bây giờ.

Mùa này, đến nhà bác Luận, khách ăn no táo mà không chán. Không hiểu do kén được giống quý hay do chất đất ở đây mà táo của gia đình bác có vị ngọt thơm đến vậy. Song thích nhất là nhìn vào những cây cam, cây quýt trong vườn đỏ ối chờ xuân Đinh Sửu. Để tận dụng lá rừng, bác Luận thường xuyên nuôi vài trăm con thỏ. Nhà cạnh hồ, cho nên bác vừa có ao nuôi cá, vừa có bè lá lông để tiện trông nom. Nhưng giá trị nhất vẫn là hai trăm cây na dai đã cho quả lứa đầu, 40 cây vải thiều, 800 cây nhãn và ba vạn cây bạch đàn đang khép lá.

Những trang trại cỡ như của bác Tô Sơn, bác Luận, bác Cầu, trung tá quân đội về hưu ở thị xã Sơn Tây bây giờ cũng có vài ba chục người... Từ chỗ quen trồng sắn, trồng khoai bỏ dài không chịu đầu tư, đến nay người dân vùng đồi, gò đã dám vay tiền (của Ngân hàng nông nghiệp) để tính toán làm ăn lớn, đó là sự thay đổi táo bạo. Để có vườn cây ăn quả ngọt ngào như hôm nay trên nền đất đá ong, có gia đình đã phải chở tới hàng trăm xe tải rác từ thị xã về để làm mầu cho đất. Và để có vườn cây trĩu quả này, nhiều gia đình đã xảy ra những cuộc “đấu tranh” nho

nhỏ giữa vợ chồng, giữa những ông bố quyết tâm đổi mới và những cô, cậu còn đang tuổi ăn chơi, không muốn lên đồi cải tạo đất và “cải tạo” lao động cho chính bản thân mình. Bây giờ thì khác nhiều rồi, miền đồi gò Sơn Tây đã có hướng làm giàu và các gia đình cũng không phải dàn xếp nhiều như trước nữa. Chắc chắn việc “thuận vợ, thuận chồng” sẽ còn tạo ra nhiều trang trại hấp dẫn, có sức níu kéo chân người hơn.

MỘT GIA ĐÌNH ĐẢNG VIÊN KHÔNG CHỊU NGHÈO

Đó là đảng viên Phùng Quang Khải, cán bộ về hưu và vợ là Phùng Thị Thương, y sĩ trạm y tế Cẩm Lĩnh (Ba Vì, Hà Nội).

Hai vợ chồng anh Khải đã nhận 5000 m² đất trên đỉnh đồi thôn Tân Thành để sinh cơ lập nghiệp. Cùng hai con thức khuya dậy sớm, hai vợ chồng anh Khải vỡ hoang trên vùng đất đầy đá ong, cuội sỏi cần cỗi để trồng cây ăn quả. Năm 1990, anh Khải trồng 14 cây vải thiều. Năm 1993 đã thu hoạch quả, bán được 3 triệu đồng. Anh dùng tiền đó mua máy bơm, đào ao lấy nước tưới cây. Số tiền còn lại, anh mua giống trồng tiếp 51 cây vải thiều cùng với 42 cây nhãn, 40 cây mận, mơ và hồng Yên Thôn. Quả đồi hoang xưa, nay do có công khai phá, vun trồng của gia đình anh đã là một trang trại rợp bóng cây xanh hàng lối

thẳng tấp. Những chỗ cây chưa khép tán, anh trồng cây ngắn ngày như lạc, đậu, sắn để lấy ngắn nuôi dài và làm thức ăn cho chăn nuôi gia súc. Với đàn lợn nái, lợn thịt, Anh còn dùng hai gian nhà bếp để nuôi gà công nghiệp, mỗi năm bán được hơn hai tấn gà. Toàn bộ phân lợn, phân gà được dùng chăm sóc cho cây ăn quả. Anh Khải còn nuôi hơn 10 đàn ong, mỗi năm thu 40 lít mật. Trang trại nhà anh Khải là một mẫu hình lý tưởng về VAC. Chúng hỗ trợ cho nhau và mang lại hiệu quả kinh tế khá cao.

Nhờ làm kinh tế trang trại VAC, mỗi năm gia đình anh Khải thu nhập gần 100 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi hơn 30 triệu đồng. Anh Khải có điều kiện chăm lo cho con cái học hành. Anh còn làm được nhà ngói kiên cố, mua được xe máy, tủ lạnh, ti vi màu, máy bơm nước, máy chế biến thức ăn cho gia súc. Cuộc sống gia đình anh ngày càng khá giả. Năm năm nữa, mỗi năm sẽ thu hàng trăm triệu đồng kinh tế vườn. Anh nói “là đảng viên, với tri thức và sự chịu khó lao động, vợ chồng tôi quyết không chịu nghèo”

LÀM KINH TẾ TỐT ĐỂ NUÔI CON THÀNH ĐẠT

Từ ngày cả hai ông bà Đặng Đình Quyết, xóm 5 xã Lĩnh Nam, Thanh Trì nghỉ hưu với tổng số lương 450.000đ/tháng, các cháu còn đang theo

học, mọi khoản chi tiêu đều trông vào đồng lương hưu không đủ, nên ông bà không nề hà việc gì, miễn là lao động chính đáng, có hiệu quả kinh tế cao. Việc ươm trồng cây cảnh, phát triển chăn nuôi lợn và gia cầm là ông Quyết tâm đặc hơn cả. Diện tích vườn hạn hẹp không ươm trồng được các loại cây cảnh có cành lá xum xuê, ông Quyết ươm trồng xương rồng cảnh. Ông cắt hàng nghìn đoạn xương rồng giâm xuống đất là “cây mẹ” (cây gốc). Khi bén rễ, ông có thể ghép vào mỗi cây mẹ hàng chục chồi non của các loại xương rồng có hoa đẹp khác nhau, tạo ra nhiều thế cây, dáng cây lạ mắt. Khách hàng loan tin nhau đến chiêm ngưỡng và mua hàng ngày càng nhiều. Có cây xương rồng chỉ nhỏ xíu mà giá trị tới 100.000đ.

Bước từ cổng vào trong nhà, cảnh đầu tiên đập vào mắt du khách là hàng ngàn khóm xương rồng cảnh, nụ hoa chi chít. Phía đầu hồi ngôi nhà mái bằng, đôi chim yến đang nháy nhót trong lồng. Phía trái sau nhà, ô chuồng cao ráo thoáng mát, gần chục chú lợn hướng nạc ăn no nằm thở phì phò. Phía trong cùng là khu chăn nuôi gia cầm với trên 80 chục gà mái Rốt - Ri và gà Tam Hoàng (gà chuyên đẻ trứng, không ấp). Trung bình mỗi ngày gà cho gia đình ông 70 quả trứng. Ông Quyết còn mây mò cho gà trống Tam Hoàng phối giống với gà Rốt - Ri, tạo cho vỏ trứng có màu trắng hồng trông như trứng gà ta. Trứng lại có nhiều lòng đỏ nên người tiêu dùng rất thích mua. Trứng có trống

giá 1500 đ/quả. Mỗi ngày, gia đình ông Quyết thu được trên 70.000 đ tiền bán trứng.

Nhờ vậy gia đình ông Quyết chóng trở nên khá khả. Vợ chồng ông đã thực hiện được điều ước muốn: nuôi 3 con cho ăn học đến đầu đến đũa. Đến nay cháu gái lớn Đặng Thanh Tâm đã tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm; cháu trai Đặng Đình Thắng, tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân; cháu út Đặng Thanh Nhân cũng tốt nghiệp Đại học Sư phạm. Ông Quyết cho biết, tuy các cháu đã có công ăn việc làm, đưa tổng thu nhập của gia đình gần 3 triệu đồng/tháng. Song còn sức khỏe, vợ chồng ông còn xây dựng kinh tế gia đình ngày càng giàu có hơn. Ông dự định phát triển thêm nghề nuôi chim yến sinh sản, đưa đàn gà mái đẻ Rốt Ri và Tam Hoàng lên tới 100 con vừa lấy trứng, vừa gây gà để bán; đồng thời tận dụng mọi diện tích quanh nhà để tiếp chồi nhân thêm hàng nghìn khóm xương rồng cảnh cung cấp cho thị trường.

NUÔI GẤU LẤY MẬT ĐỂ LÀM GIÀU

Nghे tin một gia đình ở Thịnh Liệt (Thanh Trì) nuôi 6 con gấu ngựa để khai thác mật và thử nghiệm sinh sản. Những người làm công tác pháp chế - Chi cục kiểm lâm Hà Nội và phóng viên bản báo đã tới gặp ông chủ của các con vật quý hiếm này.

Ông Nguyễn Minh Tước - nguyên là đại tá tham mưu phó binh đoàn Tây Nguyên. Khi về nghỉ hưu tại quê nhà, ngoài đảm đương cương vị Bí thư Đảng ủy xã Thịnh Liệt hai khoá liền, ông còn nuôi lợn, nuôi cá để làm giàu. Nhân chuyến trở về gặp mặt đơn vị cũ, được bạn bè giúp đỡ, ông đã đem về một con gấu ngựa để nuôi thử. Khi con gấu nặng chừng 85kg, ông đã giết thịt lấy được 150cc mật trị giá 30 triệu đồng (200.000đ/1cc mật). Đó là chưa kể các sản phẩm khác như xương, da, gan, chân gấu... vốn cũng là các vị thuốc quý trong y học. Sau đó qua bạn bè, ông mua thêm 2 con gấu nữa và dần dần tăng lên thành 6 con gấu ngựa (gồm 3 cặp) có khối lượng từ 8,5kg/con đến 27kg/con. Ông cho biết nguồn giống chủ yếu là nhờ bạn bè quen biết mua hộ từ Tây Nguyên và miền Trung mang ra Hà Nội với giá khoảng 1 triệu đồng/kg (loại 10kg/con trở xuống), và 200.000đ/kg nếu gấu từ 1 tạ/con trở lên. Tính ra riêng tiền giống của 6 con gấu, ông đã bỏ ra 65 triệu đồng.

Còn về ăn, theo ông nuôi gấu không cần cầu kỳ như người ta tưởng (nghĩa là phải cho gấu ăn mật ong) mà chỉ cần ngày 2 bữa, nấu cháo gạo với đậu xanh và bí đỏ để cho gấu ăn. Vậy mà sau 5 tháng nuôi thử, đàn gấu nhà ông đã tăng trọng 1 - 1,5kg/con/tháng (đối với loại dưới 10kg/con) và tăng 3 - 4kg/con/tháng (đối với loại từ 25kg/con trở lên). Tuy nhiên nuôi gấu cần chú trọng

nhất làm sao để cho gấu khỏi mắc bệnh đường ruột vì bệnh này thường làm gấu ốm yếu dẫn đến tử vong. Ngoài ra, còn một “bí quyết” muốn gấu khoẻ mạnh, mau tăng trọng, thỉnh thoảng phải cho gấu “ăn lại” một ít mật gấu. Nhiều nơi vì không hiểu điều này đã để gấu ốm yếu rồi chết. Có lẽ đây cũng là một quy luật “phân phối lại” hàng loại động vật quý hiếm này chăng?

Qua ông Tước, chúng ta còn biết hiện nay ở nhiều địa phương nước ta có nhiều người nuôi gấu khai thác mật và xương... Rõ ràng đây là một nghề kinh doanh mới mẻ và hấp dẫn. Đi đầu trong ngành kinh doanh này phải kể đến các tỉnh Nghệ An và Sơn La với số lượng gấu nuôi lên tới vài ba trăm con, kế đến là Hải Phòng, Bắc Thái, Hà Bắc, Hải Hưng... với số lượng 20 - 100 con/tỉnh. Riêng Hà Nội, tuy chưa có con số chính xác, số gấu nuôi (chủ yếu là nội thành và vùng ven nội) cũng phải 30 - 50 con. Điển hình là tổ hợp tác xã của bà Huệ, nguyên là dược Viện Quân y 108 đã nghỉ hưu, nuôi 10 con gấu ngựa, tổ gia đình ông Tước, Thịnh Liệt: 6 con gấu và một gia đình ở Chùa Bộc nuôi 4 con gấu ngựa, trong đó có 1 con nặng 150kg đã được khai thác mật 3 lần...

Nuôi gấu phải có kinh nghiệm, hiểu biết nhất định về gấu. Nghề này lâu nay chưa được ngành chức năng thống kê công nhận. Tuy nhiên tháng 6 - 1996 trở lại đây ngành kiểm lâm đã có công văn hướng dẫn các gia đình có nuôi động vật

hoang dã quý hiếm làm đơn khai báo nguồn gốc thú nuôi và chuẩn bị cấp giấy phép cho các gia đình được kinh doanh. Điều này cho phép người nuôi gấu ở Thủ đô có điều kiện phát triển, vừa tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, tăng thêm lợi nhuận từ các sản phẩm của gấu, vừa cung cấp nguồn thuốc quý hiếm cho ngành dược và sức khỏe nhân dân. Bên cạnh đó vẫn duy trì và bảo tồn được nguồn gen loài động vật quý hiếm. Ông Tước dự định: sau khi được Thành phố cấp giấy phép nuôi gấu, ông sẽ thành lập tổ hợp tác nuôi gấu để huy động vốn, đưa đàn gấu tăng lên 15 - 20 con vừa khai thác mật, vừa cho thử nghiệm sinh sản để chủ động về con giống. Ngoài ra, ông dự định sẽ đào ao nuôi thêm cá sấu (dưới nước thì nuôi cá sấu còn trên vườn thì nuôi gấu và trăn). Đó phải chăng cũng là một mô hình làm ăn mới khá táo bạo và khuyến khích của người Hà Nội?

CHĂN NUÔI KẾT HỢP VỊT, CÁ, ĐẠT HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO

Nuôi vịt kết hợp với thả cá là một phương thức chăn nuôi tiên tiến, đạt hiệu quả kinh tế cao trên một diện tích ao hồ. Ở Đài Loan, mỗi năm có khoảng 24 triệu con vịt trong tổng số 30 triệu con vịt thịt được nuôi kết hợp vịt, cá. Năng suất cá đạt tới 18 tấn/ha/năm. Ở Thái Lan, nuôi vịt,

cá kết hợp được phổ biến trong các gia đình nông dân, năng suất cá đạt 9 - 10 tấn/ha/năm. Ở nước ta, kết quả nghiên cứu thực nghiệm của Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi (Viện chăn nuôi quốc gia) và nhiều gia đình nông dân ở Thành phố Hồ Chí Minh, miền Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long đã áp dụng phương pháp này không phải cho cá ăn thêm, thu nhập năng suất cá 10 - 12 tấn/ha/năm. Vịt đẻ và vịt thịt phát triển khá tốt.

Cơ sở khoa học của phương pháp chăn nuôi này là sử dụng thức ăn rơi vãi của vịt, phân vịt và các phù du động thực vật trong ao hồ làm nguồn thức ăn cho cá. Cá sử dụng nguồn thức ăn này làm sạch nguồn nước nuôi vịt, không bị ô nhiễm, có lợi cho sự phát triển của vịt. Chúng tôi xin giới thiệu một số kinh nghiệm bước đầu.

Ao nuôi cá cần có diện tích tối thiểu 150 - 200m², độ sâu 1 - 1,4m là tốt nhất. Trước khi nuôi vịt phải rút cạn nước, nơi đáy ao 7 - 10 ngày. Sau đó cho nước vào sâu chừng 20 cm, trải vôi bột với lượng 7 - 10kg/100m² mặt ao, để một tuần rồi cho tiếp nước vào đúng độ sâu quy định. Đối với ao mới đào, trước khi phơi đáy cần cho nước ra vào liên tục một tháng để rửa phèn. Khi nước có màu xanh nõn chuối (khoảng 10 ngày) thì thả cá vào ao. Bờ ao phải cao ráo và chủ động nguồn nước ra vào. Chuồng nuôi vịt làm trên mặt ao (vịt đẻ nên làm chuồng trên bờ ao và sà ăn trên mặt ao) để

sử dụng toàn bộ thức ăn rơi vãi và phân vớt làm thức ăn cho cá. Sàn chuồng làm bằng tre, kiểu dáng đơn giản và có cầu cho vịt lên xuống ao.

Cá giống nuôi cần qua giai đoạn cá ương, chọn cá đều, hoạt động nhanh nhẹn. Kích cỡ cá tiêu chuẩn là: cá rô phi 6 - 8 cm, cá mè 12 - 14 cm, cá chép 8 - 10 cm, cá hường 5 - 7 cm, cá trôi 7 - 8 cm/con... Mật độ, 5 con cá các loại/m³ nước. Có thể thả các loại cá theo tỷ lệ (%): cá mè 16, cá hường 24, rô phi 18, trôi 30, chép 12 hoặc tương ứng các loại là 9, 35, 15, 6, nếu nước phèn nhiều có thể thay cá trôi bằng cá rô phi hoặc cá hường.

Đối với vịt đẻ loại “siêu trứng” nuôi theo mật độ 0,4 con/m² mặt nước và vịt đẻ “siêu thịt” 0,3 con/m² mặt nước. Mật độ vịt trong chuồng 3 - 4 con/m² nền chuồng. Đối với vịt thịt, tuần lễ đầu “úm vịt” ở nơi khô ráo, sạch sẽ và kín gió. Sau một tuần cho vịt ra sàn và thả xuống ao với mật độ 0,4 - 0,5 con/m² mặt nước. Nên nuôi gới 3 lứa vịt ở độ tuổi khác nhau trên mặt ao, mỗi lứa cách nhau 20 ngày. Phương thức này vừa bảo đảm cá nuôi đủ thức ăn, vừa thích hợp với người nghèo (bán vịt lớn, lấy vốn mua vịt con nuôi tiếp). Mật độ vịt trên sàn nuôi từ 1 ngày đến 2 tuần tuổi là 20 - 25 con/m²; 3 - 4 tuần tuổi 14 - 18 con/m² và 5 - 10 tuần tuổi là 10 - 12 con/m².

Phương thức tối ưu trong thu hoạch cá là “đánh tĩa, thả bù” bắt cá lớn đến tuổi thịt và thay bằng cá con. Cách này, giúp cá luôn đủ thức ăn và nguồn nước không bị ô nhiễm.

Nuôi vịt, cá kết hợp cần lưu ý trong ao có màu xanh nổi chuối là tốt nhất. Nếu nước có mầu đục sẫm, cá nổi nhiều vào buổi sáng thì phải thay nước. Xung quanh ao không nên trồng nhiều cây bóng mát, làm giảm lượng ánh sáng chiếu xuống ao, ngăn cản sự quang hợp của thủy sinh vật. Thức ăn cho vịt nên dùng loại thông dụng (cám, ngô, đầu tôm) như nhiều người nuôi vịt thường dùng. Ở những nơi có điều kiện có thể dùng thức ăn hỗn hợp viên.

LIÊN SƠN MỘT MẪU HÌNH KINH TẾ TRANG TRẠI

Liên Sơn là bản đồng bào Mường thuộc xã Thượng Long, huyện miền núi Yên Lập (Vĩnh Phúc). Cách đây 5 năm là một bản nghèo nhất của huyện. Bản có 61 hộ với 331 nhân khẩu thì hầu như đều thiếu ăn. Rừng nơi đây tàn kiệt, suối cạn dần, ruộng thiếu nước, bạc màu, năng suất lúa cứ tụt dần từ 80 đến 90kg/sào, xuống còn 40 - 20kg/sào, nhiều thửa ruộng bỏ giống, bỏ công cấy nhưng không có thu hoạch. Nghèo đói ngày càng đè nặng người dân trong bản.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo, Ban Chủ nhiệm chương trình trang trại tỉnh Vĩnh Phúc đã chọn bản Liên Sơn là một trong những điểm chỉ đạo đầu tư thực hiện chương trình trang trại lâm nghiệp phát triển tổng hợp, gắn trồng

trọt với chăn nuôi, nông - lâm kết hợp VACRD (vườn, ao, chuồng trại, ruộng, đồi rừng).

Sự thành công sau này rút ra là khi tiến hành chương trình không giống như những chương trình trước, đã làm là đưa ngay vật tư, tiền vốn về cho dân. Mà sự bắt đầu của chương trình này là tiến hành tổ chức tập huấn cho từng nhóm một ngày tại bản về sinh lý, sinh trưởng của cây trồng vật nuôi, về kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc từng loại cây trồng, vật nuôi, về cơ cấu sản xuất hợp lý đem lại hiệu quả ở trên rừng, trên đồi, trong vườn nhà và dưới ruộng, những phương pháp nông - lâm kết hợp, gắn trồng trọt với chăn nuôi, hình thành một cơ cấu sản xuất hợp lý. Đây là một phương pháp đưa cho người ta “chiếc cần câu để họ tự câu lấy cá” mà không đưa cho họ những con cá đã câu.

Sau khi kiến thức đã được phổ cập đến mọi nhà, mọi người, Ban Chủ nhiệm chương trình trang trại đã kết hợp với Trung tâm khuyến nông, Trung tâm giống và Chi cục Thú y từng bước đưa những tập đoàn cây, con giống mới vào sản xuất, được đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của chương trình trực tiếp hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho nên ngay vụ đầu, năng suất lúa đã tăng gấp 3 lần, một số hộ tăng gấp 4, gấp 5 lần. Sự tăng vọt về lương thực vụ lúa đều rất có ý nghĩa: tất cả các hộ trong bản chẳng những đủ ăn mà còn có dự trữ.

Khi vấn đề khó khăn, nan giải nhất là lương thực được giải quyết, Ban chủ nhiệm chương trình đã tổ chức cho bà con nông dân phát triển đồng thời hai hướng, tiến hành cải tạo vườn, ao tạo thành vườn kinh tế và sinh thái, đưa hàng loạt cây công nghiệp, cây ăn quả, cây thực phẩm, lợn lai, các loại giống cá lai và phát triển ở từng hộ. Mặt khác, tiến quân lên khai thác tiềm năng đồi rừng đã được quy hoạch thiết kế theo tầng sinh thái và kinh tế, trên cùng là cây rừng lâm nghiệp, tiếp đó là quế, cây công nghiệp dài ngày, cuối cùng là cây công nghiệp, cây thực phẩm ngắn ngày. Nhờ phương pháp canh tác mới ấy đã tạo hệ quần sinh hỗ trợ nhau đem lại hiệu quả rõ rệt về kinh tế và sinh thái, thể hiện tính bền vững.

Ai đã một lần tới Bản Mường vùng cao này cách đây sáu năm về trước trở lại đều ngỡ ngàng bởi nơi đây đã trở nên trù phú, những trắng rừng cây lâm nghiệp, cây công nghiệp bạt ngàn xanh thẳm. Nhiều hộ có 3 - 4 ha rừng và hàng ngàn cây quế, trong vườn nhà đã có những cây cam, cây hồng, cây chanh, cây vải hoa trái sum suê, trong chuồng những đàn lợn lai, ao nhà nào, nhà ấy đã có những đàn chếp, trôi, trắm cỏ, mè hoa tung tăng bơi lội. Kinh tế phát triển, đời sống nâng lên rõ rệt: nhà xây mái ngói, các đồ gia dụng đắt tiền như giường, tủ, bàn ghế, máy thu hình, cát-xét, xe máy. Máy phát điện nhỏ, máy thủy điện thấp sáng mọi nhà. Đường từ bản lên

xã, lên huyện do nhân dân tự làm. Những chàng trai, cô gái bản Liên Sơn sau những ngày mùa lao động khẩn trương đã có điều kiện phóng xe máy lên huyện, lên tỉnh.

Với phương pháp đầu tư mới của chương trình trang trại lâm nghiệp, chỉ với 30% vốn mới, đã đưa một bản nghèo nàn, lạc hậu nhanh chóng trở thành trù phú.

Từ hình mẫu về kinh tế trang trại ở bản Liên Sơn, thành công về phát triển kinh tế - xã hội của Bản Liên Sơn có thể đóng góp vào bài học kinh nghiệm xoá đói, giảm nghèo.

17 TUỔI TRỞ THÀNH TRIỆU PHÚ

Hình ảnh một người quả phụ dắt ba người con, từ già quê hương Triệu Phong (Quảng Trị), theo dòng người di dân tự do trôi dạt về tìm miền đất hứa rồi dừng chân tại vùng kinh tế mới Đức Tân thuộc huyện miền núi Tánh Linh (Bình Thuận) hằn sâu trong tâm trí của cậu con út 14 tuổi Lê Văn Dũng. Đó là vào năm 1980, dù còn nhỏ nhưng Dũng đã giúp mẹ nhiều việc từ dựng nhà, phát rẫy, gieo trồng... như người lớn vậy. Hai năm sau được lên lớp 10 nhưng lấy đâu ra tiền để học, vả lại trường ở huyện xa nhà gần 30 km. Chuyện học hành gác lại, Dũng ở nhà giúp mẹ. Tròn 17 tuổi, Dũng xin đi học trung cấp nông nghiệp khoa chăn nuôi, thú y. Ra trường, Dũng

lại về Đức Tân phục vụ bà con trong xã. Vừa phục vụ, Dũng vừa suy nghĩ tìm nuôi con gì thích hợp nhất. Anh quyết định nuôi bò vì cỏ ở đây sẵn. Và để có tiền mua bò giống, Dũng bắt đầu từ nuôi heo nái. Mỗi đàn heo con xuất chuồng là Dũng lại nhập về một nòng bò cái. Ba năm sau anh đã có 15 con bò. Đến nay đàn bò của anh Lê Văn Dung đã tới 80 con (nếu không bán bớt thì đã hơn 100 con). Ba năm qua, đàn bò sinh sản thêm bao nhiêu anh bán bớt bấy nhiêu và lại nuôi heo nái quy mô lớn để cung cấp con giống nhằm cải tạo nạc hoá đàn heo trong xã.

Đầu năm nay Dũng “sang” được khu đất rộng hơn 3.600 m² cạnh nhà anh, mặt tiền rộng áp con lộ lớn. Khu đất này được chia làm 3 phần chính: 700m² làm ao cá, 500m² trại bò, 700m² chuồng heo, gà, còn lại anh trồng rau muống và nuôi giun để cung cấp nguồn thức ăn cho heo, gà và cá. Năm heo nái nay đã được phối giống; 300 gà Tam Hoàng sắp đẻ, Dũng đã chuẩn bị lò ấp và có kế hoạch cung cấp cả giống gà này cho bà con các xã lân cận.

Tôi hỏi Dũng “Khi còn nhỏ, Dũng đã có gan làm giàu rồi, động cơ nào đã thôi thúc cậu?”. Dũng đáp: trước đây gia đình em cực lắm, đất quê cằn cỗi, vốn liếng thì không, một mình mẹ thân cò lặn lội, tần tảo nuôi con, chẳng mấy khi mẹ được ăn no, mặc ấm chứ đừng nói gì đến ăn ngon, mặc đẹp. Thế rồi em nuôi ý chí phải bằng trí

tuệ và lao động vượt qua đói nghèo. Nhưng cũng phải tới khi tốt nghiệp trung cấp chăn nuôi, thú y, hướng đi mới rõ. Được mẹ em khuyến khích và giúp đỡ trong bước tạo vốn ban đầu, cuối cùng thì em đã thành công. Hằng năm Dũng thu lãi ròng hàng chục triệu.

ANH THUẬN VÀ HAI KHU ĐÀM

Đến Tứ Hiệp (Thanh Trì) hôm nay có mấy ai không biết tới anh Quách Văn Thuận - một hội viên Hội nông dân vượt khó lên làm kinh tế giỏi.

Với 5 sào ruộng nhận khoán của Hợp tác xã, gia đình anh vừa cấy lúa, vừa trồng rau hằng năm, cho thu nhập khoảng 5 triệu đồng, trừ giống vốn cũng chẳng còn được là bao - đó là chưa kể đến khi thời tiết không thuận. Suy nghĩ mãi, anh bàn với vợ quyết định nhận thầu trên 40 ha của hai khu đầm do xã và Hợp tác xã nông nghiệp quản lý. Tổng sản lượng mỗi năm phải trả tập thể là 59.500kg cá, thời hạn nhận khoán 5 năm. Số tiền phải trả hằng năm đã làm anh không khỏi băn khoăn, lo lắng. Gia đình anh đã bàn với anh trai cùng tham gia cải tạo, nâng cấp những khu đầm trên. Anh đã thả cá trái vụ với các giống cá như: chép lai, trắm cỏ, rô phi, mè hoa...

Do chịu khó học hỏi cộng với sự giúp đỡ của cán bộ kỹ thuật Trung tâm khuyến nông Hà Nội về cách thức chăm sóc cá, thời điểm cho cá ăn...

anh đã có những thành công nhất định. Chỉ tính riêng vụ cá năm 1995 - 1996 anh đã thu tới 1 tỉ 350 triệu đồng, trừ tiền giống, thức ăn, vật tư phục vụ quá trình nuôi thả cá, sản lượng nhận khoán hết 950 triệu, để vốn cho tái sản xuất năm sau là 120 triệu, dành quỹ một phần, còn lại chia đều cho 14 lao động - mỗi người cũng được trên dưới 18 triệu đồng. Riêng anh được nhận thêm mỗi năm 4 triệu đồng tiền trách nhiệm. Như vậy mỗi năm làm cá, anh thu nhập 22 triệu đồng. Ngoài ra, gia đình anh còn nuôi lợn nái mỗi năm 2 lứa, mỗi lứa thu được trên 2 triệu đồng và 2 con lợn bột, hằng năm xuất chuồng khoảng 200 - 300kg lợn hơi.

Bằng các công việc cụ thể trên, mỗi năm gia đình anh thu nhập khoảng 36 triệu đồng. Đời sống gia đình anh đã ổn định và ngày càng được cải thiện: Xây dựng một ngôi nhà mái bằng, mua sắm các tiện nghi sang trọng như ti vi, xe máy... Không làm giàu cho riêng gia đình mình, anh đã tạo điều kiện cho các hộ thiếu vốn vay 25 triệu đồng không lấy lãi để phát triển sản xuất, cùng nhau vượt lên làm giàu chính đáng.

GIÀU CÓ NHỜ TRỒNG QUẾ KẾT HỢP VỚI CHĂN NUÔI

Cách thị trấn vùng cao Kim Sơn (Quế Phong, Nghệ An) không xa, có một vườn quế rộng hơn

1 ha, với 1600 cây quế toả bóng xanh tươi. Quanh những gốc cây quế là đàn gà, đàn dê, lợn đông đúc đang tranh nhau tìm mồi. Cách vườn quế không xa là ao cá rộng 300m² với hàng trăm con cá bột, cá hương đã tung tăng bơi lội dưới làn nước trong xanh. Đó là cơ ngơi, tài sản trị giá 60 triệu đồng của bác Hoàng Văn Mận, một cán bộ về hưu làm kinh tế gia đình giỏi.

Để có cơ ngơi nguồn lợi như hôm nay, Bác Mận và gia đình đã dày công đào đắp, xây dựng vành đai bảo vệ chống xói mòn, cải tạo đất, phát quang chăm sóc quế đúng quy trình kỹ thuật. Hằng năm, bán tiền cành ngọn cho dân làm chất đốt, bác Mận thu 2,5 - 3 triệu đồng. Bác Mận còn động viên vợ con thực hiện nông - lâm kết hợp, lấy ngắn nuôi dài, vừa trồng quế vừa chăn nuôi gia súc, gia cầm, trong đó lấy con dê, con bò, con lợn làm chính. Từ 4 con dê mẹ ban đầu, hiện nay đàn dê sinh sản của bác đã có hàng chục con, chỉ tính tiền bán dê con làm giống, mỗi năm bác thu 1,5 triệu đồng. Lợi dụng địa hình khe suối, hồ đập, bác bỏ công cải tạo thành ao nuôi cá giống, cá thịt bán cho bà con quanh vùng đem lại một nguồn thu đáng kể.

Người cán bộ về hưu này không chỉ tính làm giàu cho gia đình mình, mà còn vận động, giúp đỡ, hướng dẫn kỹ thuật, cách làm VAC cho bà con trong vùng.

Noi theo bác Hoàng Văn Mận, đến nay ở thị

trấn Kim Sơn đã có 24 gia đình trồng quế, phủ xanh vùng núi trọc Bù Hiếu, 15 gia đình khác chăn nuôi, làm vườn, đào ao thả cá, nhiều người trở thành triệu phú.

ANH VIẾT NUÔI LỢN MÀ GIÀU

Bản thân là công nhân về nghỉ mất sức, vợ là giáo viên tiểu học, gia đình đông miệng ăn, nên vợ chồng anh Viết thôn Đông Thiên, xã Vĩnh Tuy (Thanh Trì) bảo ban nhau phát triển mạnh chăn nuôi lợn, chủ động nguồn phân hữu cơ để thâm canh 1,5 sào hoa hồng Đà Lạt.

Là người ham thích nghiên cứu sách báo, tài liệu của ngành chăn nuôi, thú y, anh Nguyễn Hữu Viết rất coi trọng áp dụng khoa học kỹ thuật vào mọi khâu từ cách chọn giống đến việc chăm sóc hằng ngày. Lợn giống anh tiêm vắc xin phòng bệnh. Chuồng trại được làm cao ráo, sáng sủa, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Lợn nhốt trong chuồng có diện tích vừa đủ để sinh hoạt. Không cho chúng ở rộng quá nhằm hạn chế lợn đi lại, khỏi hao calo nhiệt lượng. Đàn lợn được ăn đủ no ngày 4 bữa bằng cơm canh thừa đặt mua dài hạn ở Khách sạn, cửa hàng ăn. Mặc dù cơm canh thừa đã ngon, nhưng anh Viết vẫn mua thêm cá và cám “con cò” cùng thuốc tăng trọng về trộn nấu cho thức ăn. Sau mỗi bữa cho lợn ăn, anh Viết không quên kiểm tra từng con

lợn, phát hiện thấy “chú” nào bụng “lẹp” là anh đặt vấn đề tự khám, tự chữa bệnh cho chúng ngay. Anh coi sách hướng dẫn công tác thú y là “cẩm nang” không thể thiếu được trong quá trình hành nghề chăn nuôi lợn. Do đó, con lợn nào “chê cá” nặng, anh chỉ tiêm 2 mũi là chúng lại vượt được bệnh tật.

Nhiều gia đình trong xóm nuôi 6 - 7 tháng mà mỗi con chỉ được vài bốn chục cân. Đằng này gia đình anh Viết chỉ nuôi trong vòng 4 tháng đã được xuất chuồng (100kg/con). Anh Viết thực hiện nuôi lợn “gối lúa”, lúa trước cách lúa sau 2 tháng, nên lợn của anh 2 tháng đã được xuất chuồng một lần.

Năm 1995 gia đình anh Viết đã xuất được gần 4 tấn lợn hơi. Đầu năm 1996 xuất được gần 2 tấn. Hiện nay có 16 lợn to trong chuồng, chỉ từ nay đến cuối tháng 7, anh lại có lợn xuất chuồng. Anh Viết cho biết: Năm nay anh Phấn đầu cung cấp cho thị trường đủ 15 tấn lợn hơi. Anh còn dự kiến chuẩn bị đóng chuồng, mua máy ấp trứng để phát triển thêm nghề nuôi chim cút sinh sản.

Bà con Vĩnh Tuy không chỉ thán phục bởi anh Viết chịu thương chịu khó trong lao động, biết áp dụng khoa học kỹ thuật mới vào chăn nuôi, mà còn yêu mến vì anh không giấu “bí quyết”. Thấy bà con nào hỏi han về kỹ thuật trong chăn nuôi, anh Viết tận tình truyền đạt kinh nghiệm của mình.

Do chăn nuôi nhiều lợn, gia đình anh Viết có đủ phân chuồng thâm canh cho trồng hoa. Tiền bán hoa dùng sinh hoạt hằng ngày, mua thêm cám bã... cho đàn lợn. Hai tháng một lần bán lợn lấy tiền “cỗ đông”, một mặt dùng làm vốn để tái mở rộng sản xuất; mặt khác mua sắm thêm các phương tiện sinh hoạt cần thiết. Anh Viết cho biết thêm: Ngoài việc ăn tiêu, mỗi năm gia đình anh để ra được 15 triệu đồng.

TỪ MỘT CHỈ VÀNG NHỜ NUÔI VỊT TRỞ THÀNH TỶ PHÚ

Đó là Phạm Văn Vận, 48 tuổi ngụ tại Phú Diễn, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh kể về cuộc đời bươn chải của anh: “Năm 1982 trở về trước, anh chuyển nghề “bán lưng cho trời, bán bụng cho đất” và kiêm nghề buôn bán nhỏ. Năm 1983, anh tập nghề nuôi vịt đẻ và ấp vịt. Năm 1984, nhờ buôn bán nhỏ và nhờ nuôi vịt, vợ chồng anh tích lũy được 5 cây vàng để mở rộng bằng hình thức gia công cho nuôi, thu trứng về để ấp. Rủi ro bất ngờ ập tới anh, các hộ gia công không có trứng nọp, đàn vịt mái mất đi 90%, người nuôi vịt quit nợ. Lúc bấy giờ anh chỉ còn hai bàn tay trắng. Gia tài chỉ vụn vụn có một chỉ vàng.

Nhớ câu: “mỗi lần ngã là một lần bớt dại”, anh đã rút ra bài học để đời: Giống xấu, kỹ thuật

hiểu không đến nơi đến chốn, quản lý phân tán... Năm 1990, với lòng say sưa và khát vọng làm giàu từ nghề nuôi vịt, anh xoay sang hướng “tâm sư học đạo”. May thay gặp được Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, chăn nuôi, Viện chăn nuôi đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh với giống vịt siêu thịt Super M (được xếp loại vịt hướng thịt số một). Các bí quyết, chọn giống, quy trình nuôi dưỡng, quy trình ấp trứng của giống vịt này anh đã ngày đêm mày mò, học hỏi. Anh quyết tâm làm lại cuộc đời từ nghề nuôi vịt, mặc dù trong túi chỉ vãn vẹn có một chỉ vàng.

Nhờ giống vịt tốt nên vịt đẻ nhiều, vịt con ấp nở tốt, nuôi chóng lớn. Vịt nở ra mề nào là bán hết mề đó. Nhiều khi phải khát lại hẹn khách hàng. Do có lời, trang trại anh mở rộng, đầu vịt mái tăng dần. Năm 1996 một trang trại với mặt bằng 3 ha với 4000 vịt mái, và 2000 vịt hậu bị. Mỗi năm, anh sản xuất 250 - 300 ngàn vịt con thương phẩm bán cho bà con nông dân quanh vùng và đồng bằng sông Cửu Long. Phương thức chăn nuôi “kết hợp vịt - cá” được anh áp dụng có hiệu quả. Nhờ vậy, ngoài tiện nghi trong nhà đầy đủ, giá trị tài sản của anh có thể tạm kê:

- Mặt bằng ao, chuồng để nuôi vịt: 1.000.000.000đ

- Chuồng trại: 200.000.000đ

- Nhà ao và nhà ấp: 120.000.000đ

- Tủ ấp công nghiệp: 100.000.000đ

- Xe tải: 50.000.000đ
- Máy phát điện: 40.000.000đ
- Một biệt thự: 500.000.000đ
- Giá trị đàn vịt mái: 400.000.000đ
- Giá trị đàn vịt hậu bị: 100.000.000đ

Nhờ phát triển đàn vịt có lời, nghề buôn bán nhỏ anh bỏ. Gia đình thường xuyên có 10 - 15 công nhân làm việc, lương tháng 700.000đ/tháng. Thế mới thấm câu các cụ xưa đã nói: “Nghèo thì lâu - giàu mấy chốc” là vậy. Nhưng bí quyết của anh là khát vọng làm giàu bằng tri thức, chứ không chỉ có bàn tay lao động giản đơn.

“VUA VỊT” CỤ TRẦN CÔNG BÌNH

Với nghề truyền thống từ Tiền Hải (Thái Bình), cụ Bình và gia đình vào Sài Gòn từ năm 1954. Giờ đây cụ đang ngụ tại xã Bình Dương, Thủ Đức.

Từ xa nhìn ngôi biệt thự xây kiểu mới, tôi rất ngỡ ngàng không hiểu từ nghề gì mà cụ có cơ ngơi như vậy. Tiếp tôi tại ngôi nhà ấy, mới rõ có cơ ngơi và tiện nghi đầy đủ, chính là nhờ nghề nuôi vịt.

Kinh nghiệm ở cụ về cái nghề này thì khó mấy ai bì được, nhưng chỉ tiếc rằng giống vịt xưa cụ nuôi là giống vịt cỏ, vịt tàu lai. Do đó năng suất thấp và chậm làm giàu.

Từ năm 1990, cụ quyết định thay đàn đổi

giống, nhập vịt siêu thịt Super M về nuôi. Nuôi vịt kết hợp với thả cá nên ngày càng khấm khá. Con trai của cụ lại tốt nghiệp đại học với tấm bằng loại ưu về nghề chăn nuôi tại trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại quận Thủ Đức. Cụ thay trang trại lẻ tẻ thành trang trại quy mô lớn. Kinh nghiệm truyền thống kết hợp với kỹ thuật hiện đại nên vịt con nở ra đến đâu bán hết đến đó. Nhiều khách hàng phải đặt cọc trước lấy vịt sau.

Nhờ vậy, chỉ bằng nghề nuôi vịt, từ năm 1990 trở lại đây, gia đình cụ Bình đã xây dựng một trang trại vịt rộng 5 ha, đủ nuôi 10.000 vịt mái đẻ và 10 ngàn vịt ở các lứa tuổi khác nhau. Thường xuyên trong trang trại của cụ có 6000 vịt mái đẻ và 2500 vịt hậu bị giống Super M. Hằng năm, gia đình cụ cung cấp 400 - 500 ngàn con vịt nuôi thịt để chuyển cho bà con nông dân khắp miền đồng bằng sông Cửu Long và cả khu vực miền Trung. Hằng năm thu lãi cả tỷ đồng.

Bằng nghề nuôi vịt, ngoài nhà biệt thự ba tầng hiện có, tài sản của cụ còn thêm:

- 5 ha mặt bằng đào ao nuôi vịt + cá:
5.000.000.000 đ
- Nhà ấp và nhà làm việc:
300.000.000đ
- Hệ thống máy ấp: 120.000.000đ
- Máy phát điện: 80.000.000đ
- Chuồng trại: 400.000.000đ

- Kê ao chống lở: 200.000.000 đ

- San lấp mặt bằng: 400.000.000đ

Nhờ nghề nuôi vịt, gia đình cụ Bình đã rút ra bài học: Phải có giống tốt, kỹ thuật nuôi dưỡng với phòng bệnh phải đúng quy trình, phải có thị trường và biết lấy ngắn nuôi dài, chăn nuôi kết hợp. Quy mô thích hợp và trường vốn cũng là bí quyết thành công để làm giàu từ nghề nuôi vịt của cụ.

NHỜ ẤP TRỨNG TRỞ THÀNH TỶ PHÚ

Đó chính là Nguyễn Ngọc Oánh, thạc sỹ khoa học nông nghiệp. Tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp II, một trường có xu hướng không chỉ dạy sinh viên về lý thuyết mà còn giỏi cả thực hành.

Hai vợ chồng quê Thanh - Nghệ. Vốn là con người năng nổ và biết tính toán, đồng thời anh lại chớp được thời cơ phong trào nuôi gà công nghiệp, vịt siêu trứng Khakicampbell được thị trường chấp nhận. “Phúc bất trùng lai” đúng lúc Trung tâm nghiên cứu vịt Đại Xuyên thử nghiệm giao khoán cả hệ thống máy ấp hiện đại, nhưng với điều kiện: Anh phải nộp cho Trung tâm một khoản tiền và bảo đảm sau 8 năm giao lại cho Trung tâm máy vẫn hoạt động bình thường.

Đây chính là lúc “lửa thử vàng, gian nan thử

sức”, và cũng là lúc chớp lấy thời cơ đến, nếu anh bỏ lỡ thời cơ ngàn năm có một thì anh sẽ ân hận.

Với khát vọng làm giàu và thời cơ anh đã chớp được để rồi từ đây một gian nhà cấp 4 của cơ quan, hình ảnh một biệt thự cạnh quốc lộ ra Bắc vào Nam nung nấu tâm can anh, thôi thúc anh sẽ trở thành hiện thực.

Tiếp nhận một hệ thống máy ấp hiện đại với công suất cả triệu quả/năm, nhưng lấy trứng đâu mà ấp? Đó là một câu hỏi phải được trả lời, vì mỗi lần một mẻ ấp hàng vạn trứng, cứ vậy thay phiên, trứng nở lại có trứng mới đưa vào. Cái thành ngữ “giàu vì bạn, sang vì vợ” đã tạo cơ hội cho anh.

Một mạng lưới đầu tiên anh thiết lập, đó là anh tìm các bạn ở những cơ sở chăn nuôi gia cầm trong đó có gà. Sau đó là hệ thống thông tin qua điện thoại di động để cho dù anh ở nơi sản xuất hay lúc nghỉ ngơi đều có thể nhận được thông tin. Việc thứ ba anh thiết lập là các khách hàng. Với khách hàng anh coi là “thượng đế” thực sự. Khách đến nhận hàng có thể được ăn, ngủ nếu ở xa. Đặc biệt khách hàng không có phương tiện vận chuyển, anh mang hàng tới tận nơi. Còn phương thức thanh toán rất thoáng: Nếu có tiền ngay thì hàng được giao, giá mềm hơn và nhanh chóng. Không có tiền anh cho chịu một nửa nhưng phải bảo đảm hợp đồng và lấy chữ “tín” làm gốc. Điều đáng quan tâm hơn là ai mua gà mua vịt, anh

đều hướng dẫn cách nuôi. Do đó anh đã nín được khách hàng.

Cứ 1 quả trứng nở ra, anh có lời khoảng 30%, sau khi trừ mọi chi phí. Thế là “khó thì lâu, giàu thì mấy chốc” đã đến với anh thực sự. Chỉ vùn vện 4 năm, một cơ ngơi 4 tầng với diện tích mặt bằng 100m² ngay bên đường quốc lộ đã sừng sững mọc lên. Với ngôi nhà và không gian anh đã thực hiện được: “Thứ nhất cận thị, thứ nhì cận giang, thứ ba cận lộ”. Cận thị vì nhà anh gần thị trấn Phú Xuyên, Hà Nội quê lụa, còn cận giang là gần nhánh của con sông Nhuệ; cận lộ điều này thì thật là tuyệt hảo, vì đường Quốc lộ 1 là huyết mạch giao thông của nước ta.

Với tri thức, bàn tay và với cơ may đến với anh đúng lúc, giờ đây trong gia đình anh không thiếu một tiện nghi gì, kể cả tiện nghi đắt tiền, con cái anh học hành đến nơi đến chốn. Anh có cả ô tô để tiếp tục chấp cánh cho anh vươn lên làm giàu với cái nghề ấp trứng.

“Có được cơ nghiệp ngày nay, nếu chỉ có tri thức và thiết bị chưa đủ, mà điều cốt lõi vẫn là khát vọng làm giàu. Nó nung nấu trong tôi. Từ vị nghệ, sinh vị nghệ là thế anh ạ”. Đó là lời kết của anh Nguyễn Ngọc Oánh.

NHỮNG TRIỆU PHÚ NHÍM VÀ BÍ QUYẾT LÀM GIÀU TỪ NUÔI NHÍM

I. NHỮNG TRIỆU PHÚ NHÍM

Cái thuở ban đầu

Từ chối nhiều cơ hội danh vọng, bỏ lên cái vùng heo hút này chỉ vì “thích tìm cái mới”. Nhưng phải đến gần cuối đời, cơ duyên mới đưa ông đến với con nhím. Và, trình độ của ông dường như đã đạt đến “vô chiêu”, có thể biết được con nhím được thích con nhím cái nào. Tên ông là Hà Muôn (Trung tâm Khoa học và sản xuất Lâm nghiệp vùng Tây Bắc)¹. Ông có cái phòng “cực oách” ở cơ quan nhưng hiếm khi mở cửa. Lúc nào cũng chỉ lọ mọ ngoài chuồng nhím. Mà con nhím thì hơi khùng khiếp, người bạn tôi đi cùng đã phải nôn oẹ tại chỗ. Ông Muôn cười khà khà: “Người ta quen ví von, hơi như cú; nhưng có lẽ cụm từ này phải xem xét lại; vì tôi nghĩ nhím hơi hơn nhiều”. Rồi ông ghé sát người vào tôi: “Chú tin không, gửi da tôi bây giờ thum thum.” Những ngày đầu lăn lê bò toài ở chuồng nhím, về nhà ông bị vợ đẩy xuống đất ngủ vì... quá hôi. Để

1. Địa chỉ: Số 6 đường Lê Duẩn, tổ 1, phường Quyết Tâm, thị xã Sơn La.

tránh phiền hà, ông khuôn quần áo ra khu nuôi nhím ở cho tiện. Đóng áo bảo hộ của ông chất đầy cuối phòng, tôi tiến đến, nó bốc mùi muồn ối.

Ông Muồn hồ hởi nhấn mạnh nhiều lần (có lẽ là sợ tôi không hiểu): “Nuôi nhím nhốt, bắt nó “làm tình” với nhau được là duy nhất ở Việt Nam đấy; trên thế giới chưa ai làm đâu”. Ban đầu tôi nghĩ bụng, bố này bốc phét, nhưng khi vào đây, tôi đã được một thổ địa cảnh báo: “Lão này siêu lắm đấy, nghe nói từng học ở trường Đại học Nông nghiệp Lahabana ở bên Cuba”.

Phải đến năm 2003, ông Muồn mới chính thức nghiên cứu về nhím nhốt chuồng một cách bài bản. Và, cái khó nhất theo ông Muồn là làm thế nào để nhím “làm tình” với nhau. Và, ngay cả cái chuyện này cũng có vô khối chuyện thú vị. Cái con nhím kẻ cũng khó tính. Con đực kén chọn bạn tình ghê gớm lắm, “làm mỗi” con cái nào không đúng “gu”, con đực nhất định không giao cấu; phải chọn đúng “bạn gái” mà nó ưng thì mới diễn ra cuộc “mây mưa”. Ông Muồn bảo: “Nếu ép nó, nó chỉ làm chiếu lệ và không bao giờ có sản phẩm”. Thêm nữa, không như giống lợn, cứ “làm” liên tù tì với mấy “bạn nữ” một lúc, con nhím chỉ một lần một, nếu ép nó, nó đứng im.

Để biết được những chuyện “tình ái” của nhím cận kề như thế, ông Muồn phải mất trọn 1 năm ở cùng nhím. Đêm đêm, ông phải cầm đèn pin soi vào chỗ kín của nhím cái để biết được chu kỳ

động đực; biết được thời điểm nào nó ham muốn nhất, thời điểm nào thích hợp để có bầu. Tất cả những điều đó, ông Muồn ghi chép tỉ mỉ. Và là người đầu tiên nghiên cứu về nhím nhót nên ông Muồn gặp vô vàn khó khăn.

Khi ông nêu ý tưởng này, không ít người phản đối kịch liệt. Họ cho là ông gàn dở, cần gì phải nghiên cứu cho tốn thời gian, chỉ cần chúng ở với nhau là "OK". Nhưng ông Muồn nghĩ: Vậy thì cần đến cái bằng kỹ sư nông nghiệp; cần đến khoa học làm gì...

Một hôm, ông gọi mấy anh em ở cơ quan đến đồng dạ tuyên bố: “Anh muốn nghiên cứu nhím, mỗi chú cho anh vay ít tiền”. Mọi người biết tính ông anh “gàn” nên chẳng can; mỗi người lẳng lẳng cho vay 3 triệu, 5 triệu, tổng cộng được 15 triệu đồng. Ông Muồn mò lên tận Mường Ảng (Điện Biên) lôi về 7 con nhím. Vào thời điểm đó, ông Muồn sở hữu nhiều nhím nhất thị xã Sơn La. 6 tháng vật lộn, nhiều đêm chong đèn nhưng bọn nhím rất lười “tình cảm”, và rút cuộc chỉ đẻ được 1 con. Nhiều người thấy ông mất công, góp ý: “Thịt nhím mà đánh chén thôi ông Muồn ơi”. Có lẽ chính vì tự ái bởi những câu nói kiểu như thế, ông Muồn càng hăng say hơn để chứng minh mình đúng. Đến năm 2004, con nhím đã không phụ công người kỹ sư “gàn”, chúng đẻ tăng tăng một năm 2 lứa, ông Muồn chỉ dám nghĩ trong lòng: Đã thành công!

Trở thành triệu phú nhím

Triệu phú nhím đầu tiên phải kể đến ông Hà Muôn, mỗi năm thu về khoảng trên 100 triệu. Khi thành công, ông Muôn hào hào mọi người trong trung tâm làm thí nghiệm trước.

Anh Nguyễn Đức Thái - một cán bộ của Trung tâm dúi vào tay một tờ hoá đơn mà anh vừa bán một đôi nhím cho người ta làm thịt, nói phẩn khởi: “12,5 triệu đồng đấy nhé”. Hiện tại, Thái được gọi là “vua nhím” ở thị xã với gần 50 con. Mỗi năm, nhím đẻ 2 lứa, với giá khoảng 7,5 triệu đồng/đôi nhím giống, bán ra gia đình anh cũng bỏ túi khoảng 150 triệu đồng. Chỗ nuôi nhím thì chẳng mất bởi trung tâm cho mỗi cán bộ, nhân viên mượn một khoảnh đất để nuôi. Từ giám đốc, đến nhân viên trung tâm ai cũng có một khoảnh như thế và họ đều cho rằng, con nhím mới cho thu nhập chính chứ không phải là đồng lương.

Chị Tuất - một người nuôi nhím ở tổ 1 (phường Quyết Thắng - thị xã Sơn La) vừa dẫn tôi đi xem vừa kể cách nuôi nhím như thế nào, khiến cho chúng tôi có cảm giác, mình cũng muốn “xắn tay” nuôi thử. Vợ chồng chị đều là công chức nhà nước; năm 2004, mua mấy đôi về nuôi thử, ai dè nó cứ đẻ đều đều. Bây giờ, nhà chị đã có 40 con, được nhốt trong một khu chuồng chỉ khoảng 20 mét vuông. Theo chị Tuất, con nhím ăn tạp như: ngô, bí, các loại rau, củ quả...; thậm chí cả những thứ củ quả người ta vứt ngoài chợ, với nhím đó

cũng là.... đặc sản. Chị Tuất nói rằng, với riêng gia đình chị, cái khó duy nhất khi mới nuôi nhím là cách phát hiện ra con đực, con cái. Bây giờ thì mọi việc ngon ơ rồi, chỉ cần ấn vào bộ phận sinh dục của con nhím, con nào “thò” ra là con đực; còn con nào cứ giãy đành đạch có vẻ thẹn thùng, dích thị là con cái - chị Tuất nói. Chính nhờ vào đàn nhím này, chị Tuất thừa nhận, đời sống gia đình chị không còn phải lặn lội. Mỗi năm, trừ chi phí thức ăn khoảng 5 triệu cho cả 40 con, gia đình chị cũng bỏ hầu bao khoảng 150 triệu đồng. Vợ chồng chị Tuất đã kêu gọi hai người em là chị Cao Thị Dung và chị Cao Thị Hương, cũng nuôi từ năm 2004, hiện trong chuồng của hai chị còn tổng cộng 43 con, trị giá gần 160 triệu đồng. Chị Hương nói: “Nuôi nhím có nhược điểm là rất hôi, nhưng nếu vệ sinh thường xuyên thì không vấn đề gì”.

Để con nhím có “bầu bạn”, đồng thời để nhân rộng mô hình nuôi nhím trong dân, vừa qua tại thị xã Sơn La đã thành lập cả một Hội nuôi nhím. Ông Tân Văn Phong - Giám đốc Trung tâm Khoa học và sản xuất Lâm nghiệp vùng Tây Bắc được bầu Chủ tịch Hội. Theo ông Phong, hiện nay toàn tỉnh Sơn La có khoảng 3.000 con nhím nuôi chuồng nằm chủ yếu ở huyện Sông Mã, Mai Sơn và nhiều nhất ở thị xã. Hiện tại có 70 hộ đã đăng ký tham gia. Ông Phong cho biết: “Những người nào vào hội sẽ được tư vấn về giá cả thị trường, giống, cách phòng bệnh, thức ăn thế nào

là tốt nhất. Thỉnh thoảng, các hội viên còn được nghe các chuyên gia ở Viện Chăn nuôi bổ túc những kinh nghiệm nuôi sao cho hiệu quả nhất”.

Tuy nhiên, hiện nay giá nhím giống cao lên tới 7,5 triệu đồng/một đôi nên những hộ nông dân nghèo cũng khó có điều kiện mua được - ông Phong lo ngại. Một điều nữa, theo kỹ sư Hà Muôn: hiện tại thủ tục mua bán nhím còn phức tạp. Nếu bán nhím trong nội tỉnh thì cần giấy chứng nhận của Hạt Kiểm lâm; còn nếu bán ra ngoài tỉnh lại phải được phép của Chi cục Kiểm lâm, bởi không sẽ bị nhầm là buôn bán động vật hoang dã. Ông Muôn nói: “Giả sử có một hộ trong Sông Mã muốn mua một con nhím xuống tận Hà Nội, lại phải lọ mọ hàng trăm cây số ra tỉnh xin được cái giấy chứng nhận, có khi tiền gà bằng ba tiền thóc”. Chính vì thế, vừa rồi ông Muôn xuống Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn kiến nghị rất hăng là phải coi nhím như lợn, gà... thì người nuôi nhím mới bớt cực¹.

Một trong những triệu phú nhím quy mô lớn có lẽ còn phải kể tới trại nuôi nhím của gia đình ông Tuấn - Hoà ở Củ Chi (Thành phố Hồ Chí Minh). Họ đều là những cựu chiến binh và còn mang cả thương tích trong người. Hai ông bà rất mê nuôi nhím. Ở trong Thành phố, vị trí quá chật chội, ông bà quyết định ra Củ Chi mua đất

1. Bài của Mai Xuân Nghiên đăng trên báo *Nông nghiệp Việt Nam*, thứ sáu ngày 1-12-2006.

và lập trại nuôi nhím. Lúc đầu, trại chỉ nuôi hơn một chục con. Dần dần số nhím tăng lên. Tối nay, trại nhím của họ đã có hơn 200 con. Trung bình mỗi tháng, gia đình xuất được 4 đôi nhím. Lúc trước giá một đôi giá 2,5 triệu. Vị chi mỗi tháng thu được 10 triệu... Nhưng nay, trại của ông đã có tới hơn 200 con và giá nhím đã lên tới 5 - 6 triệu/đôi. Vì vậy, số tiền ông thu được hàng tháng sẽ tới vài chục triệu. Đây đâu còn là một bài toán viển vông. Đó là sự thật, một sự thật đáng để chúng ta quan tâm. Rõ ràng, nghề nuôi nhím không những giúp cho bà con ta vượt qua đói nghèo, mà còn có thể vươn lên giàu có.

Hiện ở Củ Chi đã có hàng chục gia đình nuôi nhím. Việc nuôi nhím còn lan ra nhiều tỉnh thành khác. Từ một loài hoang dã, nhím đã dần dần trở thành vật nuôi trong gia đình. Chắc rằng, nuôi nhím sẽ là một nghề bền vững trong các hộ gia đình ở nhiều vùng sinh thái của nước ta.

II. BÍ QUYẾT LÀM GIÀU TỪ NUÔI NHÍM

Đã gần 20 năm nghề nuôi nhím được hình thành và đang phát triển ở nước ta. Từ thực tế người nuôi nhím ở nhiều địa phương có thể rút ra những bí quyết thành công để trở thành “triệu phú nhím”:

Bí quyết thứ nhất: Kế sách “Lửa gần rơm”

Ai cũng biết nhím là động vật hoang dã, thuộc loài gặm nhấm, đa thai. Thế nhưng nhím cũng

không “văng mạng” gặp nhím cái nào cũng tỏ ra “yêu mến”, mà nó rất kén chọn, chỉ “mây mưa” khi nó thích thực sự nhím cái ấy. Vậy làm thế nào để biết nhím đực thích nhím cái. Trước hết phải biết con nhím đực khác nhím cái ở điểm nào? Chỉ cần ấn vào bộ phận sinh dục của nhím, con nào “thò ra” là con đực, còn con nào cứ “giấy đành dạch” có vẻ thẹn thùng thì đích thị là con cái.

Vậy cần biết nhím đực thích nhím cái biểu hiện như thế nào? Sau một hồi ve vãn, nhím cái tỏ ra “đồng thuận”, lông nhím cái cụp xuống, nhím đực nhảy lên lưng nhím cái và những giây phút “ê mê” diễn ra trong đêm tối mịt mùng. Sau ít phút nhím đực rời nhím cái. Như vậy đích thị nhím đực đã chọn đúng “bạn tình” và chắc chắn sau 3 tháng những chú nhím con sẽ được sinh ra. Phải nhớ rằng trong “chuyện tình” của nhím thường cả hai đều tìm tới nhau, nhưng quyết định lại là chú nhím đực. Và trong thực tiễn chăn nuôi nhím, nhiều người đã dùng kế “lửa gần rơm lâu ngày cũng bén”, bằng cách ghép 1 đực với 4 - 5 cái cho ở với nhau, sau ít ngày chúng “quen hơi bén tiếng” và những trận “mây mưa” xảy ra lúc nào chẳng biết, các chú nhím con cứ lần lượt ra đời. Và cái “đồng sàng dị mộng” sẽ tiêu biến lúc nào không biết.

Bí quyết thứ hai: Đi trước đón đầu

Các cụ ta ngày xưa đã từng nói: “*Ăn đi trước, lội nước theo sau*” và các cụ còn nói: “*Chết trước*

là thiệt, làm trước không bao giờ thiệt”. Muốn vậy phải biết phán đoán, đánh giá thị trường.

Phần I của chương V đã viết về ông kỹ sư Hà Muồn từ suy nghĩ đến phán đoán đúng tình hình thị trường tiêu thụ nhím ở trong nước và xuất khẩu sang Trung Quốc trong tương lai, nên sau thời gian bắt tay vào cái nghiệp nuôi nhím với 7 con nhím ban đầu, năm 2004 ông trở thành triệu phú nhím đầu tiên ở Sơn La, mỗi năm thu về khoảng trên 100 triệu đồng. Từ thành công, ông đã giúp đỡ anh Nguyễn Đức Thái, bà Tuất, chị Cao Thị Dung, Cao Thị Hương (phường Quyết Thắng - thị xã Sơn La) nuôi gần 100 con nhím. Trong số này các chị một phần bán nhím giống, một phần bán nhím thịt. Riêng chị Tuất mỗi năm thu lãi khoảng 150 triệu đồng, vì chị đã phán đoán được rằng: nghề nuôi nhím sẽ phát triển. Đến nay ở Sơn La đã có Hội nuôi nhím. Số nhím có khoảng 3.000 con trên 70 hộ trong Hội nuôi nhím.

Bí quyết thứ ba: Một mũi tên bắn trúng ba đích

Ở thị xã Sơn La, nhiều gia đình buôn bán rau quả đã biết kết hợp nuôi nhím với nghề buôn bán rau quả của mình. Trước kia chưa có nghề nuôi nhím, rau quả nhập về, sau khi phân loại hàng, các rau quả giập nát thường phải vứt đi nay kết hợp nuôi nhím nên số hoa quả phế phẩm đó cho nhím ăn rất tốt, có khi còn là món ăn đặc sản cho lũ nhím. Việt Nam ta đâu đâu cũng có hoa quả,

rau xanh. Do đó, nếu kết hợp được nuôi nhím với sử dụng rau hoa quả loại thải, thì đó là một mũi tên bắn trúng hai, ba đích: *Rau hoa quả tốt sử dụng cho người; loại phế phẩm dùng nuôi nhím, không vứt nó bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.*

Bí quyết thứ tư: Kế sách “cai ghen”

Không biết do tính “*ích kỷ*” hay “*ghen tuông*” mà nhím đực luôn tìm cách cắn chết nhím con không phải là con của nó. Vậy các hộ nuôi nhím phải hết sức đề phòng. Một quan sát cho biết: khi nuôi hai đôi nhím cạnh nhau có rào ngăn bằng lưới thép, nhím con của đôi này thò chân sang ô của đôi kia thì lập tức nhím đực ở đôi kia cắn đứt chân. Có trường hợp thả hai nhím đực vào đàn nhím cái, chúng cũng cắn nhau để tranh giành “bạn gái” cho đến khi nào một trong hai con “thắng cuộc tình trường” thì cuộc giao tranh mới chấm dứt. Đây là đặc tính sinh học mà người nuôi nhím phải chú ý ngăn cách các ô nuôi nhím để tránh hiện tượng trên.

NUÔI LỢN RỪNG GIÀU LÊN NHANH CHÓNG

1. Đôi nét về nghề nuôi lợn rừng

Nuôi lợn rừng là một nghề mới. Hiện nay ở ba miền Bắc, Trung, Nam có rất nhiều hộ nhờ nuôi lợn rừng mà giàu lên rất nhanh. Có nhiều hộ chỉ nuôi 20 - 50 con, nhưng có nhiều trang trại nuôi

với quy mô lớn. Thí dụ trang trại của ông Nguyễn Trung Thành (Xuân Hòa - Xuân Lộc - Đồng Nai), anh Lê Song Bình (Mã Đá, Vĩnh Cửu, Đồng Nai), ông Trần Đình Bá (Lương Sơn - Hòa Bình), ông Bảy Dũng (Tân Hưng - Đồng Phú - Bình Phước), ông Nguyễn Tùng Dương (Phước Chỉ - Trảng Bàng - Tây Ninh) và còn rất nhiều gia đình làm giàu từ nuôi lợn rừng ở khắp ba miền Bắc - Trung - Nam, hằng năm thu lãi từ 3 - 4 triệu đồng bởi giá bán lợn hơi luôn ở mức 60.000 - 250.000 đồng/kg.

Lợn rừng có ưu thế: có sức đề kháng mạnh, chịu đựng được ở môi trường sống khắc nghiệt, ít bệnh tật, thức ăn nuôi lợn rừng không phải là thức ăn công nghiệp, do đó giá thành luôn luôn thấp, nhưng giá bán lợn giống, lợn thịt đều cao, có thời gian giá bán từ 200.000 - 220.000 đ/kg. Gần đây nhiều người nuôi lợn rừng đã biết lai lợn rừng với các giống lợn nội (lợn Mèo, lợn Mường Khương, lợn Ba Xuyên...), chất lượng lợn lai ít mỡ, nhiều nạc, thịt thơm ngon. Hằng năm lợn rừng thuần hay lợn lai mỗi năm đều đẻ 2 lứa, mỗi lứa từ 6 - 9 con. Chuồng trại nuôi lợn rừng đơn giản, thức ăn nuôi lợn rừng chủ yếu là cây củ, kỹ thuật nuôi dưỡng thô sơ. Nhiều nước phát triển cũng khuyến khích nuôi lợn rừng. Ví dụ ở Pháp có 800 trại nuôi lợn rừng; Đông Bắc Thái Lan mỗi năm có thể cung cấp hơn 1000 con lợn rừng giống. Ở Việt Nam, nhiều chủ nuôi lợn rừng cũng mua giống từ cơ sở này (Trại Phú Gia - Bình Phước; Trại Khánh Giang - Thành phố Hồ Chí Minh).

Hiệu quả của nghề nuôi lợn rừng cao gấp 5 - 6 lần so với nuôi lợn công nghiệp. Hiện nay nghề nuôi lợn rừng đã hấp dẫn đối với người chăn nuôi ở nhiều nước như Pháp, Thái Lan, Braxin, Đức, Trung Quốc, Việt Nam... Nước ta đã cho phép thuần dưỡng, nuôi đại trà bởi lợn rừng không nằm trong sách đỏ.

2. Tập tính của lợn rừng

Lợn rừng thường thích sống bầy đàn. Đàn nhỏ có 5 - 6 con, đàn lớn có từ 10 - 50 con. Chúng sống chung với nhau nhiều thế hệ. Lợn rừng có nhiều kiểu kêu khác nhau để báo hiệu cho nhau về nơi có nguồn thức ăn, kẻ thù đe dọa sự sống, tìm bạn tình, tìm con, tìm mẹ...

Lợn rừng sống chung bầy đàn thường cọ sát thân mình với nhau nhằm tạo mối quan hệ thân thiện, tăng sự tin cậy, sức mạnh tập thể, an toàn trong bầy đàn. Sự cọ sát vào nhau để quen hơi, bén tiếng, biết phát hiện kẻ thù khi xuất hiện mùi lạ. Lợn rừng cũng thường giao tranh với nhau để tranh giành bạn tình. Ngay từ nhỏ lợn rừng đã biết tranh giành vú sữa của lợn mẹ, khoảng không gian để sống.

Lợn rừng rất nhanh nhẹn, có khứu giác tốt để thông báo cho nhau khi có kẻ thù, khi tìm kiếm thức ăn ở trong rừng. Từ tiếng kêu lợn rừng có thể thông báo cho nhau biết kẻ thù, lập tức chúng thông báo cho nhau im lặng để kẻ thù không biết và bỏ đi. Khi kẻ thù ở gần nơi sống

của chúng, cả bầy đàn kêu rất to để uy hiếp kẻ thù và chạy rất nhanh đến nơi an toàn.

Khi đối phó với kẻ thù, chúng dựng đứng lông bờm, ngẩng cao đầu, giờ nanh để dọa nạt kẻ thù. Lợn rừng chạy rất nhanh và bơi lội rất giỏi. Chúng thích đầm mình trong bùn lầy để tránh ve, ruồi muỗi chích đốt.

Lợn rừng không hung dữ như hổ, báo, sư tử, nhưng khi bị tấn công gây thương tích làm chúng đau đớn sẽ khiến chúng tức giận, hung dữ và sẵn sàng chiến đấu với kẻ thù một cách điên cuồng. Lợn rừng có đuôi dài và luôn ve vẩy để xua đuổi côn trùng cắn đốt chúng.

Lợn rừng ăn tạp, dạ dày đơn như lợn nhà. Thức ăn của chúng là những loại quả, rau rơi rụng xuống đất, củ rễ các loại cây, nấm, khoai, măng, ngô, dưa, lạc, đậu đỗ, các loại củ... Các loại động vật như mối, rắn, chuột, kiến, giun, dế, ếch nhái, kỳ nhông, v.v.. Những nơi có nhiều thức ăn thì chúng chỉ quay quần khoảng 10m²/con. Khi thức ăn ít, khó kiếm thì bán kính kiếm mồi của chúng từ 50 - 60m².

Lợn rừng rất tham ăn nên luôn luôn tranh giành nhau. Lúc sáng sớm, lúc chạng vạng tối và cả ban đêm là lúc chúng đi kiếm ăn. Chúng dùng mõm dũi, bới đất để tìm kiếm thức ăn.

3. Kỹ thuật nuôi dưỡng lợn rừng theo tập tính

3.1. Khả năng sinh trưởng của lợn rừng

Lợn rừng châu Á thường nhỏ lợn rừng châu

Âu, ở tuổi trưởng thành lợn rừng châu Á: cao 65 - 70cm, dài 120 - 140cm, nặng 70 - 150kg, còn lợn rừng châu Âu cao 90 - 100cm, dài 150 - 160cm, nặng 200 - 350kg/con. Lợn rừng châu Mỹ có con khối lượng đạt tới 500 - 600 kg. Tuổi giết thịt có thể bắt đầu từ 6 tháng tuổi trở đi với khối lượng từ 25 - 50kg.

3.2. Khả năng sinh sản của lợn rừng

Lợn rừng cũng mắn đẻ sai con (6 - 9 con/lứa). Chúng động dục không theo mùa, động dục quanh năm. Tuổi động dục lần đầu lúc 7 - 8 tháng tuổi. Chu kỳ động dục 21 ngày. Mỗi năm đẻ 2 lứa, mỗi lứa đẻ 6 - 8 con. Thời gian mang thai 4 tháng (112 ngày).

Lợn rừng cái từ khi động dục, phối giống, mang thai và trước khi sinh đẻ vẫn sống chung với bầy đàn. Đến ngày gần đẻ thì tách khỏi bầy đàn, bới tìm chỗ làm tổ để đẻ.

Tổ để đẻ thường là nơi kín đáo, khô ráo, ẩm áp, yên tĩnh. Lợn không làm tổ được thì chúng tìm những nơi có nhiều cây cỏ khô để làm tổ và sẽ sinh con ở nơi này. Lợn nái sau khi sinh con rất hung dữ, nó chống chọi với bất kỳ vật gì gây hại đến đàn con của chúng. Khi lợn mẹ đẻ con, tùy theo số con và số đầu vú mà lợn con sẽ tiếp tục bú những vú của mỗi con. Nếu đầu vú ít, số con đẻ nhiều sẽ xảy ra chết yểu. Lợn rừng mẹ có khả năng nhận con mình rất tốt. Nếu có lợn con khác lạc vào đàn, lợn mẹ sẽ cắn chết. Lợn mẹ dắt

lợn con đi kiếm ăn sau khi đẻ được 4 tháng (112 ngày) và sau đó nhập đàn bình thường.

3.3. Kỹ thuật nuôi dưỡng theo tập tính

Theo tập tính của lợn rừng được miêu tả ở trên, do đó chăn nuôi lợn rừng cũng khác xa với nuôi lợn nhà đã được thuần dưỡng từ lâu.

Trước khi nuôi lợn rừng, người nuôi cần hiểu biết những đặc điểm của chúng là hoang dã. Chúng có mõm dài, móng vuốt, răng nanh sắc nhọn, tập tính sống bầy đàn. Chúng có khả năng đào, dũi đất để tìm kiếm thức ăn ở nhiều địa hình khác nhau.

a) Chuồng trại nuôi lợn rừng

Chuồng nuôi lợn rừng không cầu kỳ nhưng cần khoảng đất rộng để chúng chạy nhảy, diện tích rộng từ 370m² trở lên để chúng dễ dàng đi lại, chạy nhảy, phù hợp với tốc độ tăng đàn và tập tính kiếm ăn của chúng. Khu đất nuôi lợn rừng cần trồng nhiều cây tạo bóng mát cho chúng. Cần trồng cây thức ăn thô xanh có năng suất cao để làm thức ăn cho chúng. Cần xây tường bao quanh hay quây lưới B40 có chân tường và trụ đỡ chiều cao 1,5 - 2m. Khu nuôi lợn rừng để chúng không thoát ra ngoài được.

Tóm lại, chuồng nuôi lợn rừng không cầu kỳ, không cần như chuồng nuôi lợn công nghiệp.

b) Thức ăn và nước uống nuôi lợn rừng

Khu đất nuôi lợn rừng cần đào hoặc xây các

hồ nước nông, gần nguồn nước sông suối, vì chúng thích đầm mình làm mát và hay uống nước.

Trong khu đất nuôi lợn rừng cần có những nhà lều để lợn trú ngụ khi cần thiết. Nhà lều có độ cao 1,2 - 2 mét, diện tích khoảng 5 - 10m², mái lợp bằng tranh tre nứa lá. Nơi có những cây cổ thụ lâu năm thì có thể xây lều dưới gốc cây tạo bóng mát cho lợn. Khu nuôi và nhà lều không cần lát gạch hay đổ xi măng, tốt nhất trên nền đất cát để thấm nước và dễ làm vệ sinh, quét dọn khi cần thiết.

Chuồng nuôi lợn rừng cần đảm bảo các yếu tố sau:

- Thoáng mát, có ánh nắng chiếu vào chuồng buổi sáng.

- Có độ dốc phù hợp (khoảng dốc 3⁰) để dễ thoát nước.

- Có sân chơi, nhiều cây cối, yên tĩnh.

- Có lối đi cho người chăn nuôi dễ dàng đi lại khi cho ăn, quét dọn...

- Có ô chuồng cho lợn nái, lợn đực riêng biệt. Nền chuồng nên sử dụng cát trải trên mặt để chống lây lợi.

Tóm lại: Chuồng nuôi lợn rừng bằng chất liệu gì cũng phải phù hợp với tập tính khi ăn, lúc nghỉ ngơi, chạy nhảy, chống ô nhiễm môi trường, tránh được nguy hiểm khi chăm sóc lợn rừng và khi vận chuyển đi bán, giết thịt. Nên luôn luôn cảnh giác vì lợn rừng là loài dã thú, nhưng nếu

người nuôi chúng luôn gần gũi nó, vuốt ve nó từ khi lợn con theo mẹ thì dần dần nó cũng hiền lành như lợn nhà.

c) Kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng lợn rừng

Ở từng giai đoạn khác nhau và tập tính ở mỗi lứa tuổi, người chăn nuôi sẽ áp dụng kỹ thuật khác nhau.

+ Đối với lợn nái mang thai và sau khi đẻ: Cho ăn ngày 2 lần: sáng vào lúc 7 giờ, chiều vào lúc 15 giờ. Mỗi lần cho ăn từ 0,4 - 0,5kg thức ăn các loại, nhưng thức ăn xanh (rau cỏ, củ, quả) là chính. Nước uống tự do.

+ Đối với lợn con theo mẹ là lợn sau cai sữa: Cho ăn một lượng thức ăn tinh (200 - 300g thức ăn công nghiệp), nhưng chủ yếu vẫn sử dụng thức ăn thô sơ là chính (rau, cây cỏ, củ, quả...).

+ Đối với lợn đực giống: Chủ yếu là thức ăn thô xanh (rau cỏ, củ quả...) nhưng cần bổ sung 0,4 - 0,5kg thức ăn là cám gạo hoặc ngô nghiền, cũng có thể dùng thức ăn công nghiệp để nuôi lợn đực nhưng thức ăn tinh thô xanh là chính.

+ Đối với lợn nuôi để giết thịt: Cho ăn tự do các loại rau, cỏ, củ quả. Có thể cho ăn thêm thức ăn là cám bã. Đối với lợn nuôi lấy thịt tốt nhất là cho ăn, uống tự do, nhất là thức ăn thô xanh, có thể ăn thêm cám bã, hèm (bã rượu, bã bia). Nuôi lợn thịt để giết thịt cốt sao lợn lớn nhanh, không kéo dài thời gian nuôi. Thời gian nuôi càng ngắn thì hiệu quả càng cao, quay vòng

nhanh, chi phí sẽ giảm. Cây chuối sau khi chặt buồng cũng là nguồn thức ăn, dễ chế biến để nuôi lợn rừng (nhất là lợn nái thời kỳ không mang thai, lợn choai và lợn thịt).

3.4. Phòng bệnh cho lợn rừng

+ Lợn rừng có khả năng chống chịu bệnh tật tốt, nhưng không phải là không có bệnh. Cách phòng bệnh tốt nhất là tiêm phòng. Các bệnh cần tiêm phòng là dịch tả lợn, bệnh đóng dấu, tụ huyết trùng. Bệnh lở mồm long móng, bệnh tai xanh...

+ Định kỳ phun thuốc sát trùng chuồng trại, xung quanh nơi nuôi lợn rừng bằng nước javen, xút (NaOH), vôi bột (CaO), nước vôi trong ($\text{Ca}(\text{OH})_2$) 10 - 20%, nước muối đã hoạt hóa (Anônit). Các chất sát trùng mà dễ mua và rẻ tiền.

* *

*

Nuôi lợn rừng chi phí thức ăn ít (chỉ bằng 1/3 so với nuôi các loại lợn khác), giá bán lợn hơi cao (100.000 - 250.000 đ/kg lợn hơi). Thị trường đang cần thịt lợn rừng, nhất là ở các đô thị lớn (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, các khu du lịch như Nha Trang, Vũng Tàu, v.v..). Chúng tôi tin tưởng rằng: Người nuôi lợn rừng sẽ giàu lên nhanh chóng góp phần vào thực hiện chính sách tam nông của Đảng và Chính phủ, xóa được đói, giảm được nghèo.

Chương V

AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI BỀN VỮNG

Để phát triển chăn nuôi bền vững, việc thực hiện an toàn sinh học có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của chăn nuôi.

1. Thế nào là an toàn sinh học?

An toàn sinh học là áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý nhằm giảm bớt nguy cơ nhiễm bệnh và lây lan của các loại mầm bệnh.

2. Những bước đi cụ thể để thực hiện biện pháp an toàn sinh học gồm những việc làm như thế nào?

Bước 1: Tẩy uế sát trùng sau mỗi lần xuất chuồng đối với vật nuôi và thay thế đàn vật nuôi sinh sản trước khi nuôi đàn mới.

Phải sử dụng chất tẩy trùng bằng nước vôi, vôi bột, Cresyl hoặc các hoá chất khác như Iodin, Cloramin... Phải kiểm soát và ngăn chặn chim muông, loại gặm nhấm (chuột) và các loài côn trùng... vì chúng là vật chủ trung gian gây bệnh cho gia súc bằng cách có lưới chắn hay cạm bẫy. Hằng ngày phải kiểm tra bằng mắt những rác

thải, nước tiểu, phân thải ra để có biện pháp thu gom hay chất độn chuồng. Ở những cơ sở chăn nuôi lớn có điều kiện, cần lấy mẫu và gửi đi những cơ sở chuyên môn để kiểm tra độ nhiễm khuẩn, có biện pháp xử lý nhằm ngăn chặn mầm bệnh. Sau khi tẩy uế, sát trùng cần để trống chuồng ít nhất 10 ngày mới tiếp tục đợt nuôi mới.

Bước 2: Nhập đàn vật nuôi mới.

Phải chọn những cơ sở đảm bảo không có dịch, đặc biệt là cúm H5N1. Việc mua bán phải có hợp đồng và có bảo đảm an toàn về chất lượng giống và dịch bệnh; phải có bảo hiểm. Vật nuôi mới mua về phải được tiêm phòng các loại bệnh phổ biến như Newcastle, Gumboro, đặc biệt là H5N1 đối với gia cầm. Nếu có thể trước khi nhập đàn gia súc mới từ cơ sở giống có danh tiếng làm xét nghiệm máu và làm phản ứng huyết thanh để kiểm tra độ miễn dịch.

Bước 3: Phải kiểm soát khách và công nhân ra vào trại chăn nuôi.

Hết sức hạn chế khách tham quan, chỉ cho vào trại chăn nuôi gia cầm khi thật cần thiết, nhưng phải mặc quần áo bảo hộ lao động kèm cả ủng và mũ trùm đầu và được tẩy, phun thuốc sát trùng trước khi vào chuồng nuôi. Chỉ cho vào chuồng nuôi nào mà khách có yêu cầu và khách tham quan không có mặt ở trại khác trong vòng 24 giờ trước đó.

Công nhân làm việc phải mặc quần áo, ủng bảo hộ. Khi ra khỏi trại không được mặc quần áo bảo hộ mà phải mặc quần áo thường.

Tuyệt đối cấm khách và người chăn nuôi không được mang dụng cụ, vật dụng và thiết bị cá nhân vào trại chăn nuôi.

Bước 4: Sử dụng thức ăn chăn nuôi và nước uống vô khuẩn.

Hệ thống nước sử dụng trong chăn nuôi phải định kỳ kiểm tra tháng/lần để biết độ nhiễm khuẩn như Salmonella gây ỉa chảy và các độc tố khác có hại cho gia súc và ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm, như chì (Pb), thạch tín (Asen)...

Thức ăn sử dụng trong chăn nuôi gia cầm phải biết giá trị dinh dưỡng, nhất là hàm lượng protein, vitamin và các khoáng chất (Ca, P), nguyên tố vi lượng (coban, mangan, selen, sắt (Fe)). Vì những hàm lượng này ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của gia súc, gia cầm. Không được dùng các chất hormon gây thiệt hại cho gia súc và người sử dụng sản phẩm gia súc (thịt, trứng).

Định kỳ kiểm tra nấm mốc trong silô chứa thức ăn, đặc biệt là nấm mốc aflatoxin, vì loài nấm mốc này gây ung thư cho gia cầm và nếu tồn dư trong thịt gia cầm sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Bước 5: Kiểm tra vệ sinh chuồng trại và mổ khám gia súc khi chết.

Chuồng trại sạch sẽ là yếu tố quan trọng đến

môi trường và sức khỏe vật nuôi. Hằng ngày kiểm tra gia súc chết, nếu tỷ lệ chết > 1% mỗi ngày thì đây phải coi là việc không bình thường. Gia cầm ăn kém, hằng ngày lượng thức ăn đột ngột giảm > 20% là phải có biện pháp về thú y; hãy xem xét thức ăn có vấn đề không bình thường. Một tuần trước khi xuống chuồng không cho ăn những loại thức ăn còn tồn dư và mùi không bình thường ở gia súc (như bột cá) và chất kháng sinh.

Bước 6: *Luôn luôn phải đảm bảo chất lượng sản phẩm là yếu tố bắt buộc đối với người chăn nuôi gia súc, gia cầm.*

Bảo đảm chất lượng sản phẩm là yêu cầu bắt buộc đối với người chăn nuôi gia súc, gia cầm thông qua thịt và trứng gia cầm. Muốn bảo đảm chất lượng cần kiểm tra các mẫu máu để biết các mầm bệnh đặc trưng của cúm gia cầm H5N1, Newcastle, Salmonella; cũng có thể kiểm tra qua dịch nhầy ổ nhóp ở khí quản để biết gia cầm có nhiễm H5N1 hay Salmonella hay không? Ngoài ra còn cần kiểm tra các mẫu ở trứng để biết chất tồn dư độc hại cho người sử dụng sản phẩm gia cầm như chất Chloramphenic, Clenbuterol, Sulbutamol.

Bước 7: *Luôn luôn ngăn mầm bệnh từ ngoại cảnh xâm nhập vào cơ thể gia súc, gia cầm.*

Ở những cơ sở chăn nuôi quy mô tập trung công nghiệp từ 1.000 con trở lên thường có chuồng nuôi bảo vệ và sử dụng các thiết bị cho ăn, uống

tự động và có khi có cả hệ thống điều khiển nhiệt độ và độ ẩm. Tuy nhiên, ở những cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ thì yêu cầu chuồng nuôi phải ở sau nhà ở, cho ăn và cho uống trong khu vực chăn nuôi và xung quanh có rào chắn để tránh gia cầm tiếp xúc với chim hoang dã và giảm tối thiểu tiếp xúc giữa người và gia súc. Phương thức chăn nuôi nhỏ và vừa đang là hình thức chăn nuôi chiếm tỷ lệ cao ở nước ta, do đó nếu không chú ý đến yếu tố này thì mầm bệnh rất dễ lây nhiễm cho gia súc, nhất là cúm H5N1.

Bước 8: *Thường xuyên trang bị kiến thức về phòng dịch cho người chăn nuôi thông qua các lớp tập huấn, hệ thống truyền thông.*

Trong 7 bước đã trình bày ở trên với mục đích thực hiện an toàn sinh học trong chăn nuôi, nhưng bước 8 là bước quan trọng nhất, vì nếu người chăn nuôi gia súc, gia cầm không nhận thức và hiểu biết về phòng bệnh hơn chữa bệnh cho gia súc, gia cầm thì coi như chúng ta không làm được gì về an toàn sinh học trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. Do đó để thực hiện được bước 8 này thì ở mỗi cơ sở chăn nuôi, mỗi thôn xóm, làng xã, quận, huyện, tỉnh, thành phố cần luôn luôn biết sử dụng hệ thống thông tin - truyền thông (báo, đài phát thanh, truyền hình, tờ rơi, áp phích...) để cộng đồng và người chăn nuôi hiểu biết và thực hiện các khâu trong an toàn sinh học. Cụ thể tất cả công nhân chăn nuôi, cán bộ

lãnh đạo, người buôn bán, vận chuyển, giết mổ, người sử dụng sản phẩm gia súc, gia cầm (thịt, trứng) phải được học tập về phòng dịch cho vật nuôi, nhất là cúm H5N1. Những người buôn bán và sản xuất thức ăn chăn nuôi là người phải hiểu rõ và thực hiện nghiêm túc nhất về phòng dịch cho gia súc, vì thức ăn chăn nuôi là nguồn cung cấp dinh dưỡng cho gia súc, đồng thời cũng là nguồn gây bệnh trực tiếp cho vật nuôi.

Trên đây là những bước thực hiện một chuỗi có hệ thống về an toàn sinh học trong chăn nuôi. Hy vọng sẽ giúp ích cho người chăn nuôi ở mọi quy mô nhỏ, vừa, tập trung, công nghiệp ngăn chặn được dịch bệnh, mang lại hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi ở nước ta.

LỜI KẾT

Bạn đọc thân mến!

Với số trang còn mỏng và lượng thông tin chưa nhiều trong lĩnh vực “Làm giàu từ chăn nuôi” được viết trong cuốn sách này đã đề cập đến khá nhiều khía cạnh. Những gì tôi muốn viết ở cuốn sách này đều với một chủ định rằng: Muốn làm giàu từ chăn nuôi phải bắt đầu từ cái chợ - nghĩa là phải hiểu thương trường và nhu cầu của “thượng đế”, rồi còn phải có tri thức, đặc biệt phải có khát vọng làm giàu. Làm giàu có vạn cách. Song cách gì để làm giàu đều phải có vốn, có kỹ năng và nghệ thuật làm giàu. Cha ông ta ngày xưa có câu: “*Nghèo thì lâu, giàu thì mấy chốc*”. Nhưng làm giàu chân chính bằng tấm lòng kiên nhẫn, đừng thối chí nản lòng thì mới làm giàu được. Bạn muốn làm giàu từ chăn nuôi, xin bạn đừng bao giờ mạo hiểm, vì cái nghiệp chăn nuôi biết bao nỗi gian truân và rủi ro bất chợt. Tuy vậy, bạn hãy nhớ rằng: “*Vỏ quýt dày có móng tay nhọn*” và bạn đừng quên một nhà hiền triết đã từng nói: “*Có việc để mà làm, có ai đó*

để mà yêu, có cái gì để mà mơ ước” - Đó là hạnh phúc. Vậy xoá đói, giảm nghèo, tiến lên giàu có theo cách gọi của chính lương tâm mình, phải chăng đó cũng là hạnh phúc, là khát vọng. Cuộc đời không bao giờ nghiệt ngã, phũ phàng mãi với tôi, với bạn, với những ai có khát vọng làm giàu. Điều này đã thể hiện ở chương “Những gương mặt làm giàu từ chăn nuôi” mà tôi đã viết. Đây là người thực, việc thực một trăm phần trăm. Điều rút ra từ những gương mặt này là họ có khát vọng và có nghệ thuật để làm giàu từ chăn nuôi, từ Nông - Lâm - Ngư - Mục, từ những mảnh vườn mà ở đây bằng khối óc và bàn tay học đã làm được cuộc đời ấm no và hạnh phúc cũng như nhân vật Ôsin đã phải nếm bao đắng cay, nghiệt ngã để xây dựng cuộc đời. Tiện đây tôi kể một câu chuyện cậu bé Hari vào những năm đầu của thế kỷ XX đã tìm ra một nghệ thuật làm giàu bằng cách tự móc tiền từ túi của mình đưa vào túi của cậu ta. Câu chuyện đơn giản thế này: Trong một rạp xiếc, cậu giữ chân bán nước giải khát. Khi khách tới xem, cậu biểu không những khán giả những gói lạc rang tẩm muối đường, để khán giả vừa thưởng thức những pha đẹp mắt của những tài tử xiếc, vừa nhấm nháp hạt lạc cho đỡ buồn. Khi các hạt lạc đã hết thì cũng vừa lúc cổ họng họ khô lại vì khát nước. Khi này Hari nhẹ nhàng đẩy xe nước giải khát ra bán và những tiếng gọi Hari từ khắp phía trong rạp xiếc. Chẳng bao lâu,

nước giải khát của Hari bán hết nhẵn. Cậu bé mệt nhoài người vì phục vụ khách, nhưng tiền đã đầy túi cậu lúc nào không rõ. Với cách này, chú bé Hari chẳng bao lâu đã trở nên giàu có.

Câu chuyện kể trên để các bạn muốn “Làm giàu từ chăn nuôi” hãy suy nghĩ đến nghệ thuật, cái bí quyết của riêng mình.

Cuối cùng, tôi xin nói với các bạn một điều rằng: Những gì tôi viết ở cuốn sách này cũng chỉ là gợi mở để các bạn ngẫm suy, bởi lẽ cuộc đời “*có đại mới nên khôn*” và chẳng có cái thành công nào mà không trả giá. Tác giả cuốn sách “Bí quyết làm giàu từ chăn nuôi” có đôi điều tâm sự với bà con nông dân. Mong các bạn hãy thành công với “Bí quyết làm giàu từ chăn nuôi”

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời Tác giả</i>	7
<i>Chương I</i>	
MỞ ĐẦU	11
<i>Chương II</i>	
CHỌN VẬT NUÔI - NUÔI ĐỂ LÀM GIÀU	16
Chọn lợn nái và lợn nuôi thịt để có nhiều nạc	16
Chọn giống bò sữa tốt để cho nhiều sữa	20
Chọn giống dê - “con bò của người nghèo”	23
Gà ri - thịt chắc, ngọt và thơm	26
Gà thả vườn hương thịt giống sasso	29
Gà tam hoàng dòng 882 và Jiangcun - giống gà thả vườn ưu việt nhất hiện nay	31
Vịt siêu thịt, siêu trứng - siêu thu nhập	34
Đà điểu - vật nuôi của thế kỷ XXI hái ra tiền	38
Gà ác (Black chicken) - một loại được kê chi ít thu nhiều	47
Ngan pháp - vật nuôi một vốn bốn lời	48
Nuôi chim câu cũng dễ làm giàu	51
Kỹ thuật nuôi lợn rừng giàu lên nhanh chóng	55
Nuôi nhím - nghề mới thu nhiều lợi nhuận	68
<i>Chương III</i>	
NHỮNG BÍ QUYẾT ĐỂ LÀM GIÀU TỪ CHĂN NUÔI	75

Chương IV
NHỮNG GƯƠNG MẶT LÀM GIÀU TỪ
CHĂN NUÔI 119

Ngô Thành Vinh từ đất gò đồi nhờ chăn nuôi bò sữa trở nên giàu có	120
Làm thầy giáo vẫn chăn nuôi giỏi	127
Người chăn nuôi giỏi ở Điện Biên	129
Trại gà của chị Tâm	130
Triệu phú trẻ nuôi tôm	132
Làm giàu từ nghề nuôi cá	134
Phương Trạch không còn hộ đói nhờ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi	136
Không chỉ làm giàu cho riêng mình	140
Mô hình nuôi cá rô phi giống mới	141
Chị Lê Thị Hồng nuôi gà công nghiệp đạt hiệu quả cao	145
Đàn vịt cao sản ở Khuyến Lương giúp nhiều gia đình giàu có	146
Sóc Sơn ngày càng có nhiều hộ giàu từ gà công nghiệp và lợn nạc	148
Biôga - nhất cử lưỡng tiện phát triển chăn nuôi bảo vệ môi trường	151
Nuôi ba ba như thế nào để làm giàu	155
Nhờ bò sữa, cây cảnh nhà ông Điệp giàu lên	158
Làm giàu từ nuôi trai ngọc	160
Thu 15 triệu đồng/năm từ nuôi gà công nghiệp	164
Nghề chăn nuôi ở Sóc Sơn thúc đẩy nhanh xây dựng nông thôn mới	165
Trần Tuấn Chắc, 30 tuổi đời thu trên 20 triệu đồng/năm từ nuôi gà công nghiệp	168
Chị Trần Thị Minh, một gia đình tích cực nuôi lợn để làm giàu	169
1001 cách làm kinh tế của nông dân Đông Anh	170
Anh Chính nuôi bò sữa giỏi	172

Chị Đón chăn nuôi giỏi	175
Con lợn... Là đầu cơ nghiệp	176
Sóc Sơn phát triển VAC để làm giàu	179
Nuôi ngan mà giàu	182
Kết hợp đúng cách trồng lúa và nuôi vịt cũng nhanh giàu	183
Gà công nghiệp nguồn thu không nhỏ	186
Chăn nuôi, nuôi thủy sản quy mô lớn trong các hộ phát triển nhanh để làm giàu	189
Giàu lên nhờ nuôi heo	192
Giàu lên từ đất đồi gò	194
Một gia đình đảng viên không chịu nghèo	196
Làm kinh tế tốt để nuôi con thành đạt	197
Nuôi gấu lấy mật để làm giàu	199
Chăn nuôi kết hợp vịt, cá, đạt hiệu quả kinh tế cao	202
Liên Sơn một mẫu hình kinh tế trang trại	205
17 tuổi trở thành triệu phú	208
Anh Thuận và 2 khu đầm	210
Giàu có nhờ trồng quế kết hợp với chăn nuôi	211
Anh Việt nuôi lợn mà giàu	213
Từ một chỉ vàng nhờ nuôi vịt trở thành tỷ phú	215
“Vua vịt” cụ Trần Công Bình	217
Nhờ ấp trứng trở thành tỷ phú	219
Những triệu phú nhím và bí quyết làm giàu từ nuôi nhím	222
Nuôi lợn rừng giàu lên nhanh chóng	231
<i>Chương V</i>	
AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI BỀN VỮNG	240
Lời kết	246

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. LÊ QUANG KHÔI

Biên tập nội dung: NGUYỄN VŨ THANH HẢO
NGUYỄN TUYẾT NGÀ
TRẦN HOÀI ANH
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: LÊ MINH ĐỨC
Sửa bản in: PHẠM THU TRANG
Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

TS. Ngô Huy Tiếp (*Chủ biên*)

**- ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG
GIAI CẤP NÔNG DÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

GS. TS. Hoàng Chí Bảo

**- DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ NÔNG THÔN
TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI**

Lưu Đức Khải

**- TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC THAM GIA THỊ TRƯỜNG
CỦA HỘ NÔNG DÂN THÔNG QUA CHUỖI GIÁ TRỊ
HÀNG NÔNG SẢN**



8935211114098